

Charlie Bone và nhà vua ẩn mình

CHARLIE BONE AND THE HIDDEN KING

JENNY NIMMO

HƯƠNG LAN dịch



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Charlie Bone Và Nhà Vua Ẩn Mình

Series Charlie Bone Tập 5

Jenny Nimmo

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[NHỮNG HẬU DUỆ CỦA VUA ĐỎ](#)
[PHẦN MỞ ĐẦU](#)
[MỘT GIỜ CHẾT CHÓC](#)
[MUÔNG THỦ BIÊN MẤT](#)
[CÔ BÉ ÁO CHOÀNG MÀU NẮNG](#)
[PHÙ THỦY CÓ HAI CÁI BÓNG](#)
[VÀO TRONG VÙNG ĐẤT HOANG](#)
[NHÀ THĂM HIỂM](#)
[BỊ KẾT TRONG TUYẾT](#)
[NGOẠI MAISIE BỊ ĐÔNG CỨNG](#)
[CÔ AMY TRÚNG BÙA MẈ](#)
[MỘT TRĂM VỊ HIỆU TRƯỞNG](#)
[SỰ THẬT CHOÁNG VẮNG](#)
[NHẬT KÝ ÔNG BARTHOLOMEW](#)
[TÂM HÌNH BỊ THAY ĐỔI](#)
[CÁI BÓNG TÀN CÔNG](#)
[OLIVIA ĐỂ LỘ MÌNH](#)
[GƯƠNG THẦN CỦA AMORET](#)
[TÊN THẦY BUA VÀ NHỮNG ĐỨA TRẺ ĐƯỢC BAN PHÉP THUẬT](#)
[MỘT CON CÚ LÂM NGUY](#)
[NƯỚC MẮT NHÀ VUA](#)
[NHỮNG CON BẢO MÈO!](#)

[\[1\]](#)

[\[2\]](#)

[\[3\]](#)

[Unnamed](#)

*Dành tặng Miriam Hodgson,
một người bạn và người biên tập
truyền cảm hứng*

NHỮNG HẬU DUỆ CỦA VUA ĐỎ

Được gọi là những đứa trẻ được ban phép thuật

Manfred Bloor: Con trai ông hiệu trưởng Học Viện Bloor. Manfred là hậu duệ của Borlath, con trai cả của Vua Đỏ. Borlath là một tên bạo chúa độc tài.

Naren Bloor: Con gái nuôi của Bartholomew Bloor. Naren có thể phát đi những thông điệp từ khoảng cách xa. Cô bé thuộc dòng dõi của một người cháu trai của Vua Đỏ bị bọn cướp biển bắt cóc và mang tới Trung Hoa.

Asa Pike: Asa người thú là chủ của một bộ lạc sống ở những khu rừng phía Bắc có truyền thống nuôi dưỡng thú hoang dã kỳ dị. Asa có thể biến hình vào lúc trời tối.

Billy Raven: Billy có khả năng trao đổi thông tin với thú vật. Một trong những tổ tiên của nó có tài nói chuyện với lũ quạ hay đậu trên giá treo cổ, nơi treo thầy tử tội. Vì tài này mà ông bị đuổi khỏi làng của mình.

Lysander Sage: Chủ đích tôn của một nhà thông thái người Phi Châu. Cậu có phép gọi hồn tổ tiên tâm linh của mình.

Tancred Torsson: Người gọi bão. Tổ tiên gốc Scandinavi của cậu là Thor, dựa theo tên của thần sấm. Tancred biết tạo nên gió, mưa, sấm và chớp.

Gabriel Silk: Gabriel có thể cảm nhận được ý nghĩ và cảm xúc của người khác qua áo quần của họ. Cậu xuất thân từ một dòng họ những nhà tâm linh học.

Emma Tolly: Emma có thể bay. Họ của cô có xuất xứ từ một hiệp sĩ người Tây Ban Nha. Vua Đỏ đã cưới con gái ngài, vì vậy hiệp sĩ này cũng là tổ tiên của tất cả những người được ban phép thuật.

Charlie Bone: Charlie có phép đi vô hình chụp và hình vẽ. Từ dòng họ bên cha, cậu là hậu duệ của Vua Đỏ, còn về bên dòng họ mẹ, cậu thuộc dòng dõi của Mathonwy, thầy pháp xứ Glan, bạn tâm giao của Vua Đỏ.

Dorcas Loom: Dorcas có thể ếm bùa vào quần áo. Bà tăng tổ của nó, Lola Defarge, chính là kẻ đã đan chiếc khăn choàng teo rút trong khi thích thú chứng kiến cuộc hành hình Hoàng hậu nước Pháp năm 1793.

Idith và Inez Branko: Hai chị em sinh đôi siêu năng, có họ hàng xa với Zelda Dobinski (cô này đã rời học viện Bloor).

Joshua Tilpin: Joshua có thể phát ra từ tính. Tổ tiên của nó đến nay vẫn còn là một ẩn số. Thậm chí gia đình Bloor cũng không biết chắc nó sống ở đâu. Nó vốn tự mình đến cửa học viện và tự giới thiệu danh tánh. Học phí của nó được chi trả thông qua một ngân hàng tự.

Una Onimous: Cháu gái của ông Onimous. Una mới 5 tuổi và tài phép của cô bé được giữ bí mật cho đến chừng nào tự bùng phát.

Olivia Vertigo: Hậu duệ của Guanhamara, một người con đã chạy trốn khỏi lâu đài của Vua đỏ, sau đó cưới hoàng tử nước Ý. Olivia là người tạo ảo ảnh. Gia đình Bloor không biết về tài phép của Olivia.

PHẦN MỞ ĐẦU

Vua Đỏ cùng người bạn dạo bước trong rừng. Lúc ấy đang độ thu vàng, lá rụng quanh họ như những đồng tiền xu rục rĩ. Nhà vua cao lớn, mái tóc đen không một sợi bạc và làn da sạm màu không một nếp nhăn, thế nhưng, vẻ âu sầu trong mắt ngài thì đã như có từ hàng thế kỷ.

Mathonwy thầy pháp dáng người mảnh khảnh. Tóc và râu quai nón trắng bạc, lưng còng do nhiều năm sống trong rừng. Ông mặc áo chùng màu xanh của nửa đêm, điểm những vì sao nhạt nhoà.

Cách mười bước đằng sau hai người có ba con báo mèo; giờ chúng đã già, không còn nhanh nhẹn như trước, nhưng ánh mắt chăm chăm của chúng vẫn không bao giờ chệch khỏi bóng hình nhà vua. Ngài vừa là chủ nhân vừa là bạn của chúng, và nếu ngài phải đi qua lửa, chúng cũng sẵn sàng bước theo ngài.

Mathonwy bối rối. Biết rõ đây chẳng phải là một cuộc dạo chơi thân tình như mọi khi vẫn hay đi với nhà vua. Hôm nay nhịp chân họ có một mục đích sâu xa. Mỗi bước đi mỗi đưa họ rời xa thế giới loài người và đến gần hơn với trái tim của rừng.

Cuối cùng họ tới một trảng trống, nơi mà ngay cả lá chết cũng im lìm. Cỏ ửng sắc mật ong và những cây táo gai chở nặng những chùm quả mọng màu đỏ tươi. Mathonwy ngồi nghỉ trên một thân cây đổ, nhưng nhà vua vẫn đứng, ngược lên nhìn qua đám cành cây trơ trụi. Bầu trời đã chuyển sang màu đỏ như lửa, nhưng ngay giữa một dải xanh đậm nhất, ngôi sao đầu tiên đã bắt đầu hiện ra.

“Chúng ta đốt lửa lên đi nhỉ,” nhà vua đề nghị.

Mathonwy rất thích những đồng lửa đốt ngoài trời. Vừa thu gom mồi lửa, ông vừa cất giọng hát bằng tiếng xứ Gan; bài hát vui nhộn giúp ông che giấu nỗi kinh hoàng trong tim. Lấy nhánh cây chết khô làm bùi nhùi, chẳng mấy chốc họ đã có một ngọn lửa nhỏ reo tí tách. Một cột khói mỏng bốc qua rừng cây và nhà vua kêu lên đó là mùi ngọt ngào nhất trên đời.

Giờ thì... Mathonwy nghĩ. Giờ thì, ngài sắp sửa yêu cầu mình đây.

Nhưng mà chưa đâu.

“Trước tiên là lũ mèo,” nhà vua nói. “Chúng không thể sống sót lâu thêm nữa đâu trên mảnh đất rất những mùa đông giá lạnh và những phường săn tàn bạo. Hãy lại đây, những sinh vật tuyệt vời của ta.”

Lũ báo mèo bước đến bên nhà vua. Chúng rù rừ dụi đầu vào bàn tay ngài.

“Đã đến lúc cho các người khoác bộ lông mới rồi,” nhà vua bảo chúng. “Hãy tìm một chủ nhân tốt đi, bởi vì bây giờ chủ nhân này cần phải rời xa các người.”

Vậy là đã rõ. Mathonwy rùng mình. Nhà vua sẽ đi mãi mãi. Khu rừng sẽ trống vắng biết bao khi không còn người bạn vẫn rót đầy tâm trí ông những điều kỳ diệu, chia sẻ ý nghĩ với ông, giải đáp những thắc mắc của ông, cùng ông chuyện trò từ lúc mặt trời lên đến lúc trăng tà.

Nhà vua rải những bước dài, đều đặn vòng quanh đồng lửa, với lũ báo mèo theo sát gót ngài, vòng quanh, vòng quanh, vòng quanh.

“Hãy trông nom các con của ta,” nhà vua ra lệnh cho chúng. “Hãy truy tìm hậu duệ của những đứa con lưu lạc của ta: các con trai con gái của Amadis dũng cảm và Petrello lành lợi, những đứa con của Guanhamara dịu dàng và Tolemeo thông thái, cùng cháu chắt đứa con út của ta, Amoret. Hãy giúp đỡ chúng, những chú mèo trung thành, hãy bảo vệ cho chúng được an toàn.”

Khi nhà vua bước xa rồi, những con mèo lớn vẫn tiếp tục quay tròn lấy đồng lửa. Chúng chạy, chúng nhảy, chúng lao vun vút.

Nhà vua vươn thẳng hai cánh tay lên, miệng ngâm nga. “Hỡi lửa sáng, Mặt trời rực và Sao vàng! Hãy canh giữ các con ta bằng tất cả trái tim hoang dã của các người. Hãy sống an toàn trong thế giới loài người, nhưng vẫn luôn vĩnh viễn là chính các người.”

Mathonwy trước đây đã chứng kiến biết bao câu niệm chú kiểu thế này rồi, nhưng đêm nay phép thuật của nhà vua toát lên một vẻ đẹp đặc biệt. Những con báo mèo bay vùn vút, thoát biến thành một vòng lửa. Bắn những tia lửa lên cây, và những quầng sáng chói loà trông như kết tràng hoa cho cành lá, và tấm đầm trắng trắng trong bảy sắc cầu vồng biến ảo không ngừng. Khi nhà vua buông hai tay xuống thì vòng lửa cũng phai nhanh – lũ báo mèo đã ra đi.

Mathonwy bật dậy, “Chúng đâu rồi?”

Nhà vua chỉ một cái cây sau lưng thầy pháp. Trên một cành thấp có ba con mèo đang ngồi. Một con màu đồng, một con màu cam lửa, và con cuối cùng giống như một ngôi sao vàng nhạt.

“Trông kìa! Dương Cưu, Sư Tử và Nhân Mã. Lông chúng đã thay đổi, nhưng ta vẫn biết rõ con nào là con nào.” Nhà vua phá lên cười hề hà, hài lòng với câu thần chú của mình. “Còn bây giờ đến lượt ta.”

Mathonwy thở dài. Từ trong những nếp gấp áo chùng của mình, ông rút ra một cây dừa mảnh mai bằng gỗ tần bì – cây dừa phép của ông. “Ngài muốn thần làm gì nào?”

Nhà vua nhìn ông. “Khu rừng đã trở thành nhà của ta. Mang nốt một cái cây hẳn sẽ thích hợp với ta.”

“Ngài đâu cần sự trợ giúp của thần để làm điều đó,” thầy pháp nói. “Phép biến hình với ngài cũng tự nhiên như chuyện bay với chim chóc vậy.”

Nhà vua nhìn người bạn duy nhất của mình. “Biến hình không phải là thứ ta cần, Mathonwy à. Ta khao khát một sự biến đổi vĩnh hằng. Định mệnh đã an bài cho ta phải bắt diệt, thì ta muốn trút bỏ hình hài con người của mình, để mang một diện mạo hiền hòa hơn.”

“Ngài muốn sống đời đời là một cái cây sao?” Mathonwy hỏi. “Một cái cây không nói, không chuyển động? Ngộ nhớ người ta tới và đồn cả khu rừng thì sao?”

Nhà vua nghiền ngẫm điều này. “Có lẽ ta sẽ học cách dịch chuyển,” ngài nói với nụ cười ranh mãnh. “Đừng đau buồn, bạn của ta ơi. Đêm qua ta đã trông thấy một cậu bé lặn trong mây và ta biết nó là một trong những đứa con của ta. Một đứa con trong tương lai. Và hãy lắng nghe ta nói này, Mathonwy: Ta biết nó cũng bắt nguồn từ dòng dõi của ông nữa. Biết được như thế mang lại cho ta khoảnh khắc hạnh phúc vô ngần. Nào, bây giờ ta cảm thấy Vua Đỏ có thể rời bỏ thế giới này rồi.”

“Rời bỏ thế giới và rời bỏ cả thần,” Mathonwy nói mà không tỏ ra chua chát, bởi vì ông mừng khi biết một ngày kia huyết thống của mình sẽ nhập vào với huyết thống của nhà vua.

“Đừng ghen tị với ta cái ân huệ này nhé,” nhà vua nài nỉ. “Nếu ta làm một mình, e rằng ta sẽ bị cám dỗ mà trở về mất. Chỉ có ông mới có thể bảo đảm trạng thái vĩnh cửu cho sự biến đổi của ta. Ta yếu đuối lắm, bạn của ta. Ta thông thể gánh nỗi nỗi sầu đau của mình lâu thêm được nữa.”

Mathonwy khẽ thở dài. “Thần sẽ làm như ngài bảo. Nhưng xin hãy tha lỗi cho thần nếu như thần không tạo tác cái cây theo đúng như cách ngài tưởng tượng.”

Nhà vua mỉm cười, nhưng rồi, dẫu ngài đã vận tất cả sức mạnh hầu chống chọi nỗi u buồn, vậy mà, nó lại bắt đầu chế ngự ngài, che mờ mắt ngài bằng những giọt nước mắt.

Trong lòng tràn ngập sự cảm thông với nhà vua, thầy pháp bèn nhanh chóng bắt tay vào thực hiện bốn phận của mình. Ông chạm đầu cây đũa phép bằng gỗ tần bì vào vai bạn, sau đó với tay định gỡ chiếc vương miện xuống. Nhưng khối vòng vàng thanh mảnh ấy cứ bám chặt lấy những lọn tóc đen của nhà vua, đến nỗi Mathonwy phải để nó nằm lại đúng nơi nó phải nằm.

Nhà vua mặc chiếc áo thụng dệt từ sợi gai dầu thô mà ngài vẫn mặc kể từ khi vào sống trong rừng. Khi ngài nâng đôi bàn tay lên, hai ống tay áo cứng ráp rớt ngược trở xuống và bên dưới cánh tay ngài, những chồi non mơn mơn xanh ngất từ thân thể ngài đâm ra. Mathonwy gõ đầu gậy phép vào những chồi non ấy, thế là chúng bắt đầu dày lên. Đầu nhà vua vươn cao, thân hình ngài căng giãn ra, cao lên, cao lên nữa, rộng ra, rộng ra nữa. Lá bắt đầu bao phủ lấy cảnh tựa như những cái gương tí hon phản chiếu sắc thái của khu rừng mùa thu và ngọn lửa đỏ vàng.

Lũ mèo giương nhưng cặp mắt sáng rực lên chiêm ngưỡng sự biến đổi của chủ nhân. Chúng nhìn thầy pháp nhảy quanh nhà vua, cây đuă phép bắn ra từng chùm lửa, áo chùng đen bay phấp phới, tóc bay bông bênh như núi bông kế. Ô kìa, những con mèo bắt đầu ngao thét, bởi vì chủ nhân của chúng đang biến mất – chỉ còn mỗi đỉnh đầu ngài còn lưu lại trên tít ngọn cây bùng cháy ánh hào quang. Và, những đường nét thân thương của ngài từ từ mờ đi, nước mắt tuôn ra từ đôi mắt đen của ngài chảy xuống thành một dòng đỏ tươi.

“Ôi, các con của ta!” Nhà vua thở dài. Và rồi ngài đi mất.

Nhưng dòng nước mắt vẫn chảy, hằn sâu thành những đường rãnh xẻ trên thân cây, đỏ như máu.

Mathonwy thất kinh nhìn trân trối vào những dòng nước mắt ấy. Ông cố vận đuă phép chặn chúng lại, nhưng chúng vẫn cứ tuôn rơi. Vậy là, triệu hồi hết thủy trí khôn, thơ ca và phép thuật có trong hồn, Mathonwy tung ra lời nguyện:

“Một ngày nào đó, bạn của tôi ơi, các con ngài sẽ đến tìm ngài, và ôi, ngày ấy sẽ huy hoàng xiết bao!”

MỘT GIỜ CHẾT CHÓC

Tuyết giăng kín không trung – tuyết rơi dày và nhanh, đổ đồng xuống thành phố đang ngủ say, như thể cố sức che chở cho thành phố được an lành. Một tấm chăn bông xuống để bao phủ lấy thể lực độc ác mà kẻ nào đó đang nhất quyết thả lỏng ra.

Đó là tuần thứ hai của tháng Giêng, một thời điểm mà tuyết rơi chẳng phải là chuyện lạ lùng, thế nhưng thứ tuyết này không phải là tuyết bình thường. Trên ngọn đồi nhìn xuống thành phố có một chú bé đứng giang rộng hai cánh tay, như chuẩn bị bay. Khi gió quất lên thân thể chú, những đụn mây tuyết liền réo cuộn cuộn vào trong hai ống tay áo rộng, luồn bên dưới chiếc áo chùng xanh lá cây của chú. Tancred Torsson có thể triệu hồi mưa, gió, sấm, chớp nhưng đây là lần đầu tiên chú thả ra tuyết. Và tại sao chú lại phải đứng đây, ngay giữa đêm khuya thanh vắng, để triệu hồi tuyết? Bởi vì có ba con mèo đã leo lên tận bậu cửa sổ nhà chú kêu ngao ngao đánh thức chú dậy. Choàng vội chiếc áo chùng ra ngoài bộ đồ ngủ, Tancred bươn bả lao ra ngoài màn đêm.

Những con mèo đón chú ở cửa trước, và trong khi ba mẹ chú vẫn ngủ (cha chú ngáy như sấm rền vang khắp ngôi nhà), chú đi theo ba sinh vật phát sáng rực rỡ băng qua một con hẻm tối hù với một sườn đồi lộng gió, ở đây chú có thể trông rõ ánh đèn thành phố nhấp nháy bên dưới. Tới nơi rồi, lũ mèo nhìn trừng trừng, trừng trừng vào Tancred đến chùng làm cho chú hiểu được ước muốn của chúng mới thôi.

Tancred không có tài hiểu thú vật, nhưng là một hậu duệ của Vua Đỏ, đôi khi chú vẫn nắm bắt được ý nghĩa của những tiếng ngao ngao khẩn cấp kia. “Tuyết hả?” Chú hỏi. “Đó là thứ bọn mi muốn hả?”

Một tràng grừ lớn từ phía đám mèo, tiếng kêu của chúng hòa trộn vào nhau đầy nhạc điệu.

“Chưa từng làm bao giờ.” Tancred gỡ gỡ mớ tóc vàng cứng đơ của mình. “Nhưng mà... chà... tôi sẽ thử.”

Bầy mèo rừ rừ tỏ ý mãn nguyện.

Trong khi Tancred bắt đầu thực hiện công việc được giao, những con mèo bắt đầu phóng như bay xuống sườn đồi, vào thành phố. Con mèo đầu tiên lông màu đồng như hoàng hôn, con thứ hai màu cam lửa, con thứ ba tựa một vì sao màu vàng. Chúng lao nhẹ ru qua các ngõ hẻm, luồn vô những khu vườn, phóng qua các bờ tường đá và hàng rào, hầu như không để lại dấu chân nào trên những mảng tuyết rơi đầu tiên. Những toà nhà ngھu ngھen trong thành phố bắt đầu mất hút vào trong tấm vải liệm của sự thỉnh lặng màu trắng.

Đây là một giờ không giống bất kỳ giờ nào. Một thời điểm mà sự sống im lìm tựa cái chết. Một giờ chết chóc.

Lũ mèo băng xuống đường Filbert. Chúng lao gần tới đích đến của mình thì một chiếc xe hơi xuất hiện trên đường, chậm rãi di chuyển về phía chúng. Chiếc xe dừng lại bên ngoài nhà số 12 và ba bóng người nhô ra. Một người đàn ông, một phụ nữ và một cậu bé. Lũ mèo xua tay về tuyết rơi đột ngột, họ lôi túi xách, hòm xiểng từ trong xe ra để lên vỉa hè.

“Chúng ta vừa kịp lúc. Chỉ 10 phút nữa thôi là coi chừng đường ngập tuyết xe đi không được,” người phụ nữ vừa nói vừa leo lên những bậc cấp tới cửa trước nhà mình.

“Đón tiếp mới hay làm sao,” người đàn ông căn nhắc. “Hay là chúng ta trở lại Hồng Kông đi.” Ông cười gằn một tiếng rồi đóng sầm cửa xe hơi lại.

Thằng bé khệ nệ khiêng hai cái thùng lên bậc cấp, bỗng nhiên nó quay phắt lại, như cảm thấy có cái gì đó đang nhìn mình. Nó ngó qua bên kia đường và trông thấy ba con mèo. “Thì ra là những con mèo lửa,” nó thốt lên, “bên ngoài nhà Charlie. Chẳng hiểu chúng muốn gì?”

“Đừng đứng ì ngoài đó, Benjamin,” mẹ nó gọi. “Vào nhà mau.”

Benjamin mặc kệ. “Ây, chào, những con mèo lửa!” Cậu gọi khẽ. “Là tớ đây này, Benjamin. Tớ đã trở về.”

Từ hòng lũ mèo phát ra những tiếng khàn khàn. Tiếng gừ gừ chào đón dường như có pha chút phàn nàn, rằng “Sao mà mãi mới về.”

“Hẹn gặp lại nhé,” Benjamin nói khi mẹ nó kéo giật nó cùng đóng hòm xiểng qua cửa.

Lũ mèo dòm cánh cửa đóng lại. Khi đèn bật sáng bên trong nhà số 12, chúng hướng sự chú ý tới ngôi nhà sau lưng chúng. Một cây dẻ trụi lá đứng ngay trước nhà, và chúng lẹ làng leo lên cái cành rộng treo đu đưa bên ngoài một ô cửa sổ tối om. Ngồi nối đuôi nhau thành hàng, lũ mèo bắt đầu hát.

Ở phía bên kia cửa sổ, Charlie Bone chập chờn trong giấc ngủ. Hình như có ai gọi mình? Hay là mơ? Nó mở mắt ra. Một âm thanh nó nhận ra đang bay qua kẽ cửa sổ. “Những con mèo lửa?” Nó lẩm bẩm. Giờ thì đã tỉnh hẳn. Vọt dậy khỏi giường, nó cuốn một cánh màn gió lại và mở cửa sổ ra.

Cảnh tượng ba sinh vật phát sáng, phủ kín trong tuyết, khiến Charlie nín thở. Sau khi đã tự thuyết phục rằng đây không phải là mơ, nó hỏi, “Dương Cửu, Sư Tử và Nhân Mã, phải các bạn không đó?”

Ba con chẳng buồn trả lời. Bằng ba tiếng thịch, thịch, thịch thật nhẹ, chúng đáp xuống tấm thảm, kéo một đám mây tuyết bay theo vào.

Charlie đóng cửa sổ lại. “Các bạn xuống lâu thì hơn,” nó thì thào. “Đêm nay mà chén sữa ấm thì tuyệt. Hay một lát gà tây nhỉ?” Charlie liếc nhìn chiếc giường nằm bên kia căn phòng, nơi một thằng bé đang ngủ, tóc cũng trắng hệt chiếc gối nó đang nằm.

Lũ mèo bước theo Charlie rón rén xuống cầu thang. Vào nhà bếp, nó hâm nóng một xoong sữa rồi rót ra ba cái đĩa con. Tiếng rừ rừ sung sướng rền khắp căn phòng khi lũ mèo liếm sữa. Ngay khi sữa chén vừa xong, Charlie thả tiếp vài lát gà tây vào mấy cái đĩa.

Những bông tuyết xoay xoay bay qua cửa sổ không kéo rèm, lấp la lấp lánh trong ánh sáng của ngọn đèn nhà bếp.

“Tuyết gì mà lạ quá,” Charlie nhận xét. “Tôi có phải lắp ráp các việc lại để đoán xem tại sao các bạn tới đây không?” Nó nhìn ba con mèo đang tự liếm mình cật lực. “Tuần rồi tôi mười hai tuổi, thế lúc đó các bạn ở đâu? Các bạn không thích tiệc tùng hả? Tôi đoán thế.”

Sư Tử, con mèo màu cam, ngừng liếm láp để đáp lại cái nhìn chăm chú của Charlie. Đâu phải mèo nào cũng có thể nhìn thẳng vào mắt người ta như thế đâu. Cái nhìn của Sư Tử cháy lên sự tình tường, nét hoang dã, và cả những ký ức về một cuộc sống mà hầu hết những sinh vật trước-sau-đều-phải-chết chỉ dám mơ tới mà thôi. Sư Tử đã chín trăm tuổi, bằng tuổi với các anh em mình.

Giờ đến lượt Dương Cưu và Nhân Mã góp thêm tia nhìn với Sư Tử. Charlie cảm giác chúng muốn nói với mình điều gì đó. Để hiểu được điều mà lũ mèo đang muốn thông báo, nó vẫn thường phải đánh thức thằng bé trên lầu.

Ba cặp mắt vàng dôi theo Charlie ra khỏi phòng. Charlie cảm giác những cái nhìn ấy gắn vào lưng mình khi nó leo lên cầu thang.

“Billy! Billy, dậy ngay!” Charlie nhẹ nhàng lay vai thằng bé tóc trắng.

“Gì? Cái gì vậy?” Billy mở choàng đôi mắt tròn xoe màu đá rubi.

“Suýt! Ba con mèo lửa đang ở đây. Anh muốn em ra nói chuyện với chúng.”

Billy ngáp. “Ờ. Được.” Nó lồm cồm ra khỏi giường, vẫn còn chưa tỉnh hẳn.

“Em phải thật im lặng kéo nội Bone nghe thấy tụi mình,” Charlie cảnh báo.

Billy gật đầu trong khi mò mẫm tìm mắt kiếng.

Billy tám tuổi và thấp hơn Charlie hẳn một cái đầu. Nó có thể giao tiếp được với thú vật, nhưng chỉ khi nào bọn thú cho phép nó làm thế. Lúc nào Billy cũng hơi e sợ những con mèo lửa. Nó mà nói dối là chúng biết ngay.

“Lẹ lên,” Charlie ào ào giục giã.

“Em phải tìm mắt kiếng của em đã,” Billy lầu bầu, “không em té thì sao. À. Đây rồi.” Nó đẩy cặp mắt kiếng lên mũi đoạn lúp cụp theo sau Charlie.

Lũ mèo nhìn hai thằng bé đi vào nhà bếp. Ba cặp tai vểnh dựng về phía Billy khi thằng này ngồi xếp bằng xuống trước bếp lò, thu lu và cảnh giác. Charlie đóng cửa lại rồi nằm bò xuống bên cạnh thằng nhỏ.

“Nào, nói đi,” Charlie hỏi.

Một âm thanh phát ra khỏi cổ họng Billy: một tiếng meo nhẹ, du dương. *Các vị có tin gì cho tụi này à?*

Dương Cưu đáp bằng một tiếng ngao ngân dài, mỗi lúc mỗi mạnh hơn lên. Hai con kia cũng hòa theo, làm Charlie tự hỏi liệu Billy có hấp thụ nổi dàn đồng ca thông tin vừa meo vừa rít qua ba giọng mèo khác nhau này hay không.

Billy không nói tiếng nào. Ngồi bắt chéo giò, tì cằm trên hai bàn tay chắp lại, nó lắng nghe chăm chú. Charlie ái ngại nhìn cánh cửa bếp. Nó không dám hối thúc bọn mèo nhưng lại lo nội Bone có thể nghe thấy tiếng ngao của chúng.

Billy cau mày khi lũ mèo tiếp tục với giọng bức bối nhịp nhàng. Đến cuối cùng, lúc bài diễn văn kết thúc, mắt Billy mở to vẻ báo nguy. Nó quay qua Charlie, bảo “Đó là một lời cảnh báo.”

“Cảnh báo?” Charlie hỏi dồn. “Cảnh báo cái gì?”

“Dương Cưu bảo hình như có cái gì đó sẽ thức giấc nếu chúng không thể ngăn... ngăn... ừm... người ta tìm ra một thứ. Còn Nhân Mã nói nếu điều đó xảy ra thì anh phải coi chừng, Charlie.”

“Coi chừng! Nhưng anh phải coi chừng cái gì mới được chứ?”

Billy ngần ngừ. “Một phụ nữ... em nghĩ. Mẹ của...” Từ tiếp theo nghẹn lại trong cổ họng thằng bé.

“Mẹ của ai?” Charlie chất vấn.

“Anh... Mẹ của anh.”

“Của anh...” Charlie trố mắt dòm Billy rồi dòm lũ mèo. “Tại sao?” Giọng nó khàn đi vì hoảng hốt. “Có kẻ sẽ làm bà biến mất... như ba của anh ấy hả?”

Billy hỏi lại lũ mèo và Sư Tử trả lời, ra điều xin thứ lỗi.

“Sư Tử bảo phải chi có thể cho anh biết nhiều hơn...” Billy diễn giải. “Nó sẽ giúp anh canh chừng.”

Sư Tử vuột ra vài tiếng meo lớn.

“Nó nói nếu cái bóng đã dời đi, thì anh biết ngay là nó đã được giải thoát.”

“*Cái gì* được giải thoát?” Charlie nài nỉ, vò mạnh mớ tóc bù xù của mình. “Bộ chúng không thể nói rõ hơn được sao?”

Đúng lúc ấy cửa bật mở và một giọng nói rồn rảng vang lên, “Ai làm ơn tắt bóng đèn đó đi có được không?”

Charlie nhồm dậy nhào tới công tắc, và ngay khi bóng đèn phía trên bàn vụt tắt, một người đàn ông cao lớn bận áo choàng ngủ màu đỏ xuất hiện. Tay ông cầm một cây nến đang cháy cắm trong giá đỡ bằng đồng thau.

“Ta thấy con đang có khách, nhỉ.” Ông cậu Paton của Charlie gật đầu với lũ mèo. “Chào buổi sáng, lũ mèo lửa.”

Bọn mèo luyến láy lời chào đáp lễ trong khi Charlie ngẩn người ra, “Sáng thật rồi à?”

“Mới hai giờ thôi,” Ông cậu Paton nói, ông chẳng ngạc nhiên tí nào khi bắt gặp Charlie và Billy ở dưới lầu vào cái giờ sớm bạch thế này. “Ta đói bụng quá.” Ông băng qua phòng tới mở tủ lạnh. “Ta cảm giác thấy có chuyện huyền bí ở đây. Có gì đang xảy ra vậy?”

“Lũ mèo lửa đến cảnh báo con về mẹ con,” Charlie bảo với Ông cậu.

“Mẹ con?” Từ cửa tủ lạnh, Ông cậu Paton quay phắt đầu lại, chau mày.

“Dạ.”

“Và một cái bóng,” Billy bổ sung thêm.

Ông cậu Paton bưng một đĩa pho mát từ tủ lạnh ra đặt xuống bàn ăn, bên cạnh giá đỡ nến. “Nói rõ thêm ta nghe coi,” ông bảo.

“Billy, bảo mấy con mèo đó giải thích đi,” Charlie kéo nài. “Hỏi chúng coi cái bóng là gì?”

Nhưng lũ mèo nhao nhác muốn cáo từ. Chúng đuổi mình rồi lao ra cửa.

“Khoan!” Charlie gọi. “Các bạn chưa nói cho tôi biết về cái bóng.”

Dương Cưu ngao ngao và Sư Tử cào cánh cửa. Charlie không còn lựa chọn nào khác đành phải mở cửa. Thế là ba con mèo xõ ra và chạy băng băng qua hành lang.

“Cái bóng đó là bóng gì?” Charlie vừa hấp tấp thì ào ào chạy theo sau lũ mèo.

Nhân Mã ngao một tiếng. Charlie không biết chắc được đó là câu trả lời hay là một mệnh lệnh.

“Để chúng đi đi, Charlie,” Billy chạy ra mở cửa trước. “Chúng còn phải đi đâu đó, gấp lắm. Chúng phải đi xem cái vật đó có bị tìm ra hay không.”

Bất chợt cùng nhau tru lên một tràng, đoàn mèo lửa lướt vù qua cửa, lao ra đường; ba khối sáng bị màn tuyết hùng hổ nuốt chửng.

“Chúng không giải thích,” Charlie lẩm bẩm. “Giờ thì anh sẽ không bao giờ biết được nữa.”

“Chúng có giải thích đấy chứ,” Billy nói. “Chúng...”

Nhưng thằng nỏ chưa kịp nói thêm lời nào thì từ trên đầu cầu thang đã có tiếng quát. “Thế này là thế quái gì, hả?”

Ngay cả những lúc tinh tươm nhất, trông nội Bone vốn cũng đã khó coi, nhưng sau nửa đêm, trông bà còn tệ hơn lúc nào hết. Một bộ khung xương bọc da quần trong chiếc áo choàng ngủ dài màu xám, nhàu nhĩ và hai bàn chân to tướng đựng trong đôi giày vải len kẻ ô vuông màu xanh lá cây. Lại thêm cái bím tóc trắng dài, treo đu đưa dưới vai, cùng những chấm kem trắng bóc điểm rải rác khắp gương mặt vàng bủng.

“Chào nội,” Charlie nói, cố hết sức tỏ ra vui vẻ.

“Đừng có xấc láo,” Nội Bone vốn không thích ai hơn hờ giữa đêm khuya. “Sao mày không ngủ?”

“Cháu đói bụng.”

“Nhảm nhí.” Bà coi tất tần tật những điều Charlie nói là dối trá. “Tao nghe thấy tiếng mèo.” Bà bắt đầu đáp xuống cầu thang.

“Mèo ngoài đường mà nội,” Charlie nói nhanh.

Bà dừng lại và ngó lăm lăm vào tấm kính hình bán nguyệt phía trên cánh cửa trước. “Cái thứ tuyết gì thế không biết? Trông không bình thường.” Bà nhận xét. Quả là những bông tuyết quay tít kia có cái gì đó kỳ cục thật, nhưng xem ra Charlie không thể nói được đó là cái gì.

“Lạnh, trắng xóa và ẩm ướt,” Ông cậu Paton lăm bằm, bước từ trong nhà bếp ra. “Chị còn muốn gì nữa vậy?”

“Mi!” Nội Bone nạt nộ. “Sao mi không đuổi lũ trẻ lên giường trở lại?”

“Vì chúng đói bụng,” ông em của bà trả lời bằng giọng kẻ cả. “Đi ngủ đi, Grizelda.”

“Đừng có ra lệnh cho ta.”

“Tùy chị.” Ông cậu Paton thông thả quay trở vô nhà bếp.

Mất một lúc nội Bone vẫn đứng y nguyên ở cầu thang, trợn trừng trừng nhìn Charlie.

“Để cháu đi lấy nước uống đã, nội, xong tụi cháu sẽ về lại giường ngay.” Charlie nhìn Billy. “Phải không, Billy?”

“À, phải.” Đối với một thằng bé mồ côi như Billy, cái gia đình lạ lùng hay cự cãi của Charlie luôn có sức cuốn hút bất tận. Nó gạt đầu sốt sắng với nội Bone và nói thêm, “Xin hứa.”

Nội Bone phọt ra một tiếng “hừ” đầy nghi ngờ rồi lê bước lên cầu thang.

Charlie lại kéo Billy vào nhà bếp và thì thầm hỏi. “Chúng nói gì vậy, Billy? Mấy con mèo lửa ấy. Cái bóng là bóng gì, hả?”

“Chúng chỉ nói có mỗi một từ,” Billy đáp. “Hình như là hãy lắng nghe. À không, có cái gì đó khác kìa, một từ cổ của từ lắng nghe.”

“Hark(*)?” Ông cậu Paton gợi ý.

“Dạ, đúng rồi.”

() Listen: lắng nghe; Hark: là câu mệnh lệnh, có nghĩa là “Hãy nghe đây”. Có thể Billy nghe lộn tên người thành một mệnh lệnh. (ND)*

“Nghe cứ như là tên người vậy, con.” Ông cậu Paton cắn ngập răng vào khúc pho mát Cheddar to. “Từ đó còn hơn một mệnh lệnh nhiều. Có lẽ mày nghe nhầm rồi đó con.”

“Con không nhầm,” Billy quả quyết.

Giờ thì ba con mèo đã băng chéo qua thành phố và đang bước nhẹ trên lớp tuyết đóng thành đụn tựa vào các bức tường Học viện Bloor. Chúng vượt qua hai tòa tháp ở hai bên cầu thang lối vào, mãi miết đi tiếp, bám theo hông tòa nhà, cho đến cuối lối, nơi bắt đầu một bức tường đá cao vút. Dây leo bám rễ cả vào những viên đá cổ xưa. Những con mèo lửa chạy lướt lên thảm dây leo đó rồi nhảy phóc xuống khoảng sân ngập tuyết.

Ở đầu sân đằng kia thấp thoáng những bức tường đỏ bầm của một tòa lâu đài hoang. Lũ mèo lửa trở nên thận trọng. Chúng cẩn thận đi qua khoảng sân trắng xóa, tai vểnh ra đón bất kỳ âm thanh nào có thể vọng đến từ khu đổ nát. Và rồi chúng nghe thấy có tiếng gầm thét.

“Ta thừa biết bọn bay có ý đồ gì rồi,” một giọng phụ nữ rít rống. “Nhưng còn lâu mới ngăn ta lại được, cái lũ ngu. Bọn bay tưởng rằng tuyết sẽ cản trở ta sao? Công nhận là nó có làm chậm bước ta, nhưng không bao giờ chặn được ta đâu.”

Lũ mèo đi tới gần hơn. Qua cổng vòm lớn vào trong lâu đài, chúng có thể thấy một bóng đen đang cúi gập người, cánh tay vùi ngập trong tuyết tới tận cùi chỏ. Bà ta xoay người hết hướng này tới hướng kia, hết giật mạnh lại lôi kéo và rên rỉ cố sức. Bỗng đâu, cùng với một tiếng rên đặc khẹt, một tảng đá lớn phẳng lì bị giật bay thẳng lên không rồi rơi phịch trở lại xuống tuyết.

Người phụ nữ bò hẳn ra quờ quạng dưới đất. Reo lên một tiếng đặc thẳng, bà ta nhặt lên vật gì đó và giơ nó ra giữa bức màn không trung trắng toát, mặc kệ bàn tay rách toạc, chảy máu vì cuộc cày cục đào bới vừa rồi.

“Của ta! Nó là của ta!”

Một cú rùng nhẹ trên mặt đất – một chuyển động mà con người không cảm nhận được, nhưng đủ để quăng nổi kinh sợ mỏng như sợi chỉ lên mọi sinh vật trong vùng. Chim chóc tỉnh giấc đột ngột, nhao nhác kêu la, bọn gặm nhấm bé tẻo hoảng hốt lao đầu đi tìm chỗ trốn, và tiếng chó tru thê thiết vang động cả không gian rét buốt.

Những con mèo lửa long cặp mắt lên cảnh giác nhìn người phụ nữ lão đảo ra khỏi khu đổ nát. Gấu áo choàng đen thẫm tuyết sừng nặng, cây đèn dầu đang cầm run rẩy trong làn gió băng giá. Bà ta đi tới một cánh cửa trong tòa nhà đồ sộ màu xám, Học viện Bloor, và biến mất vào đó. Vài phút sau xuất hiện ánh đèn chập chờn bên trong một ô cửa sổ trên cao.

Lũ mèo nhìn trân trân lên ô cửa sổ ấy, lo sợ điều xấu nhất sẽ xảy ra.

Người phụ nữ đang đứng trước bức chân dung Vua Đỏ lồng trong khung vàng, tay cầm cây đèn dầu soi tỏ bức tranh dày, nứt nẻ. “Ta có rồi,” bà ta lão khào. Không phải bà ta đang nói với nhà vua. Bàn tay kia, không cầm gì, rút ra một vật từ nếp gấp áo khoác. Thoạt trông nó giống như một thứ bằng kim loại gỉ sét, hình tròn nhưng không tròn hẳn, đường kính gần hai tấc. Bà ta cầm nó bằng cái cán dày hình ô-van.

Nhà vua quắc đôi mắt âu sầu đầy uy lực nhìn ra từ bức chân dung. Một vầng hào quang vàng chói trên mái tóc đen của ngài và chiếc áo chùng đỏ hiện rõ là nhung thật.

Khi người phụ nữ xoay cái vòng kim loại cho nó bắt ánh sáng từ cây đèn dầu, một ánh chớp bất chợt chiếu bùng sáng bức tranh. Đằng sau vai nhà vua, hiện ra một cái bóng. Từ từ, cái bóng định hình, những đường nét càng lúc càng trở nên sắc sảo và rực rỡ hơn.

“Xin hãy tỉnh dậy, hỡi chúa tể của thần,” người phụ nữ giục giã bằng giọng nặng nề, khát khao. “Thần đã tìm thấy Gương Thần của Amoret.”

Lờ phờ, cái bóng động dậy. Nó trượt khỏi đằng sau nhà vua và trôi về phía trước, gần hơn, gần hơn.

Người phụ nữ học lên một tiếng sượng ngắt. Bà ta thở hổn hển và loạng choạng; cây đèn chao lắc, cái vật tròn sáng lóe lên, ánh sáng trên bức tranh nháy múa, chớp lóe. Thành linh một tiếng nổ như sấm vang lên hất bức tranh rơi sập xuống sàn nhà, người phụ nữ thét rú lên, bật vía.

Một cái bóng bay ra khỏi khung tranh và đi về phía bà ta.

MUÔNG THÚ BIẾN MẤT

Tiếng chuông trầm đục vang lên từ tháp đồng hồ nhà thờ lớn, lan dội khắp thành phố, và chú bé trên đồi hạ cánh tay xuống.

“Một giờ đúng.” Chú thở hắt ra một cái và ngáp. “Thôi, vậy đủ rồi.”

Một đám bông tuyết trắng tan chảy trôi xa khỏi ngọn đồi. Dần dần cơn bão dịu hẳn. Vài phút sau, bầu trời đã là một bức màn nhung đen tuyền, trong vắt, với muôn triệu vì sao lấp lăm.

Tancred ngheo đầu ngó xuống đôi và ghi nhận kết quả công việc của mình: những mái nhà trắng xóa, những đường phố thỉnh thoảng vắng tuyết, và lưới điện giăng trên thành phố trông tựa như một lưới mạng nhện lấp lánh.

“Lần thử đầu tiên thế cũng không tồi,” Tancred phấn khởi nói. Chú lắc ống tay áo, vài bông tuyết còn sót lại bay ra và đậu xuống đôi dép lê của chú. Vài giây sau chúng tan biến.

Tancred ngạc nhiên nhận ra mình đang mang dép lê. Chắc hẳn chú đã nửa tỉnh nửa mê lúc đi theo những con mèo. Thậm chí chú còn không cảm nhận được trời lạnh nữa. Giờ đây, tự động, chú rét run cầm cập. Trong khi chạy ngược lên con đường hẹp, thỉnh thoảng chú lại nhẩy căng lên không và đập hai bàn chân vào nhau đánh “chát”, hài lòng quá chừng. Đó là thói quen chú mới hình thành dạo gần đây và nó thường khiến cho bọn bạn chú cười ngất.

Đến lúc chú về được tới ngôi nhà ba tầng nằm tách biệt của mình, tiếng ngáy như sấm rền của ông bố đã réo gầm như núi lửa sôi. Cả nhà Torsson đều là người điều khiển thời tiết và Tancred nóng lòng muốn được đàm đạo với ba mình về thời tiết quá chừng.

“Mình không biết ba đã bao giờ thử làm thế chưa nhỉ?” Tancred lẩm nhẩm một mình khi bước vào nhà. Chú dậm dậm chân vào tấm thảm chùi chân. “Phải cho Sander và Charlie biết mới được,” chú lẩm bẩm.

“Cho chúng biết cái gì?” Bà Torsson, không sao ngủ được, đang pha trà trong bếp.

“Về tuyết ạ,” Tancred đáp.

“Ớ. Thì ra là con à? Thảo nào mẹ đã thắc mắc không biết con đi đâu.” Bà Torsson vốn đã quen với cách hành xử khác thường của con trai. *Nam nhi thì phải làm điều nam nhi cần làm*, chồng bà luôn luôn nói với bà như vậy, *nhất là khi có việc liên quan tới thời tiết*.

“Phù! Ba mình ngáy om sòm nhỉ,” Tancred giũ chiếc áo chùng ướt nhẹp ra và treo lên đàng sau cánh cửa.

Bà Torsson đăng trí cho tới muộn đường thứ ba vào tách trà của mình, sau đó rót một tách cho Tancred. Chú kéo ghế ngồi đối diện với mẹ và uống ừng ực. Tào tuyết quả là một công việc vất vả, hao tổn sức lực. Chú hy vọng trong thời gian sắp tới sẽ không bị gọi đi làm như thế một lần nữa.

“Những con mèo lửa đã đến đây,” chú giải thích cho mẹ nghe. “Chúng muốn có tuyết – mẹ đừng hỏi con tại sao. Nhưng con cảm thấy có điều gì đó bất ổn đang xảy ra cho thành phố dưới kia.”

“Ba con cũng bảo là ba linh cảm có điềm gở. Ông ấy cứ thắc thỏm ngủ không yên.” Bà Torsson lắc đầu. “Đôi khi mẹ tự hỏi hay là chúng ta dọn nhà khỏi đây đi. Con có thể học một trường bình thường và...”

“Không được,” Tancred phản đối kịch liệt. “Con phải ở nơi này, hết như Charlie, Sander và Gabriel và... và Emma vậy. Vua Đỏ đã sống ở đây và chúng con là lũ con cháu của ngài. Chúng con phải liên kết với nhau. Mẹ *biết* điều đó mà, mẹ.”

“Ừ phải, Tancred.” Mẹ chú thở dài.

Bà Torsson không phải là bà mẹ duy nhất ước gì mình và gia đình mình có thể dứt bỏ được thành phố này. Mẹ của Charlie Bone cũng luôn ao ước thoát khỏi cuộc sống u phiền trong căn nhà không thuộc về mình, tại vùng đất luôn vang vọng tiếng thì thầm của quá khứ tang thương, nơi con trai cô bị buộc phải học trong ngôi trường do một người đàn ông ác tâm điều hành.

Nhưng cô Amy Bone không có tiền và không có nơi nào mà đi. Vả lại, ở đây, Charlie hạnh phúc tràn trề. Dường như chẳng có gì hạ gục được nó – một thằng bé lạc quan khác thường. Không gì lay chuyển được niềm tin sắt đá của nó rằng ba nó vẫn còn sống và rằng một ngày nào đó nó sẽ tìm thấy cha mình. Trong khi cô Amy đã từ bỏ niềm hy vọng đó từ lâu.

Lúc ấy là tám giờ sáng thứ Bảy. Ngoài mẹ Charlie ra, tất cả mọi người sống trong nhà số 9 đường Filbert vẫn còn đang ngủ. Kể cả mẹ của cô Amy, bà Maisie, cũng đang ngáy nhè nhẹ khi cô Amy nhón gót đi qua phòng bà.

Sau bữa điểm tâm vội vàng, cô Amy rời nhà, bắt đầu quãng đường đi bộ mười phút tới làm việc cho cửa hàng bán rau quả. Không một dấu tích nào của trận mưa tuyết đêm qua còn đọng lại. Không khí lạnh giá và vỉa hè vẫn ướt át, nhưng hẳn là không ai có thể đoán được, chỉ vài giờ trước thôi, một lớp tuyết dày cả tấc đã bao phủ toàn thành phố.

“Cô Bone! Cô Bone ơi!”

Cô Amy quay phắt lại. Tiếng gọi là từ thằng bé ở phía bên kia đường. Đó có phải là...? Lẽ nào lại đúng vậy?

“Benjamin!” Cô Amy reo lên, chạy ngược trở lại về phía nhà số 9. “Cháu đấy à!”

Thằng bé ngó qua trái qua phải, rồi băng vù qua đường.

“Ôi, Benjamin, cô mừng quá, gặp lại cháu cô mừng quá.” Cô Amy ôm chầm lấy nó, chặt cứng. Trước đây cô không bao giờ vỗ vập như vậy cả, khiến Benjamin đâm hơi sượng sượng.

“Cô khỏe..., ề, khỏe chứ ạ, thưa cô Bone?” Nó hỏi, sự lúng túng và cơn ngạt thở khiến nó cà lăm. “Ý cháu là tất cả *nhà* đều khỏe phải không ạ?”

“Charlie khỏe,” cô Amy nói. “Nó vẫn đang ngủ, nhưng để cô mở cửa cháu vào cho nó ngạc nhiên nhé.” Cô chạy lên hết bậc cấp, vặn khóa cửa nhà số 9 và mở ra. “Cháu biết phòng nó đâu rồi đấy. Giờ cô phải đi gấp đây kéo lại trễ làm mất. Cứ vào đi, vào đi.” Cô khế đẩy Benjamin vào nhà rồi đóng cửa lại đằng sau lưng thằng bé.

Benjamin ngó quanh quất hành lang vắng teo, hài lòng khi thấy chẳng có gì thay đổi. Nó là một thằng bé tóc hoe vàng, nhỏ con, trông lúc nào cũng có vẻ thiếu nảo. Vào lúc đó nó vẫn còn hơi say máy bay, nhưng nó không thể chờ nổi để gặp Charlie và Hạt Đậu, con chó mà nó đã để lại nhờ Charlie chăm sóc.

Benjamin ghé nhìn vào nhà bếp. Không có ổ chó. Không có tô chó. Dĩ nhiên, Hạt Đậu chắc chắn đang ngủ trong phòng Charlie.

Khi leo lên cầu thang, Benjamin nghe có tiếng bước chân phía trên mình, và bà ngoại của Charlie, người bà hiền hậu, xuất hiện ở chiều nghĩ. Bà mặc chiếc áo ngủ màu hồng rực rỡ.

“Benjamin Brown! Thấy con bà mừng quá!”

Benjamin lại phải chịu một cú ôm nghệt thở khác. Bà Maisie Jones dáng người tròn trĩnh, tóc quăn, đôi mắt nhăn nheo và cú siết của bà đe dọa sẽ tống Benjamin lăn nhào xuống cầu thang.

“Cái thằng bé bình thường dễ thương này,” ngoại Maisie chép miệng. “Không bị ban phép thuật. Không diễn kịch kọt, không kéo đàn hay thổi sáo, không gù gù với thú vật. Cháu sẽ có một ảnh hưởng tốt đẹp lên thằng Charlie đấy. Đi lên đi!”

“Cảm ơn,” Benjamin nói, một lần nữa lại bị xiết huyệt hơi.

Ngoại Maisie liêu xiêu đi xuống cầu thang, miệng vẫn nói không nghĩ. “Để bà nướng bánh mì rồi pha một bình trà thật ngon. Cốm bắp nhé? Bà nghĩ hay là cho tụi bay ăn nui. Ở Hồng Kông, bữa sáng người ta ăn nui thì phải?”

“Bà ơi, con chó của cháu đâu rồi?” Benjamin hỏi to.

Nhưng ngoại Maisie đã biến mất vào nhà bếp.

Benjamin bước tới phòng ngủ của Charlie. Nó nghe ngóng ở ngoài cửa. Nhưng không có tiếng gì vọng ra từ phía bên kia. Benjamin mở cửa. Nó thấy Charlie đang ngủ say sưa trên giường. Có một chiếc giường mới kê ở đằng kia căn phòng và Benjamin chỉ có thể thấy vài nhúm tóc trắng thò ra khỏi tấm chăn lông vịt. Billy Raven. Không có tấm hơi của Hạt Đậu.

Benjamin đứng ngay bên trong cửa, phân vân không biết làm gì bây giờ. Gương mặt tái tái nghiêm nghị của nó lộ rõ vẻ lo lắng tột độ. Chuyện gì đã xảy ra với Charlie trong khi nó đi xa vậy? Nó hình dung thẳng bạn thân nhất của mình bị vây quanh bởi đám trẻ lập dị của Học viện Bloor. Nhạc công, diễn viên và họa sĩ; kẻ tạo thời tiết, nhà thôi miên và đủ những đứ đả quái đản khác. Có lẽ điều này giải thích tại sao cô Amy và bà Maisie Jones lại mừng rỡ khi gặp nó đến thế. Bởi vì nó là người bình thường, không như Charlie tội nghiệp.

Bỗng, một chuyển động đột ngột trên giường Charlie đập vào mắt Benjamin. Một con bướm trắng bay chập chờn bên trên tấm chăn lông vịt. Benjamin vốn vẫn được dạy đi dạy lại rằng bướm đêm là loài phá hại. Chúng đục khoét đồ đạc. Nó liền phóng tới trước và úp chụp bàn tay lên con bướm.

Ba việc cùng xảy ra một lúc. Charlie ngồi bật thẳng dậy và hét lên. Billy Raven lăn tòm khỏi giường, còn con bướm trắng cắn, đúng vậy, *cắn* Benjamin, thằng nhỏ rú lên và buông nó ra.

“Benjamin!” Charlie thét vang.

“Charlie!” Benjamin cũng thét lại. “Một con bướm trắng cắn tớ.”

“Nó là đũa phép của mình đó,” Charlie bảo.

“*Đũa phép* của bồ?”

“Thằng Manfred đã đốt cháy nó thế là nó biến thành con bướm trắng. Bồ chưa giết nó đấy chứ?”

Benjamin lắc đầu. “Nó đậu trên nóc tủ áo của bồ kia. Xin lỗi.”

Benjamin không bao giờ hỏi những câu đại loại như: Làm sao mà đũa phép lại biến thành bướm trắng? Charlie nhận thấy mình nhớ thằng bạn này biết chừng nào.

“Gặp lại bồ mừng ơ là mừng, Ben à.”

“Mình cũng mừng ơ là mừng. Hạt Đậu đâu?”

“À.” Charlie vung cặp giò ra khỏi giường. “Nó không có ở đây.”

“Mình thấy thế rồi.”

Billy Raven rên rĩ ngồi dậy. Nó với tay lên chiếc bàn ngủ cạnh giường và sờ soạng tìm mắt kiếng.

“Billy làm gì ở đây vậy?” Benjamin hỏi.

“Bây giờ tiến sĩ Bloor cho phép em ra ngoài vào mỗi cuối tuần.” Billy tìm thấy mắt kiếng và đeo vào.

“Thế con chó của mình đâu?” Benjamin nhất quyết hỏi, quay qua Charlie.

Charlie giật mớ tóc bù xù của mình. Nó có quá nhiều chuyện muốn kể cho Benjamin nghe mà không biết phải bắt đầu từ đâu. Nó ấn bạn ngồi xuống giường, và trong khi mặc đồ, nó giải thích việc nội Bone sắp tâm gọi đội kiểm soát thú nuôi tới bắt Hạt Đậu như thế nào. Vẻ kinh hãi nháng lên trên mặt Benjamin thúc giục Charlie phải vội nói thêm, “Nhưng ông Onymous đã tới đây trước. Ông ấy đã đưa Hạt Đậu về quán Cà Phê Thú Kiểng rồi, và mình tới đó mỗi tuần để đưa Hạt Đậu đi dạo.”

“Có mỗi một lần một tuần thôi á?” Benjamin nói như buộc tội. “Nó cần đi dạo mỗi ngày kìa.”

“Ờm, mình không thể ra khỏi trường, đúng chưa?” Charlie hạ thấp giọng. “Việc mình phải ngủ ở Bloor không phải là lỗi của mình mà.”

“Ừ, không. Xin lỗi. Rất mừng gặp lại bồ.”

“Mình cũng mừng gặp bồ,” Charlie lặp lại lần nữa.

Ngay khi Billy và Charlie thay đồ xong, ba thằng bé đi xuống lầu, ở đó ngoại Maisie dọn cho chúng một bữa sáng đầy ắp. Benjamin sàu sào dòm trên trên vào đồ ăn. Nó không thể nuốt nổi. Bụng nó lộn nhào với nỗi lo âu. Nó phải gặp con chó của nó ngay. Nhỡ may ai bắt mất con chó rồi thì sao.

“Ông Onymous không bao giờ để cho điều đó xảy ra đâu,” ngoại Maisie vỗ vỗ đầu Benjamin. “Hạt Đậu ổn mà. Rồi cháu sẽ thấy.”

Billy và Charlie ăn ngấu nghiến phần điểm tâm của mình rồi đi theo Benjamin, thằng này đã ra tới cửa trước rồi.

“Quái sao tuyết đâu hết rồi nhỉ?” Benjamin nói khi bọn chúng chạy trên đường Filbert. “Đêm qua tuyết dày đến nỗi nhà mình tưởng không thể lái xe được.”

“Bảo đảm những con mèo lửa có dính líu tới vụ này,” Charlie lẩm bẩm.

“Ý bồ đó không phải là tuyết thật?”

“Mình cũng không biết mình có ý gì nữa,” Charlie bảo.

Chúng đi tới quán Cà Phê Thú Kiểng thì thấy treo tấm biển “Đóng cửa”. Charlie dí mắt vào cửa sổ. Ghế chất hết cả lên bàn, còn quầy hàng thì trống không. Nhưng ở sau quán cà phê nó thấy có ánh đèn dịu lợt qua tấm màn gió ngăn nhà bếp.

Charlie gõ cửa.

Trong thoáng chốc nó nghĩ là không ai nghe thấy. Định gõ tiếp thì thân hình nhỏ thó của ông Onimous hiện ra đằng sau quầy. Ba thằng bé vẫy tay gọi và ông Onimous lật đật đánh vòng qua những chiếc bàn, ra mở cửa.

“Chao, ai như Marco Polo nhỉ,” ông Onimous nói, ra dấu cho bọn nhỏ vào quán cà phê.

“Marco là ai?” Benjamin hỏi.

“Một nhà lữ hành thời xưa, Benjy à.” Ông Onimous khóa cửa lại. “Khi hầu như chưa ai biết đến sự tồn tại của một nước Trung Hoa thì ông ấy đã tới nơi đó.”

“Cháu đã ở Hồng Kông,” Benjamin nói rành rọt, “và cháu không phải là người xưa. Xin ông làm ơn, con chó của cháu đâu?”

“Hà,” ông Onimous đưa một tay lên gãi gãi cái cằm ngắn bè của mình. “Tốt hơn các cháu vào bếp đi đã.”

Ông Onimous nhún vai với vẻ ngượng ngùng và lúng búng. “Con chó đi rồi, Charlie. Có trời biết nó đi đâu.”

“Đi rồi?” Charlie và Billy chạy nhắng theo Benjamin.

Khi vào đến bếp nhà Onimous, bọn con trai trông thấy Emma Tolly, đang ngồi trong chiếc ghế bành duy nhất. Mí mắt con nhỏ đỏ búp và có những vết ướm tèm lem trên má.

“Emma, bồ ỔN chứ?” Charlie nói và lập tức thấy mình ngớ ngẩn bởi vì, rõ ràng, Emma đâu có ỔN.

Bằng giọng bi thiết, Emma nói, “Mình bị mất con vịt rồi.” Con nhỏ nấc hự lên một tiếng.

“Cái gì!” Charlie thốt lên.

“Nào, nào, nào. Tất cả bình tĩnh đã nào,” bà Onimous vỗ về, suýt nữa thì bị phỏng vì bà đang rót ấm nước sôi vào cái bình trà bụi tở.” Ngồi xuống đi, các chú bé, và lấy bánh ăn đi.”

“Cháu không nghĩ mình còn bụng dạ nào mà ăn được.” Benjamin kéo ghế ra và rơi phịch xuống đó. “Cháu chỉ muốn con chó của cháu thôi. Cháu đã ngóng chờ gặp nó cả bảy tháng rồi.”

“È, cháu sẽ cần phải đợi thêm tí nữa,” bà Onimous nói với vẻ hơi gắt gỏng. “Thật tình là có một cuộc đại di cư. Tất cả muông thú đã kéo nhau đi hết và...”

“Cả Rembrandt nữa à?” Billy ré lên thất thanh.

“Tất cả nghĩa là *tất cả* chứ sao, Billy, kể cả chuột luôn,” ông Onimous nói. “Nhưng ta chắc chắn là phải có lý do đằng hoàng. Chúng ta phải thật bình tĩnh mới suy nghĩ được. Rót trà đi, Onoria thân yêu. Trà ngấm rồi kìa.”

Emma ra bàn ngồi chung với bọn con trai, trong khi ông và bà Onimous mỗi người ngồi xuống một đầu bàn. Trà với bánh nướng được chuyền quanh, nhưng Charlie là đứa duy nhất xơi bánh. Nỗi lo lắng cho lũ thú cũng không thể cướp đi được sự thèm ăn của nó. Mà, làm sao chúng có thể biến sạch bách được cơ chứ. Nó ngó quanh căn bếp ấm cúng hầu tìm kiếm dấu hiệu của sự sống: một con chuột, một con nhện, hay một con ruồi vớ vẩn nào đó. Nhưng chẳng có con gì động đậy trên đồng xoong chảo bằng đồng phía trên đầu nó, hay trên những hàng kệ lũ khủ hủ, đồ hộp và bát đĩa sành vẽ sặc sỡ. Cuối cùng ánh mắt nó rút xuống một cái rổ có nắp đậy ở trong góc phòng, nó bèn hỏi:

“Thế còn con trăn xanh da trời thì sao?”

“Đi luôn rồi, ôi con vật dễ thương,” bà Onimous rầu rĩ đáp. “Chắc chắn chúng đã ra đi vào đêm qua, trong lúc bão tuyết. Ta xuống lâu sớm để làm một chén trà thì thấy nơi này vắng như sa mạc. Không một tiếng sủa mừng, không một tiếng chân chạy lảng quăng, không một cú trườn sung sướng.” Bà hỉ cái mũi rất dài của mình một tiếng to như kèn trumpet.

“Cháu cũng gặp chuyện y như vậy.” Đôi mắt xanh da trời của Emma lại ầng nước. “Nancy lúc nào, lúc nào, lúc nào cũng ở trong chuồng vẹt ngoài sân. Nhưng cái chuồng trống trơn rồi.”

Billy ho nhẹ một cái. “Những con mèo lửa đã đến cảnh báo tội cháu, nhưng chúng không nói gì về việc muông thú biến mất cả.”

“Thế chúng nói chính xác những gì, cưng?” Bà Onimous tha thiết nhoài thân hình gầy nhom của bà về phía Billy.

“Chúng bảo Charlie phải coi chừng mẹ anh ấy và một cái bóng sẽ thức dậy. Một cái bóng tên là Hark.”

“Hark?” Ông Onimous nhướn đôi lông mày cứng đờ của mình lên rồi lại hạ chúng xuống. Hai bàn tay lông lá đưa lên cào một bên má râu ria xồm xoàm, “Ta mù tịt.”

“Cái gì vậy?” Bà Onimous thỉnh linh ngồi thẳng đơ lên, ngھển cái cổ dài về tuốt đầu đằng kia nhà bếp.

“Tiếng cào,” Billy trả lời.

Giờ thì tất cả mọi người đều đã nghe thấy: một tiếng cào rất, rất, rất xa.

Billy bật dậy và chạy ừ tới cánh cửa dẫn vô buồng chứa thực phẩm.

“Billy, không...” ông Onimous giật phắt một cây đuốc từ trên kệ xuống và chạy loì choì theo Billy, gọi rối rít. “Quay lại, Billy. Mì có nghe không?”

“Rembrandt đó,” giọng nhẹ hều của Billy.

Charlie phóng theo ông Onimous qua một căn phòng dài đựng kín những kệ thức ăn cho chó, rồi ào vào một hành lang tối mù, nền đất và tường đá trơn trượt. Trần nhà chỉ cách đầu Charlie độ chục phân và tối đến độ nó hầu như không trông thấy ông Onimous chạy lút cút đằng trước.

Quán Cà Phê Thú Kiểng được xây hẳn vào một bức tường cổ của thành phố, và lúc này họ đang chạy dọc theo một lối đi dưới lòng đất dẫn đến chính tâm lâu đài của Vua Đỏ. Đến lúc Charlie đuổi kịp ông Onimous thì Billy đã tiến tới một cánh cửa nhỏ ở cuối hành lang. Trước khi ông Onimous kịp ngăn nó lại, Billy đã giật mạnh cánh cửa ra và bước vào không gian phía bên kia. Giờ thì thằng bé đã ở trong một hang động với những bức tường cong cong chất đầy những sọt gỗ to xụ và bao tải căng phồng.

Ông Onimous bước vô hang cùng với Charlie bén gót theo sau. Trong luồng sáng tỏa ra từ cây đuốc của ông Onimous, Charlie có thể thấy Billy đang cầm một con chuột lớn màu đen.

“Ôi, Rembrandt^(*), nãy giờ mày ở đâu vậy?” Billy nói rồi tiếp tục một tràng chút chít the the với âm ừ lí nhí lạ lùng.

Con chuột đáp lít chít bằng tiếng của loài chuột và Billy dịch lại, “Nó vừa mới trải qua một cuộc phiêu lưu. Nó đi qua... hử...” Nó thốt lên vậy khi quay qua thấy ông Onimous đang đóng cánh cửa nhỏ xíu xiu. Tuy nhiên, đen xì và sứt sẹo với thời gian, cánh cửa chả thể nào vừa khít hoàn toàn với lỗ hở trên tường.

“Ồi! Cái đó dẫn đi đâu vậy?” Billy hỏi, nhìn trân trối vào cánh cửa.

“Chỉ là một cái lỗ thôi mà,” Charlie đáp lẹ.

Ông Onimous cúi xuống tìm nhặt chiếc chìa khóa đồng tí hon dưới sàn lên. “Bọn thú này,” ông làu bàu, tra chìa khóa vào lỗ khóa nhỏ tị trên cánh cửa cổ xưa. “Cái bọn chỉ khôn nửa vời. Ta nghi mì chính là kẻ đã mở cánh cửa đó, chuột Rembrandt à.” Ông thả cái chìa khóa vào túi mình.

“Dạ, đúng là nó đấy,” Billy nói. “Nhưng cánh cửa đó *dẫn* đi đâu thế?”

“Billy, ta muốn cháu phải hứa với ta một điều,” vẻ mặt râu ria vui nhộn của ông Onimous đã trở nên gần như nghiêm nghị. “Ta muốn cháu hứa là không bao giờ, không bao giờ được hé cho một linh hồn nào biết về căn phòng này hay cánh cửa đó.”

“Ồ.” Trong một thoáng Billy im thít dòm trừng trừng cánh cửa, và rồi, vẻ hiểu chuyện giãn ra

trên gương mặt hớn hở của nó. “Đấy là một lối đi bí mật?” Nó thì thầm. “Tới lâu đài phải không?”

“Ta đang chờ lời hứa của cháu, Billy à,” ông Onimous nghiêm giọng.

“Cháu hứa không bao giờ, không bao giờ hé cho một linh hồn nào biết về căn phòng này hay cánh cửa đó.”

Cuối cùng ông Onimous mới mỉm cười. “Cháu không cần phải biết nhiều hơn nữa. Quên nó đi. Hiểu chưa?”

“Dạ hiểu,” lời đáp ỉu xìu buột ra. Mặc dầu vậy, làm sao mà Billy có thể quên được một nơi lý thú như thế này cơ chứ?

() Con chuột được thầy Samuel đặt theo tên của họa sĩ Rembrandt, một “phù thủy” về tranh sơn dầu và tranh khắc axit thế kỷ thứ 17. (ND)*

Con chuột lại bắt đầu lít chít và tất cả họ rờn rần quay trở lại nhà bếp để xem xem con chuột phải nói gì.

“Có tin gì về Hạt Đậu không?” Benjamin nhấp nhòm. “Ừa, đó là con chuột nào thế.”

“Tên nó là Rembrandt,” Charlie trả lời. “Thế nào nó cũng sẽ có chuyện để kể cho chúng ta nghe.”

Rembrandt được đặt lên chính giữa bàn, và khi tất cả mọi người đều yên vị nơi chỗ ngồi của mình, Billy ngân nhẹ một tiếng giục giã con chuột. Rembrandt ngó quanh những vẻ mặt đang chờ đợi. Chú chàng là một con chuột hòa đồng và rõ ràng rất khoái được là trung tâm của sự chú ý. Với những tiếng chít chít nhỏ nhỏ rồi ngưng, rồi lại gù gù, lúu rúu, nó bắt đầu câu chuyện của mình. Dần dần, những âm thanh nó phát ra theo một kiểu mà Charlie cũng mang máng hiểu được đó chính là lời nói.

Billy ngồi tì cằm vào hai cánh tay khoanh lại của nó, nhìn Rembrandt chăm chăm và chăm chú lắng nghe từng “lời” của con chuột. Khi rõ mười mười là con chuột đã chít ra tiếng cuối cùng, Billy liền nhắc con chuột, đặt lên đùi mình. Con vật mệt đừ cuộn tròn mình lại và lăn ra ngủ.

“Thế nào, Billy,” Benjamin nôn nóng. “Nó nói gì vậy?”

“Có vài điều rất khó giải thích,” Billy bảo.

“Thì cứ nói đi,” Charlie thúc ép.

“Hừm... nó nói đêm qua có cái gì đó... hình như là... thức dậy. Và... và trái đất rung mình.

“Chúng ta đâu có nhận thấy gì nhỉ?” Bà Onimous nhìn chồng.

“Chúng ta không phải là loài vật, cưng ời,” ông đáp. “Làm sao mà nhận ra được?”

“*Làm ơn* để nó nói tiếp đi!” Benjamin rên rỉ.

Ngoảnh mái tóc bóng mượt mượt của mình một cái, bà Onimous chĩa cái mũi rất dài về phía Benjamin. “Ta xin lỗi đã cắt ngang, xin lỗi,” bà nói hơi sảng.

Benjamin hồi hận cúi mặt xuống, nhưng rồi lại lảng lạng than van, “Cháu chỉ muốn biết về con chó của cháu thôi mà.”

Billy hít một hơi và tiếp, “Ờm, Rembrandt nói rằng chúng, tức là nó, con trăn và Hạt Đậu, đã hoảng sợ thất kinh, và bản năng thúc bách chúng muốn đi tới... một nơi nào đó. Vì vậy Rembrandt đã lấy chìa khóa,” Billy ngừng lại. “Cháu nghĩ là nó nói rằng chìa khóa ở trong phòng ngủ của ông, ông Onimous ạ.”

“Ồ tiểu quý,” ông Onimous lầu bầu.

“Và rồi nó mở một cánh cửa ra,” Billy mau mau kể tiếp, “thế là tất cả bọn chúng đi vào một đường hầm và... chúng đi xuyên qua lâu đài đồ nát thì thấy tất cả chuột với sóc với chim chóc, cùng tất cả mọi sinh vật khác sống ở đó đều đi hết luôn, và... và cái này nghe hơi khó, cháu nghĩ chúng đi xuống một rìa đá – nơi có con sông gầm rú – và đi qua một cây cầu.” Billy tháo mắt kiếng bị đọng hơi nước xuống. Nó chùi cặp kiếng vào ống tay áo rồi đeo lên trở lại. “Hãy tưởng tượng cảnh tất cả muôn thú rầm rập đi qua một cây cầu.”

“Có lẽ vài con thì bơi,” Charlie gợi ý.

“Và có loài thì bay,” Emma thêm.

“Đúng vậy, chim bay.” Billy liếc lẹ qua bộ mặt quàu quau của Benjamin và hấp tấp kể tiếp, “Sau đó một chút thì chúng tìm thấy nơi an toàn. Đó là nơi hiện giờ chúng đang ở: Hạt Đậu, con trăn xanh da trời, cả con vịt của chị nữa, em nghĩ vậy, Emma.”

“Ở đâu?” Benjamin xòe rộng hai bàn tay ra.

“Em mà biết á?” Billy đáp. Ý em là, Rembrandt không nói cho em biết bất cứ địa danh nào cả. Nó trở lại đây bởi vì nó muốn báo cho em biết chuyện gì đã xảy ra. Nhưng nó nghĩ những loài vật khác vẫn còn ở lại đó.”

Benjamin im đờ ra, khổ sở. Thật ra thì tất cả mọi người đều im lặng, cho đến khi Emma nói, “Tại sao chứ? Tại sao chúng lại muốn ở lại nơi đó chứ?”

Billy vuốt ve bộ lông bóng loáng của con chuột. “Em nghĩ Rembrandt đã cố giải thích rằng nơi đó, giống như là... nơi lánh nạn vậy.”

“Nơi lánh nạn? Ta chưa từng nghe nói về một nơi như thế trong thành phố bao giờ,” bà Onymous bảo.

“Nhưng nó không ở trong thành phố. Mà ở ngoài xa, tí bên kia dòng sông.” Billy ngó sượt qua đầu mọi người tới một thiên đường tưởng tượng, trôi bèo bồng đâu đó trong không gian.

“Billy, bạn nhỏ à, chẳng có gì ở bên kia sông hết,” ông Onymous nói. “Chỉ có đồng hoang thôi.”

Một tiếng thét tuyệt vọng vang lên, Benjamin gục mặt vào hai bàn tay.”

CÔ BÉ ÁO CHOÀNG MÀU NẮNG

Đồng hoang. Cái từ đó cứ lớn vồn trong tâm trí cả đám nhưng không, à chưa đứa nào dám nói tuột ra. Đến lúc này thành phố đã đông nghẹt người đi mua sắm ngày thứ Bảy và khi bốn đứa rời quán Cà Phê Thú Kiểng, chúng liền hướng ngay về con phố tĩnh lặng dẫn tới tiệm sách cô Ingledew.

Mỗi cuối tuần Emma đều phụ trông coi tiệm sách, cũng là nơi con bé sống với dì Julia của nó – một người dì rất thông minh và tốt bụng. Hầu như tất cả những sách hiếm và cổ trên kệ sách của mình dì đều đã đọc qua, còn kiến thức của dì về thành phố và về quá khứ của thành phố thì thuộc loại uyên thâm hiếm có. Rất có thể dì sẽ biết về cánh đồng hoang bên kia sông. Cũng rất có khả năng là Ông cậu Paton của Charlie đang ở tiệm sách. Thế cho nên, thậm chí không bàn một lời, lũ trẻ cùng bị hút về phía hai người có thể nói cho chúng biết điều gì đã xảy ra với đám muông thú.

Kiệt sức sau cuộc hành trình dài của mình, Rembrandt đã rơi vào giấc ngủ mê mụ. Nó nằm tròn vo trong túi quần Billy, chẳng thể *chít* thêm được một tiếng nào nữa.

Khi cả bọn kéo gần đến tiệm sách, cái ồn ào của thành phố lùi xa dần và đột nhiên chúng nhận thấy có gì đó không ổn. Chẳng đứa nào có thể xác định được đó là cái gì, nhưng không hiểu sao cả bọn cứ cảm thấy hốt ha hốt hoảng.

“Ở đây ớn như có ma ám,” Benjamin nhăn mũi. “Hồi nào có bao giờ như vậy đâu.”

“Không có chim chóc,” Emma bảo. “Bọn chúng đi hết cả rồi.”

Cả đám đến được quảng trường rộng rãi sỏi ở đằng trước nhà thờ lớn, nơi mà thường ngày vẫn thấy ít nhất một tá quạ gáy xám đi nghênh ngang trên lớp sỏi, hoặc quang quác rầm rĩ trên nóc nhà. Hôm nay thậm chí đến một con chim bồ câu cũng chẳng có.

“Không có mèo luôn,” Charlie nhận xét. “Mọi khi lúc nào cũng có một con mèo bắt chuột quanh nhà thờ lớn mà.”

“Cả chó cũng không,” Benjamin xoay tròn trên gót chân, trở mắt nhìn quanh quảng trường. “Thứ Bảy người ta hay dắt chó đến đây. Vậy chứ, chúng đâu hết rồi?”

Billy nói toẹt ra cái từ đang ở trong đầu cả đám. “Trong đồng hoang.”

Charlie bất chợt có cảm giác như kiến bò đằng sau gáy mình. Có ai đó đang nhìn bọn chúng. Nó quay phắt lại, vừa kịp thấy một bóng hình màu vàng biến vụt vào một ngõ hẻm. “Tụi mình đang bị theo dõi,” nó lẳng lặng nói. “Mình vừa mới thấy một cái gì màu vàng lông phồng, ở đằng kia kìa.”

Không đứa nào dám nhìn theo tay Charlie chỉ. Cả đám vắt giò chạy tọt vào tiệm sách như thể có một con quái vật đang lần theo dấu. Charlie chạy theo bọn bạn, loạng choạng xuống những bậc tam cấp dẫn vào trong tiệm và va sầm vào Benjamin, thẳng này hoảng vĩa thét lên một tiếng cảnh báo.

Giật mình bởi sự náo loạn đột ngột, Ông cậu Paton Yewbeam, đang đứng chông chênh trên đỉnh chiếc thang gấp, bỗng lắc lư thật nguy hiểm và suýt nữa thì làm tuột mất chông sách ông ôm đầy ú trong vòng tay, đang định chất lên cái kệ cao.

“Paton, coi chừng!” Cô Julia Ingledew chạy bắn qua phòng đến giữ cái thang lại.

“Lại vụ gì thế, bọn nhỏ?” Ông cậu Paton đặt đồng sách lên kệ và leo xuống thang.

Tất cả bốn đứa trẻ thi nhau nói một lúc, khiến Ông cậu Paton phải bịt tai lại và hét lên, “Quý tha ma bắt, từng đứa một thôi.”

“Chúng ta nghỉ giải lao đi,” cô Ingledew đề nghị.

Tất cả liền dồn sang phòng khách nhỏ xíu đằng sau tiệm sách, và trong khi bọn con trai ngồi chen chúc cùng với sách trên ghế đầu với ghế sofa, thì Emma thuật lại buổi sáng của mình, từ lúc phát hiện chuồng vịt của Nancy trống lổc đến lúc thấy vắng hản bóng chim, bóng thú trong thành phố.

“Ta cũng đã biết là có cái gì đó sai lệch,” Ông cậu Paton trầm ngâm. “Nhưng ta không tài nào

nhận ra được cái sai lệch ấy là gì. Đeo mắt kính đen vào là ta hay để vuột mất chi tiết lắm.”

“Nhưng Ông cậu có biết gì về đồng hoang bên kia sông không?” Charlie hỏi ông cậu nó.

“Ta chưa bao giờ liều đi xa đến thế,” Ông cậu Paton nói với vẻ hối tiếc. “Mà tại sao thú vật lại chọn đi tới đó, ta hoàn toàn không biết.”

“Chúng sợ hãi,” Charlie nói.

“Nhưng tụi con không biết tại sao mà chúng sợ,” Emma tiếp.

“Biết chứ,” Billy xen vào. “Chẳng phải Rembrandt đã nói với tụi mình là có cái gì đó thức dậy và mặt đất rừng mình đó sao?”

“Cháu sẽ không bao giờ gặp lại Hạt Đậu nữa rồi,” Benjamin mếu máo. “Ôi, tại sao nó lại không thể chờ cháu vậy?”

Cô Ingledew này giờ vẫn lui cui dọn dẹp từng góc nhỏ trong căn phòng, bỗng dừng tay lại và nhìn xoáy vào Billy. “Rừng mình? Cháu bảo là rừng mình hả?” Cô hỏi Billy.

“Phải ạ, Rembrandt nói thế ạ,” Billy trả lời cô.

“À, em có giả thuyết gì về mặt đất chẳng, Julia?” Ông cậu Paton ngồi xuống trở lại, kèm theo nụ cười.

Họ đợi cô Ingledew giải thích.

“Mọi người có thể cười nhạo tôi, nhưng mà tôi nói là có lý do cả đấy.” Cô cúi xuống bàn viết của mình và bắt đầu đút mớ báo chí vào ngăn kéo.

Sau một quãng thời gian chờ đợi bồn chồn ngăn ngủi, Charlie nằn nì, “Cô làm ơn nói cho tụi cháu nghe giả thuyết của cô đi, cô Ingledew. Tụi cháu sẽ không cười đâu mà.”

Cô Ingledew gạt mớ tóc dày màu hạt dẻ khỏi mặt và đứng thẳng lên. “Tốt lắm, nhưng cô chắc chắn cháu đã từng nghe nói về nó rồi, Charlie à.” Cô ngồi lên tay ghế của Ông cậu Paton. “Như các cháu biết đấy, Vua Đỏ, người mà tất cả các cháu là hậu duệ ấy – ngoại trừ cháu, dĩ nhiên rồi, Benjamin – ừm, khi hoàng hậu chết và nhà vua bỏ vào rừng than khóc một mình, thì mười người con của ngài đánh nhau liên miên, cho đến khi năm người trong số họ phải rời khỏi lâu đài mãi mãi. Nhưng cuộc chiến đó không hề chấm dứt, mà vẫn tiếp tục hàng nhiều thế kỷ, đúng vậy, đến tận nhiều thế kỷ sau.”

Tiếng lao nhao ngạc nhiên nổi lên khi bọn trẻ buột miệng:

“Chao! Nhiều thế kỷ?”

“Ý cô là hàng trăm, trăm năm hả?”

Charlie nói, “Giống hệt như đang diễn ra ngày hôm nay, phải không cô? Ý cháu là theo kiểu gia đình Bloor cố kiểm soát tất cả mọi người, rồi Ông cậu Paton chống lại họ khi họ đi quá xa...”

“Và bà nội gớm ghiếc của bồ luôn luôn chống lại bồ,” Benjamin thêm.

“Suýt!” Ông cậu Paton huơ bàn tay lên. “Nếu bọn bay muốn nghe xem cô Ingledew nói gì thì làm ơn để cô ấy nói tiếp đi.”

Bọn trẻ lập tức im bật.

Cô Ingledew mỉm cười hết lượt với cả đám trẻ. “Như cô đã nói đấy, sự giết chóc kéo dài hàng nhiều thế kỷ. Vùng đất xung quanh lâu đài là một chiến trường bất tận, cho tới khi, vào thế kỷ thứ 18, một trận hỏa hoạn đã thiêu hủy hầu hết nhà cửa trong thành phố. Chỉ còn mỗi khu vực nhỏ quanh nhà thờ lớn này là thoát được. Còn đâu tất cả nơi khác đều phải xây dựng lại. Chính vào khoảng thời gian này mà gia đình Bloor đã xây dựng nên một tòa nhà đồ sộ ngay trên bãi đất của lâu đài bị tàn phá.”

“Học viện Bloor!” Charlie kêu lên.

“Chính xác,” cô Ingledew xác nhận. “Mặc dù cô tin rằng vào thời đó nó được gọi là Dinh thự Bloor.”

Benjamin, giờ đang nhăn nhó vì tiểu tiện khẩn, nói, “Cháu chẳng thấy chuyện này có gì liên quan tới việc mặt đất rung mình cả.”

“Dĩ nhiên là không, cô rất tiếc. Để cô giải thích nhé,” cô Ingledew nói. “Nhưng nó liên quan tới lịch sử: bao nhiêu con người đau khổ, bao nhiêu con người bị căm ghét, sợ hãi, tất cả đều bị chôn vùi dưới những lớp tro tàn, bên dưới mảnh đất lâu đài và bên dưới thành phố, tất cả...” cô ép chặt mười ngón tay vào nhau, “tất cả dần nén lại và rồi...” Cô liếc nhìn gương mặt tái mét của Billy. “Ồ, cô làm cháu sợ hãi...”

“Không đâu. Không đâu cô,” Billy thốt lên. “Làm ơn kể tiếp đi cô.”

Cô Ingledew ngần ngừ tiếp, “Ờm, bất giác cô cảm thấy rằng chắc chắn ngày càng có nhiều vong hồn quý dữ... bị bỏ... ờ... vất vưởng”

“Giống như ai đó lật mồ mả của họ lên,” Charlie sốt sắng gợi ý.

“Đúng, kiểu như thế đó.” Cô khẽ cười. “Nhưng, thật sự thì, Charlie à, ý cô là có cái gì đó, hoặc ai đó, chắc hẳn đã đánh thức họ dậy.”

“Và đó chính là lý do khiến mặt đất rung mình,” Billy chen vào. “Những con mèo lửa đã nói rằng chúng cần phải ngăn không cho người ta tìm ra cái gì đó.”

“Một chìa khóa, chắc chắn,” Ông cậu Paton nói, như là cố nhin để khỏi ngáp.

Charlie biết thừa giọng nói ra vẻ chán nản của Ông cậu là để nhằm che giấu nỗi tò mò của ông, và nó hỏi, “Ông cậu không có ý ám chỉ chìa khóa thật đấy chứ?”

“Không, Charlie. Đúng hơn là một vật tạo tác, một vật mà sẽ nối kết một vong hồn cổ xưa với thế giới của chúng ta.”

Billy bất thành linh đứng dậy. “Thú vật có khả năng linh cảm sự việc, mọi người biết đấy. Chính vì vậy mà chúng bỏ đi hết. Nếu có cái gì đó từ quá khứ thức giấc, thì nó cũng mang những ký ức của nó theo cùng: những trận đánh nhau, những đám cháy, những tang thương và cả những tiếng kêu thét kinh hoàng. Hèn gì mà bọn thú đã cao chạy xa bay.”

“Cháu thấy tất cả những thứ này chẳng có ích gì cả,” Benjamin van vể. “Ý cháu là, có lẽ cháu sẽ không bao giờ, ôi, chẳng bao giờ tìm lại được con chó của cháu nữa.”

Viễn cảnh ghê hồn về một thành phố không muông thú đột nhiên cùng lúc hiện ra trước tất cả mọi người.

“Cứ như chịu một lời nguyền vậy,” Emma nhận xét.

Ông cậu Paton không bi quan như thế. “Mọi người ảm đạm quá đấy,” ông bảo. “Ta chắc chắn tình trạng này chỉ tạm thời thôi. Chút xíu con chuột kia tỉnh dậy và sẽ nói cho mọi người biết bọn chim thú đi đâu.”

Nhưng Rembrandt không thức giấc. Nó nằm lì trong túi Billy suốt ngày, chỉ có nhịp tim yếu xù là dấu hiệu sự sống duy nhất của nó.

Vào Chủ nhật, gió bắc thổi bạt những đám mây mưa tuyết vào thành phố, và chỉ những kẻ ngốc mới lộ mặt ra đường.

Charlie và Billy chơi trò chơi điện tử trong khi Rembrandt, nằm vùi trong giường Billy, vọt ra một tiếng ngáy lơ mơ của chuột. Một cơn gió bạo liệt bất ngờ hất rơi một viên đá phiến xuống đường, và Charlie chạy bổ ra cửa sổ. Ở đó kia, nấp bên dưới cây dẻ trơ trụi, nó lại trông thấy cái bóng người áo vàng ấy. Nó chắc chắn đó là người mà nó đã thoáng thấy lúi vào một con hẻm hôm trước. Nhưng lần này, mặc cho mưa tuyết, nó đã nhìn thấy cô bé rõ hơn. Nếu nó không lầm thì cô này người Trung Hoa. Mặc áo khoác màu vàng nắng, có mũ trùm đầu lưng phồng. Và mái tóc đen xõa ngang vai được vén gọn khỏi mặt cô bé bằng chiếc cặp tóc hình con

bướm sáng loáng.

Khi trông thấy Charlie, cô bé mỉm cười và giơ bàn tay lên vẫy. Charlie vẫy lại. Vừa thấy thế, nụ cười của cô bé liền nở rộng thêm, rồi cô chạy biến đi mất.

“Chờ đã!” Charlie gọi.

“Anh đang nói chuyện với ai vậy?” Billy hỏi.

“Cô bé kia,” Charlie bay vù ra khỏi phòng. Nó lao xuống lầu và chạy vút qua hành lang. Giật phăng cửa trước, nó gào toáng ra ngoài đường. “Đợi đã! Bạn là ai?”

Nhưng cô bé mặc áo màu nắng vẫn chạy cho tới khi khuất khỏi tầm mắt nó.

“Cô bé nào vậy?” Billy hỏi khi Charlie quay trở vào.

“Chỉ là một đứa con gái. Hình như nó biết anh, nhưng mà nó chạy đi rồi.”

Rembrandt thỉnh linh ré lên một tiếng và bật dậy.

“Coi, nó dậy rồi này.” Billy nhặt con chuột lên và bắt đầu nói bằng thứ tiếng chút chút lạnh lốt lạ lòng của chuột.

Rembrandt lộ vẻ như đang lắng nghe. Khi Billy im tiếng, con chuột đáp lại bằng vài tiếng chút yếu ớt.

Billy xụ mặt. “Nó bảo nó chả nhớ gì cả.”

“Cái gì! Nó không nhớ nó đi tới nơi lánh nạn bằng cách nào à, hoặc một tí gì cũng không nhớ à?”

Billy lại nói với Rembrandt. Con vật vẫn cứ đáp lại bằng giọng xìu xìu của một con chuột hết hơi.

“Nó có nhớ ra nơi đó trong đầu, nhưng lại quên mất tiêu cách đến đó rồi.”

“Thế thì làm sao tụi mình tìm được những con thú khác?” Charlie cật vấn.

“Không biết. Nhưng dù có muốn Rembrandt cũng không thể nào tự đi lại quãng đường đó lần nữa.” Billy nhấc một chân con chuột lên. “Trông này, đệm chân nó bị đau và bị mất một cái móng.”

Charlie quan sát bàn chân nhỏ tẻo tẹo của con chuột. Rõ ràng mấy ngón chân nát thê thảm. Charlie ảo não thả mình xuống giường và nghĩ đến Benjamin, chờ ngóng bảy tháng ròng để gặp Hạt Đậu, chỉ thấy con chó mà mình yêu thương đã biến mất. Charlie cảm thấy mình phải chịu trách nhiệm cho việc này. Giá mà nó chăm sóc Hạt Đậu tốt hơn thì hẳn chú ta đã không bỏ đi.

“Đó không phải là lỗi của anh đâu, Charlie,” Billy nhỏ nhẹ nói. “Để đây thì nội Bone chắc đã giết Hạt Đậu hoặc tống nó vào trại chó hoang rồi. Với lại, ở quán Cà Phê Thú Kiểng nó vui lắm mà.”

“Anh thắc mắc không biết bọn chim thú có trở lại không,” Charlie dăm chiêu, “hay là chúng sẽ đi luôn.”

Buổi tối, ngoại Maisie lên cho Rembrandt ăn. Bà bảo bọn nhóc để bà giữ con chuột trong phòng bà, an toàn khỏi nội Bone, rồi thứ Hai bà sẽ đem nó về lại chỗ ông Onymous.

Trong khi đó Charlie và Billy phải đóng gói đồ đạc chuẩn bị cho một học kỳ mới. Hai đứa lúi lũi làm việc, gấp áo chùng xanh da trời, áo sơ-mi trắng, nhét sách vở, giày và vớ xuống dưới đáy giỏ, mỗi đứa mãi mê đeo đuổi những suy nghĩ riêng của mình về học kỳ mới ở phía trước. Charlie tự hỏi liệu không khí trong Phòng Nhà Vua sắp tới sẽ ra sao, khi mà nơi đó vẫn thường nổ ra những trận chiến ngầm của bọn con cháu Vua Đỏ trong giờ làm bài tập về nhà. Vào cuối học kỳ trước, Charlie và bạn bè nó xem ra đã chiếm ưu thế hơn, nhưng nó biết hòa bình chỉ là tạm thời thôi. Năm đứa khác đã lộ mặt là những kẻ thù ghê gớm. Thế nào rồi cũng sẽ xảy ra xung đột lớn giữa đám hậu duệ của Vua Đỏ cho mà xem.

Sáng hôm sau, khi Charlie bước chân vào bên trong cánh cổng đôi cao lớn của Học viện Bloor, nó để ý thấy có nhiều đứa trẻ trông rất u uẩn. Luật im lặng không phải là nguyên nhân duy nhất của bầu không khí ảm đạm này. Những cái vai thông thượt, những đôi mắt cụp xuống, những tiếng thở dài nào nề buột ra trong khi lũ trẻ luồn lách qua đám đông và đi vào những phòng để áo khoác của khoa mình.

“Ồi dào ôi, cơn mưa mới u ám làm sao!” Manfred Bloor xông bừa vào đám đông. “Có chuyện gì với cả đám tụi bay vậy? Cười lên coi, Emma! Gabriel Silk, trông mày như cả tuần bị ướt vậy. Tránh chỗ cho ta đi coi, thằng khờ.”

Manfred bắt ngờ đứng sựng ngay sát mặt Lysander Sage. Charlie nhận thấy anh bạn mình giờ đã cao gần bằng thằng con trai ông hiệu trưởng. Lysander, mang vẻ mặt vô cùng cương quyết, lặng lẽ đứng nguyên tại chỗ.

“Tránh ra!” Manfred thét lác.

“Mày nói ‘làm ơn’ đi!”

Bọn trẻ xung quanh hai đứa lập tức lùi ra, bỏ lại Manfred và Lysander chình ình ngay chính giữa tiền sảnh. Bộ mặt xanh mét của Manfred đã chuyển sang đỏ lừ lự. Hắn quắc mắt nhìn Lysander, đôi mắt đen híp lại và lông mày nhướn nhú thành một đường kẻ diên giận vất trên

cái mũi dài của hắn.

Charlie nín thở. Nếu Lysander không tránh ra mau, thì anh ấy sẽ bị thôi miên mất. Tất cả mọi người trong tiền sảnh đều nhận thức rõ mối nguy hiểm ấy. Nhiều đứa trong bọn chúng, kể cả Charlie, đã từng là nạn nhân của ánh mắt gây tê liệt của Manfred.

Tránh ra đi Sander, tránh ra đi, Charlie thầm thúc hối bạn mình.

Nhưng Lysander không tránh đường.

Manfred há bành miệng. Một tiếng *huc* kinh hồn phát ra. Hắn định dọa phạt cấm túc, nhưng, phì ra một tiếng thở khinh miệt, Lysander đã lướt đi khỏi và bước vào phòng để áo khoác xanh lá cây.

Charlie đứng ngậy ra, kinh hãi trước cảnh mình vừa chứng kiến. Manfred đã không thôi miên hoặc không dọa nạt được Lysander, và giờ đây xem ra hắn đang bị sốc nặng. Con mắt tròn trũng ngó xa xăm, nổi khiếp sợ và không tin nổi ị trên gương mặt xương xẩu của hắn.

Billy giật áo chùng của Charlie. “Tụi mình nên ra khỏi đây mau,” nó thì thầm.

Lời cảnh báo của thằng bé đến quá trễ.

“Mày đang dòm cái gì thế hả, Bone?” Manfred quát, giờ thậm chí còn điên cuồng hơn trước.

“Không... em chỉ... em nghĩ mình đánh mất đồ.”

“Đồ ranh con.” Manfred quay ngoắt đi và dùng dùng tiến tới phòng Huynh Trưởng.

Charlie chỉ chực muốn hét gì đó bậy bạ sau lưng hắn, nhưng Billy đã lôi nó vào phòng để áo khoác xanh da trời. Cả hai được đón tiếp bằng tiếng trò chuyện ong ong o o. Ít nhất mười đứa trẻ bị mất thú cưng. Gabriel Silk trông còn ủ rũ hơn thường lệ nhiều. Hai mươi con trong số chuột cảnh của Gabriel biến mất, cùng với ba con vịt và con dê cưng mà mẹ nó nuôi.

“VẬY ĐÂU TỆ BẰNG MẤT CHÓ,” Gwyneth Howells kêu van, mà nếu dùng cho đúng từ thì là than khóc.

“Mất mèo kinh khủng hơn mất chó nhiều,” một đứa con gái nhỏ quất trong chiếc áo chùng rộng gấp đôi thân mình cãi lại.

Fidelio Gunn đang lên dây đàn, tỉnh bơ không đoái hoài gì đến cuộc bàn luận xung quanh.

“Fido, thế con mèo của anh thì sao? Con Pudding thế nào?” Charlie ngồi xuống băng ghế bên

cạnh bạn.

“Pudding á? Nó làm sao? Nó bình thường chứ sao. Dĩ nhiên, vẫn điếc như cây cột vậy.”

“Chắc anh đã nghe thấy gì rồi đó. Thú nuôi của tất cả mọi người đều...” Charlie chột nín thình vì sức nhớ ra. “À, con mèo của anh bị điếc.” Nó hình dung nhà của Fidelio, chật cứng tụi con nít học nhạc, đánh đàn bập bùng và gõ trống, hát hò và nện nhịp. Mái Âm Gia Đình Gunn rung chuyển thật sự với âm thanh – nhưng mà, vào đêm khuya thì đâu có rung.

“Thế có gì đặc biệt diễn ra trong nhà anh vào đêm thứ Bảy không?” Charlie hỏi.

“Có.” Fidelio ngâm nga một nốt nhạc. “Anh Felix chia tay với ban nhạc của anh ấy. Họ ở trên gác mái nhưng vẫn ồn ào như địa ngục. Ba anh phải bảo họ khăn gói ra đi vào lúc một giờ khuya.”

“Thảo nào,” Charlie vỡ lẽ. “Chắc là Pudding chẳng cảm thấy gì hết.” Nó đứng lên, nhận thấy phòng để áo khoác giờ đã vắng tanh. “Đi thôi, tụi mình trễ giờ tập hợp bây giờ.”

Trong giờ giải lao đầu tiên, bầu không khí u uất phủ trùm khắp sân chơi. Charlie ngạc nhiên sao mà có nhiều đứa nuôi hăm bà lăng nhiều loại thú cưng đến thế. Nó đi ngang qua một đám khổ chủ đang bàn tán về những con thú bị mất của chúng: chó, mèo, thỏ, thậm chí cả giống mào, rắn, và vượn mắt to đuôi dài. Bọn thú cưng đã đi đâu và tại sao? Liệu chúng có trở về không, và bao giờ thì về?

Charlie định ninh rằng rốt cuộc những nghi ngờ cũng sẽ lại đổ lên đầu những hậu duệ của Vua Đỏ. Bọn chúng chuyên bị đổ thừa cho những sự kiện quái lạ xảy ra.

Cô Chrystal, giáo viên dạy đàn, hân hoan vẫy tay với Charlie từ cửa vườn. “Trò khỏe chứ, Charlie?” Cô gọi. “Trông trò thật thần thế.”

“Em đang tìm Fidelio, thưa cô,” Charlie đáp.

“À. Trò ấy đang chờ học nhạc. Cô đến trễ mà.” Cô Chrystal thụt lại vào trong tòa nhà.

Charlie ghen tị với Fidelio. Anh ấy được một cô giáo trẻ nhất, xinh đẹp nhất trường dạy nhạc cho. Ai như Charlie phải học ông thầy Paltry già nua, bần tính và ho ra toàn mùi thuốc lá.

“Chào, Charlie!”

Charlie quay qua thì thấy Tancred và Lysander đang cùng nhau dạo bước bên mé sân. Tancred vẫy nó lại. Charlie chạy đến chỗ họ, nhưng nụ cười chào đón thường lệ của Lysander đã vắng bóng. Anh hốt hải ngó ra môông lung, như thể Charlie không có ở đó vậy.

“Hê, tuyết quá trời, anh dừng cảm đương đầu với Manfred như thế hay quá,” Charlie nói đầy hào hứng.

Vẫn không cười. “Ừm.” Lysander nhìn lơ lảo ra đằng trước.

“Con vẹt của nó đi rồi,” Tancred giải thích. “Em biết đấy, con Homer ấy mà.”

“Tất cả thú vật đều bỏ đi,” Charlie nói. “Chúng đi trong khi trời nổi bão tuyết hồi hôm thứ Bảy. Nhưng chúng ta sẽ đưa chúng trở lại, em biết chúng ta sẽ làm được mà.”

Tancred nói nhanh. “Về tuyết thì, Charlie à. Đó là do anh làm đấy. Anh làm ra tuyết, nhưng anh thề là anh không dính líu đến thú thiếc gì cả.”

“*Anh!*” Charlie kêu lên. “Hèn chi. Em thấy thú tuyết ấy nó quái quỷ sao sao đó.”

Tancred trông bộ hơi phật ý. “Anh thật sự nghĩ mình đã làm cực tốt đấy chứ.”

“Nhưng tại sao phải đổ tuyết?” Charlie hỏi.

“Mấy con mèo lửa đến hỏi thúc anh làm vậy đấy.” Tancred quơ nguyên bàn tay quào mó tóc vàng cứng queo của mình. “Anh cũng không biết tại sao.”

“Chúng cũng đến gặp em nữa,” Charlie nói, gần như với riêng mình thì đúng hơn. “Có lẽ chúng đã cố ngăn để cho người ta khỏi tìm ra cái gì đó, và nếu có tuyết thì sẽ đỡ hơn một chút, nhưng có vẻ như cuối cùng kẻ nào đó cũng đã lấy được một vật. Cái vật ấy nối kết thế giới của chúng ta với một thứ như là... vong hồn cổ xưa.” Charlie thở rít vào một hơi.

Hai anh lớn dòm sừng vào Charlie, vừa như bị hút hồn, vừa pha lẫn ngờ vực.

“Sao nữa,” Lysander giục.

“Ừm, khi việc đó xảy ra, mặt đất rùng mình. Ít nhất đó là điều mà con Rembrandt nói với Billy. Muông thú cảm nhận được cái rùng mình đó và tất cả bọn chúng hoảng sợ đến nỗi chạy trốn sạch.”

“Đi đâu?” Lysander hỏi dồn. “Con vẹt của anh đi luôn rồi và anh muốn nó trở lại. Anh cần nó.”

Charlie nhún vai chịu thua. “Rembrandt nói tất cả chúng đã băng qua sông. Nó đã trở về, nhưng giờ thì nó không thể nhớ nổi nó đã đi tới... tới nơi nào đó bằng cách nào.”

“Đồ chuột vô dụng,” Lysander gầm gừ.

Charlie thất vọng khi thấy một người cứng cỏi như Lysander mà lại quá phụ thuộc vào một con vẹt như vậy. Nó định lên tiếng bên vực Rembrandt thì tiếng tù và đã rúc lên báo hiệu giờ giải lao kết thúc, và bọn con trai cầm đầu về lại học viện.

Trong lúc đám đông trẻ con chen chúc nhau qua cửa vườn, Charlie kinh ngạc thấy một dáng quen quen đang bước đi lẫn trong bọn chúng. Đó là mẹ của Benjamin, cô Brown.

“Mẹ của bạn em kìa, Charlie.” Tancred nhận xét. “Benjamin có học ở Học viện Bloor không?”

Charlie lắc đầu. “Không. Đáng ra nó phải nói cho em biết chứ. Cô ấy đang làm gì ở đây nhỉ?”

“Cô ấy là thám tử tư, vì vậy chắc chắn cô ấy đang điều tra gì đó,” Lysander nhận định. “Hãy, có lẽ cô ấy đến để tìm hiểu vụ thú vật biến mất cũng nên. Bảo đảm người ta nghĩ là tại một đứa trong đám tụ mình.” Anh phá lên cười chua chát.

Cô Brown bất thành linh ngoái lại sau và bắt gặp ánh mắt của Charlie. Cô vội quay đi và bước qua cửa.

“Cô ấy không muốn tỏ ra là biết em,” Charlie nói vẻ nghi hoặc.

“Em nằm trong diện khả nghi, Charlie Bone,” Tancred nói với nụ cười giấu cợt. “Gặp lại em sau nhé, kẻ làm bối hơi bọn thú.” Anh bay đuổi theo Lysander, lúc này đã sải bước đi đằng trước.

“Cái...” Charlie đứng há hốc mồm ra.

Tancred nói đùa thôi, dĩ nhiên, nhưng việc mẹ thằng bạn thân nhất của ta cố ý tránh né ta thì không phải là đùa rồi.

“Biết ngay mày là đứa cuối cùng mà,” Asa Pike, huynh trưởng, cười khẩy nhìn Charlie từ bên trong tiền sảnh. “Mười giây nữa là tao khóa...”

“KHÔNG!” Charlie phóng bay qua bậc cửa và dừng kít lại ngay bên cạnh Asa.

“Mày nghĩ Giáng sinh vui nhỉ?” Luôn có vẻ khinh miệt ẩn sau mọi lời nhận xét của Asa.

Charlie chọn cách lờ tịt sự miệt thị đó đi và đáp, “Tuyệt lắm, cảm ơn. Còn anh?”

Bộ mặt như con chồn của Asa co rúm lại. Nó vắt một mớ tóc mỡ nhờn nhờn màu cam ra sau tai và nói, “Đương nhiên. Xéo ngay không mày trễ giờ học bây giờ.”

Charlie hấp tấp băng qua tiền sảnh, bỏ mặc Asa đóng cửa vườn. Có cái gì đó bất thường trong hành vi của thằng huynh trưởng này. Hình như hấn sợ sệt và bất an. Asa là học sinh lớn nhất trong trường và đáng lý ra hấn phải là thủ lĩnh nam sinh, nhưng vì thi trượt tất cả các môn, hấn đành chịu chuyển chức đó vào tay Riley Burns, một kẻ hợm hĩnh, tự cho mình biết tuốt mọi sự trên đời và là một nhà vô địch điền kinh.

Phải chăng sự vụ nhục nhã đó giải thích cho nỗi hoảng hốt của Asa? Charlie không chắc. Và rồi một ý nghĩ loé lên trong đầu Charlie. Ai cũng biết Asa có thể thay đổi hình dạng. Mỗi khi trời sập tối, hấn có thể trở thành một sinh vật giống như sói, lưng cong, mõm dài. Có lẽ, giống như bao con thú khác, hấn cũng đã cảm nhận được khi mặt đất rung mình. Charlie định bụng sẽ quan sát thằng huynh trưởng trong giờ làm bài tập, khi chúng ngồi cùng bàn trong Phòng Nhà Vua.

Tối hôm đó, Charlie là đứa đầu tiên đi qua cánh cửa đôi màu đen vào Phòng Nhà Vua. Nó nhìn quanh căn phòng hình tròn, mái trần cao, với những bức tường cong dựng kín những kệ sách bọc da. Chỉ chừa lại không gian cho một bức tranh duy nhất: bức chân dung Vua Đỏ khổng lồ lồng khung mạ vàng.

Charlie thích ngồi chỗ mà nó có thể ngắm bức tranh, và nó vừa bày xong sách vở lên chiếc bàn tròn thì những đứa trẻ được ban phép thuật khác cũng lục tục kéo đến.

Đầu tiên là Joshua Tilpin, một thằng bé loắt choắt, mặt như mặt chuột, tai to và răng xộc xệch. Như thường lệ, người nó dính đầy nhóc bụi phấn, giấy, lá và cành khô. Không phải chỉ sinh từ tính như một thói nam châm thông thường, Joshua còn có khả năng thu hút được nhiều thứ khác nhau. Tiếp theo là chị em sinh đôi siêu năng, Idith và Inez, rồi tới Billy Raven len lén đi qua cửa. Khép nép đi về phía Charlie, Billy thì thào. “Em có điều muốn nói với anh.”

Nhưng Charlie hầu như không nghe thấy Billy nói gì. Nó đang mãi nhìn chong chong vào bức chân dung nhà vua. Nó rành bức tranh này lắm. Nó vẫn thường ngắm nghía gương mặt đen, với những đường nứt mờ hay gập ở các bức tranh cổ. Nhà vua đội vương miện vàng thanh mảnh và mặc áo chùng đỏ, những nếp gấp sắc nét trên áo sậm lại và xỉn màu năm tháng. Charlie luôn ước ao có ngày đi vào được bức tranh và dạo bước trong thế giới xa xôi của Vua Đỏ, nhưng luôn có gì đó ngăn cản nó. Một cái bóng đậm đứng sau nhà vua, một bóng hình bí hiểm khóa chặt mọi cố gắng của Charlie hầu tiếp xúc với tổ tiên mình. Nhưng bây giờ...

Mắt Charlie trợn căng lên. Choáng váng trong cơn sốc, nó túm chặt lấy cái lưng ghế. Cái bóng đã dịch chuyển. Cái bóng đó mờ thôi, nhưng Charlie biết rành bức tranh đến nỗi cái bóng rõ mồn một đối với nó. Trước đây cái bóng chỉ là một dải mù sương, đứng đằng sau nhà vua. Giờ thì hình như cái bóng đã lớn hơn và rõ hơn, như thể nó đã bước một bước tới trước.

“Cái bóng,” Charlie nín thở.

Chồm sát lại gần nó, Billy thì thào, “Em cũng định nói cho anh biết về cái bóng đó.”

PHÙ THỦY CÓ HAI CÁI BÓNG

“Billy Raven, trò đang nói gì đấy?” Manfred Bloor khệnh khạng đi vào phòng. Tay hắn xách một chiếc cặp táp đen to đùng, nhìn mới cứng.

“Ờ... không ạ. Em chỉ bảo **Charlie** dịch cuốn sách ra thôi.” Đôi mắt đỏ của Billy chớp chớp sợ hãi.

“Im lặng là vàng, nhớ đó, Billy.” Manfred ngồi vào chỗ của hắn ở cái bàn đối diện.

“Vâng, thưa thầy Man... à ngài.” Billy kịp thời sực nhớ ra Manfred bây giờ phải được gọi là “ngài”.

Dần dần, Phòng Nhà Vua cũng đầy hết. Lysander là người cuối cùng đi vào. Anh đóng cửa lại bằng một cú đá hậu, khiến Manfred nổi trận lôi đình. “Quý bắt mày đi, mày không thể cư xử bình thường được sao, Lysander Sage?”

“Cũng còn tùy xem thầy ngụ ý cái gì là bình thường,” Lysander điềm nhiên. “Ý của tôi là không ai trong chúng ta ở đây bình thường cả, đúng không? Thậm chí cả thầy cũng không.”

Bất ngờ quá, Manfred trợn mắt kinh hoàng nhìn Lysander, nhưng rồi nhanh chóng lấy lại bình tĩnh, hấn nạt nộ, “Ta thấy mi xấc láo đủ rồi đấy, Sage. Rồi mi sẽ phải trả giá cho lời nhận xét đó. Thôi, ngồi xuống và câm mồm lại.”

Nhún vai, Lysander ngồi xuống cạnh Tancred, và trước những cái nhìn chăm chăm của đám trẻ còn lại trong phòng, anh bày sách vở ra bàn.

Bầu không khí ngọt ngào trong Phòng Nhà Vua mỗi lúc mỗi ngọt ngào hơn. **Charlie** thấy tối nay cái bọn ngồi hai bên Manfred có vẻ tự mãn một cách đặc biệt. Chúng liên tục đá cho nhau những ánh mắt bí hiểm, và rồi lại trơ tráo dòm phóng qua bàn, tới chỗ **Charlie** và bạn bè nó.

Dorcas Loom đã có thời là một con nhỏ tròn trịa lúc nào cũng cười. Giờ nó trở thành một cô nàng mười hai tuổi ục ịch, mất lúc nào cũng trợn ngược lên, với mái tóc vàng tết bím và nước da tái nhợt ốm yếu của kẻ cứ ở tịt trong nhà. Nó ngồi lèn giữa cặp sinh đôi giống nhau y đúc nhà Branko là Idith và Inez – đôi trẻ mặt trơ như búp bê, tóc đen, chỉ cười khi có đứa nào đó gặp chuyện điều đứng.

Một trong hai đứa sinh đôi (ai biết là đứa nào) lúc này đang dòm **Charlie** hau háu, trong khi ánh mắt **Charlie** chĩa lên bức chân dung Vua Đỏ. Nó không tài nào tập trung được vào bài tập của mình. Vị trí bị thay đổi của cái bóng nghiệt ngã trong bức họa đã choán hết tâm trí nó. Việc này đã xảy ra thế nào? Và tại sao? Manfred từng bảo với nó rằng cái bóng đó là Borlath, người con cả của nhà vua, một tên bạo chúa tàn ngược. Nhưng bản năng mách bảo **Charlie** rằng điều đó không phải. Vậy thì cái bóng đó là ai?

“Bone! Làm bài tập đi!” Tiếng quát của Manfred kéo tuột **Charlie** trở lại mặt đất.

“Em đang... đang làm,” nó lắp bắp.

“Láo. Mi lại đang nhìn trợn nhìn trạo vào bức tranh chứ gì. Mi lúc nào mà chả vậy. Hừ, bỏ cuộc

đi, **Charlie Bone**, bởi vì đó là bức tranh mà mi không bao giờ, không bao giờ có thể vào được. Hiểu chứ?”

“Vâng, nếu thầy nói vậy,” **Charlie** cúi đầu xuống bài tập của mình. Nó cố cưỡng lại niềm thôi thúc phải nhắc tới cái bóng, mặc dù nó chỉ ao ước muốn biết mấy đứa kia sẽ phản ứng ra sao với điều đó. Ngoài Billy, xem ra chưa đứa nào nhận thấy cái bóng đã dịch chuyển thì phải?

Ngay khi giờ làm bài tập kết thúc, **Charlie** thu gom sách vở lại và tắt tưới theo Billy ra khỏi phòng.

“Em có thấy cái bóng không?” Nó hỏi Billy khi thằng bé con vội vã đi dọc theo hành lang. “Có phải đó là chuyện em muốn nói với anh không?”

“Em đâu có tinh mắt lắm đâu,” Billy thận trọng nói. Rồi nó dừng lại, ngoái ra sau. “Họ đang chờ cái gì vậy?”

Quay lại nhìn, **Charlie** thấy Gabriel, Emma, Tancred và Lysander đang đứng bên ngoài Phòng Nhà Vua.

“Cậu có thấy cái đó không?” Emma gọi **Charlie**.

“Cái gì?” **Charlie** nói, bực mình vì bị phân tâm ngay lúc đang ráng moi thêm tin tức từ Billy.

“Asa tới khóa cửa ngay khi tụi mình rời khỏi phòng,” Emma bảo với **Charlie**.

“Bọn kia vẫn còn ở trong đó mà,” Gabriel thêm. “Bọn chúng âm mưu gì thế nhỉ?”

“Ai thèm quan tâm,” Lysander lững thững đi khỏi nhóm bạn.

“Mình thì quan tâm đấy,” chiếc áo chùng của Tancred bay phồng lên và một làn gió mạnh vù qua thổi bay tung tóc cả bọn. “Chúng đang làm gì thế? Mình muốn biết.” Anh áp tai vào cánh cửa, đúng lúc đó cánh cửa mở ra, khiến anh chúi nhủi về trước, tông ầm vào Asa Pike.

“Cút đi, đồ do thám!” Asa rít lên, hất ngửa Tancred ra.

Cùng với tiếng thét tức giận, Tancred hụt chân ngã ra sau, mất thăng bằng và té phịch mông xuống sàn.

“Tất cả tụi bay cút mau,” Asa ngó trừng trừng qua hành lang. “Trừ phi tụi bay muốn cấm túc.” Đoạn sập cánh cửa cái ình và ồm ào khóa lại từ bên trong.

Tancred đứng dậy và đang định xông vào Phòng Nhà Vua lần nữa, thì Emma vịn cánh tay anh lại. “Đừng, Tanc,” con nhỏ nói. “Không đáng đâu.”

Charlie thấy rõ rằng Tancred đang hăng tiết muốn phang hết sức vào cánh cửa đôi cao lớn, đen bóng kia, nhưng có gì đó trong giọng nói nhỏ nhẹ của Emma đã ngăn Tancred lại. “Ờ. Nói phải đó, Emma. Làm thế anh chỉ tổ lọt vào tay chúng thôi.”

Emma giúp Tancred thu dọn sách bút bị rơi rớt lại, sau đó, cặp chồng bài tập về nhà dưới nách, cậu bé bảo tố hòa vào nhóm bạn đi về những phòng ngủ chung. Khi chúng băng qua chiếu nghỉ phía trên tiền sảnh, hai anh lớn rời bọn nhỏ và leo cái cầu thang thứ nhất lên tầng trên. Đi thêm chút nữa, Emma bắt đầu leo tiếp cầu thang thứ hai đến phòng ngủ chung nữ sinh.

“Chúc ngủ ngon, Emma. Hẹn g...,” **Charlie** đột nhiên dừng sững lại.

“Gì vậy?” Emma ngoái ra sau ngó.

Hành lang tối om om, và đã bắt đầu không còn nhìn thấy được những cánh cửa, nhưng **Charlie** biết mình đã nhìn thấy gì. “Chú Brown,” nó thì thào. “Ba của Benjamin. Chú ấy đang đi theo bọn mình. Mình chắc chắn như vậy đó.”

“Quái lạ,” Emma lầm bầm. “Nhưng tội mình đành mặc kệ thôi,” con nhỏ ngáp. “Mình đi đây. Chúc các cậu ngủ ngon.” Rồi nó biến mất vào bóng tối của tầng tiếp theo.

Charlie và Billy xuôi tiếp dãy hành lang tối mò, tới phòng ngủ mà chúng đã ở cùng với nhau hồi học kỳ trước. Mỗi phòng đều có một danh sách dán ở cửa, và ngay tức khắc chúng nhận thấy mình lại được ngủ chung phòng.

Gabriele đã ở sẵn trong phòng ngủ chung. Cậu chàng đang ngồi trên một trong những cái giường, hít hít không khí. “Có mùi kỳ kỳ ở đây,” cậu bảo.

“Mùi hay không mùi tội mình cũng là những đứa đầu tiên vào đây, vì vậy tội mình được quyền chọn giường trước.” **Charlie** nhìn đồng hồ đeo tay của mình. “Chà, Manfred cho tội mình ra sớm.”

“Để hẩn còn bàn chuyện bí mật với Asa và đồng bọn chứ gì, chắc chắn,” Gabriel suy đoán. Anh chàng đi vào phòng tắm và hét lên một tiếng kinh hồn. “Ồi! Gớm quá. Lại con chó đó nữa.”

“Ồi, May Phúc, em quên phéng nó mất.” Khi Billy chạy ù tới buồng tắm, nó suýt vấp phải một con chó ú ị, lùn tịt đang rống loác choác chạy ra trên bộ căng lùn cùn.

“Nó làm gì ở đây vậy?” Gabriel la chối lói. “Sao nó không biến đi cùng với những con thú còn lại?”

“Em đã định nói cho anh biết,” Billy vỗ vỗ đầu con chó già. “Nó đã vào đây khi em dỡ đồ đạc ra, và hình như là, em đã vô tình nhốt nó ở trong buồng tắm khi em đi làm bài tập.”

“Nhưng chuyện đó không giải thích được việc nó đã tránh cuộc lánh nạn đại trà của bọn muông thú ra sao,” Gabriel nói khi quay trở vào buồng tắm.

“Nó già rồi,” Billy chỉ ra. “Rất nhiều con vật già không đi nổi, hoặc không cảm nhận được cơn địa chấn, hay cơn gì gì đó.”

Billy đẩy May Phúc lên cái giường mà nó đã chọn cho mình. “Thật ra thì nó có cảm thấy được cú rùng mình đó,” thằng bé bảo **Charlie**. “Nhưng lúc đó nó đang ở bên bà bếp trưởng, và bà ấy bắt nó ở đâu phải ở yên đấy. Khi tắt cả kết thúc, nó bò ra ngoài và thấy có một thứ gì đó làm cho nó rất, rất sợ. Phải vậy không, May Phúc?”

Con chó già phụt ra vài tiếng gù gừ trầm đặc và nằm xoài ra trên chiếc gối của Billy. **Charlie** ngồi ở cuối cái giường kế giường Billy. Nó không hiểu làm sao mà Billy có thể chịu đựng nổi mùi hôi khủng khiếp mà May Phúc chắc chắn đã để lại trên gối, chưa nói đến đất cát, lông với lại bọt chét.

“Ừm, thế nó đã trông thấy cái gì?” **Charlie** hỏi Billy.

Thằng bé bạch tạng hạ thấp giọng. “Nó thấy một phù thủy có hai cái bóng.”

“Cái gì!” **Charlie** thét lên.

Gabriel vọt bắn ra khỏi nhà tắm. “Gì hả?”

Charlie lặp lại những gì Billy vừa nói với mình.

“Ý em nói là, một phù thủy?” Vẻ khiếp hãi lan cùng khắp gương mặt dài của Gabriel, khiến chú chàng trông giống như một con thỏ sừng sốt. “Làm sao May Phúc biết đó là một phù thủy?”

“Từ đó là từ em nói,” Billy thừa nhận. “Nguyên văn May Phúc nói là một phụ nữ giống quý.”

“Một phụ nữ giống quý,” tóc đằng sau gáy **Charlie** dựng lên như bụi mâm xôi. “Thế nghe lại còn ghê hơn.”

“Thế thì mắc mớ gì tới hai cái bóng chó?” Gabriel hỏi, hy vọng tự trấn an được mình bằng một lời giải thích hợp lý. “Em có nghĩ con chó nhìn một thành hai không? Ý anh là nó già quá rồi còn gì.”

“Thị lực của nó tốt cỡ thị lực em,” Billy sửa lại cặp mắt kiếng tròn của nó và nói với May Phúc bằng thứ tiếng gì đó nghe như tiếng làu bầu, rên rĩ.

May Phúc học lên một tiếng lo lắng, rồi lăn ngửa người ra và phọt thêm một tràng sữa giật cục nữa.

“Chính xác là hai cái bóng,” Billy nói sau khi con chó già dừng lại. “Bởi vì một trong hai cái bóng đã biến thành một cái gì đó nữa, trong khi bóng của người phụ nữ giống quý thì vẫn ở nguyên với bà ấy.”

“Biến thành cái gì?” Gabriel và **Charlie** cùng buột miệng đồng thanh hỏi.

“Với một con chó thì mô tả được như vậy là giỏi lắm rồi,” Billy nói về khâm phục. “Lúc ấy nó ở trong tiền sảnh, núp sau cái tủ com-mốt cũ. Người phụ nữ đó đi xuống cầu thang chính với hai cái bóng tỏa xuống nền đá trước mặt. Và khi bà ấy ra tới cánh cửa chính thì cái... cái bóng kia, hình như là, đứng lên. Đầu tiên nó màu xám, giống một đám mây bụi, rồi sau đó nó chuyển màu xanh lá cây có những mảng vàng chói.”

Billy liếc nhìn May Phúc và hạ thấp giọng. “Nó bảo đó là một cái áo choàng ngủ dài, nhưng em nghĩ cái đó giống như kiểu áo thụng dài thời Trung cổ.” Thằng bé toét miệng cười thân thiện với May Phúc một cái. “Không phải lỗi của nó. Ý em là, nó chưa thấy áo thụng dài thời Trung cổ bao giờ. Còn *em* thì em chỉ thấy nó trong những bức tranh của...”

“Em làm ơn nói tiếp về cái bóng được không?” **Charlie** thúc hối.

“Xin lỗi. Nhưng cảm xúc của chó là rất quan trọng.” Billy ho nhẹ một cái. “À mà nó nói là cái bóng có gương mặt của một người đàn ông, tóc nâu, gần tới vai, đi giày dài và nhọn, và...”

Cánh cửa bất thành linh mở tung và một đàn con trai ủa vào phòng.

“Úi! Không phải con chó già cú để bốc mùi đó nữa chứ,” một thằng bé năm thứ nhất tên Bragger kêu rêu, cái thằng này mập thù lù, to bành và được gọi là Ốc Nổ.

May Phúc rú lên một tiếng hoảng hốt, nhảy bắn khỏi giường và lọt tọt chạy thục mạng ra cửa.

“Gớm ghiếc,” Bragger làu bầu, đi tới cái giường xa khỏi giường Billy nhất. “Con chó đó bốc mùi

tởm nhất trần đời.”

“Tôi nghĩ còn có mùi khác ác chiến hơn nữa kia,” Fidelio nói, đặt túi xách lên cái giường **Charlie** đã giành cho nó.

“Me cho em thuốc khử mùi này nè,” Rupe Small, một thằng bé năm thứ nhất bé tẹo la quác quác. “Sẽ có lại mùi dễ chịu ngay thôi mà, Bragger.” Đoạn nó chìa ra một cái hộp bằng thiếc to tướng màu hồng và xịt tứ tung khắp phòng cái mùi thậm chí còn ghê hơn mùi của May Phúc.

“Nó có tên là Cánh Hoa Thơm,” Rupe xăng xái la tiếp, trong khi mười một thằng bé cùng lao bổ lên giường mình và vùi mặt giấu vào gối, vào áo ngủ và bất kỳ thứ gì chúng vớ được.

Những tiếng thét nghệt ứ:

“Thôi ngay!”

“Còn kinh tởm hơn ấy!”

“Dẹp đi!”

“Đứa nào bóp chết thằng kia mau!”

văng ra từ những nạn nhân, trong khi Rupe vẫn vô tư rải đầy phòng ngủ chung cái mùi ngọt thở của Cánh Hoa Thơm.

Xem ra không có gì có thể ngăn chặn được kẻ xịt hương kiên quyết kia, mãi đến khi có tiếng thét thành tràng xé tai vang lên từ tầng trên. Kẹt giữa luồng hơi phụt nửa chừng, Rupe đứng há hốc mồm, trong khi bọn con trai vùn gkhỏi giường và chồm nhum chạy phóng qua nó.

Charlie là đứa đầu tiên chạy lên tới lầu của bọn con gái. Nó đứng ở bậc thang trên cùng, gót chân chòng chành và chỉ chực té bổ ra sau, trong khi Gabriel, bấu hằn cả hai bàn tay vào **Charlie**, ngo vòng qua người nó tới hành lang đằng kia.

“Ồ, KHIẾP!ỒI MẸ ƠI!” Gabriel rống lên, ngã chổng ngựa xuống hàng con trai đứng đằng sau.

Chẳng màng đến những tiếng kêu la đau đớn và cái kính ở dưới cầu thang, **Charlie** trở mắt nghi hoặc nhìn cái sinh vật lù lù trước mặt mình. Một con cá sấu châu Mỹ khổng lồ màu xám – xanh lá cây choán chặt cả hành lang. Con vật hấp háy đôi mắt vàng khè và há ngoác cái miệng sâu như hang động, nhồi nhét đầy những chiếc răng quý, sắc như dao cạo, chưa từng thấy, kể cả trong những phim kinh dị.

Sàn nhà phía sau con quái vật rải rác những hình hài trong đủ kiểu áo ngủ nằm úp mặt xuống sàn, trong khi đó vẻ mặt hồn siêu phách lạc của đám con gái chưa xủ thập thò lộ ra đầy những cánh cửa các căn phòng; nhìn thấy con cá sấu, chúng rú lên rồi bỏ chạy vào. Hành lang dội vang tiếng ình oàng của những cánh cửa sập vội.

Bỗng dưng sinh vật khổng lồ rống lên một tiếng xé cổ họng và xồ tới **Charlie**. Bám chắc lấy con tiện tay vịn cầu thang, nhưng, không thể nhúc nhích, **Charlie** thét lớn đến nỗi sinh vật đó dừng phắt lại giữa đường.

“CHUYỆN GÌ ĐÓ?”

Charlie nhận ra giọng bà cô Lucretia Yewbeam của mình, cũng là bà giám thị. Thừa biết bà ta ghét mình cỡ nào nên nó chẳng mong bà ta tới giải cứu, nhưng thật ngạc nhiên làm sao, con

quái vật bắt đầu tan rã ra. Trước tiên là cái đuôi vô hình dần, lan lên tấm lưng cóc cáy mụn com, tới cái đầu găm gù, rồi cho tới khi con cá sấu hoàn toàn bị nuốt chửng vào hư không.

Đến lúc bà Lucretia Yewbeam leo qua được những thang bé bị thương và lên tới chỗ **Charlie** thì hành lang đã trống trơn, ngoại trừ mấy đứa con gái bất tỉnh.

Mục kích cảnh tượng hãi hùng trước mắt, bà giám thị gào to. “CHARLIE, MÀY LÀM CÁI QUÁI QUỲ GÌ ĐÓ HẢ, THẲNG KIA?”

“Cháu á?” **Charlie** kêu lên. “Đâu có.”

“Mày bảo thế này mà là đâu có à?” Bà giám thị chỉ đám con gái ngã rạp, vài đứa trong bọn giờ đang hồi tỉnh.

“Con không làm *chuyện* đó,” **Charlie** cãi.

“Nó làm đấy,” một giọng quý quyết vang lên. Dorcas Loom đã thò mặt ra khỏi một trong những phòng ngủ chung. “Nó làm một con cá sấu châu Mỹ. Hừ, nói cách khác, nó tạo ra ảo ảnh một con cá sấu Mỹ.”

“Không bao giờ,” **Charlie** la ầm lên. “Bạn biết rõ là không phải tôi mà. Nghe mọi người kêu thét tôi mới lên đây mà.”

“Như thế không có nghĩa là mày không làm,” Dorcas sùng sộ.

“Đi gặp hiệu trưởng ngay lập tức,” bà giám thị quắc mắt ngó xuống **Charlie**.

“Tại sao?” **Charlie** hỏi, ngạc nhiên thật sự.

“Để giải thích mày vừa mới làm gì.”

“Nhưng mà...” **Charlie** ngược nhìn lên bộ mặt lạnh như tiền to chù vù phía trên cao. Họ lúc nào cũng hệt như nhau, bà nội và ba bà cô của nó. Họ luôn luôn chống lại nó. Tranh cãi cũng vô ích.

Nó vừa dợm chân bước xuống cầu thang thì một giọng thánh thót vang lên. “Bạn ấy không làm đâu, thưa bà giám thị. Thật đấy. Cháu biết chắc chắn bạn ấy không làm mà.”

Charlie quay qua thì thấy Olivia Vertigo đang bước vội dọc theo hành lang. Con nhỏ mặc bộ pi-ja-ma quái chiêu chưa từng thấy. Cả quần lẫn áo đều bằng nhung đen thêu những bông hoa vàng óng to chùm búp, hợp “tông” vô cùng với mái tóc sợi vàng sợi đen của con nhỏ.

“Không phải việc của trò, Olivia,” bà giám thị sửa um.

“Là việc của cháu chứ,” Olivia phản đối. “Dorcas nói láo. **Charlie** vô tội.”

“Vô tội cái chân ta ấy,” bà giám thị đẩy Olivia một cái mạnh bạo. “Đi ngủ đi.”

“Cảm ơn đã cố giúp mình, Liv,” **Charlie** nói. “À mà này, trông bồ hết sẩy luôn.”

“Tao đã bảo mày đi gặp tiến sĩ Bloor mà,” bà giám thị rút rú. “Đi, mau!” Bà ta túm lấy vai **Charlie** và đẩy nó lao đảo xuống cầu thang.

Fidelio đang chờ ở bên ngoài phòng ngủ chung. “Chúc may mắn,” nó gọi với theo.

Charlie cười toe toét, “Tiến sĩ Bloor không làm em sợ đâu.”

Rồi chúng nghe thấy tiếng bà giám thị đi rầm rập trong hành lang lầu trên, quát tháo ra lệnh và đẩy đỡ những đứa con gái khóc thút thít đứng dậy.

“Tôi nghiệp tụi nó!” **Charlie** lẩm bẩm khi bỏ đám nhốn nháo lại đằng sau. Lúc tới cầu thang chính, nó chợt nghe thấy có tiếng bước chân nhẹ bên dưới, liền nhìn xuống. Tiền sảnh có vẻ vắng tanh. **Charlie** bắt đầu đi xuống. Được nửa đường, chợt nó thấy một cái bóng chạy tọt vào phòng để áo khoác xanh da trời. Chú Brown, nếu **Charlie** không lầm.

Benjamin có biết cha mẹ nó đang làm việc tại Học viện Bloor không? **Charlie** tự hỏi. Nó tiến tới cánh cửa nhỏ dẫn đến khu nhà của gia đình Bloor ở chái phía tây. Một ngọn đèn chơ vơ, mờ tỏ soi lối tới tầng trệt của ngọn tháp phía tây. Từ đây một cầu thang xoáy tròn ốc leo lên tháp canh, nhưng ngay ở lầu đầu tiên, **Charlie** đã quẹo qua một cửa vòm vô một hành lang trải thảm dày, đồ đạc trưng dọc hai bên.

Chỉ đến lúc này nó mới bắt đầu nghe thấy tim mình đập thành thịch trong lồng ngực. Nó ghét khu vực này của học viện, bởi cái vẻ tương đối ấm áp và thoải mái ở đây làm cho nó cảm thấy như mình là kẻ xâm nhập. Nó bắt đầu tự hỏi mình sẽ chứng minh sự vô tội của mình như thế nào đây mà không để lộ danh tánh của thủ phạm thật sự. Bằng mọi giá phải giữ cho điều đó còn ở trong vòng bí mật.

Olivia đã phát hiện ra tài phép của bản thân vào học kỳ trước. Chỉ có **Charlie**, Fidelio và Emma biết chuyện này, và chúng quyết định phải giữ bí mật. Càng ít người biết về cái tài đó càng tốt. Olivia đã hứa chỉ sử dụng tài phép của mình trong những trường hợp khẩn cấp nhất, vậy mà, cái gì đã khiến con nhỏ cho hiện nguyên một con cá sấu châu Mỹ ở ngay bên ngoài khu ngủ của nữ sinh?

Charlie đã tới được cánh cửa cao sừng sững, ốp gỗ sồi của thư phòng tiến sĩ Bloor. Nó ngập ngừng gõ cửa.

“Vào đi!” Giọng lạnh băng của tiến sĩ Bloor từ trong phòng vọng ra.

Charlie đi vào rồi đứng đực bên trong cánh cửa. Tim nó tụt xuống khi thấy ngoài tiến sĩ Bloor còn có cả lão già Ezekiel đang ngồi cạnh lò sưởi trong chiếc xe lăn của lão. Trông lão già hắt già hiu hơn cái tuổi một trăm lẻ một nhiều, với bộ mặt tựa cái đầu lâu mọc lưa thưa vài sợi tóc trắng.

“Việc gì mà tới đây vào giờ trễ nải thế này hả, **Charlie Bone**?” Tiến sĩ Bloor hạch hỏi.

“Bà giám thị chuyển cháu tới đây.” Những lời nói tắc tị trong cổ họng **Charlie** và phọt ra lục đục tựa như nó đang súc miệng.

“Cái gì?” Lão Ezekiel giơ một tay áp lên tai. “Nói rõ coi, nhóc.”

“Bà giám thị chuyển cháu tới,” **Charlie** quát.

“Không cần phải quát,” tiến sĩ Bloor mắng nó. “Chúng tao không điếc.”

“Phải, thưa ngài.”

“Hử? Tiếp đi, tại sao bà giám thị chuyển mày tới đây? Mày vừa mới bày trò gì vậy?”

“Mày không bao giờ tránh để không gặp rắc rối được hay sao?” Lão Ezekiel nhe hàm răng đen

ngòm vào **Charlie**.

“Cháu luôn cố tránh ấy chứ,” **Charlie** nói. “Nhưng đôi khi cháu bị buộc tội sai.”

“Ta hy vọng mi không đổ lỗi cho những thành viên của giáo ban,” ông hiệu trưởng xĩa vào **Charlie** một tia nhìn chết người.

Charlie ngọ nguậy hết chân này đến chân kia. “Không đúng đâu ạ.”

“Không đúng à. Thế mi bị buộc tội gì, **Bone**?”

“Tội làm các bạn gái xỉu, thưa ngài.”

Tiến sĩ Bloor nhướn đôi lông mày. “Úi lạy trời, mi đã làm điều đó như thế nào?”

“Thì thế, thưa ngài, cháu có làm đâu,” **Charlie** buột miệng. “Có một con cá sấu trong hành lang, một ảo ảnh và...”

“Cái gì?” Lão Ezekiel lặn phụt chiếc xe ra khỏi lò sưởi đến đậu ngay trước mặt **Charlie**. “Thì ra là mày. Mày, kẻ bầy nay đã tạo ra ảo ảnh, hù người ta sợ đến chết.”

“KHÔNG!” **Charlie** gào lên. “Không phải. Cháu không thể làm được. Nếu cháu mà làm được thì cháu đã làm cách đây cả thế kỷ rồi.”

Đôi mắt đen téo tếu của lão Ezekiel Bloor quét tạt khắp mặt **Charlie**, như lòng sục tìm kiếm sự thật từ những thay đổi nhỏ nhất trên nét mặt nó.

“Nó không làm đâu, ông nội,” tiến sĩ Bloor bảo. “Tôi tin là có đứa vừa mới khám phá tài phép của mình. Và **Charlie** biết đứa đó là đứa nào.”

“Phảiii!” Lão Ezekiel nhổ phệt cái từ đó ra. “Phảiii! Nó biết. Ai vậy, **Charlie**?”

“Cháu *không* biết.”

“Láo này!” Cây ba toong của lão già bị khuất trong nếp gấp của tấm mền kẻ ô vuông lão trùm lên người khiến **Charlie** không trông thấy, cho tới khi, một vệt màu trắng khảo vào hai đầu gối nó.

“Úiii!” **Charlie** thét ầm cả lên.

“Mày biết đứa nào à,” lão Ezekiel xĩa xói. “Và bây giờ bọn tao phải biết. Bọn tao phải biết, mày hiểu chưa. Mọi đứa trẻ được ban pháp thuật đều phải để bọn tao biết đến.”

“Ừm,” **Charlie** nói, vừa suy nghĩ thật nhanh vừa xoa xoa đầu gối, “Cháu không biết gì hết. Không ai trong tụi cháu biết gì cả. Tất cả đều sừng sốt. Ý cháu là, chúng ta có mười hai người có phép thuật phải không nào – nếu cụ kể cả Manfred – cho nên cụ tưởng tượng coi, chúng ta sẽ cảm thấy thế nào khi bất thành linh có ai đó tự nhiên tạo ra ảo ảnh.” **Charlie** dừng lời, lo sợ mình đã đi quá xa. “Có lẽ đó là một người trong đám giáo viên.”

“Đừng có ngu!” Lão Ezekiel lại hươ cây ba toong nhưng **Charlie** đã kịp nhảy tránh được.

“Để nó đi đi, ông nội,” tiến sĩ Bloor nói chậm rãi, giọng toát lên vẻ thâm độc. “Cứ đến lúc là chúng ta sẽ tìm ra thôi. Và khi đó, ái chà, chúng sẽ biết tay. Cái đứa con nít ranh ma, hư hỏng đó. Cả mày cũng vậy nữa, **Charlie Bone**, vì cái tội nói dối.”

VÀO TRONG VÙNG ĐẤT HOANG

Theo ý kiến của Charlie, Olivia rầy rà ở chỗ: con nhỏ không bao giờ thấy được phần lỗi trong cách hành xử của mình.

“Lần này thì nó phải thấy thôi”, Charlie đang lầu bầu một mình bỗng nghe có tiếng người vọng ra từ đồng đồ nát. Nó đã tiêu gần hết thời gian của giờ nghỉ giải lao đầu tiên để đi tìm Olivia. Đáng lẽ ra nó phải biết con nhỏ trốn trong lầu đài chứ.

“Tìm được rồi!” Charlie hét om sòm, nhảy phóc qua ô cửa vòm. Nhưng tất cả mọi ý định của nó với Olivia bỗng rời bỏ nó ngay tức khắc trước cảnh tượng hỗn độn đang bày ra đằng kia, trong khoảng sân gạch. Những phiến đá lát đồ nát khổng lồ đã bị nứt toác và vỡ tung tóe. Mảnh vỡ văng khắp nơi, và ngay cái chỗ ngày xưa vẫn có một phiến đá rất lớn thì nay là một cái hố đen ngòm, còn phiến đá lớn ấy thì bể làm đôi, nằm chổng chơ bên cạnh hố.

“Cái quái gì thế này?” Charlie hết hồn.

“Mình biết... quái dị, nhỉ?” Emma, đứng sát bên Olivia, đang sợ hãi nhần nhần một lọn tóc vàng của mình.

“Đây là hiện trường của một cuộc tìm kiếm” Olivia tuyên bố chắc chắn như thế. Và tóm suy luận rằng cái người định tìm cái gì đó đã tìm thấy nó bên dưới phiến đá này rồi.”

Charlie chăm chú dòm xuống khoảnh đất thê lương hình chữ nhật. Ở chính giữa khoảnh đất ấy lõm vào một khối hình vuông có thành bám đầy những mẫu gỗ mục, như thể đã từng có một hộp nhỏ đặt ở đó. Nắp hộp rõ ràng đã mục nát, và giờ đây cái khối hình hộp kia chứa đầy đất với lá cây. Thế nhưng ở chính giữa hộp vẫn còn nhìn thấy rõ một ngấn vòng tròn. Cái hộp chắc đã từng đựng một vật hình tròn gắn liền với cái gì đó hình ôvan thuôn dài-phải chẳng là cái cán? Căn cứ vào khuôn nếp còn sắc nét của vòng tròn thì có vẻ món đồ ấy chỉ vừa mới được lấy lên. Charlie chợt nghĩ hay đó là “món đồ tạo ác” mà Ông cậu nó nhắc tới, giờ đã bị bốc lên khỏi mặt đất.

“Tụi mình đi khỏi đây đi”, Emma giục. “Ngó cái này làm mình ớn lạnh luôn”.

Trong khi chúng dật dứ nhau đi khỏi khu đồ nát, Charlie khơi lại đề tài con cá sấu. “Bồ nghĩ sao mà khờ quá vậy hả?” Nó chất vấn Olivia, cẩn thận để không bị đôi giày màu hoa cà y tông như giày phù thủy của con nhỏ giậm phải. “Ý mình mà, sao lại có cá sấu... ở ngay bên ngoài phòng ngủ chung?”

“Tại mình phát bệnh vì những lời than van của tội nó” Olivia sửa lại cái khăn to sù cũng màu hoa cà trên đầu. “Tội nó cứ ca cẩm riết, nào là mèo bị mất, nào là chó biệt tăm, rồi những dĩ những di,...” một tia lửa tinh quái nhóe lên trong mắt con bé. “Mà đằng ấy có biết lũ chó săn nhà Loom cũng mất dạng rồi không? Dorcas có bao giờ thích mấy con chó đâu, vậy mà cũng khóc rỉ rỉ như nước cống vậy. ‘Ồi, các anh tội nghiệp của tôi, họ bị mất chó rồi’ Thế là mình nghĩ biết đâu cá sấu Châu Mỹ sẽ làm nàng vui lên.”

Olivia là một diễn viên tài năng và Charlie không thể không mỉm cười trước điều bộ diễn tả về Darcas Loom đầy ấn tượng của con nhỏ. “Có ngày bồ sẽ hù ai đó sợ đến chết luôn cho coi, Liv, thế rồi sau đó tội mình sẽ ra sao? Bồ sẽ bị phát hiện và bồ sẽ tiêu tùng. Gia đình Bloor đang ráo riết truy tìm người làm ra ảo ảnh đấy.”

Olivia cười roi rói “Mình sẽ không bị phát hiện đâu”

“Có thể lắm chứ sao không” Emma bác lại “khi đó bồ sẽ chẳng đỡ dần tội này được. Nên nhớ bồ là vũ khí bí mật của tội này đó.”

Olivia thở dài cái thượt “Thôi được. Mình hứa sẽ thín thít một thời gian. Nhưng mình phải công nhận là dọa cho người ta sợ vãi hồn vãi vía cũng vui thật đấy. Tất nhiên là dọa mấy đứa đáng dọa ấy.”

Charlie nhìn ra chỗ khác. “được ban phép thật không phải là chuyện giỡn chơi đâu.” Nó hầu như không tin nổi mình vừa nói cái gì. Những lời ấy đã vượt ra khỏi miệng nó hồi nào nó không hay.

“Nghe chẳng giống Charlie nói tí nào nhỉ” Olivia nhận xét.

Charlie nhún vai, “Thì coi như một Charlie mới toanh nói đi. Bây giờ mình mười hai tuổi rồi mà” Nói rồi nó chạy vọt đi khỏi nhỏ bạn gái.

“Đừng để tuổi tác của đằng ấy trở thành gánh nặng đấy nha, Charlie” Olivia gọi với theo.

Charlie quay lại vẫy nhỏ bạn một cái “Bồ điên hả?”

Tuy nhiên, khi ngẫm nghĩ lời Olivia, nó thấy quả thực phép thuật của mình dạo này chả được tích sự gì.

Olivia đã giữ lời hứa. Suốt thời gian còn lại trong tuần đã không có con cá sấu Châu Mỹ nào bên ngoài phòng ngủ chung, không có khủng long đi thần thơ ngoài vườn, cũng không có những chiến binh thời trung cổ vung rìu phi ngựa qua trường (một trong những biệt tài của Olivia).

Lúc này nếu May phúc mà có lại thấy cái bóng lần nữa thì chắc con chó cũng sẽ giữ riêng không nói cho ai nghe, có lo cũng không được; nên mối lo chính của Charlie bây giờ là sự cố

mặt đầy cản trở của cha mẹ Benjamin.

Vào thứ sáu, khi Charlie hỏi Billy có muốn về nhà nó vào cuối tuần không, câu trả lời của thằng bé khiến nó ngạc nhiên quá.

“Cô Brown bảo em chơi với Benjamin rồi” Billy hớn hở “Anh biết mà, anh ấy cô đơn vì không có con chó.”

Charlie ngạc nhiên nhưng cũng cảm thấy hơi tội lỗi, tuy việc Hạt Đậu bỏ đi không phải là lỗi của nó. Nhưng nó, Charlie đây, là bạn của Benjamin. Tại sao nó không thể bầu bạn với Benjamin chứ?

Nghĩ thế nhưng nó chỉ nói, “ờ ờ, được thôi”

Về đến nhà, Charlie ngồi bên bàn nhà bếp trong khi ngoại Maisie đứng khuấy trứng trong một cái nồi.

“Một tuần lễ mới lạ đời làm sao” ngoại Maisie chép miệng “Không có chim chóc, không có mèo trên hàng rào, không có chó đeo dây dắt. Ngoại chưa bao giờ thấy bọn ấy là có gì quá quan trọng cả, nhưng không có chúng thì quả là trống vắng ghê gớm, con nhỉ. Người ta đang xôn xao là thành phố sắp chết rồi.”

“Ừmm” Charlie ậm ừ. Nó đang tự hỏi liệu mình có gặp cô bé mặc áo màu nắng nữa hay không.

“Người ta đã thúc cảnh sát phải vào cuộc; rồi cả hội bảo vệ thú vật, đám viên chức hội đồng thành phố và các thám tử tư, có trời mới biết còn những sở với ban gì bị lôi vào nữa” Ngoại Maisie bung một đĩa trứng trộn to tú hụ đặt lên bàn và nhìn sát vào mặt Charlie. “Có chuyện gì vậy, Charlie? Một tuần tệ hại hả?”

Charlie lắc đầu, “không hẳn ạ.”

“Benjamin có đến chơi không?”

Charlie nhún vai “Billy Raven sẽ ở lại với Ben kì nghỉ cuối tuần này.”

“Ờ, bất ngờ thật” Ngoại Maisie nhướn đôi lông mày. “Ai mà ngờ chúng lại là bạn với nhau chứ.”

“Còn Fido sẽ chơi trong giàn nhạc,” Charlie rầu rĩ nói tiếp.

“Sao nghe như than thân trách phận vậy” ngoại Maisie ngồi xuống cạnh Charlie “Nào, ăn

món trứng mê ly này đi. Ngon hơn cái thứ lằng nhằng, hay cái gì đó mà Bone vẫn mê mẩn”.

Charlie ráng nhếch miệng lên cười. Nó vừa định khai mạc bữa ăn của mình thì Ông cậu Paton xăm xăm đi vào và mở phăng tủ lạnh ra, tuyên bố “Ta đói ngấu. Hôm nay giỏ thức ăn sẽ không đến, họ báo cho ta vậy rồi. Hy vọng con không thất vọng chứ, Charlie?”

Thứ Sáu nào Ông cậu Paton cũng đều có một giỏ thức ăn lớn toàn sơn hào hải vị do một cửa hàng trong thành phố mang đến. Charlie chìm ngập trong những mối lo của riêng đến nỗi quên cả ngóng chờ giỏ đồ ăn.

“Có chuyện gì vậy ạ?” Nó hỏi

“Ông chủ chết đột ngột” Ông cậu Paton bảo.

Charlie buông nĩa xuống “Chỉ thế thôi ạ? Chết đột ngột? Chết khi đang ở cửa hàng ạ? Mọi người hoảng sợ lắm không ạ?”

“Ừ, phải đấy. Đây là câu trả lời chung cho tất cả những câu của mày” Ông cậu Paton đáp.

“Tin đó cũng có đăng trên báo” ngoại Maisie nói “cùng với tin thú vật biến mất. Quả là một tuần kì dị”.

“Ông ấy chết vì cái gì ạ?” Charlie thấy mình không thể ăn nổi nữa.

“Hừ. Bí hiểm.” Ông cậu Paton mang một đĩa pho mát và bánh bích quy ra bàn. “Ta ăn món trứng của con nhé, Charlie?”

Ngoại Maisie đập vào bàn tay Ông cậu vừa giơ ra còn cách đĩa trứng của Charlie vài phân. “Thằng bé cần ăn uống cẩn thận” bà gay gắt “Charlie, ăn hết đi”.

“Thế các bác sĩ không biết sao?” Charlie đút một nĩa đầy trứng vào miệng. Nó thất lo lắng trước việc ông chủ cửa hàng chết bất đắc kì tử mà không giải thích được.

“Tim ông ta ngừng đập không rõ nguyên nhân” Ông cậu Paton nói “Một người rất cường tráng. Chăm chạy bộ. Buồn thật. Tuy vậy, may là không có gia đình. Người chủ mới đã tiếp quản công việc rồi – một người bà con, ta được báo như thế. Họ sẽ hoạt động trở lại bình thường vào tuần sau và chúng ta sẽ lại có tiệc cuối tuần.” Lần này Ông cậu Paton là người ngó mắt Charlie. “Thấy gánh nặng tuổi tác rồi sao Charlie? Mới mười hai tuổi thôi mà, làm gì ghe thế!”.

“Mười hai” Charlie lặp lại “Con được hai tuổi thì ba mất tích. Cách đây mười năm. Mười. Đó là con số may mắn, Ông cậu có nghĩ vậy không?”.

Vẻ hoan hỉ của Ông cậu Paton xẹp bớt đi. “Mười?” Ông trầm ngâm lặp lại. “Hừ, Vua Đỏ có mười người con, nhưng đó có phải may mắn hay không thì còn tùy thuộc vào quan điểm của mỗi người”.

“May mắn cái nổi gì” Ngoại Maisie lẩm bẩm.

Nghे có tiếng ai đó leo lên bậc cấp của trước, và khi Charlie quay đầu sang nhìn ra cửa sổ, nó thấy Benjamin và Billy bước vào chiếc xe hơi của nhà Brown. Họ đi đâu vậy? Nó tự hỏi. Đi xem phim chẳng? Hay đi chơi bô-ling?

Cô Amy Bone bước vào nhà, trông mệt mỏi sau một tuần chỉ toàn cân rau quả. Như thường lệ, cô tận dụng những thứ bỏ đi ở cửa hàng.

“Thơm đây” cô vui vẻ nói, đặt phích cái bao đựng những quả thơm có gai xù xì lên bàn. “Bù cho giỏ đồ ăn không đến” Cô hôn phớt qua má Charlie. “Trông con bí xì vậy, Charlie”.

“Gặp lại mẹ vui quá” Charlie đem đĩa vừa ăn xong ra bồn rửa.

“Tuần này chúng ta sẽ gặp Benjamin thì phải?” Mẹ Charlie hỏi “Chắc hai đứa có nhiều thứ để kể cho nhau lắng nhĩ?”.

“Không ạ” Charlie quay lại, và với tấm lưng hướng về phía bồn rửa, nó nhìn ba người thân của mình một cách đầy phản kháng. Họ cũng ngược lên nhìn nó đầy chờ đợi.

“Con sẽ không gặp Benjamin tại vì nó đổ lỗi tại con mà Hạt Đậu biến mất. Fidelio sẽ chơi đàn với giàn nhạc còn Billy Raven sẽ ở với gia đình Brown. À mà ba mẹ của Benjamin bây giờ đã làm việc tại học viện Bloor rồi đấy”.

“Quái lạ” Ông cậu Paton thốt lên.

“Nhưng con không cô đơn đâu” Charlie tiếp “bởi vì con sẽ đến tiệm sách cô Ingledew. Được không ạ?

“Dĩ nhiên là được, Charlie” mẹ lẳng lặng nói.

Miệng vừa tuyên bố tiệm sách cô Ingledew là nơi thú vị nhất trên thế giới, Ông cậu Paton vừa đứng lên vỗ vai Charlie và lại bắt đầu lục lọi tủ lạnh một lần nữa.

Thế đấy.

Có điều Charlie đã không đến tiệm sách được nữa, bởi vì sáng sớm hôm sau, một tiếng gõ nhẹ trên cửa sổ đã dẫn nó vào cuộc phiêu lưu làm thay đổi cuộc đời nó hoàn toàn. Và cả cuộc

đời của nhiều người khác nữa.

Tiếng gõ nhẹ xảy đến lúc bình minh. Charlie tỉnh giấc. Ngay khoảng hở giữa những tấm rèm, nó thấy con bướm trắng quạt quạt qua cửa sổ. Thoạt đầu Charlie tưởng là tiếng đập cánh vào kính nhẹ hều đó đã đánh thức mình dậy. Nhưng ngay sau đó lại có một cú đập nữa, lần này đánh hơn và to hơn.

Charlie đi tới cửa sổ và nhìn ra ngoài. Cây dẻ bị bao đặc nghịt một lớp sương mù trắng trợt, khô lạnh. Trong ánh bình minh xam xám, Charlie nhận ra một dáng hình đang đứng dưới những cành cây dẻ đóng băng. Đó là một cô bé mặc áo màu vàng nắng. Cái mũ trùm đầu bị lật ra sau lưng và cô bé quấn một chiếc khăn dày sặc sỡ quanh cổ và che kín luôn miệng. Cô bé vậy Charlie.

Charlie mở cửa sổ “Chào! Em muốn gì?”

Cô bé kéo chiếc khăn quàng đang che trước miệng xuống. “Charlie Bone, em muốn dẫn anh tới một nơi.”

Charlie nghi ngờ “Tại sao?”

“Anh không tin em sao?”

“Anh không biết em”.

Cô bé nhú mào, “Anh sẽ phải tin tưởng em, nếu anh muốn tìm thấy bọn thú.”

“Bọn thú!” Charlie buột kêu lên. “Em biết chúng ở đâu à?”

“Suýt!” Cô bé đặt một ngón tay lên môi “Anh có đi không?”

“Đi”.

Charlie hối hả choàng những đồ ấm nhất của mình vào: Vớ dày, áo len chui đầu cũng dày, giày ống, áo gió độn bông. Khi đi ngang qua nhà bếp, nó đã nghĩ đến việc để lại một mẫu tin nhắn, nhưng nó nên nhắn gì bây giờ nhỉ? Tốt hơn là cứ để cho mẹ tin rằng mình đi tới tiệm sách cô Ingledew, nó quyết định vậy.

Cô bé đang đợi nó ở chân bậc cấp. Mái tóc đen bóng cuốn chặt trong chiếc khăn quàng và đôi mắt đen lấp lánh láu lỉnh. Cô chìa tay ra. “Hân hạnh gặp anh, Charlie Bone”.

Charlie bắt tay cô bé “Em là ai”.

“Naren, tiếng Trung Hoa có nghĩa là hoa hướng dương. Chúng mọc bên ngoài cửa nhà em. Đi. Bọn mình hãy đi trước khi thành phố thức giấc nào.”

Cô bé bắt đầu chạy trên đường Fibert với Charlie thở hổn hển theo sau, ngạc nhiên quá đổi về tốc độ của đôi chân bé xíu kia, nhún nhảy trong đôi boot đen. Đến trường Đồi Cao, Naren dừng lại chờ cho Charlie bắt kịp. Mãi cuối cùng Charlie mới thốt nên lời “Tại sao lại là anh? Tại sao em lại chọn anh đi tìm bọn thú?”

“Tại vì anh là Charlie Bone,” Naren nói “Vì vậy chọn anh là thích hợp”.

“Anh không hiểu”.

“Cha em biết anh. Cha em lo cho anh”.

“Cha em?” Tim Charlie giật đánh thót “Ông ấy cũng là cha anh không đấy?”

“Không. Không phải” Naren hạ ánh mắt xuống, “Xin lỗi, Charlie” Rồi cô bé ngược mắt lên “Nhưng cha em là một người bạn của cha anh”.

“Thật à? Cha em có biết cha anh ở đâu không?” Charlie căng người lên hy vọng.

“Không, Xin lỗi, xin lỗi. Cha em từng là bạn của cha anh. Còn bây giờ cha anh mất tích rồi”.

“Phải” Charlie thở dài.

“Cha ruột của em cũng bị mất tích. Nhưng giờ... đi thôi, còn lũ thú nữa.” Naren lại phóng đi tiếp, nhưng lần này cô bé giữ tốc độ cho bằng với Charlie, và trong khi cả hai đứa cũng chạy qua thành phố, cô bé kể cho Charlie nghe chuyện mình vẫn dõi theo Charlie và các bạn ra sao – dõi theo những đứa con của Vua Đỏ như chính cô bé. Rồi cô thổ lộ mình vẫn ao ước được nói chuyện với Charlie như thế nào. “Nhưng cha em cấm em không được tới gặp anh” cô bé buồn bã nói.

“Tại sao vậy?” Charlie hỏi “nếu cha em biết anh thì sao lại cấm? Và nếu em cũng là một đứa như bọn anh...?”

“Cha em sẽ giải thích sau,” Naren đột ngột tăng tốc. Vừa chạy cô bé vừa nói, gần như thì thào. “Thế nào ông cũng sẽ nổi tam bành với em, bởi vì ông cấm em vào thành phố”,

Charlie liếc nhìn gương mặt nhỏ nhắn đầy lo âu của cô bé, nhưng không hỏi thêm gì nữa. Naren dẫn nó qua một khu lạ hoắc của thành phố. Những hàng cây trọc lóc vươn lên bầu trời lạnh lẽo, và những ngôi nhà bị che khuất một phần sau những hàng rào cao viền sương mù như đăng ten. Naren kim bước lại và thận trọng vòng qua tránh những vũng nước băng giá trên vỉa hè. Cô bé bắt chợt quẹo trái, và Charlie, vẫn bám theo sau, thấy mình lọt vào lối đi hẹp rí xoáy

xuống, xuống mãi. Nó nghe thấy có tiếng ục ục càng lúc càng dồn dập theo mỗi bước chân mình.

Naren tới một hàng rào chắn thì ngoái lại nhìn và phán “Chúng ta đi được nửa đường rồi. Nhưng giờ là lúc phải cẩn thận nhất đây”,

“Mới nửa đường thôi à?” Charlie tuột xuống tới chỗ cô bé và chụp lấy hàng rào. Nhìn xuống, nó thấy bên dưới, phải đến gần hai chục thước, một dòng nước điên cuồng chảy xiết. Bọt trắng xóa trong mù, sôi sùng sục chồm lên những tảng đá đen thui thúi rải lô xô khắp khu vực sông sâu thẳm, và Charlie đờ ra như bị thôi miên trước cảnh cuồn cuộn đến rợn người của dòng nước.

“Sông” nó thở dốc “Anh không biết nó lại gần thành phố đến vậy”.

Naren nhoẻn một nụ cười bí hiểm, “Giờ ta phải băng qua thôi.”

“Vậy sao?” Charlie nói một cách hoài nghi.

“Nhà em bên kia sông.”

Charlie nhìn qua vực thẳm. Ở đỉnh vách đá phía đối diện là một khu rừng rậm vươn xa ngút tầm mắt. “Em sống bên đó à?” Nó hỏi mà chẳng tin tí nào.

“Người ta có thể sống trong rừng chứ bộ” nụ cười của Naren rộng thêm.

“Ừ, nhưng cánh rừng kia ấy hả?” Charlie nhìn trân trân vào thảm cây cối đằng xa. “Anh nghe nói đó là đồng hoang mà”.

“Có lẽ hoang thật” cô bé khoác lấy cánh tay nó và chỉ xuống dưới “Có cái cầu. Đi thôi.”

Charlie chồm người qua hàng rào và thấy một dải sắt rèn mỏng manh treo lơ lửng bên dòng sông, trông cũ kĩ và nguy hiểm.

“Đó á?” Nó the thé kêu lên.

“Có một cây cầu lớn ở xa đây hơn một chút” Naren nói “nhưng đông xe cộ lắm. Em thích cái này, với một cô bé mà mình chỉ vừa mới gặp. Nó men theo lộ trình nguy hiểm của cây cầu sắt. Lại gần, trông cây cầu thậm chí còn nguy hiểm hơn nữa. Tay vịn nổi bật những đụn băng nhũ giọt còn mặt cầu thì xám xịt sương giá.

Có một tấm biển treo trên một sợi dây điện giăng ngang qua lối vào cầu, đề: NGUY HIỂM. CẦU KHÔNG AN TOÀN.

Nhưng Charlie còn lâu mới để một cô bé Trung Hoa qua mặt. Thanh sắt rỉ sét kêu lát chát trong tiếng bốt lướt qua cầu của Naren, và Charlie, khó nhọc nuốt nước miếng khan, lộp cộp bám theo sau cô bé.

Chúng băng được nửa chừng cầu thì Charlie bỗng nghĩ tới lời nó đã hứa vào đúng sinh nhật thứ mười hai. Nó đã hứa với mẹ rằng sẽ không ra những quyết định hấp tấp nữa; rằng nó sẽ dừng lại để cân nhắc những hậu quả trước khi lao vào việc gì. Ấy thế mà, nó đang ở đây, bước trên một cây cầu lắc lẻo bắc qua một con sông mà chắc chắn sẽ chìm nó mất xác nếu chẳng may rơi xuống.

Naren ngoái lại nhìn. “Sao anh dừng thế?” Cô bé gọi.

“Anh đang chiêm ngưỡng cảnh vật thôi mà,” Charllie màu mè.

“Mau lên.”

Đúng khoảnh khắc đó, một cái giăng đỡ tay vịn kim loại bỗng văng ra và rớt đánh choang xuống những tảng đá bên dưới. Toàn bộ cây cầu rung rinh, và những cột băng, như một cơn mưa, dội xuống xoáy tít vào những khoảng không.

Charlie cứng cả người.

“Không sao đâu,” cô bé mỉm cười khích lệ “Chúng ta, anh với em không nặng. Cầu sẽ giữ được chúng ta.”

Nghiến răng chặt lại, Charlie xoải dài bước chân theo sau cô bé.

Khi đến đầu kia cây cầu, nó che giấu sự thở phào nhẹ nhõm của mình bằng cách hờ hững đu mình giữa hai cây cọc chống cuối cùng, và nhảy lên một dải đá vững chắc đang mời chào.

Naren bật cười lớn. “Leo tiếp nào,” cô bé nói.

Bầu trời đã trở nên sáng sủa hơn và lướt leo lên đỉnh vách đá xem ra không nguy hiểm bằng lướt leo xuống sườn bên kia.

Trên vách đá, chúng bị đám cây cối bạt ngàn nhưng trụi lủi vây lấy. Một con đường mòn mờ len lỏi ngang qua rừng, và Charlie, bước đằng sau Naren, nhận thấy nơi này tràn ngập âm thanh. Từ trên những cành cây trơ lá, bầy chim riu rít dòm xuống bọn trẻ đi bên dưới; ngay cả cỏ khô cũng lao xao sức sống. Thỏ nhảy bên lề đường, một chú hươu đực hé mắt ngó ra từ phía sau cây, và rồi dần dần, những âm thanh hoang dã đã bị nhấn chìm bởi một tiếng chó sủa mừng quýt không dứt.

Vài giây sau, Hạt Đậu xông vút qua một bụi cây thấp và phóng lên người Charlie, tru tréo mừng rỡ.

“Hạt Đậu!” Charlie hét lên, ôm chầm lấy con chó vàng bụi xù.

“Con đây của anh à?” Naren hỏi.

“Không. Của bạn anh. Nhưng anh thấy mình có trách nhiệm với nó, vì Benjamin bạn anh hồi ấy đi vắng.”

“Con này là con đầu tiên đi qua cây cầu đó.” Naren nói “Rồi những con khác mới theo sau: chó, mèo, ngựa lùn, dê, thỏ, tất tần tật các loại thú. Cả nhà em nghe thấy tiếng bọn nó mới chạy vội ra vách đá xem sao. Thật là một cảnh tượng ngoạn mục, tất cả muông thú dưới trăng, chạy qua cầu.”

“Nhưng tại sao bọn chúng lại tới đây?”

“Bởi vì ở đây an toàn hơn. Anh không thấy thế sao? Ở đằng kia, trong thành phố, có cái quỷ quái gì đó vừa mới thức dậy. Cha em sẽ giải thích cho anh.”

Charlie chưa kịp hỏi thêm gì nữa, Naren đã quay ngoắt đầu và vọt chạy huỳnh huých dọc theo lối mòn. Hạt Đậu nhảy chồm bên cạnh cô bé, nhưng Charlie bám theo sau với tốc độ chậm hơn. Nó ngược lên nhìn vòm lá trên đầu. Đúng là ở đây an toàn hơn. Có một sự yên lặng, một cảm giác tuyệt vời vì được bảo vệ. Nó tự hỏi người mà mình sắp gặp là loại người nào. Nếu Naren là hậu duệ của Vua Đỏ, thì rất có thể cha cô bé cũng vậy. Ông ấy là một thầy pháp? Một nhà thôi miên? Một người thú?

Một hàng rào hiện ra trong mắt, và một cái cổng để mở. Tim Charlie bắt đầu đập bung bung. Naren đã đứng bên tường rào, nhưng Hạt Đậu còn chờ Charlie để cả hai cùng nhau bước qua cổng, vào một khoảnh đất rộng quây kín rào.

Ở đầu kia, một ngôi nhà nhỏ kiểu quê đứng đó, hai bên đều có chuồng súc vật xây bằng gạch đỏ. Khói lừ đừ bay lên từ ống khói của ngôi nhà và trên mái phủ đầy chim đậu. Thú vật đủ mọi dáng hình trám kín khoảnh đất trong hàng rào. Đây là bầy ngựa lùn đang gặm ăn trong những máng đá và lũ mèo ngồi trên hàng rào.

Một con chim xám vừa lướt vù ra khỏi cửa sổ vừa gọi “bớ chó!” Chắc chắn đây là con vẹt Homer của Lysander rồi.

Charlie hầu như không quan tâm để ý tới sự hiện diện của những sinh vật khác. Mỗi quan

tâm của nó dồn cả vào dáng người đang đứng trước nhà. Một ông già và mái tóc trắng một cách sừng sốt. Bất chấp trời lạnh, ông chỉ mặc độc một chiếc áo sơ-mi kẻ ô vuông bỏ ngoài chiếc quần jeans bết bùn. Làn da nắng cháy làm nổi bật màu xanh thẫm thẫm trong đôi mắt tinh anh của ông, đôi mắt đang nhìn Charlie không chớp mắt vì kinh ngạc và vì đã nhận ra.

Vì Charlie để ý thấy một cây rìu lớn treo ngang tầm ngực người đàn ông. Trông ông cũng rất sẵn sàng để sử dụng cái vật ấy.

NHÀ THÁM HIỂM

“Cha, con đưa **Charlie Bone** về này,” Naren nói, hơi có vẻ lo âu.

“Ừ, thấy rồi. Naren, cha đã cấm con vào thành phố rồi cơ mà.” Giọng người đàn ông khản đi vì nén giận, và trong khi nói chuyện với con gái, ông vẫn không hề rời mắt khỏi **Charlie**. “Cha nghĩ là con đã băng qua cây cầu sắt, đúng không?”

“Con xin lỗi,” Naren nhìn tịt xuống hai bàn chân. “Con không nhịn được.”

“Con nhịn được chứ sao lại không,” người cha cao giọng. “Con không bao giờ học được điều đó sao? Con không bao giờ làm được cái gì an toàn và có xét đoán sao?”

“Nhưng bây giờ cha vui rồi, há?” Naren mỉm cười hy vọng. “Cha vui vì con đã đưa **Charlie** tới.”

Người đàn ông gừ lên một tiếng giận điên rồi vung rìu chém mạnh xuống một thân cây cụt đã lồm lồm nham vài vết rìu. Bỏ mặc cái rìu ở đó, ông quay lưng lại bọn trẻ và hùng hổ đi vào nhà.

Thật bất ngờ, cánh cửa không hề đóng sầm. Tuy nhiên, **Charlie** không cảm thấy mình được chào đón.

“Cha em sẽ dịu lại thôi,” Naren nói chắc nịch. “Cơn giận của ông ấy cũng như lửa tắt ấy mà. Đi vào trong chỗ ấm nào.” Cô bé bước tới cánh cửa để mở, ra hiệu cho **Charlie** đi theo.

Nhưng **Charlie** vẫn đứng nguyên tại chỗ. Bất chấp cái lạnh, nó ngần ngại không muốn rời lũ thú. Nó bắt đầu nhận ra vài con trong đám chúng. Con vẹt của Emma đang mổ bắp trong máng. Homer chễm chệ trên cọc hàng rào, và có hai con thỏ trắng lót tốt nhá cỏ ở góc xa; trông chúng giống như mấy con thỏ của Olivia.

“Anh nghĩ thôi đi, để anh ra dắt Hạt Đậu về nhà luôn đây,” **Charlie** bảo cô bé. “Bạn bè anh sẽ tới nhận thú của họ tại anh đã biết chỗ rồi.”

“Không được,” Naren nói đanh sắc. “Không được cho ai biết về nơi này. Nếu không thì cơn giận của cha em sẽ rất khủng khiếp. Vào đi,” cô ngoắc tay. “Anh phải nói chuyện với ông đi.”

Người đàn ông tóc trắng vừa rồi có vẻ rất cục cằn, **Charlie** ngại ngần không muốn nói chuyện với ông, nhưng Naren vậy sốt sắng quá nên nó đành nhích tới gần hơn, gần hơn.

Hạt Đậu đi theo tới cửa, nhưng không theo **Charlie** vào nhà. Naren tháo bớt ra để ngoài một hành lang nhỏ lát đá phiến, và **Charlie** làm tương tự. Sau đó cô bé mở một cánh cửa thứ hai, và khi **Charlie** bước qua, nó thấy mình ở trong một gian bếp ấm áp, sáng sủa.

Một ấm nước đun trên giàn vỉ lò, bên dưới là những khúc gỗ cháy phừng phực. Một ngọn đèn dầu đặt trên cái bàn tròn hắt ánh sáng êm dịu, làm cho căn phòng sinh động.

Cha của Naren ngồi trong một chiếc ghế cạnh lò sưởi, trong lúc một người phụ nữ tóc xám cúi xuống bên ông, nói gì đó về khăn thiết. Bà ngược nhìn lên khi nghe tiếng bọn trẻ đi vào, và nhoẻn với **Charlie** một nụ cười, xóa tan mọi nỗi bất an của nó. Giống như Naren, người phụ nữ này là người Trung Hoa.

Đáng ra **Charlie** đã nói chuyện với người phụ nữ đó rồi, nhưng bỗng xảy ra một việc mà nó không hề được chuẩn bị trước. Nó bắt đầu để ý thấy treo kín hết bề mặt khiên tốn của bốn bức tường là những bức hình chụp. Trông như thể có một trăm cửa sổ đang mở ra cho nó thấy những góc độ khác nhau của một rặng núi. Những dải núi tằm đẫm ánh mặt trời, những ngọn núi phủ tuyết trắng xóa hay lấp lánh dưới ánh trăng, lại thêm những cánh đồng tuyết điểm những mảng tia vân vện và bắn lóa lên không từng hàng cờ đuôi nheo bảy sắc cầu vồng phấp phới. Bao nhiêu là đỉnh núi hùng vĩ, biết bao là những rặng núi huy hoàng.

Từ một trong những bức hình ấy, một người leo núi vẫy tay về phía máy chụp hình. Đôi kính đen của ông bị đẩy ngược lên trên chiếc mũ len màu xanh da trời và ông đang cười hết cỡ. **Charlie** thoáng như nghe thấy tiếng cười của ông. Có những chuyển động trong căn phòng xung quanh nó, rồi nhà bếp nghiêng ngả, chao đảo dữ dội và biến mất. Còn lại một mình, **Charlie** bị hút phụt về phía dãy núi xa xăm.

Không khí lạnh căm, lạnh buốt chầm chầm vào má **Charlie** và lộn lạo trong lá phổi nó. Nó đang bay trên đồng tuyết trắng đến chói cả mắt, trong khi tiếng cười của người đàn ông rõ dần lên.

Có ai đó giật lấy cánh tay **Charlie**. Đau điếng. Nó ước gì họ buông tay mình ra. Cố giật bung khỏi tay họ nhưng nó yếu quá, không giằng nổi. Vì vậy nó đành phó mặc cho thân mình bị giật, bị lôi, bị rung lắc và bị quất tháo, cho đến khi nó phải mở mắt ra. Và ô hay, nó thấy, đang đứng bên trong một cánh cửa nhà bếp, với một cặp mắt xanh da trời lo lắng nhìn xoáy sâu vào mắt nó, cùng một gương mặt không còn thô lỗ nữa.

Cha của Naren cầm cánh tay **Charlie** và ấn nó vào một chiếc ghế bên lò sưởi.

“Lúc này cháu tưởng mình ở trên một ngọn núi chứ,” **Charlie** nhìn lên dãy hình trên tường. “Ông đã ở đó, thưa ông...”

“Bác biết,” cha của Naren nói. “Cháu khéo chọn thời điểm để chu du quá đấy, **Charlie Bone**. Khiến chúng tôi một phen hú vía.”

“Ồ. Vậy là bác biết việc đó?” **Charlie** ngạc nhiên hỏi. “Ý cháu là bác biết về chuyện chu du của cháu.”

“Phải. Bác có nghe nói.”

Người phụ nữ Trung Hoa bảo, “Vui lắm được đón cháu ở đây, **Charlie** à.” Bà liếc nhìn người đàn ông với một cái nhú mày, “Bác trai lo lắng cho Naren, nhưng lẽ ra ông ấy không nên giận dữ với cháu.” Lắc đầu đầy vẻ lo âu, bà kéo một chiếc ghế ra và ngồi vào bàn, “Vậy là không đúng.”

Naren quàng tay qua vai người phụ nữ, rối rít, “Xin lỗi mẹ. Lỗi tại con. Con xin lỗi mẹ.”

“Ừm... chính xác thì... bác là ai ạ?” **Charlie** hỏi người đàn ông.

“Tên bác là Bartholomew. Bác là con trai của Ezekiel Bloor.” Trông thấy vẻ cảnh giác trên mặt **Charlie**, người đàn ông vội thêm, “Đừng lo, bác là con cừu đen, à mà có lẽ là con cừu trắng(*) của gia đình thì đúng hơn. Bác không gặp cha mình, hay cả con trai mình, suốt nhiều năm rồi. Họ bị đẩy đi quá xa khỏi bác như là mặt trăng xa trái đất vậy.”

“Nhưng tại sao...” **Charlie** nhìn quanh phòng. “Tại sao bác lại ở đây?”

“À,” ông Bartholomew đi ra cửa sổ và nhìn chăm chú ra những vị khách thú của mình.

“Ba sẽ nói cho anh biết mà,” Naren bảo. “Phải không cha? Cha phải nói cho **Charlie** biết nghe.”

Ông Bartholomew sải bước về lại chỗ hai đứa, “Ừ.” Giọng ông nghiêm trang và có chút gì đó dằn vặt. “Bác phải nói.” Rồi ông kéo một chiếc ghế sát lại gần ghế **Charlie** và bắt đầu nói.

Trong khi **Charlie** lắng nghe, mẹ của Naren đem cho nó một bát trà bốc khói mê ly, và sau đó là một cái bánh nướng ngọt lim, giòn lớp vỏ. **Charlie** chưa bao giờ được nếm thử gì ngon lành đến vậy, nhưng nó chỉ gật đầu cảm ơn, vì không thể nào dứt được tâm trí ra khỏi câu chuyện khó tin của ông Bartholomew.

() Black sheep: ý là con chiên ghẻ, đứa con hư hỏng, bị gia đình chối bỏ. Ông Bartholomew chơi chữ, sửa lại là white sheep (con cừu trắng), ý nói là ta không độc ác như gia đình mình. (ND)*

Chuyện bắt đầu bằng một đám cưới. Bartholomew Bloor cưới Mary Chance vào một sáng mùa thu mưa dầm. Không một ai vui mừng, ngoại trừ cô dâu và chú rể, họ yêu nhau đến nỗi hầu như không nhận ra thời tiết thế nào. Lão Ezekiel Bloor và những người họ hàng Yewbeam của lão khinh miệt cô dâu, một vũ công xinh đẹp nhưng nghèo kiệt xác. Còn cha mẹ của Mary thì lo lắng cho con gái mình bị cưới vào một gia đình quái gở và ghẻ lạnh, tách biệt xã hội như vậy.

“Họ bỏ mặc bọn bác một thời gian,” ông Bartholomew nói với một tiếng thở dài. “Thế rồi bác nghe nói về chuyến thám hiểm. Mẹ của bác vốn vẫn hay cho bác cùng đi thu thập các loài thực vật hiếm ở dãy núi Bavaria. Kể từ đó bác say mê núi non. Sau khi mẹ chết, bác dành hết những ngày nghỉ của mình để leo núi với bạn bè. Bọn bác đã leo núi Snowdonia, dãy núi Alps, rặng Pyrenees, nhưng giấc mơ của bác luôn luôn là chinh phục dãy Himalayas(*).”

“Một ngày nọ bác nhận được một lá thư từ một trong những bạn leo núi của bác. Harold, con trai bác, lúc đó 8 tuổi. Nó rất nghiêm và lù đù. Nó không chia sẻ tình yêu đi đó đây với bác. Nó ghét phải ở lều, ghét đi bộ, thậm chí ghét cả đi cắm trại,” ông Bartholomew buột cười buồn bã. “Thử tưởng tượng một đứa trẻ không thích đi cắm trại thì thế nào.”

Naren chặc lưỡi, “Tưởng tượng coi!”

“Lá thư thông báo cho bác biết về một chuyến thám hiểm,” ông Bartholomew tiếp. “Có một suất dành cho bác. Một tháng nữa thì họ sẽ lên đường tới dãy Himalayas(*).”

Charlie nhai bánh nướng, cố hết sức khẽ khàng – và chờ.

Giọng ông Bartholomew ngập ngừng rồi tiếp tục, “Mary bảo với bác đó là một cơ hội cả đời mới có, và bác sẽ mãi hối tiếc nếu bác không đi. Vì vậy mà bác đã đi.” Ông đứng lên và bắt đầu bước tới bước lui trong phòng. “Tất cả mọi việc đều suôn sẻ cho tới một đêm bão tố. Con bão ác nghiệt và khủng khiếp. Một trận tuyết lở đã giết chết hai người trong đoàn, còn bác thì bị quét vào một hẻm núi. Suốt hai ngày bác nằm kẹt ở đó, không thể cựa cựa. Một người đàn ông thuộc một bộ lạc không ai biết với toàn những con người lạ lùng đã cứu bác.”

Ông Bartholomew trở về và ngồi lại xuống ghế. Ông kể cho **Charlie** nghe bộ lạc huyền bí đó đã chăm sóc ông như thế nào. Cả hai chân ông đều gãy và vết thương dài trên đầu khiến ông đau đớn triền miên, nhưng đến cuối năm đó thì ông đủ khỏe để đi được. Một thanh niên trong bộ lạc đã đưa ông đến con đường núi dẫn ra khỏi thung lũng, và sau nhiều tuần, ông đến được một thị trấn có điện thoại.

“Bác phấn khích vô cùng, nôn nóng muốn nói chuyện với Mary, để báo cho cô ấy biết là bác còn sống và sắp trở về nhà,” ông Bartholomew lắc đầu. Một tay ông vò vò khắp mái tóc trắng, tay kia che mắt.

Mới đầu **Charlie** sợ không dám hỏi câu nào. Nó nhìn Naren và mẹ cô bé, nhưng dường như họ không sao nói được, ông Bartholomew đang quá trầm uất. Cuối cùng, nỗi tò mò của **Charlie** thắng thế và nó đánh liều hỏi. “Thế chuyện gì đã xảy ra ạ?”

Ông Bartholomew nhìn lên, “Bà nội của cháu, Grizelda **Bone**, đã trả lời điện thoại. Bà ta đang có mặt ở nhà bác để chuẩn bị bán căn nhà. Bà ta bảo với bác là tất cả mọi người đều tin rằng bác đã chết trong trận lở tuyết ấy rồi. Sau khi Mary nghe tin, cô ấy đã đi vào một nhà hát vắng tanh và múa, múa, múa một mình cho đến chết.” Ông Bartholomew hít một hơi thật sâu. “Con trai bác đang sống trong học viện Bloor, dưới sự chăm sóc của Ezekiel và Grizelda. Và rõ ràng là nó rất hạnh phúc.”

Charlie sốc đến nỗi không nói nên lời.

“Vậy là bác không về nhà nữa,” ông Bartholomew tiếp. “Bác trở thành một nhà thám hiểm. Bác cứ đi, đi mãi cho đến khi tới được Trung Quốc, sống ở đó nhiều năm thì bác gặp người vợ thứ hai của mình, bà Meng đây.” Ông nhìn sang người phụ nữ tóc xám, bà mỉm cười với ông. “Một ngày nọ, sau một trận lụt kinh hoàng, có một bông hoa từ mặt trời bước vào nhà của bác. Cha mẹ của nó đã bị nước cuốn trôi. Lúc đó nó bốn tuổi và tự xưng tên là Naren – hoa hướng dương.”

“Phải, là em đó!” Naren hét lên. “Họ đã nhận em làm con nuôi, và giờ thì em ở đây.”

Charlie quay qua nhìn cô bé và cười toét. “Nhưng tại sao tất cả lại trở về đây?” Nó hỏi.

“À,” ông Bartholomew đi ra cửa sổ. “Đó là một điều bác không thể giải thích được. Bác cần phải ở gần nơi mà những người con của Vua Đỏ được sinh ra. Từ phía bên này vực sông, chúng ta có thể nhìn thấy lâu đài, hoặc những gì còn sót lại của nó. Gần, nhưng lại chắc chắn thoát được sự tấn công của thành phố và của hai gia đình ác độc kia,” ông ngừng lời một giây, “và thoát khỏi thứ mà bác đã nghe nói tới, khi bác đang ở Ý. Một thứ người ta gọi là ‘cái bóng’. Đôi lúc bác vẫn mơ về nó.”

Một luồng gió buốt giá bất giác lùa vào căn phòng ấm cúng, tựa như một cánh cửa vô hình vừa rớt khỏi cửa sổ. **Charlie** rùng mình. “Một cái bóng đứng đằng sau nhà vua trong tấm chân dung ngài,” nó nói. Ông Bartholomew gật đầu. “Vậy là cháu đã nhìn thấy nó rồi.”

“Tội cháu ngỗ,” **Charlie** lưỡng lự, “hình như hắc đã trở lại. Cái bóng đã xê dờ, bác biết không,

và chúng cháu nghĩ... à, thật ra là một con chuột đã bảo với bạn cháu, bạn Billy ấy, (ông Bartholomew không hề chớp mắt) rằng trái đất rừng mình. Và rồi một con chó..." **Charlie** nhắc lại câu chuyện của May Phúc về cái bóng biến thành một người đàn ông.

Mẹ của Naren bưng một bàn tay lên miệng, còn ông Bartholomew nhắm mắt lại, lẩn tránh một nỗi kinh hoàng không thể tưởng tượng được.

"Người ta nói đó là Borlath," **Charlie** tiếp, "là tổ tiên của ông... cũng là của cháu, cháu nghĩ vậy, vì chúng ta kiểu như cùng họ hàng với nhau."

"Đó không phải là Borlath," nhà thám hiểm nói, vẻ u ám. "Cái bóng của nhà vua là người đàn ông đã làm ly tán gia đình của Vua Đỏ. Bác quên mất tên hắc ròi."

"Cháu chưa bao giờ nghe nói đến ông ta cả," **Charlie** nói. "Ông ta không có trong những sách lịch sử của Ông cậu cháu."

"Sách lịch sử thường được viết ra từ một quan điểm nhất định," ông Bartholomew nói một cách bức bối. "Chúng bị chỉnh sửa, bị thêm thắt, cắt xén những tình tiết. Chỉ những người du hành mới có thể tìm ra sự thật, **Charlie** à, bởi vì sự thật ở trong đầu con người và ở trong trái tim họ. Đừng có lúc nào cũng đem đặt lòng tin của mình vào những lời mà cháu thấy trên giấy nhé."

"Cháu nghĩ về mặt nào đó mình cũng là một người du hành," **Charlie** nói.

"Đương nhiên. Và ai mà biết, cháu có thể khám phá nhiều điều về Vua Đỏ hơn những gì bác đã thấy suốt ngàn ấy năm rong ruổi của mình."

"Phải chi cháu có thể đi qua cái bóng đó," **Charlie** suyt soạt.

"Ha! Chúng ta trở lại chuyện cái bóng sau." Ông Bartholomew đột ngột đứng lên và dí sát vào nhìn mặt **Charlie**.

Charlie đành nuốt ực những câu hỏi mình định hỏi. Thay vào đó, nó nói về cuộc sống của nó kể từ khi ba nó mất tích, về Học viện Bloor và về những đứa trẻ được ban phép thuật đã trở thành bạn của nó.

"Rồi cháu sẽ tìm được ba cháu, **Charlie**," ông Bartholomew nói đầy thuyết phục, "đó là nhờ tính cách của cháu, và nhờ sự trung thành mà cháu đã truyền cho mọi người. Lyell là một người phi thường. Thật kỳ diệu là chú ấy vẫn giữ được cho mình cao quý khi bị vây quanh bởi toàn đồ rắn độc như vậy. Bác đáng tuổi cha chú ấy, nhưng sau vài tuần ngắn ngủi chúng ta đã trở thành bạn thân của nhau. Lúc cháu được một tuổi, **Charlie**, bác có ghé về thăm gia đình. Nhưng họ chẳng muốn dính líu gì tới bác cả. Thằng con bác hầu như không công nhận bác. Bác nghĩ rằng, về mặt nào đó, Lyell đã trở thành đứa con trai đã mất của bác. Bác đưa chú ấy đi leo núi cùng với bác..." Giọng ông Bartholomew trượt đi, rồi bỗng nhún vai một cái thật mạnh, ông nói, "Đến giờ cháu phải về nhà rồi, **Charlie**. Nhưng không phải theo đường mà cháu đã đến."

"Để con...?" Naren mở lời.

"Không," người cha nghiêm khắc. "Con phải ở lại đây với mẹ. Và con sẽ không bao giờ được băng qua cây cầu đó nữa."

Naren cười lỏn lổn với **Charlie**, "Nhưng còn những con thú, cha ơi. **Charlie** phải đem chúng về cùng với anh ấy chứ."

“Không thể mang *tất cả* thú được,” người mẹ cười lớn.

“Chỉ những con là thú của các bạn cháu thôi,” **Charlie** nói. “Mọi người có thấy con chuột cảnh nào không ạ?”

“Cả đồng!” Naren chạy ra hành lang và vừa mặc áo khoác đi boots vào vừa nói to, “Trong chuồng đầy nhóc bọn chúng. Đi ra xem này.”

Vội vội vàng vàng mặc hết mớ đồ lạnh của mình vô, **Charlie** theo Naren tới một chuồng gia súc lớn ở góc bên phải ngôi nhà. Khi nó bước vào trong chuồng, một đội quân gặm nhấm bé tí vội chạy lảo nháo qua sàn đất, phóng lên đồng cỏ khô hoặc chui rúc dưới những khúc gỗ.

“Làm sao anh có thể phân biệt được đây?” **Charlie** rên rầm. “Bạn của anh mất hơn hai mươi con.”

“Lại có người biết được con nào với con nào sao?” Naren hỏi.

“Gabriel biết tỉ mỉ từng con chuột của anh ấy,” **Charlie** nói với một cái thở dài.

Nghe vậy Naren khoái chí bật cười như nắc nẻ, **Charlie** cũng bật cười theo khúc khích.

Phải mất gần một tiếng đồng hồ mới bắt xong hai mươi lăm con chuột cảnh có vẻ hơi hơi nhàn ra được, hai con thỏ trắng, một con vịt, một con vẹt xám, và một con trăn xanh da trời. Kiểm được một đồng thùng với hòm, cùng một cái lồng cho con trăn. “Đừng có ham cái chuyện để con đó quấn quanh cổ bác trong lúc bác lái xe đấy nhé,” ông Bartholomew bảo, khi ông giúp **Charlie** dụ con trăn vào trong lồng. Nhưng con trăn đó là một sinh vật hòa nhã và chắc hẳn sẽ không bao giờ làm hại một người bạn. Không ai trong gia đình họ ngạc nhiên khi biết nó đã một ngàn tuổi. Trong những chuyến đi chu du thiên hạ của mình, ông Bartholomew từng gặp những sinh vật còn nhiều tuổi hơn thế.

Một chiếc xe tải nhẹ méo mó đậu ngoài sân, đằng sau ngôi nhà, và bọn thú nhốt trong thùng xe được cẩn thận chắt vào sau xe. **Charlie** ngồi vào chỗ bên cạnh ông Bartholomew, Homer đậu trên lồng con trăn và Hạt Đậu ngồi trên đùi **Charlie**.

Chiếc xe tải rồ lên và lăn bánh qua sân. Ngay lập tức, Naren chạy theo bên hông xe. “Đừng đóng... tối nay nhé,” cô bé nói với theo.

“Cái gì?” **Charlie** ngó qua cửa sổ.

“Đưa cho em một thứ gì đó của anh đi,” Naren nói to.

Hầu như không suy nghĩ, **Charlie** lột chiếc bao tay của mình và thả qua cửa sổ. Chiếc xe tải lắc lư ra khỏi sân và đi vào một con đường gồ ghề. **Charlie** vẫn ngồi trên ghế và nhìn qua cửa sổ sau. Nó thấy Naren nhặt bao tay lên và vui sướng vẫy vẫy chiếc bao tay. Bà Meng đứng đằng sau cô, do dự đưa một tay lên. Chiếc xe tải cua gắt vào một ngõ hẹp và hai bóng hình biến mất khỏi tầm nhìn.

“Tạo sao bạn ấy lại muốn có một đồ vật của cháu?” **Charlie** hỏi ông Bartholomew.

“Nó muốn giữ liên lạc đó mà,” ông Bartholomew mỉm cười một cách bí hiểm với **Charlie**.

“Nhưng tại sao lại là bao tay? Và cháu tuyệt đối không được đóng cái gì tối nay?”

“Rèm cửa, **Charlie**. Hãy để ánh trăng chiếu vào.”

“Nhưng mà...”

“Hãy nhìn qua phải,” ông Bartholomew ra lệnh.

Vâng lời, **Charlie** nhìn băng qua ông Bartholomew. Mới đầu, nó chẳng thấy gì ngoài cây cối, nhưng rồi, ở bên kia đèo, một tòa tháp đỏ quạch hình vuông lọt vào tầm nhìn.

“Lâu đài Đỏ,” **Charlie** thốt lên.

“Đúng vậy,” ông Bartholomew đồng ý.

“Có một phần của bức tường kia,” **Charlie** la lên.

Chiếc xe tải chậm lại để **Charlie** có thể thấy đồng đồ nát của bức tường khổng lồ, xây ở ngay trên mép đèo bên kia. Những mảng tường hiện ra ít nhất cả dặm, sau đó, từ từ, những phiến đá khổng lồ bị mất hút vào biển cây cối bạt ngàn.

“Cháu không ngờ nó lại đồ sộ đến vậy,” **Charlie** thở hốc.

“Rộng mênh mông ấy chứ,” ông Bartholomew nói. Giọng ông nhẹ đi. “Và bác tin rằng nhà vua, hoặc vong linh của ngài, vẫn còn ở đó. Bây giờ ngài ẩn dật, nhưng có lẽ chẳng bao lâu nữa đâu, ngài sẽ hiển hiện, nhất là khi cái bóng ấy đã trở lại.”

“Hoàng hậu cũng ở đó,” **Charlie** nói.

Ông Bartholomew nhú mày quay qua nó, vẻ thắc mắc, và **Charlie** kể cho nhà thám hiểm nghe về con ngựa trắng đã đưa nó và Billy đến lâu đài Gương.

“Hoàng hậu,” đôi mắt xanh thắm của ông Bartholomew nhấp nháy. “Ôi thật tuyệt vời.”

Họ đi tiếp trong yên lặng được một lúc thì ông Bartholomew nói nghiêm nghị. “Charlie, điều quan trọng là không được để cho ai biết về bác và gia đình bác. Hãy hứa không được nói cho một linh hồn nào về nơi bác sống nghe chưa, hoặc là nơi cháu đã tìm thấy những con thú.”

Charlie nghĩ tới bạn bè nó, và Ông cậu Paton. “Cháu hứa,” nó ngần ngừ.

Đi một dặm nữa thì họ rời lối mòn xuyên đồng hoang, rẽ vào một con đường cuối cùng đưa họ tới một cây cầu rộng bằng đá. **Charlie** nghĩ tốt nhất nên đưa tất cả bọn thú tới quán Cà Phê Thú Kiểng để cho những chủ nhân của chúng tới nhận chúng về. Nó chỉ đường cho ông Bartholomew tới đầu hẻm Con Ếch, nhưng nhà thám hiểm chắc sẽ không chịu rời chiếc xe tải của mình.

Trước khi **Charlie** ra khỏi xe, ông Bartholomew nhét cái gì đó vào túi áo nó. “Bác không có tấm hình nào chụp cha cháu cả,” ông giải thích. “Nhưng cháu hãy cầm lấy cái này. Bác luôn luôn giữ nó và bất giác bác nghĩ rằng nó có thể giúp cháu, **Charlie** à.”

“Cảm ơn bác.”

“Giờ thì xuống xe nhé. Bác không muốn bị ai thấy bác cả.”

Với cái lồng trần treo trên một cánh tay, một thùng đựng thỏ với chuột cảnh ở bên cánh tay kia, **Charlie** hét lên chào tạm biệt, rồi chiếc xe tải phóng đi khỏi. Sau đó nó lặc lè đi xuống hẻm Con Ếch với Hạt Đậu chạy lon ton đằng trước và con vịt Nancy lạch bạch ngoan ngoãn đi đằng

sau. Tuy nhiên, con vẹt thông thái cứ biến biệt dạng một chốc thì lại réo lên những lời thô lỗ từ cột điện hay từ bậc cửa sổ.

Charlie đi gần đến quán Cà Phê Thú Kiểng thì nhận thấy có những bước chân trên con đường sỏi đằng sau mình.

“Đứng nguyên tại chỗ, **Charlie Bone**,” một giọng nói.

Charlie dừng lại và ngó quanh. Dorcas Loom và hai thằng anh to xác của con nhỏ đang khệnh khạng đi về phía **Charlie**. Bước giữa hai thằng nhà Loom là Joshua Tilpin.

“Chó của bọn tao đâu, **Charlie Bone**?” Albert Alfred, thằng con nhà Loom xấu nhất và cao nhất, hỏi.

“Ừa. Làm sao mày tìm được con chó của mày và tất cả thú cưng của bạn mày thế này?” Alfred, thằng lùn hơn và bè bè hơn, chất vấn.

“Mày đã làm gì với tất cả bọn thú kia rồi hả, **Charlie**?” Joshua nói với bộ mặt nhăn nhó. “Nói! Mau!”

“Không làm gì cả,” **Charlie** đáp. “Tôi chỉ tình cờ tìm thấy những con này,” nó liếc nhìn Nancy, đang núc ních đi tới bên cạnh nó.

“Ô, chỉ tình cờ tìm thấy chúng thôi à?” Dorcas móc máy.

Một tiếng gừ rờ rờ trong cổ họng Hạt Đậu, và Homer rống lên, “Chiến đấu!”

“Chặn cái đồ liên thoảng đó lại,” Albert rít chít. “Nếu mày không khai cho chúng tao biết chó của chúng tao ở đâu, tao sẽ bắt chó của mày. Bọn tao sẽ bắt cả đám luôn, trừ khi mày nói ra.”

“Nói mau,” Alfred ra lệnh, “không thì...”

Bốn đứa chúng nó bắt đầu tiến lại gần.

BỊ KẸT TRONG TUYẾT

Charlie đứng như trời trồng. Không dễ gì tháo chạy khi nó phải lĩnh kính xách một cái lồng và một cái thùng các - tông lớn, lại phải chờ con vẹt theo cho kịp. Chỉ còn một giải pháp duy nhất. “Hạt đậu, cắn chúng!” **Charlie** ra lệnh.

Con chó bự không cần cổ động thêm. Chú ta xỏ tới đám nhà Loom, sửa diên tiết. Nhưng kinh nghiệm huấn luyện bốn con chó săn của Albert và Alfred không dùng thì để làm gì! Albert tóm ngay lấy vòng cổ của Hạt Đậu và giật nó vào lề con hẻm, ở đó Alfred xịch tịt con chó vào một cột đèn.

Tức lồng lộn, tiếng tru tréo của Hạt Đậu gầm lên đủ đánh thức cả thành phố, nhưng không có cảnh sát thân thiện nào xuất hiện và không ai lộ ra khỏi cửa quán Cà Phê Thú Kiểng. Tuy nhiên vệt Homer là một con chim hành động. Cậu chàng bổ nhào từ trên trời xuống và sục móng vuốt vào cái đầu loãn quẩn của Dorcas.

“Cút! Xéo” Dorcas thét ầm.

Joshua tóm lấy cổ Homer mà xiết. Đôi mắt xám của con vệt trợn phồng lên. Nó bị nghẹt thở và quạt cánh, chân quơ quắp không khí khi bị Joshua lôi rì, bứt nó ra khỏi Dorcas và lắc nó lật lẹo qua trái qua phải.

Con trăn rít lên một tiếng giận dữ khi cái lồng nhốt nó bị rơi bộp xuống, **Charlie** muốn thả trăn ra vô cùng, nhưng nó không thể nào liều để cho một sinh vật khác bị thương. Đặt cái thùng thỏ với chuột xuống cạnh lồng trăn, **Charlie** lao vào Joshua.

“Buông nó ra!” **Charlie** thét lên, cố gỡ những ngón tay của Joshua ra khỏi cổ con vệt.

Nhưng **Charlie** không làm gì được nữa. Alfred đã ôm quàng lấy nó từ sau lưng, và Albert đục mạnh vào bụng nó.

“Úi daaaaa!” **Charlie** khuyu chìm xuống gối, gập người lại đau đớn.

Alfred chop lấy cái lồng và bỏ chạy khỏi hẻm Con Ếch, Alfred theo sau với cái thùng. Chúng nện rầm rập tới đầu ngõ hẹp, lừa Nancy đằng trước, trong khi Dorcas giúp Joshua nhét vệt Homer vào ba lô của thằng này.

“Mày có thể giữ con chó”, Alfred hét với lại **Charlie**, “vào lúc này”. Bước chân hần chột sững lại thành lình. “Cái gì...?” Giọng hần hơi run rẩy.

Charlie ngóc nhìn lên.

Ở cuối hẻm Con Ếch, ba khối sáng xuất hiện.

“Những con mèo lửa”, **Charlie** nín thở.

Một tiếng gầm rung chuyển con hẻm hẹp: tiếng ngao giận dữ, trầm đục của một sinh vật hoang dã. Tiếng ngao thứ hai hoà vào tiếng thứ nhất, và rồi tiếng thứ ba ngân cao hơn. Joshua cùng đám nhà Loom lùi lại, lùi lại. Càng lúc càng quỳnh quáng. Chúng chưa kịp quay đầu thì một quầng sáng rực như lửa, chế làm ba, bay về phía bọn con trai, đáp xuống vai chúng.

Thét lên khiếp đảm, Joshua và lũ nhà Loom khua khoắng túi bụi khi những sinh vật cháy loá cắn vô cổ chúng.

“Giúp tụi này, Dorc,” Albert gào.

Khóc nức nở vẻ tiếc rẻ, Dorcas chạy vắt giò lên cổ không dám ngoái lại lần nào.

Đến lúc này, Albert đã phải thả rơi cái lồng và Alfred phải quăng cái thùng qua một bên. Một con mèo vàng vằn bầu lấy ba lô của Joshua; miệng kêu bù lu bù loa hoảng loạn, thằng này giật bỏ ba lô ra khỏi lưng và chạy thục mạng theo bọn Loom, đang phóng chối chết gần hết con hẻm, nhanh chưa từng thấy.

“Tất cả chuyện này là sao đây?” Một giọng oang oang đằng sau **Charlie**.

“Ông Onimous đứng trong ngưỡng cửa quán CàPhê Thú Kiểng. Ông mặc áo choàng dài bằng lông thú giả (**Charlie** hy vọng vậy) và trông giống như một con chuột chũi kinh khủng. “Chưa ăn sáng gì cả”, ông bảo, “vào thứ Bảy này. Chúng tôi đang định nướng ấy chứ.”

“Bọn nhà Loom đánh cháu.” **Charlie** đứng lên, xoa xoa cái bụng. “Bọn chúng với cái thằng Joshua Tilpin đòi bại đó”.

“Bác thấy cháu có một con vịt... và một con chó... và lại cả con trăn xanh da trời của chúng tôi nữa. Oronia sẽ mừng hùm đây”.

Hạt Đậu sữa um lên khoái chí khi **Charlie** tháo xích cho nó.

“Cháu tìm được tất cả bọn chúng này,” **Charlie** nói, nhìn vô trong cái thùng. “Thỏ của Olivia và chuột cảnh của Gabriel”.

“Cái ba lô kia đang nói chuyện một mình kìa”, ông Onimous lo lắng nhận xét.

Charlie lật đặt nhặt ba lô lên và mở quai ra. Vệt Homer bắn vọt ra và bay lên không, nguyên rủa om xòm. Ông Onimous áp hai tay lên che tai. “Ngôn ngữ của cái con vệt đó!...” Ông phản đối. “Nó học cái thứ kinh tởm ấy ở đâu ra vậy?”.

“Trong quân đội”, **Charlie** đáp. “Lysander bảo với cháu vậy”.

“Chậc! Chậc!” Ông Onimous xách lồng chim và cái thùng vào quán cà phê, trong khi **Charlie** vỗ về cho vịt Nancy bước qua cửa. Hạt Đậu thì không cần phải dụ. Nó xỏ vào trong quán, vòng qua quầy và xông vào nhà bếp, ở đó nó biết sẽ có ít nhất là một cái bánh sô-cô-la rơi xuống cho mình.

Bà Onimous, mặc kimono hồng, đang chiên thịt heo muối khi **Charlie** và chồng bà bước vào. “Mấy con thú về rồi” Bà reo lên. “Ồi, bọn thú cưng yêu dấu. Sô-cô-la cho Hạt Đậu, bánh mì nướng cho Nancy và một cái gì đó đặc biệt cho con trăn này. Cháu tìm thấy chúng ở đâu vậy, **Charlie**?”

Charlie giả bộ như không nghe thấy. “Bà có thể dành hai củ cà rốt cho lũ thú được không ạ, và có lẽ một quả táo cho lũ chuột nữa?”

“Dĩ nhiên, **Charlie**. Nhưng lâu này chúng ở đâu vậy?” Bà Onimous nằng nặc hỏi.

“Ừm. Thật khó nói.”

Ông bà Onimous không hỏi thêm gì nữa vào lúc này. Họ bắt đầu cho bọn thú và cả **Charlie** ăn. Bà Onimous đang rót tách trà thứ hai thì một giọng nhừa nhựa vang lên đâu đó bên trong quán cà phê, “Xin chào!”

“Chúng tôi đóng cửa”, bà Onimous nói vọng ra, nhăn mày. Hạ giọng xuống bà bảo, “Tôi ghét bị người ta bắt gặp đang mặc kimono lắm.”

“Anh chắc chắn là đã khóa cửa rồi”, ông Onimous nhón gót đi ra khỏi nhà bếp, và thoáng sau quay trở lại với một vẻ kinh ngạc trên mặt, và một con vệt đậu trên đầu. “Chắc là đã kịp bay vào trước khi ta đóng cửa”, ông Onimous nói. “Một cái mỗ nữa chần cho ăn này em ơi”.

Nhưng Homer không đợi ai phục vụ mình. Nó sà xuống bàn, vớt một mẩu bánh mì nướng và bay lên một cái kệ cao, ở đó nó vừa xé bánh vừa lăm lăm bà lăm lăm không thôi.

“Thô lỗ quá”, bà Onymous cầu nhàu, chắc có ý ám chỉ hành vi của con vẹt, mặc dù cũng có thể là ám chỉ ngôn ngữ của nó.

Khi tất cả các con thú đã yên ổn, ông Onymous một lần nữa lại hỏi **Charlie** xem nó đã tìm thấy chúng ở đâu. **Charlie** nặn óc ra tìm câu trả lời. Nó biết mình có thể tin cậy gia đình Onymous, nhưng nó đã hứa với ông Bartholomew là không được nói cho một linh hồn nào về ngôi nhà trong đồng hoang.

“Ở trên cầu”, cuối cùng **Charlie** nói. “Cháu nghe thấy tiếng Hạt Đậu sủa và... liền tới đó.”

“Liền tới đó thôi à”, bà Onymous nghi ngờ. “Và tình cờ trông thấy tất cả những con thú của bạn bè cháu, chứ không thấy thú nào khác? Không có mèo con, không chuột hay chó con của ai khác?”.

“À... không ạ”, **Charlie** nói.

“Để mặc cậu bé đi, Onoria”, ông Onymous nhắc. “Anh nghĩ nó đã hứa với ai đó rồi. Phải không **Charlie**?”

Charlie di di bàn chân. “À, dạ. Và đáng ra cháu phải nói cho ông biết, thật đấy, nhưng cháu không nói được.”

“Cháu không tin chúng ta sao?” Onoria khịt mũi.

“Không, không. À, có, có, dĩ nhiên là có, nhưng mà...”

“Charlie, chú bé, đừng phí sức nữa,” ông Onymous nói nhẹ nhàng. “Cháu mang con chó đó về cho Benjamin đi, và chúng ta sẽ trông chừng những con khác cho tới khi bạn bè của cháu tới nhận chúng về. Chúng ta sẽ chăm sóc chúng chu đáo, phải không em?” Ông quay qua vợ.

“Em không chắc về con vẹt đâu”, bà Onymous liếc lên trên. “Nhưng em sẽ cố hết sức.”

“Cám ơn! Ông bà là tuyệt vời nhất!” **Charlie** tóm lấy vòng cổ của Hạt Đậu và dẫn nó ra khỏi quán cà phê.

Khi chúng về đến đường Filbert, **Charlie** trù trù đi tới nhà số 12. **Charlie** mẹ Benjamin dạo này hành xử rất kỳ lạ, nó tự hỏi liệu mình có được chào đón ở đó không. “Nhưng mày là con chó của Ben,” **Charlie** nói với Hạt Đậu, “vì vậy mày về nhà là tốt hơn cả.”

Tiếng sủa ông ổng của con chó to đã xác nhận lý lẽ ấy.

Cô Brown mở cửa cho **Charlie**. “Charlie, hay quá. Cháu tìm được con chó của Benjamin rồi”, cô cười rạng rỡ.

Charlie không thể hiểu nổi. Mới phút trước cô Brown còn lơ nó đi thì phút sau cô đã xởi lời mời nó vào nhà, như thể kể từ hồi điện thoại di động được phát minh ra thì đến nó là thứ hay ho nhất vậy. “Benjamin, Hạt Đậu này!” Cô gọi lên cầu thang.

“Cái gì?” Một tiếng thét phấn khích.

Ngay giây tiếp theo là Benjamin nửa té, nửa nhảy xuống cầu thang, trong khi Hạt Đậu lao vọt lên đón nó, rú lên vì sung sướng.

“Charlie, bồ tìm thấy nó à? Nó ở đâu vậy? Ồ, cảm ơn, **Charlie**. Cảm ơn, cảm ơn, cảm ơn! Bồ là

nhất!”

Con chó và thằng bé lặn cù xuống hành lang chỗ **Charlie** đứng; thằng bé hoàn toàn không biết phải nói gì.

“Bồ tìm thấy nó ở đâu vậy?” Benjamin nài nỉ.

“Ồ, ở trên đường”, **Charlie** lọng cọng nói. “Chắc là nó đang trên đường về đây.”

“Trên đường?” Đôi mắt xám của cô Brown híp lại. “Cháu có chắc không?”

“Chắc ạ”, **Charlie** không thích cái kiểu mẹ Benjamin đang nhìn mình.

“Còn những con khác thì sao? Cô không nghe thấy tiếng chim. Không nhìn thấy con chó nào trên đường.”

Trông cô Brown có vẻ đáng ngờ đến nỗi **Charlie** chỉ muốn lùi ngay ra khỏi cửa trước. Nhưng nó chỉ nói, “Cháu không biết gì về những con khác cả. Cháu tìm thấy Hạt Đậu và liền đem nó về nhà. Nếu vậy còn chưa đủ tốt với cô thì cháu cũng chịu thôi!” Rồi nó quay ra cửa.

“Charlie,” Benjamin hét lên, túm chặt lấy cánh tay nó. “Dĩ nhiên là quá tốt ấy chứ. Lên lầu với mình và Billy đi.”

“Phải đó, lên đi”, Billy gọi xuống từ trên đỉnh cầu thang.

Miệng cô Brown mím chặt lại thành một đường thẳng nhỏ xíu, và không thêm một lời nào nữa, cô đồng thẳng vào nhà bếp.

Charlie đá văng đôi giày bột của mình ra và chạy tọt lên lầu. Ngay khi đã yên ổn trong căn phòng nóng hầm hập của Benjamin, nó liền cởi phăng chiếc áo gió nặng ra và hét một hơi, “Ben, mẹ của bồ làm sao vậy? Bồ có biết là mẹ bồ với ba của bồ đang làm việc cho Học viện Bloor không?”

Billy coi bộ không thoải mái. “Billy nói cho mình biết rồi. Nhưng mình thề là trước đó mình không biết. Khi mình hỏi mẹ về chuyện này thì mẹ mình bảo đó là một công việc như bất kỳ việc nào khác.”

“Nhưng ba mẹ bồ là thám tử tư, Ben”, **Charlie** nói, “Chắc chắn cô chú ấy phải đang điều tra cái gì đó.”

“Đúng, chắc chắn vậy,” Billy đồng tình.

“Ờ, mình có nghe lỏm ba mẹ mình nói chuyện”, Benjamin thừa nhận.

“Chuyện gì? Chuyện gì?” **Charlie** nháy tưng lên giương ngời giữa Benjamin và Billy.

Chuột Rembrandt, đang ngủ gà ngủ gật trong chiếc dép lê của Benjamin, giật mình tỉnh giấc và lút cút chạy ào xuống gầm giường, trong khi Hạt Đậu, tí tởn cho rằng con chuột muốn đùa giỡn với mình, bèn ép mình xuống gầm giường theo Rembrandt, sủa nhắng cả lên.

“Lui ra!” Billy cuống quýt hét om. “Nếu may mà làm con chuột của tao bị thương thì tao sẽ giết may, đồ chó ghê”.

“Billy!” Benjamin bị sốc quá, vụt hét lên.

Cuộc đấu khẩu chưa kịp nổ ra, mọi thứ dưới gầm giường đã lại im ắng. **Charlie** nói nhanh. “Thế cậu đã nghe thấy gì vậy, Ben?”

“Ờ, mình ở bên ngoài phòng ngủ của ba mẹ mình, cho nên không nghe rõ lắm, nhưng mẹ mình có nói gì đó về ảo ảnh. Billy thì bảo với mình là ảo ảnh xuất hiện trong Học viện Bloor, cho nên mình tiếng sát gần hơn thì nghe ba mình bảo ba mình có một ý. Rằng ba đã theo dõi những ảo ảnh. Rằng ba biết ai đã tạo ra chúng, chỉ cần thêm một ảo ảnh nữa là...”.

“Ảo ảnh!” **Charlie** nhảy phắt ra khỏi giường. “Họ đang cố tìm xem ai tạo ra ảo ảnh, đồ lén lút...” nó vội im bật nhận ra mình vừa nói gì.

“Đó không phải lỗi của ba mẹ mình,” Benjamin nói. “Họ làm vậy chỉ là để kiếm tiền thôi mà”.

“Đó là anh làm phải không, **Charlie**?” Billy hỏi. “Anh làm phải không?”

“Không.” **Charlie** lắc đầu. “Anh không tạo ra ảo ảnh được.”

“Nhưng bồ biết người làm thì phải?” Benjamin nhấn mạnh.

“Không”, **Charlie** nói.

“Dù có biết là ai anh cũng không nói cho bọn em biết?” Billy nói.

Charlie liếc nhìn Billy, “Ừ”.

“Em không trách anh”, Billy hơi rầu rĩ.

Hạt Đậu đang ngáy o o dưới gầm giường và Rembrandt, chớp lấy cơ hội, lại lăm lét ló ra. Nó mơn mên tới gần bàn chân của **Charlie**, nhai cái gì đó.

“Nó nhai gì vậy?” Benjamin hỏi.

“Trông như một tấm hình”, Billy đáp.

“HÌNH?” **Charlie** tá hỏa chớp lấy con chuột. “Không, không. Cái hình ấy. Nó là hình của mình. Cơ hội duy nhất của mình”.

Rembrandt, sững sốt bởi tia nhìn trong mắt **Charlie**, liền há miệng ra, và một tờ giấy nhỏ hình vuông rơi phều xuống đất. **Charlie** thấy con chuột lên đùi Billy và vót tấm hình lên. May thay, chỉ có một góc hình bị nhai. Ông Bartholomew nói đúng. Đó không phải là cú bấm máy đẹp cho lắm. Mây và tuyết hầu như che kín cái người duy nhất ở cận cảnh.

“Mình quên khuấy mất tấm hình,” **Charlie** áp tấm hình vào ngực. “Làm sao mình lại quên được cơ chứ? Bác ấy đút nó vào túi mình, và khi mình cởi áo khoác thì nó rơi tuột ra.”

“Ai đút vào túi bồ?” Benjamin hỏi.

“Cái gì?” Bị hớ, **Charlie** làu bàu. “Ờ, không ai cả, thật. Ý mình là mình đã đút nó vào đấy.”

Benjamin trợn mắt nhìn nó. “Dạo này cậu hay bí bí mật mật lắm đó. Tụi này là bạn của bồ, phải không nào?” Nó nói.

Charlie chưa kịp trả lời, Rembrandt và Hat Đậu đã lại chí chöhe nữa. Con chuột phóng tuốt lên một cái kệ, và Hat Đậu sủa inh ỏi, đứng hẳn lên hai chân sau, cố sức doãi cặp chân trước theo chiều dọc cái kệ. Sách với đồ chơi đổ nhà xuống đất, và phút kể tiếp, cánh cửa vựt mở, một cô Brown giận tím tái đứng ở ngưỡng cửa.

“Benjamin!” Mẹ nó hét. “Con không thể kiểm soát được con chó đó sao? Ba với mẹ đang cố viết cho xong báo cáo mà chữ nghĩa cứ văng tóe đi hết thôi.”

Benjamin chớp mắt, “Cái gì văng tóe hết ạ?” Nó hỏi.

Cô Brown dậm chân, “Đem nó ra ngoài!” Cô lùi lại và chỉ ra cầu thang. “Mau!”.

Không hó hé lời nào nữa, ba thằng con trai mặc áo khoác và đi xuống lầu để mang giày ống vớ. Billy nhét Rembrandt vào túi áo, còn Benjamin trông Hat Đậu vào dây xích. Sau đó cả đoàn bươn bả đi ra ngoài trời giá lạnh.

Một chiếc xe tải trông lịch lăm rời khỏi lề đường đối diện khi bọn con trai ló ra, nhưng lúc này **Charlie** chẳng nghĩ gì tới chiếc xe cả. Nó bảo bọn kia rằng nó không thể ra công viên được vì có việc gấp cần làm, và với cái nhún vai cam chịu, bọn bạn chấp nhận rằng những vấn đề của **Charlie** quan trọng hơn trò chơi trong công viên.

Có tiếng ồ òa phấn khích vọng ra từ bếp nhà số 9. Bất chấp sự nôn nóng muốn xem tấm hình ông Bartholomew đưa cho, **Charlie** vẫn bị cuốn về phía đó. Nó thấy gia đình mình quây quần quanh một giỏ đồ ăn lớn để trên bàn bếp. Nội **Bone** đang ngồi gần bếp lò, quay lưng lại phía họ.

“Coi này, **Charlie**, giỏ đồ ăn Paton!” Ngoại Maisie thông báo bằng giọng gần như là kính cẩn. “Nói mới tới cách đây năm phút thôi.”

Nắp giỏ đã được mở và bày ra bên trong một chai rượu sâm banh lớn, với nhiều gói đồ ăn để những cái tên quái chiêu bao quanh.

“Có một tờ nhắn này”, cô Amy nói, với tay vào giữa bao đậu phộng bóng loáng và hũ trái cây ngâm đường. Cô lôi ra một tấm danh thiếp trang trí cầu kỳ và trao cho Ông cậu Paton.

“Chữ viết hoa mỹ đấy,” Ông cậu Paton nhận xét, quan sát tấm thiếp.

Được đóng trong một cái khung trang hoàng lông chim vàng lấp lánh là nội dung sau:

Kính thưa ông Yewbeam,

Một cái trết không mai đã làm lỡ Bữa Tiệc thứ Sáu của ngài. Tôi hy vọng điều này không gây cho ngài bức mình. Đây là món ăn để làm vui những trái tim và giúp ổn thỏa được mọi chiện.

“Sai chính tả khủng khiếp”, **Charlie** nhận xét. “Con học năm hai thôi mà còn có thể viết hay hơn thế”.

“Bọn ta không phải lũ khoe chữ”, nội **Bone** chõ vào, thậm chí không buồn ngoái đầu lại.

“Ô này, Tôm Vua!” Ngoại Maisie reo. “Chúng vẫn còn đông lạnh. Tôi cất chúng vào tủ đông nhé, Paton?”

“Ừmm.” Ông cậu Paton liếm môi. “Cứ để chúng rã đông đi. Tôi sẽ ăn trưa món đó”.

Giỏ đồ ăn đến thật đúng lúc đối với **Charlie**. Trong khi ngoại Maisie và mẹ nó vẫn đang trầm

trở với từng gói đồ ăn được gói cẩn thận, nó lên lên phòng mình, nhẹ nhõm vì không ai hỏi nó đã đi đâu suốt cả buổi sáng.

Ngay khi đóng cửa phòng lại, **Charlie** lúi tăm hình ra và ngồi lên giường. Nó thấy một người đàn ông đang đứng, quay nửa người về phía máy chụp hình. Mặc dù tuyết phủ kín khung cảnh chính, **Charlie** vẫn có thể nhận ra đó là ông Bartholomew. Ông đội nón len, mặc áo khoác độn bông và đi giày ống dài, có dây cột.

Charlie dí tăm hình sát vào mặt. Con bướm trắng bay qua phòng và đậu lên cánh tay nó.

“Ba mình trong tăm hình này nè”, **Charlie** nói với con bướm trắng. “Ba ở ngay đằng kia, nhìn ông Bartholomew Bloor qua kính ngắm, và... tách... chụp được ông ấy, mãi mãi như thế. Vì vậy nếu mình đi vào đó và quay qua nhìn máy chụp hình thì mình sẽ trông thấy ba, đúng không? Bướm nghĩ sao?”

Con bướm trắng di chuyển đầy che chở xuống cổ tay nó và **Charlie** mỉm cười trước những cái chân bướm chạm nhẹ vào mình. Nó phấn khích vì vui đến nỗi bàn tay run run, và con bướm trắng lại di chuyển tiếp, cho tới khi đôi cánh lấp loáng quạt quạt nơi đầu ngón tay trở của cha.

“Vậy là đúng hả?” **Charlie** đã có thể nghe thấy tiếng tuyết rào rào và tiếng ai đó thở đều đều vào tai nó. Nó vẫn luôn thích cái khoảnh khắc này – ngay khi những âm thanh vừa chạm tới, nó đã thấy mình trôi lênh bênh vào một tăm hình.

“Đi nào,” nó nói. Thân thể nó trở nên không trọng lượng, đồng thời nó bị nuốt chửng vào đám mây mù thời gian dày đặc. Giờ thì bắt đầu cú rơi xoáy chậm chậm về phía hình hài đơn độc của ông Bartholomew và người đàn ông đang sau máy chụp hình.

Tiếng cười. Cả hai giọng cười đều sung sướng và tâm lành. Nó có nhận ra được tiếng ai với tiếng ai không? **Charlie** nghe thấy tiếng cười khục khục của ông Bartholomew, nhưng còn tiếng cười phát ra từ người kia thì...

“Thôi đi, Lyell. Tuyết dày quá.”

Không có tiếng trả lời.

“Cậu làm rớt máy chụp hình bây giờ. Đeo bao tay vào. Tay cậu đông lại rồi kìa.”

Không có lời đáp. Chỉ có tiếng cười dịu nhẹ.

Charlie tự hỏi ông Bartholomew có trông thấy mặt nó trong màn tuyết dày đặc không. Khi nó “du hành” thì chỉ có gương mặt nó được người nó “viếng thăm” trông thấy – cái vụ đó có thể hơi ớn một chút.

Cơn gió điên cuồng thổi tung tuyết vào mắt **Charlie**. Nó cố phúi chúng đi bằng hai bàn tay tê cứng. “Ông Bartholomew!” Nó gọi.

Ông Bartholomew không nghe được tiếng nó. Nhà thám hiểm đã quay đi và gọi. “Đi thôi, Lyell. Chụp thể được rồi.”

Giờ là lúc cho **Charlie** quay mặt lại. Giờ, rõ mười mươi, nó sẽ trông thấy người đàn ông đang sau máy chụp hình.

Nó quay lại.

Nó thấy một người đàn ông đội mũ trùm viền lông thú. Cầm ông tụt xuống trong cổ chiếc áo khoác có lớp lót, và phần còn lại của gương mặt ông bị chiếc máy chụp hình che kín.

“Lyell!” Ông Bartholomew gọi. “Hết ánh sáng rồi. Chúng ta phải trở về thôi.”

Một lần nữa lại tiếng cười dịu đó. “Cháu đến ngay đây.”

Giọng nói của ai vậy? **Charlie** có nhận ra giọng nói đó không? Máy chụp hình được hạ xuống và được đút vào túi áo. Chiếc mũ trùm đầu che súp mắt người đàn ông. Ông đeo bao tay vào, cúi sát đầu xuống.

“Ba!” **Charlie** gọi. “Ba ời!”

Người đàn ông bước tới trước. Ông đi sượt ngang qua mặt **Charlie**, đầu cúi oằn xuống để chống chọi với đợt tuyết đang ủa tới.

“Ba!” **Charlie** vừa vươn tay ra thì hứng trọn một bụm tuyết đầy.

Người đàn ông ngược mặt lên nhìn trời, như thể ông đã nghe thấy tiếng gọi âm u đó trong không gian xáo động. Chiếc mũ trùm của ông lật ra sau, nhưng **Charlie** chỉ thấy mờ mờ, tựa như một gương mặt đằng sau tấm kính đọng sương. Rồi lập tức gương mặt đó bị nhấn chìm trong tuyết.

“Chờ đã!” **Charlie** hét to. Khi nó há miệng, những hạt nước đá nhỏ li ti văng ra, rơi xuống tuyết thành những tiếng lanh canh độc ác. Ngực **Charlie** xé buốt như bị dao đâm. “Con sẽ đi đâu bây giờ?” Nó rên rỉ.

Trở lại cái nơi mà từ đó người đã tới, cái giọng lý lẽ vang lên, nhưng não của **Charlie** đã mù đi vì lạnh đến mức không thể nghĩ được sẽ về lại nơi đó bằng cách nào.

Mình sẽ chết cóng mất thôi, nó nghĩ. Nhưng người ta nói đó là một cách chết dễ chịu mà. Nó nhắm mắt lại. trong bóng tối mới thật yên bình. Chẳng bao sau nó thiếp đi.

Có cái gì đó cắn bàn tay **Charlie**. Nó cố vẩy đi, nhưng cái đó cứ bám riết lấy nó. Giờ thì nó đang chích ngón tay **Charlie**, bò qua mặt nó, giật tóc, rút cằm nó.

“Để tôi ngủ, “Charlie van vỉ. Cái lạnh bao trùm lấy nó trong một tấm chăn dễ chịu.

“Hãy trở lại!” Tiếng thì thảo dường như được dệt từ lụa mịn, nhẹ và cấp bách vô cùng. **Charlie** cảm thấy mình được nâng lên. Nó lặn mình trong không khí, thấy ấm lên, ấm dần lên, cho tới khi... nó mở choàng mắt ra.

Nó đang nằm trên giường của mình. Con bướm trắng lượn lơ phía bên trên, đôi cánh sáng lấp lánh giống bạc hơn bao giờ hết.

“Bướm đã làm điều đấy”, **Charlie** nói đầy ngờ vực. “Bướm đã đưa mình trở về”.

Con bướm trắng đậu trên bàn tay **Charlie**. Nó không nói được nhưng sợi dây thấu hiểu nối kết họ với nhau khiến **Charlie** có thể nghe được câu trả lời.

“Phải, ta làm đó.”

Charlie ngồi lên. “Vậy là nếu có bướm đi cùng ta khi ta du hành thì ta sẽ luôn trở về được?”

Không có câu trả lời bởi một tiếng thét đã vang động cả nhà; một tiếng thét sâu thẳm và kinh hoàng đến nỗi **Charlie** cảm thấy như tim mình ngừng đập.

Đó là tiếng thét của mẹ nó.

NGOẠI MAISIE BỊ ĐÔNG CỨNG

Charlie lao bổ xuống cầu thang – loạng choạng chực ngã, ríu chân căng mà bám bổ tới. Tiếng cảnh báo của những con mèo lửa réo trong tai nó: Coi chừng mẹ cậu. Nó đã không coi chừng. Nó tưởng trong nhà thì mẹ nó an toàn rồi chứ? Vả lại làm thế nào nó có thể canh chừng mẹ khắp nơi?

Đó là tiếng thét của cô Amy, nhưng chính ngoại Maisie mới là người gặp phải tai ương. Khi **Charlie** lao bắn vào nhà bếp, điều đầu tiên nó thấy là ngoại Maisie đứng cứng đờ ngay chính giữa phòng. Bà quay mặt ra cửa và hình như đang trợn trừng nhìn thẳng vào **Charlie**. Miệng bà há to và nét mặt còn nguyên si vẻ kinh ngạc. Cô Amy và Ông cậu Paton đứng hai bên bà. Tay cô Amy chấp lại, nhưng tay Ông cậu Paton chìa ra trước mặt, như thể ông chưa biết phải đặt chúng vào đâu.

“Chuyện gì đấy ạ?” **Charlie** kinh hãi. “Chuyện gì xảy ra thế?”

“Chúng ta không... chắc,” Ông cậu Paton đáp.

“Bà bị đông cứng,” cô Amy khóc thút thít. “Ngoại Maisie bị đông cứng rồi.”

Thậm chí cả nội **Bone** cũng đã nhổm dậy khỏi ghế của bà. “Bà ta, cái bà ngớ ngẩn ấy đã làm gì thế? Bà ta đã làm cái điều đáng ra bà ta không nên làm.”

“Lạy trời lại đất, Grizelda”, Ông cậu Paton gầm lên. “Bà Maisie đang gặp rắc rối đây này”.

“Hừ!” Nội **Bone** quay ngoắt lưng lại. “Tốt hơn là các người làm gì đó đi chứ. Bà ta bắt đầu rỏ nước rồi kìa.”

Charlie chạm vào cánh tay ngoại Maisie. Ngoại đang mặc chiếc áo lạnh lông mèo angora màu hồng, và đồng lông mềm ấy đã chuyển thành những chùm nước đá cứng queo, chĩa ra tua tủa. Một ý nghĩ khủng khiếp nảy ra trong đầu nó. Mới khoảnh khắc trước thôi mình đã du hành vào một thế giới ngập tràn tuyết. Lẽ nào, phải chăng bằng cách nào đó, mình đã mang cả ngoại Maisie đi cùng? Nó chạm vào mặt ngoại. Lạnh và cứng hệt như một tảng băng.

“Charlie, dừng”, mẹ nó nức nở. “Đừng chạm vào bà, kinh... kinh khủng quá.”

Nội **Bone** nói đúng. Thật tình là ngoại Maisie đang bắt đầu rỏ nước. Một vũng nước nhỏ đã đọng quanh bàn chân bà.

“Có lẽ bà ấy đang tan ra”, Ông cậu Paton nói. “Chúng ta hãy thúc đẩy quá trình này đi nào. Chúng ta sẽ đưa bà ấy đến gần bếp lò.”

Với một chút khó khăn, cô Amy và Ông cậu Paton lái ngoại Maisie lại chỗ bếp lò. Ông cậu Paton tăng nhiệt độ lò lên và hơi nóng xối tràn vào căn phòng. Trong một vài phút, cả nhà nóng ran, đến độ tất cả mọi người vội trút bỏ áo lạnh và áo len chui đầu của mình ra; nhưng mặc dù tiếp tục rửa nước, chút chút thôi ở quanh giày, ngoại Maisie vẫn còn cứng như tảng băng.

“Bị ế bùa rồi”, mẹ **Charlie** thảng thốt vùi mặt vào lòng bàn tay. “Đúng là vậy thôi. Nhưng tại sao lại là ngoại Maisie? Bà có bao giờ làm tổn thương một linh hồn nào đâu.”

“Charlie, mày lại đi gặp ông thầy pháp đó nữa à? Ông cậu Paton hỏi với giọng nghiêm khắc.

“Kh... không”, **Charlie** nói, hơi ấp úng.

“Nhưng mày lại ‘du hành’ nữa chứ gì?”

Charlie gật đầu. Nó cảm thấy con mắt của nội **Bone** găm vào mình. “Con không thăm ông thầy pháp nào cả,” nó lẳng lặng nói, “mà đi tới một nơi rất lạnh.”

“Nơi nào?” Nội **Bone** hặc hỏi.

“Ồ... chỉ là một tấm thiệp Giáng sinh”, **Charlie** nói. “Để cho vui. Việc đó có gì sai trái đâu, phải không ạ?”

“Mày không nên dùng tài phép của mày chỉ để cho vui”, bà ta nhấc mồm.

“RỒI, RỒI”, **Charlie** lầm bầm. Nó nhận thấy cái bàn đang bày nguyên bữa trưa. Tất cả đồ ăn trong giỏ đã được dọn ra, và từng món ưa thích của mỗi người đều đã ở ngay ngắn trong đĩa của họ. Pa-tê cho nội **Bone**, bánh nhân thịt hươu cho ngoại Maisie và cho **Charlie**, cá ngừ cho cô Amy và tôm he cho Ông cậu Paton. Nắp hũ đựng tôm he đã bị mở banh và hai con tôm he to nằm trên tấm trải bàn, như thể chúng vô tình bị rơi xuống.

“Ông cậu Paton, ông đã ăn tôm he chưa?” **Charlie** hỏi.

“Chưa, ta...” Ông cậu Paton nhìn đám tôm he. “Ồi, lại thánh thần, ai...” ông cúi xuống và nhìn vào cái miệng đang há ra của ngoại Maisie. “Một con tôm he!” Ông la lên. “Bà ấy đã ăn tôm he của tôi.”

“Ông cậu Paton”, cô Amy trách cứ. “Làm ơn đi, ông không chấp nhận bà mẹ tội nghiệp của tôi vì vài con tôm he đấy chứ”.

“Ồi cô à, cô hiểu lầm rồi”, Ông cậu Paton nói. “Bà Maisie đang ăn tôm he thì... thì gặp phải tai họa này.”

Cô Amy ngược nhìn lên, “Ngộ độc à?” Cô thở gấp.

“Còn hơn cả ngộ độc”, Ông cậu Paton nói. Ông quay qua bà chị mình. “Grizelda, bà có biết tí gì về vụ này không?”

“Đừng có lỗ thế chứ”. Tóm lấy đĩa bánh mỳ và pate của mình, nội **Bone** tong tóc đi ra khỏi bếp, càu nhàu. “Tao sẽ không ở đây để mà bị xỉ vả đâu”.

Không ai dám động đến thức ăn của mình nữa. Họ cất tất tệt các món vào trong giỏ mây, và Ông cậu Paton gọi điện cho cửa hàng. Mười lăm phút sau, một người đàn ông trẻ tới trong chiếc xe tải nhẹ mà **Charlie** đã trông thấy vù đi khỏi cách đây một giờ. Ông cậu Paton ra cửa

trước trả lại giỏ đồ ăn cho anh ta. “Một thành viên trong gia đình tôi đổ bệnh rất nặng”, ông bảo người đàn ông trẻ. “Chúng tôi tin rằng tâm hồn của các người phải chịu trách nhiệm. Tôi muốn chúng được mang đi phân tích càng sớm càng tốt.”

“Hôm nay là Chủ nhật, thưa ông”, người đàn ông trẻ nói, trông có vẻ lú lú. “

“Có người sắp chết!” Ông cậu Paton quát to. “Làm ngay đi!”

“Vâng, thưa ngài,” người đàn ông trẻ lí nhí. “Có lẽ bệnh viện sẽ làm.” Anh ta bước lấy bầy xuống những bậc cấp và đặt giỏ đồ ăn lên ghế hành khách, xong lái vút đi.

Charlie nảy ra một ý nghĩ. “Những con mèo lửa”, nó đề nghị. “Chúng sẽ giúp cho coi”. Nó quàng lệ áo gió vào, vù ra đường và hướng thẳng đến quán Cà Phê Thú Kiểng. Những con mèo lửa không phải lúc nào cũng ở đó, nhưng nó không biết tìm chúng ở nơi nào khác.

Charlie đi gần hết đường Fillbert thì linh cảm thấy những con mèo lửa đang ở rất gần. Ánh mắt **Charlie** bị hút lên cái mái của căn nhà nó đang đi ngang, và chúng kia kìa, trên chỗ cao nhất, những hình thù sáng chói khắc đậm vào bầu trời xám. Vừa trông thấy **Charlie**, chúng liền nhảy từng con một xuống cái cây gần đó, và leo rất gọn gàng qua từng chạc cây cho đến khi đứng ngay dưới chân **Charlie**.

“Những con mèo lửa, tôi cần các bạn giúp!” **Charlie** quay đầu và chạy về lại nhà số 9, những con mèo lửa chạy cùng với nó; Dương Cưu hơi nhô lên trước một tí, như thường lệ, Sư Tử và Nhân Mã ở hai bên.

Khi cả bốn nhảy phắt vào hành lang, nội **Bone** ngoác mồm la bai bai, “Không được cho lũ sinh vật kinh tởm đó vào. Đuổi chúng ra!”

Những con mèo lửa hùng dũng đi tới cửa phòng khách để mở và nhìn xoáy vào trong bằng những cặp mắt sáng quắc như thần. Nội **Bone** vội lùi lại, la eo éo, “Đuổi chúng đi.”

Ba con mèo lửa gườm gườm nhìn bà ta, và nội **Bone** đẩy cửa đóng sầm lại, sập luôn cái mũi giày đen bóng lộn của mình.

Charlie phì cười. Nó dẫn những con mèo lửa vào bếp, nơi chúng thấy ngay lập tức mình phải làm gì. Chúng chạy ủa tới ngoại Maisie và vây quanh bà, meo meo nhè nhẹ.

“Ôi, **Charlie**, chúng giúp được không đấy?” Cô Amy nắm chặt bàn tay **Charlie**.

“Những con mèo này có thể làm phép màu”, Ông cậu Paton nói một cách tự tin.

Những con mèo lửa có vẻ bối rối. Sự bối rối chỉ có thể được diễn tả duy nhất bằng cái nhú mảy sượt qua khuôn mặt lông lá của chúng. Những cặp mắt vàng chóa ra lên khắp chiều dài thân hình bất động của ngoại Maisie, cho tới khi đôi mắt kính hời hợt bị đông cứng của bà. Chúng lại meo lần nữa.

Hết tròn một phút, những con mèo lửa sẫm soi các ngón tay cứng đờ, đôi cặp phốp pháp, cái áo lạnh hồng đóng băng và những lọn tóc xám cuốn gọn của ngoại Maisie. Chúng dịch tới gần hơn và hít ngửi, những cái mũi đen chun nhúm lại ra điều không bằng lòng.

Charlie nín thở. Những con mèo lửa có thể làm tan chảy ngoại Maisie được không? Nó nhìn Dương Cưu đứng nhón hết cở trên các đầu ngón chân, lưng vồng lên. Con mèo màu đồng bắt đầu chạy quanh đôi chân đi giày thể thao mới màu đỏ của ngoại Maisie. Hẳn là bà rất tự hào về chúng, **Charlie** nghĩ. Hy vọng bà vẫn sẽ còn tự hào về chúng.

Sư Tử và Nhân Mã chạy theo Dương Cưu. Nhịp bước nhẹ đều của những con mèo lửa trở nên dồn dập hơn. Chẳng bao lâu sau cơ thể chúng hóa thành những quầng lửa lao chồm tới. Nhìn như ngoại Maisie đứng bên trong một vòng tròn lửa. Những tia lửa nhỏ xíu, lóa nhóa bắn tung lên trần nhà, và **Charlie** có thể nghe thấy tiếng rít cùng và tiếng lửa nổ lộp độp.

“Bà chớp mắt kìa!” Giọng cô Amy khản đặc đi vì mừng. “Có thấy không?”

Charlie nhìn vào mặt ngoại Ma. Bà chớp mắt hai lần.

“Con thấy”, **Charlie** la lớn. “Bà chớp mắt”.

“Đúng vậy thật”, Ông cậu Paton công nhận.

“Bà đang chảy”, cô Amy thở hắt ra mừng rỡ.

“Những con mèo lửa tài giỏi. Hoan hô!” **Charlie** reo lên.

Ngoại Maisie ngậm miệng lại và có gì đó như là nụ cười nhíu lại ở hai khóe mép.

Họ đợi thêm chút nữa. Không có gì thêm. Cái chớp mắt đã ngừng hẳn; miệng vẫn khép và các bộ phận cơ thể còn lại của ngoại Maisie vẫn cứ thế mà đông cứng.

Những cuộn lửa bắt đầu bớt đi độ sáng. Nhịp bước phùng phịch chậm lại, và ba con mèo, hoàn lại hình hài cũ của mình, bước thêm một vòng, hai vòng, ba vòng nữa quanh đôi cẳng cứng đờ của ngoại Maisie, rồi ngồi xuống. Trông chúng mệt rũ.

Dương Cưu nhắc một chân lên và từ tốn liếm. Sư Tử và Nhân Mã nằm xoài ra sát bên nhau và nhìn lên **Charlie**, như ngụ ý nói Chúng tôi đã cố rồi. Chúng tôi không thể làm hơn được nữa.

“Các bạn đã làm hết sức”, **Charlie** nói. “Tôi biết mà”.

“Bà ấy sắp trở lại”, mẹ **Charlie** rên rỉ. “Chỉ cần cố thêm tí xíu nữa thôi.”

“Chúng không thể làm được”, **Charlie** nói. “Chúng đã làm tất cả rồi. Chúng không thể làm hơn nữa đâu.” Nó đi tới tủ lạnh và lấy ra một ít dăm bông, thái thành cục nhỏ và thả vào một cái nồi. Nó đặt nồi sát vào những con mèo lửa và chúng ăn ngấu nghiến.

Ông cậu Paton ngồi xuống và khoanh tay thật chặt. “Có vẻ việc này muốn nhằm vào ta”, ông chưa chát nói. “Ta chắc chắn thế. Đúng ra ta phải là người ăn tôm he. Ai đó đã cố ý làm ô uế tôm, mà chắc chắn là một kẻ trong bọn chúng – hay ta nên nói là một trong chúng ta, những kẻ được ban phép thuật. Tại sao...?” Ông giơ hai bàn tay lên và buông cho chúng rơi thõng xuống đùi.

“Chúng ta phải gọi bác sỹ thôi”, cô Amy thúc giục. “Ngay đi. Trước khi quá trễ.”

Ông cậu Paton gật đầu. “Đành vậy thôi. Nhưng phải là người mà chúng ta tin cậy về độ thận trọng và kín tiếng”.

Một tia hy vọng lóe lên trên mặt cô Amy. “Tôi biết một người. Trông ông ấy có vẻ quen giữ bí mật. Ông ấy hay mua rau quả ở chỗ tôi và bữa nọ đã cho tôi danh thiếp của ông ấy. Ông ấy là bác sĩ... gì gì đó, khác thường”.

“Không chừng là một tiến sỹ toán học hay âm nhạc”, **Charlie** không muốn mẹ mình quá hy vọng.

“Nhưng cũng đáng thử”, cô Amy chạy ra chỗ để điện thoại trong hành lang.

Trong khi cô Amy gọi điện, nội **Bone** quát um xùm, “Chúng đi chưa hả, cái lũ thú ấy?”

Những con mèo lửa gừ lên trước giọng bà ta. Sư Tử liếm cái nôi thêm cú nữa rồi phóng theo các anh em mình vô hành lang. Đuôi chúng vểnh cao và đầu nghếch thẳng. Tuy thất bại lần này nhưng chúng vẫn giữ vẹn niềm kiêu hãnh. **Charlie** thầm cảm ơn chúng, và để chúng đi.

“Ông ấy sẽ tới”, cô Amy đặt ống nghe xuống. “Tên ông ấy là bác sỹ Tanaka”.

Bác sỹ Tanaka còn trẻ, với vẻ mặt cười lởi xởi, diện bộ com-lê xám chín chu. Thoạt nhìn tưởng như ông chẳng thuộc loại người có thể đối phó với điều gì chệch khỏi trật tự thông thường. Nhưng cô Amy đã không lầm. Khi nhìn thấy ngoại Maisie tội nghiệp bị đông cứng, bác sỹ Tanaka chỉ nhún một bên lông mày lên. “À!” Ông nói. “Bị đông lạnh. Hạ thân nhiệt xuống dưới điểm đông, nhưng trong trường hợp này là bất tự nhiên”.

“Bà cụ có... có chết không?” Cô Amy hỏi, gần như không thốt ra được mấy từ cuối cùng.

“Không hẳn,” ông bác sỹ đáp bằng giọng nhẹ ru, hiệu quả. “Khi quyền năng bị phá vỡ, bà ấy sẽ trở lại”.

“Quyền năng”, **Charlie** lầm bầm.

Bác sỹ Tanaka quay qua nó và mỉm cười. “Quyền năng”, ông lặp lại. “Ai đó trong thành phố này có quyền năng siêu nhiên, cực kỳ khác thường. Tôi biết chắc chắn là có một số người rất khác thường. Những người con của Vua Đỏ, tôi tin họ là như vậy. Thực tình, tôi mạn phép tin rằng mình đang đứng trong ngôi nhà có một... hay hai... người như thế sống, đúng không?”

Ông cậu Paton nghiêng đầu.

“Theo kinh nghiệm của tôi thì không có quyền năng nào trên trái đất này lại không bị phá vỡ”, ông bác sỹ hăng hái tiếp. “Và hai người được ban phép sẽ tốt hơn là chỉ một người”.

Cô Amy liếc nhìn ngoại Maisie, “Trong lúc chờ đợi, chúng ta nên làm gì với mẹ tôi đây?”

“Hãy làm cho bà ấy thoải mái,” ông bác sỹ nói.

Mọi người quyết định bồn tắm là nơi tốt nhất cho ngoại Maisie, do những giọt nước cứ liên tục nhểu thành vũng quanh chân bà. Trước khi đi, bác sỹ Tanaka giúp Ông cậu Paton khiêng thân thể đông đá ấy lên lầu. Họ phải đeo bao tay và việc lái bà vô bồn tắm chẳng dễ dàng gì. **Charlie** nhẹ nhàng đặt một cái gối đệm dưới đầu ngoại Maisie và cô Amy đắp cho bà một cái chăn.

“Tôi hy vọng mình sẽ hân hạnh được mua nhiều rau nữa tại cửa hàng tuyệt vời của cô,” ông bác sỹ bảo với cô Amy trước khi rời đi.

“Tôi cũng hy vọng vậy”, cô Amy đáp lại cái cúi chào lịch thiệp của ông bác sỹ.

Ông bác sỹ vừa đi khỏi thì một cú điện thoại từ cửa hàng thông báo cho Ông cậu Paton rằng mớ tôm he đó không hề nhiễm độc tố hay bất kỳ thứ gì. Chúng đã được mang cho chuột thí nghiệm ăn và không gây ra tác dụng xấu nào. Thật ra lũ chuột cực kỳ thích chúng, và thậm chí chúng còn hoạt bát hơn và mọc nhiều lông hơn sau khi ăn tôm.

“Chắc chắn là chúng đang đói ngấu”, **Charlie** lầm bầm.

“Chỉ một con tôm bị thôi”, Ông cậu Paton tuyên bố. “Và ngoại Maisie đã ăn trúng con tôm đó. Ta dám đánh cược đó là Venetia”.

“Nhưng bà cô Venetia chỉ đánh thuốc vào quần áo thôi”, **Charlie** nhắc ông. “Tại sao bà tai phải đổi qua tôm he chứ?”

“Không biết,” Ông cậu Paton làu bàu.

Charlie cảm thấy ngại ngại khi dùng nhà tắm có ngoại Maisie ở trong đấy, cho nên nó lên lầu trên cùng, chỗ mẹ nó và ngoại Maisie ngủ, để dùng toa-lét của họ. Cả Ông cậu Paton cũng vậy. Đêm đó, nội **Bone** cứ kêu rêu về trời lạnh chết khiếp ở lầu trên cùng và bà ta cần dùng bồn tắm. “Dời cái bả đông cứng đó đi giùm”, bà ta ra lệnh.

Ông cậu Paton từ chối và nội **Bone** đành phải dùng toa-lét sát bên buồng chứa đồ. Bà ta bỏ đi, không tắm nữa.

Charlie cảm thấy mắt mình đóng ập lại ngay khi nó lên giường. Nó mơ màng rà soát lại những sự kiện diễn ra trong ngày và bất thành linh nhớ đến Naren. Có đúng là buổi sáng nó đã băng qua cầu đi vào đồng hoang không?

Cô bé đã nói gì với mình nhỉ? “Đêm nay đừng đóng rèm cửa lại”. Vậy thì tài phép của cô bé là gì? Có thể bay, hay có thể gửi thông điệp theo ánh trăng? Một rá rời, **Charlie** lết ra khỏi giường và đến cạnh cửa sổ. Con bướm trắng lướt tới đậu một bên rèm cửa khi **Charlie** kéo cho rèm mở ra. Bên ngoài một màn sương mù lấp lánh quấn chặt vào những cành dẻ. Sẽ lại là một đêm lạnh buốt nữa.

Charlie lợ mợ trở về giường và ngủ thiếp đi.

Nó tỉnh giấc thì thấy căn phòng sáng ngập ánh trăng. Khi căng mắt ngó quanh, nó thấy có những bóng đen mảnh mai bò loằng ngoằng về phía giường mình. **Charlie** co rúm người vào gối trong khi những cái bóng bò lên cọc giường rồi bò qua chân mền. Như những sinh vật tí hon hình thù kỳ dị, chúng bò lên hai bàn tay **Charlie** và chạy lên ống tay áo nó, nhưng nó không cảm thấy gì cả.

“Cái bóng”, nó nghĩ. “Chỉ là những cái bóng thôi”.

Nó nhìn những hình thù tí teo di chuyển lên bức tường đằng sau mình. Chúng bắt đầu chen lấn nhau, trông như đang cố tìm chỗ thích hợp cho mình trong cái mớ xoáy tít này. Kinh ngạc nhìn những cái bóng chuyển động, **Charlie** dần dần nhận ra những hình thù kia là những chữ cái. Từ từ, chuyển động loạn xạ của chúng bắt đầu chậm lại, và **Charlie** có thể nhận ra những từ của một thông điệp:

“Là em đây, Naren. Đây là phép em có thể làm được. Anh có sợ khi thấy những cái bóng nhỏ của em không? Nếu anh thì thào vào bức tường thì em có thể nghe được anh”.

“Chào, Naren,” **Charlie** thì thào được chẳng hay chứ.

Những chữ cái lại tự sắp xếp lại và **Charlie** đọc:

“Chào anh **Charlie**. Em hy vọng anh đã trở về an toàn. Nếu có gì quấy nhiễu anh, hãy cho em biết và em có thể nói với cha em. Mặc dù ông rất ghét đi vào thành phố, nhưng ông sẽ giúp anh.”

Nên bắt đầu từ đâu đây? **Charlie** tự hỏi. Nó quyết định báo cho Naren biết về việc ngoại Maisie bị đông cứng. Khi nó thì thầm xong mọi chi tiết về sự cố xúi quẩy kinh khủng của bà ngoại thì những cái bóng trên tường đứng im lìm mất một phút, như thể Naren đang cố hiểu thông điệp của nó.

Cuối cùng những chữ cái lại rùng rình chuyển động. Lần này các từ hình thành rất chậm.

“Nhưng gì anh nói về... bà ngoại của anh là... rất tệ... em sẽ nói... chuyện với cha em... Ngày mai... có lẽ... cha sẽ cho lời khuyên”.

“Nhưng ngày mai anh ở trong trường rồi. Làm sao em có...” **Charlie** nghe thấy tiếng những bước chân trong hành lang ngoài phòng mình. Thình lình cánh cửa mở ra và nó thì thào, hơi to hơn chủ định, “Tạm biệt!”

Nội **Bone** sấn vào. “Mày đang nói chuyện với ai đó?” Bà chất vấn.

“Không ai cả, nội”, **Charlie** đáp. “Có lẽ con đã nói mê trong khi ngủ”.

“Nhưng mày đâu có ngủ. Mày đang ngồi trên giường mà. Có cái gì trên tường của mày hả?” Nội **Bone** dòm lom lom vào bức tường phía trên đầu **Charlie**.

Charlie ngoái lại, khẩn thiết hy vọng những chữ cái của Naren đã biến mất. May quá, chắc hẳn cô bé đã hiểu lời chào tạm biệt vội vàng của nó, bởi vì những cái bóng tí hon đang bắt đầu mờ đi.

“Chúng là bóng cànhdẻ thôi, nội,” **Charlie** nói nhanh.

“Thằng ngu! Mày để rèm cửa sổ mở. Làm sao mày có thể ngủ được khi trăng tràn vào thế kia?” Nội **Bone** hằm hằm đi qua phòng và kéo rèm chặt cứng lại. “Hừ, ngủ đi.”

Charlie nằm xuống và nhắm mắt lại. Nhưng khi nội **Bone** đi khỏi, nó tức tốc mở mắt ra liền. Căn phòng tối đến mức nó không thể trông thấy bức tường. Một giây sau nó lại ngủ lịm đi.

Sáng hôm sau **Charlie** mệt đến quên phứt vụ ngoại Maisie bị đông cứng, đến khi bước vào nhà tắm nó mới thấy bà nằm đó. Mặt bà trông tái xanh hơn hôm trước, hay là nó tưởng tượng thế? Nó thấy mình không thể nào đánh răng được với tia nhìn trợn trừng băng đá của ngoại Maisie rọi sau lưng, vì vậy nó lên lên lầu trên cùng.

Cô Amy vẫn còn ở trong bếp khi **Charlie** xuống ăn sáng. “Mẹ sẽ không đi làm đâu”, cô bảo với **Charlie**. “Làm sao mẹ đi được khi ngoại Maisie thế này. Ôi, **Charlie**, chúng ta phải làm gì đây?”

Có một chậu mùi tây trên bậu cửa sổ làm **Charlie** sức nhớ ra một điều. “Cỏ roi ngựa”, nó lầm bầm. “Mẹ, mẹ có nhớ khi Ông cậu Paton bị yếm bùa hồi năm ngoáikhông?”

“Hình như mẹ quên rồi”, cô nói.

“Rồi con đã lấy trộm một ít cỏ roi ngựa từ vườn nhà bà cô Eustacia, rồi chúng ta pha trà, rồi...”

“Ông cậu Paton khỏi bệnh!” Cô Amy kêu to.

“Ừm, mẹ của Fidelio có trồng một ít vào chậu để sau này dùng tới”, **Charlie** hớn hỏ nói tiếp. “Nếu mẹ đến Mái Ấm Gia Đình Gunn, con cá là bác Gunn vẫn còn đó. Fidelio bảo thỉnh thoảng bác ấy hay kẹp bánh mì, kiểu như một loại thuốc bổ vậy.”

“Charlie, con là thiên tài!” Mẹ nó ôm chặt nó đến nỗi nó nuốt chửng một cái nguyên cả nửa lát bánh mì.

“Ăn sáng xong mẹ sẽ đi thẳng tới nhà bác Gunn,” cô Amy vui mừng nói. “À mà mẹ đi ngay đây”, cô nhìn ra cửa sổ. “Billy Raven ở ngoài kia. Con sẽ giữ bí mật tình trạng của ngoại Maisie chứ nhỉ?”

“Dĩ nhiên!”, **Charlie** lẩm bẩm. Làm như nó muốn người khác biết bà ngoại đang vĩnh viễn chiếm giữ nhà tắm không bằng!

Cô Amy đâm bổ ra hành lang và giật lấy áo khoác. Khi cô đi ra, **Charlie** nghe thấy giọng nhỏ nhẹ của Billy hỏi nó vô có được không.

“Được, được, Billy, dĩ nhiên là được!” Cô Amy sốt sắng.

Cửa trước đóng đánh rầm và phút sau Billy đã đứng trong nhà bếp, trông bên la bên lén.

“Benjamin chưa cần tới trường, ít nhất là trong nửa tiếng nữa,” Billy nói với vẻ chán ngán. “Vì vậy cô Brown bảo tốt hơn là em nên đến nhà anh để chúng ta có thể cùng đón xe buýt của Học viện Bloor”.

“Cô ấy không thể đưa em đi sao?” **Charlie** trét mật ong lên miếng bánh mì nướng thứ hai của nó.

Billy nhún vai, “Không nghĩ là hôm nay cô ấy sẽ đi làm”.

“Ờ, tụi mình còn ba phút nữa”. **Charlie** vui vẻ nói. “Em có muốn ăn chút cốm bắp không? Có dâu trong đó nữa đó.”

“Thôi”, tuy nhiên Billy vẫn tới ngồi vào bàn bếp. Nó mặc chiếc áo khoác vải len tho màu xanh da trời, nhỏ hơn cái khổ người tí tẹo của nó mấy cỡ.

“Em nghỉ cuối tuần có vui không?” **Charlie** hỏi.

Billy rầu rầu nhìn chăm chặp vào bánh mì nướng của **Charlie**. “Ờ, à, cũng tạm. Nhưng Rembrandt không vui. Tuần tới em ở chung với anh được không, **Charlie**?”

“Được”, **Charlie** nuốt miếng cuối cùng và liếm mấy ngón tay. “Tụi mình đi thôi.”

Billy đứng lên và đi ra cửa. “Cho em dùng toa lét của anh nhé?”

“KHÔNG!” **Charlie** hét văng lên. “À mà, ừ. Dùng cái kế bên buồng chứa đồ ấy.”

Billy đứng ngẩn ra bên cạnh cánh cửa. “Toa-lét trên lầu nhà anh làm sao vậy?”

“Bị nghẹt”, **Charlie** nói.

Trong khi chúng cùng nhau chạy trên đường Filbert, **Charlie** cố moi thêm thông tin từ Billy. Tại sao nó không thích ở cùng với gia đình Brown? Và có chuyện gì xảy ra với Rembrandt?

“Nói chung thì em thích”, Billy thở hì hụi. “Nhưng mẹ và ba của Benjamin hay hỏi han em quá đáng, còn Hạt Đậu và Rembrandt thì cứ cãi nhau hoài, nghe thú vật cãi nhau mệt lắm”.

“Ừ đúng” **Charlie** thông cảm.

“Hạt Đậu thật là hung hăng”, Billy tiếp. “Rembrandt mệt đến phờ phạc luôn”.

“Em để nó ở lại nhà Brown à?”

“Không, nó đang ở trong túi áo em này.”

Charlie ngừng chạy. “Billy, em không thể giữ chuột trong phòng ngủ chung được.”

Billy chạy đuổi kịp nó. “Em biết, em biết. Em sẽ đưa nó cho bà bếp trưởng khi tụi mình vào căn-tin”.

Charlie nghĩ như thế thì liều quá, nhưng không nói gì thêm.

“Hạt Đậu không phải là một con chó ngoan, anh biết đấy”, Billy căn nhắc khi chúng bắt đầu chạy tiếp.

“Nó là một con chó khôn tuyệt mà”, **Charlie** nói. “Em chỉ nhìn nó theo quan điểm của chuột thôi”.

“Em chẳng thấy phải nhìn nó cách nào khác nữa”, Billy phản bác.

Chiếc xe buýt xanh da trời của Học viện vừa tới đầu đường Filbert, và hai thằng bé chạy vắt giò lên cổ về phía đó.

Khi vừa tới trường, chúng thấy rằng Dorcas Loom đã làm xong điều tệ hại nhất của con nhỏ. Câu chuyện về **Charlie** và bọn thú đã lan truyền khắp Học viện. Trong mọi phòng để áo khoác đều nghe bàn tán xôn xao về vụ việc. **Charlie Bone** bị bắt quả tang đang giữ thú cưng của tất cả bạn bè nó, vậy thì những con thú khác ở đâu?

Vào giờ nghỉ giải lao đầu tiên, **Charlie** vừa bước ra ngoài trời thì một đám đông kéo tới nó. Nó thấy Dorcas và Joshua với hai chị em sinh đôi nhà Branko kẻ hai bên. Cả kẻ thù cũ của **Charlie** là Damian Smerk cũng có mặt, rồi thì Bragger Braine và Rupe Small đằng sau thằng này, cùng ít nhất là mười đứa khác – một số đứa học năm thứ tư, thứ năm mà **Charlie** không biết mặt. Rõ ràng là sức hút của Joshua đã hút chúng lại với nhau. Chứ bình thường chúng đâu thèm mất công dính dáng tới một thằng năm hai hiền lành như **Charlie**.

Asa Pike xông xáo chen lên trước đám đông. “Này, **Charlie Bone**, mày định nói gì để biện hộ cho mày đây, hả?” Nó quát tướng lên.

Nhưng **Charlie** chưa kịp nói gì thì một làn gió mạnh thổi vòng qua mắt cá chân nó, và Asa lao đảo ngã ra sau vì bị một luồng khí lạnh quất hồng chân.

Sau lưng **Charlie**, một giọng quen thuộc cất lên, “Nó không có gì phải nói cả. Cút đi!”

CÔ AMY TRÚNG BÙA MÊ

Charlie thấy mình đứng giữa Tancred và Lysander. Sự có mặt của họ được nó đón nhận nồng nhiệt.

“Cút khỏi đây, Torsson,” Asa ngáp ngáp cái miệng phả đầy hơi lạnh. “Mày không có thú cưng.”

“Hừ, tao thì có,” Lysander hét.

“Tụi tao muốn biết nó đã làm gì với bọn thú của tụi tao,” Dorcas rút rú, bấu chặt lấy cánh tay rắn chắc của Bragger Braine.

“Nói mau!” Idith và Inez thét át luôn tiếng gió hú. “Nói mau! Nói mau! Nói mau!”

Charlie bật tai lại, cảm thấy bốn con mắt của hai đứa song sinh chọc vào mình. Lysander và Tancred cũng cảm nhận uy lực của tia nhìn từ những con mắt đen đỏ. Cả ba đứa lùi lại, rồi lùi thêm bước nữa. Không để bị phủ đầu, Tancred tung ra một đòn khác. Một cơn mưa bất chợt đổ xuống đám lau nhau, dội chúng ướt đến tận da.

Há khắc mồm ra sững sờ, đám đông bắt đầu giải tán, bỏ lại những đứa trẻ được ban phép thuật đứng với nhau thành chiến tuyến rạch ròi. Asa, Joshua, Dorcas và hai đứa sinh đôi, tóc nhều nước rườn rớt, áo quần ướt sũng và mặt mũi lấm lem nước, trừng mắt nhìn Charlie đang không sao ngăn được mình khỏi cười nụ.

Không hề báo trước, Joshua Tilpin xông thẳng vào Charlie. Bị mất cảnh giác, Charlie té ạch xuống đất, với Joshua đè lên người nó. Hai thằng ôm nhau lăn lộn dưới cỏ ướt, hết vòng này tới vòng khác.

Nhận định rằng kích thước của Charlie đủ cho nó một lợi thế rõ rệt, Tancred và Lysander cho phép trận đấu vật tiếp diễn. Joshua là một thằng leo khéo, chúng biết thằng này đừng hòng có cơ may thắng được Charlie. Tuy nhiên những đứa phe kia lại định ninh tài phép của Joshua sẽ cho nó sức mạnh cần thiết hầu để bắt Charlie Bone phun ra sự thật.

“Nói mau! Nói mau! Nói mau!” Chúng nhao nhao hò hét. “Những con thú của tụi tao đâu?”

“Tao không biết,” Charlie giáng một đấm xuống cái vai gầy guộc của Joshua.

Thêm ba thằng nữa chạy đến hiện trường: Gabriel, thở không ra hơi, nhai nhai nắm đấm của mình, Fidelio lải nhải “Chuyện gì thế?” và Billy rón rén ló ra giữa hai thằng lớn, lo lắng ngơ ngậy co hết chân này đến chân kia.

Uych nhau với Joshua mà tựa như phải đẩy cả tấn gạch. Có sao một thằng bé còm nhom mà lại nặng thế này? Charlie tự hỏi. Nó đấm túi bụi vào lưng đối phương, nó kéo rì đôi cánh tay khẳng khiu, đá cặp giò như que củi của Joshua. Nhưng Joshua dường như đã hút hết năng

lượng ra khỏi người nó. Khi thẳng này nằm đè lên ngực Charlie, nó cảm thấy có một bức tường khổng lồ đang ép hết sự sống ra khỏi người mình. Nó ráng giữ hơi thở, bàn tay cào khoắng không khí và rồi, bằng một nỗ lực thần kỳ, nó vung nắm đấm lên, tương một cú trời giáng vào mặt Joshua.

“Aieeee!” Tiếng rống của Joshua rung chuyển mặt đất. Nó lăn khỏi Charlie, ôm chụp lấy mũi.

Charlie lao đảo đứng lên. Nó cảm thấy có năm bàn tay vỗ mạnh vào lưng mình và suýt nữa thì ngã vấp mặt xuống trở lại.

Lysander hú lên báo hiệu chiến thắng, “Giỏi lắm, Charlie!”

“Đáng đời thẳng oắt ghê,” Tancred thêm.

Joshua vẫn nằm dưới đất, kêu khóc thảm thương. Dorcas giúp nó đứng lên và nó cứ thế đứng trừng trừng nhìn Charlie trong khi lau cái mũi đầy máu. “Một ngày nào đó tao sẽ thịt mày, Charlie Bone,” nó gầm gừ. Giọng nó sực nức mùi đe dọa, nhưng bộ dạng nó lại thảm hại quá chừng, khiến Fidelio bật lên cười khanh khách.

“TRÒ DÁM HẢ!” Không đứa nào nhận ra cô Chrystal đã bấm bốp đi tới.

“Trò, Fidelio, tất cả các trò! Sao lại dám cười nhạo một đứa trẻ bị thương?” Cô quay qua những đứa khác. “Chuyện gì xảy ra vậy?”

Tất cả bọn chúng cùng gân cổ nói một lúc, một bên buộc tội Charlie, bên kia phủ nhận, bảo nó chẳng làm gì sai trái cả.

Cô Chrystal giơ tay lên, “Asa, trò là huynh trưởng. Tại sao trò không ngăn vụ đánh nhau lại?”

Asa luống cuống trong thoáng chốc. Cuối cùng hắn mới láp nháp, “Em đã cố, nhưng đám này,” nó chỉ Dorcas và chị em sinh đôi “muốn biết tại sao đám kia,” nó chỉ Charlie và các bạn “đem được thú về. Thưa cô, nói chung mọi người tin rằng Charlie Bone đã làm gì đó liên quan đến việc bọn thú biến mất.”

Cô Chrystal quay ngoắt lại và lạnh lùng ngó Charlie, “Đúng không?”

Charlie bị sốc vì nét biếm cảm trên gương mặt vốn thường ngày xinh đẹp của cô Chrystal. Trông cô lạnh băng và ác nghiệt. Đôi mắt xanh da trời nhạt của cô hơi nhíp lại và cái miệng duyên dáng của cô biến thành một sợi chỉ mỏng dính.

“Em không dính dáng gì đến chuyện bọn thú đi hay về,” Charlie tuyên bố.

Cô Chrystal trừng mắt nhìn nó thêm một lát nữa và rồi ngoa ngoắt bỏ đi, không nói thêm lời nào. Thật tò mò hết sức, Joshua chạy theo cô. Nắm níu tay cô, nó bù lu bù loa, “Em bị thương. Cô phải làm gì đi chứ.”

Cô Chrystal dừng lại và hạ thấp giọng nói với nó. Charlie không thể nghe được lời nào, nhưng nó nghĩ cô nói, “Bình tĩnh, Josh. Nên nhớ chúng ta là ai.”

Cánh tay Joshua rớt thông xuống hông và nó nhìn gằm xuống đất, cắn môi.

Tiếng tù và rúc lên báo hiệu hết giờ giải lao, và khi tất cả mọi người hướng về cánh cửa, Charlie thấy cô Chrystal vuốt tóc Joshua. Cô nhìn lên và bắt gặp Charlie đang nhìn mình. Lần này thì mặt cô lộ vẻ căm ghét thẳng thừng.

“Hiệp 1 nghiêng về em, Charlie,” Fidelio reo ầm khi chúng bước vào tiền sảnh. “Giỏi lắm!”

Một cái gì đó mách bảo Charlie rằng sẽ còn nhiều hiệp đấu nữa và không có gì đảm bảo lần tới nó sẽ thắng.

Mẹ của Charlie, vào lúc đó, đang phụ bác Gunn dọn dẹp cái nhà bếp hỗn độn của bác. Mặc dù lộn xộn và rối tinh rối mù, cô Amy vẫn thấy đây là một nơi rất thoải mái. Bác Gunn đã trở thành người bạn thân, có lẽ là duy nhất của cô, và cô Amy thường ghé vào thăm bác sau khi đi làm về.

Cô Amy cầm lên cây đàn ghi-ta dựng chông chênh vào miệng của mười cái ca cốc đủ loại trên bàn bếp. Rồi đặt cây đàn xuống cạnh chiếc đàn basstrong tủ chén đĩa. Sau đó, đập trượt phải một con dao phết mứt, cô cúi xuống nhặt nó lên, tiện thể nhặt luôn ba con dao khác, hai cái thìa dơ và một cái lõi táo.

“Em không biết làm sao mà chị quán xuyến nổi việc nhà, chị Chloe,” cô Amy thả mớ dao kéo vào bồn rửa đã đầy ắp đĩa chén thành một chồng cao nghều. “Tám đứa trẻ để mà đi theo dọn dẹp. Ngay khi vừa dọn xong đồng này thì chúng đã trở lại uống trà, rồi lại phải dọn dẹp từ đầu.”

“Không có Fidelio,” bác Gunn quét cốm bắp ra khỏi ba chiếc ghế. “Nó ở Học viện Bloor rồi, em nhớ không. Còn Felix dạo này vắng nhà luôn, đi với ban nhạc của nó, vì vậy chỉ còn lại sau đứa.” Bác dời một ống sáo và ba quyển sách nhạc khỏi chỗ bày thức ăn chuẩn bị đem nướng và nhét chúng vào máy giặt.

“Để chúng trong đó có an toàn không?” Cô Amy ngại ngần hỏi.

“Cực an toàn,” bác Chloe bảo. “Con Pudding ở trong đó và nó sẽ cho chị biết nếu chị chuẩn bị giặt.”

Tức khắc một con mèo xám to đùng nhảy vọt ra khỏi máy giặt.

“Ồ ồ,” bác Chloe vui vẻ nói. “Chúng ta uống cà phê đi.”

Cô Amy chùi một vệt bơ khỏi một chiếc ghế và ngồi xuống. Bác Chloe hát trong khi đổ nước vào ấm. Xem ra bác hát suốt ngày, giống như chồng bác, một giáo viên dạy nhạc cho trường học địa phương. Mỗi đứa con của họ đều là nhạc công, nhưng Fidelio là một ngôi sao. Một thiên tài âm nhạc. Bác Chloe biết chắc rằng con thứ tư của mình sẽ tiến rất xa.

Bên ngoài cửa sổ nhà bếp có thể nhìn thấy một hàng thảo mộc xanh rì, mọc lên từ những chậu sành. Lạ thật Alas, loại lá mà cô Amy đến xin đã biến mất rồi.

“Ai đã lấy cỏ roi ngựa đi vậy?” Cô Amy hỏi, nhấp một ít cà phê.

“Không biết,” bác Chloe nói. “Chỉ hai đêm trước thôi, chị còn hái một ít cho vào món sà lách mà. Chị xin lỗi, Amy. Em định làm gì tiếp theo đây? Em không thể để mẹ em trong bồn tắm đến vô hạn định được.”

Cô Amy thở dài tuyệt vọng, “Ồ, chị Chloe, em không biết phải *làm gì* nữa.”

“Chị nghĩ em nên đi tới gặp người quản lý Vương Quốc đi. Nếu có ai bỏ gì vô tầm của cửa hàng thì cửa hàng đó phải chịu trách nhiệm.”

“Họ nói họ không làm.”

“Thế thì báo cảnh sát,” bác Gunn khuyên.

“Em không thể. Chị không thấy... đó là... là bùa phép sao. Bác sĩ Tanaka đã nói rõ rồi. Cảnh sát không thể đối phó được với bùa chú,” cô Amy uống cạn tách của mình. “Em phải về đây, chị Chloe. Em không thích để ngoại Maisie một mình quá lâu. Không chừng bà đã tan chảy rồi, và bà sẽ hoảng sợ lắm nếu phải ở một mình.”

“Nhất là khi bà mẹ chồng của em đang rình rập,” bác Chloe nghiêm trang.

Cô Amy dự định về thẳng nhà, tuy nhiên khi cô thấy mình đang bước đi trên Phố Chính, dường như có một ma lực xui khiến cô phải quay qua nhìn toà nhà lồng lầy bên kia đường. Hàng cột cẩm thạch màu xanh lá cây dựng hai bên lối vào, và tất cả chín mươi chín cửa sổ của nó đều lung linh ánh sáng dịu dịu, thứ ánh sáng báo cho thế giới biết rằng căn phòng bên trong đó cất giữ những báu vật mà hầu hết người ta chỉ dám mơ mà thôi.

Cô Amy băng qua đường. Cô bước vào lối khuất đằng sau những cây cột. Cẩm thạch vàng óng và xanh lá cây lượn xoáy ở trên đầu và bên dưới chân cô. Hai người gác cửa mặc áo gi-lê xanh lá cây và đội mũ chóp cao sáng nhấp nhóa đứng hai bên cánh cửa gỗ sồi lên nước bóng lộn. Ngón tay đeo găng của họ đặt hờ lên tay nắm cửa to bằng đồng.

“Bà muốn vào ạ, thưa bà?” Một trong hai người gác cửa hỏi bằng giọng lạnh nhạt.

“Phải,” cô Amy trả lời dứt khoát.

Anh ta buộc phải mở cửa ra.

ooOoo

Hươu bên trên quỳ. Cô Amy tự hỏi liệu những bàn tay ấy có được tuyển lựa một cách đặc biệt hay không.

Cô quyết định đến chỗ đôi bàn tay trông coi quỳ nữ trang. Dầu gì cô cũng đang đeo chiếc nhẫn mà có thời từng nằm trưng ở trên đúng cái quỳ ấy. Cúi lom khom dưới cây đèn lồng, cô ngược lên nhìn gương mặt ẩn khuất của ai đó tóc vàng, trông nghiêm sắc lại.

“Tên tôi là Bone,” cô Amy nói, “và tôi muốn nói chuyện với người quản lý.”

ooOoo

Cô Amy không hề biết rằng mình đang bị ai đó ở lầu trên cùng theo dõi qua mười hai hệ thống giám sát khác nhau. Cô không nhận thức được rằng cho dù với chiếc áo khoác đồng xoàng xĩnh, không trang điểm, hoặc mái tóc chải không hợp cách, trông cô vẫn rất xinh đẹp.

“Ông chủ muốn gặp bà,” người bán hàng tóc vàng dẫn mạnh điện thoại của cô ta xuống quỳ.

“Ông chủ...” cô Amy ấp úng. “Ông chủ ư, tôi không biết ông ấy sống ở đây. Tôi chỉ muốn nói chuyện với người quản lý.”

“Lầu trên cùng,” người bán hàng gần giọng. “Thang máy ở đằng kia.” Cô ta chỉ một mảng sáng đằng xa.

“Cảm ơn,” cô Amy bắt đầu nghĩ phải chi mình đừng đi vào Vương Quốc. Rốt cuộc thì có ai làm được gì đâu! Người ta không cách chi phá được bùa yểm. Trừ phi, ờ phải, có một thầy pháp lẩn quất đâu đó ở lầu trên cùng.”

Cô tới thang máy và nhấn một nút. Cánh cửa mở ra và cô bước vào một cái buồng nhỏ bốn

bề lát gương, sàn lát cẩm thạch và trần trang trí những loài chim bằng vàng. Thú chim sống động trông y như thật – ngoại trừ cái màu vàng kim quá chói.

Cô Amy ra khỏi thang máy ở lầu trên cùng. Bây giờ cô đang đứng trên lớp lông mao màu đen ngập gần đến mắt cá – lông con gì thì cô không sao đoán được. Cánh cửa phía bên phải cô mở tung và một người đàn ông bước ra - một người đàn ông đẹp nhất mà cô Amy từng thấy. Cô vuốt tóc, khép lại mép áo khoác và liếc nhìn đôi giày nhếch nhác của mình.

Người đàn ông gật đầu nhẹ một cái. “Cô Bone?” ông ta tóc nâu, nhưng không hiểu làm sao mà trông như khối vàng thật. Mặt ông ta rám nắng và mắt sâu thẳm xanh màu ô-liu.

“Phải, đúng rồi. Tôi là bà Bone,” cô Amy rụt rè nói.

Người đàn ông cúi đầu, và khoát rộng một cánh tay ra, ông ngụ ý bảo cô nên bước vào phòng.

Cô Amy cày qua thảm lông đen và bước vào căn phòng trải thảm, lần này là bằng lông trắng.

“Ồ,” cô thốt lên, nhìn xuống, “Sao...”

“Har... Hart Noble,” người đàn ông cầm bàn tay cô và cúi xuống nó như một con thú đói. “Thảm đó là Gấu Bắc Cực.”

Cô Amy há hốc mồm, “Nhưng tôi tưởng...”

“Mời cô ngồi,” ông ta nhẹ nhàng cởi áo khoác cho cô.

Cô Amy ngồi xuống mép một chiếc ghế xô pha mà xem ra là bọc... lẽ nào, bọc da ngựa lùn?

“Hãy cho tôi biết rắc rối của cô,” ông Hart ngồi xuống bên cạnh cô. Ông ta mặc áo sơ mi may bằng vải lụa trắng và áo gi-lê mà chắc hẳn là bằng da hải cẩu.

Trong khi cô Amy kể cho ông ta nghe về ngoại Maisie bị đông cứng và con tôm he đáng nghi, ông Hart cầm tay cô và khoan xoáy vào mắt cô. Cô cảm thấy mình đang chết chìm dần trong một cái hố sâu màu xanh lá cây. Vào lúc kết thúc câu chuyện của cô, ông ta đứng lên lấy hai ly rượu sâm banh từ một cái bàn bằng ngà voi ở đằng cuối căn phòng.

Cô Amy nhắm nháp ly rượu của mình và nhìn quanh. Căn phòng được lát gương hoàn toàn, và từng món đồ đặc xem ra đều được làm từ một loài thú nào đó – ngà, xương, da, lông mao và lông vũ. Giá như lắng nghe kỹ lưỡng thì ắt hẳn cô có thể nghe được tiếng kêu ai oán của chúng. Nhưng cô Amy đang rơi vào một thứ bùa mê.

Ly sâm banh thứ hai được rót ra. Nhìn bóng mình trong gương, cô thấy một người mà cô hầu như không nhận ra: một phụ nữ tuyệt đẹp, tóc bóng mượt và mắt lấp lánh; thậm chí cả chiếc áo len cũ kỹ màu hồng của cô trông cũng mới.

Ông Hart đưa cho cô một đĩa đựng những viên đồ ăn nhỏ xíu được bọc một lớp men cay xè. Cô Amy ăn ngẫu nhiên, rên lên vì sung sướng. Khi ông ta bảo cô chúng được làm từ thịt chim ó, cô không hề dựng một cọng tóc nào.

Ông ta thuyết phục cô Amy kể chuyện đời mình, thế là cô thấy mình nhớ ra những điều tưởng chừng đã quên từ bao năm rồi. Cô không nhận thấy ánh sáng nơi các cửa sổ đã nhạt nhoà, và chỉ nhận ra mình đã nói chuyện lâu lắm rồi khi thấy mình ngồi trong ánh nến.

“Trời ơi, chết rồi, trễ quá rồi,” cô Amy đứng lên, có vẻ không vững.

Ông Hart giúp cô mặc áo khoác vào và hộ tống cô ra thang máy, “Tạm biệt,” ông ta nói, lịch duyệt gọi đi một nụ hôn gió.

Cô Amy bước ra khỏi cửa hàng trong trạng thái mê man. Bên ngoài, vỉa hè sáng rõ trong màn sương. “Đẹp quá,” cô hét to lên. “Tôi đang bước đi trên những vì sao.”

“Sao?” Một bà lớn tuổi đi ngang qua, hỏi lại. “Trời lạnh héo rụi đi thì có. Cô bị bỏ bùa rồi.”

Về tới nhà, cô Amy đi thẳng lên phòng mình và tháo chiếc nhẫn kim cương ra.

Một cơn đau xóc khiến Charlie nhắm mắt.

“Gì thế? Ăn quá nhanh à?” Fidelio trêu.

Chúng đang ngồi trong căn-tin sau bữa trà. Tất cả những đứa khác đều đã đi rồi, ngoại trừ Billy, lúc đó đang thập thò lên đưa Rembrandt cho bà bếp trưởng.

“Em nghĩ mẹ em gọi đó là chứng khó tiêu,” Charlie nói, xoa xoa ngực. Nhưng nó không chắc đó là cái quỷ gì. Và nó không biết tại sao, khi cơn đau qua đi, nó có cảm giác như vừa bị mất một thứ gì đó rất quý giá.

Bà bếp trưởng vòng qua quầy tới ngồi bên bàn chúng.

“Có chuyện gì xảy ra thế, Charlie?” Bà hỏi. “Tin đồn bay tới tấp. Nghe nói có một số con thú đã trở về – một số con rất đặc biệt mới được về. Trong đó có con Hạt Đậu, con vẹt của Lysander, rồi vẹt Nancy, đàn chuột của Gabriel, vân vân. Chẳng biết vì sao mà tất cả mọi thú khác vẫn còn mất tích vậy?”

“Con May Phúc ở đây mà,” Charlie nói một cách lảng tránh.

“Tất nhiên. Ta xác nhận điều đó. Tuy nhiên, không biết có cái gì đó đã làm nó sợ cứng cả người.”

“Cháu không nghĩ Charlie sẽ kể gì cho chúng ta đâu,” Fidelio nói. “Ngay cả cháu cũng không biết.”

Bà bếp trưởng lắc đầu, “Con không đi đâu và thề một lời nguyên ngớ ngẩn nào đấy chứ, Charlie?”

“Không hẳn,” Charlie nói.

“Ừ, cẩn thận nha. Có kẻ đang tính chuyện rắc rối đấy. Tốt hơn con nên nghĩ ra một câu trả lời cho gia đình Bloor đi, kéo họ lại ép con phải cung khai bằng cách thức chẳng thân thiện gì đâu.” Bà bếp trưởng quay vào nhà bếp, một tay che che cái túi to trước tạp dề của bà. “Được rồi, vài phút nữa mày sẽ có bữa tối nhé,” bà nói với cái túi khi biến mất vào cánh cửa quay.

Cái chuyện rắc rối đang được trù tính kia đã bộc ra ngay sau bữa tối. Thay vì giải tán bọn trẻ sau khi chúng ăn tối xong, tiến sĩ Bloor vỗ tay bộp bộp để giữ im lặng và bắt đầu bước vòng ra khỏi cái bục kê bàn giáo ban.

Từ ba dãy bàn dài trong sảnh ăn tối, ba trăm đứa trẻ nhìn ông hiệu trưởng mặc áo chùng đen, đầu cúi, tay chấp sau lưng. Đó là một người đàn ông cao lớn, có bộ ria mép xám được tỉa tót rất khéo và mái tóc màu xám sắt hót ngắn cụt. Hôm nay mặt ông ta đỏ ran. Cuối cùng, khi dừng lại, ông ta nhìn tròn trợn vào lũ trẻ ở bàn khoa Kịch, thẳng ngay trước mặt mình.

“Không ai trong số các trò lại không thể nhận ra rằng tai họa đã giáng xuống thành phố này. Hả?” Ông ta ghé một tay ra sau tai. “Các trò nói sao?”

“VÂNG, thưa ngài,” tiếng bọn trẻ áo chùng tím hét vang.

Tiến sĩ Bloor nhích về phía bên phải cho tới khi đến chính giữa cái bục. “Còn các trò thì nói sao?” Ông ta chất vấn bọn trẻ khoa Hội Hoạ.

“VÂNG, thưa ngài,” tiếng bọn trẻ áo chùng xanh lá cây gào tướng.

Tiến sĩ Bloor sàng thêm vài bước nữa qua bên phải. Lúc này ông ta đang đứng ngay trước mặt Charlie – vừa rồi nó là đứa cuối cùng đi vào phòng ăn và bị buộc phải ngồi vào một trong những chỗ xui xẻo ở ngay bên dưới bàn ăn của giáo viên. Fidelio ngồi đối diện nó.

“Thế còn trò?” Vùng da đỏ rân của tiến sĩ Bloor tối đi. “Trò có nghe nói về nỗi khổ của thành phố không?” Lão nhìn xuyên xoáy vào Charlie.

Charlie nghĩ câu hỏi này mang tính cá nhân nên hỏi lại, “Ý ngài nhắc đến những con thú ọ, thưa ngài?”

“Dĩ nhiên ta ám chỉ tới những con thú,” Tiến sĩ Bloor hơi nháy đồng lên giận dữ. “Thằng ngu.”

“Nếu thế thì con có nghe, thưa ngài,” Charlie đáp.

Những đứa khác bên bàn khoa Nhạc nhịp thêm, “Có, thưa ngài.”

Thế là ông hiệu trưởng liền giao giảng thật bất ngờ. “Dĩ nhiên, thật là thảm họa khi mọi con vật thân yêu đều biến mất. Thật là nỗi đau khổ khôn cùng đối với những người già, những người mà chỉ có con thú làm bạn duy nhất của mình. Tuy nhiên,” tiến sĩ Bloor đi đi lại lại trên bục, “đôi khi chuyện đó xảy ra và không ai có thể làm được gì.”

Charlie lóng ngóng. Phải chăng ông hiệu trưởng biết cái gì gây ra vụ thú bỏ chạy? Có vẻ như ông ta không hề ngạc nhiên về chuyện chúng biến mất.

Tiến sĩ Bloor thành lĩnh quay đánh phắt và bước trở lại đứng ở vị trí ngay trước mặt Charlie. “Nhưng không thể tha thứ khi có người tìm thấy một hay hai con thú của bạn bè mình, nhưng không hé cho bất kỳ ai biết đã tìm thấy chúng ở đâu.” Ông hiệu trưởng hất cằm ra và nhìn Charlie chằm chằm. “Trò tìm thấy những con thú nuôi đó ở đâu, Charlie Bone? Những thành viên hội đồng thành phố muốn biết. Trò đã tìm thấy con chó, con vịt, con vẹt, hai con thỏ, và đàn chuột, cùng con trăn vốn là của ông nội ta ở đâu?”

“Con chỉ thấy chúng, thưa ngài... đi loanh quanh,” Charlie nói.

“ĐỨNG LÊN, THẲNG KIA!”

Charlie đứng lên.

“Hãy nhắc lại câu hỏi của ta,” tiến sĩ Bloor hùng hổ. “Trò đã tìm thấy những con thú ở đâu?”

Charlie nghiêng răng lại. “Con có thể mang trả lại con trăn, thưa ngài, nếu ngài muốn.”

“Bọn ta không muốn con trăn đó nữa. Giờ nó đã là một vật ẻo lả rồi, theo những thông tin ta thu thập được,” tiến sĩ Bloor dậm mạnh bàn chân xuống bục. “VÀ ĐỨNG CÓ ĐÔI ĐỂ TÀI!”

“Không ạ, thưa ngài,” Charlie ngoảnh khỏi bộ mặt đỏ gay điên tiết của ông hiệu trưởng. “Có lẽ lũ thú kia chỉ đi lang thang thôi, thưa ngài, như những con mà em đã tìm thấy.”

“Hừ, nếu không phải thế, thì Charlie Bone...” ông hiệu trưởng chồm xuống sát hơn, “... nếu không phải thế, thì luôn có một phòng trên những gác mái có thể làm nơi nhốt một thằng bé cho đến khi nó nói ra sự thật.”

“Vâng, thưa ngài,” Charlie nói tắc họng.

“GIẢI TÁN!” Ông hiệu trưởng gầm vang.

Ba trăm đứa trẻ nhồm phất dậy và bắt đầu xếp đĩa dơ thành chồng.

“Em tính sao?” Fidelio hỏi Charlie khi chúng đi ra khỏi sảnh ăn tối.

“Không biết,” Charlie đáp. “Em sẽ phải nghĩ về chuyện này trong khi làm bài tập. Đó là nếu em nghĩ được à nha. Tối nay ở đó em sẽ khổ khổ lắm cho coi.”

Nhưng tình hình không đến nỗi tệ hại như Charlie sợ. Có lẽ Joshua và Dorcas đã thoả chí với cuộc la mắng của ông hiệu trưởng lắm rồi, và chúng cảm thấy hiện tại Charlie đã nhận đủ tất cả những gì nó đáng phải nhận.

Nhìn thì có vẻ Charlie đang siêng năng chí thú với bài lịch sử của mình, nhưng kỳ thực những ý nghĩ của nó cứ trôi tạt đâu đâu. Làm sao nó có thể mang tất cả thú về lại đây? Làm sao để ngoại Maisie hết bị đông cứng? Mà nghĩ đến ngoại Maisie, phải nằm cứng trong bồn tắm, nó rùng cả mình. Và thế rồi cái cảm giác chồn chợn rằng mình đã mất mát cái gì đó rất quý giá lại cứ dần dần xâm chiếm nó.

Sau giờ làm bài tập, Charlie lê bước về phòng ngủ chung trong trạng thái mê mụ. Có người giật cùi chỏ nó, và nó nhận ra Gabriel đang đi bên cạnh mình.

“Cảm ơn em đã mang lũ chuột về cho anh, Charlie,” Gabriel lảng lảng nói. “Anh sẽ không hỏi em đã tìm thấy chúng ở đâu đâu.”

“Dạ.” Charlie cảm thấy khá hơn khi nhìn thấy vẻ mặt tươi tỉnh của Gabriel. “Em đã để chúng ở lại quán Cà Phê Thú Kiểng. Anh có thể đến nhận chúng về vào cuối tuần.”

“Tuyệt. Em nghĩ em sẽ có thể đưa những con khác trở về không?”

Charlie thở dài náo nức. “Em làm sao được hả, Gabe? Anh nghĩ coi. Hầu như mọi chim chóc trong thành phố, mọi chuột cống, chuột chù, ếch, nhái, chó, mèo - kể không hết - đều đã chạy mất. Làm sao em có thể đưa *tất cả* chúng về mà không... mà không...”

“Nói chúng ở đâu,” Gabriel tiếp lời. “Thì ra vấn đề của em là vậy.”

Charlie chẳng bận lòng cái sự cả nể bọn trai trong phòng ngủ chung không nói chuyện với mình. Trong đầu nó có quá nhiều thứ phải nghĩ rồi. Thật lâu sau khi đèn tắt, nó vẫn thức trơ trơ, và khi chắc chắn tất cả bọn khác đã ngủ say, nó nhón gót đi tới cửa sổ và mở rèm cửa ra, chỉ hé vừa cho một mảng ánh trăng bò vào phòng. Đốm sáng đó đổ thành một dải hẹp đằng sau giường nó.

Charlie chui xuống dưới chăn và chờ đợi. Liệu Naren có tìm thấy nó? Liệu cô bé có gửi thông điệp đến vì nó nóng lòng muốn nói chuyện với cô bé? Đúng lúc nó gần như mất hết hy vọng thì những bóng đen bé xíu bắt đầu liêu xiêu qua bậc cửa sổ và vào phòng. Charlie nhìn

chúng bò qua giường mình lên tường. Cuối cùng chúng dừng lại và nó có thể đọc được hàng chữ.

“Anh khoẻ không, Charlie?”

“Anh đang gặp rắc rối,” Charlie thì thào. “Anh phải đưa tất cả thú về, Naren ạ, và phải thật sớm, không thì họ sẽ nhốt anh.”

Những cái bóng nhỏ nhanh nhẹn tự xếp lại và Charlie ngạc nhiên khi đọc.

“Chúng đang trên đường trở về. Ngày mai mọi sinh vật mất tích sẽ trở lại thành phố,”

“Bằng cách nào?” Charlie hỏi.

“Có ba con mèo rục rĩ tới. Những con mèo thần. Anh phải thấy chúng mới được, Charlie. Chúng ngồi ngoài sân nhà em và cất giọng gọi to lên, nghe rất hay, tất cả mọi con thú liền tụ tập quanh chúng và theo chúng đi ra khỏi cổng nhà em. Một cảnh tượng mới hớp hồn chứ! Chim trên trời, những sinh vật chạy, bò, nhảy...”

Một tiếng thét bất chợt xé tan phòng ngủ chung. Charlie thì thào, “Tạm biệt” và những chữ bắt đầu mờ đi.

“Đó là cái gì vậy?” Rupe Small rống lên. “Kinh khủng quá.”

Đến giờ thì cả phòng đã thức giấc.

“Bức tường phủ đầy... đầy, ề, cái quỷ quái... thú hay gì gì đó,” Rupe liến láu. “Charlie Bone đang nói chuyện với cái tường.”

“Ừa!”

“Hả?”

“Gớm ghiếc!”

“Tin Charlie Bone đi chứ!” Tuôn ra từ tứ phía của phòng ngủ chung.

“Câm mồm và ngủ đi,” Fidelio quát. “Mày gặp ác mộng đó, Rupe Small.”

“CÒN LÂU!”

Cánh cửa xịch mở và cái bóng cao lêu khêu của bà Lucretia Yewbeam đổ vào phòng. Bà ta bật đèn lên. “Cái gì thế hả?” Bà ta la lối.

Rupe chỉ vào Charlie, “Có cái quỷ gì trên tường ý và thằng đó nói chuyện với nó.”

Mắt bà giám thị híp lại, “Cái quỷ đó là cái gì?”

“Không là gì cả, thưa bà giám thị,” Charlie nói.

“Em cũng thấy nữa,” Bragger Braine lên tiếng. “Nó biến mất khi Charlie thì thầm với nó.”

“Chỉ là lũ ruồi thôi,” Charlie nói. “Cháu không biết chúng từ đâu tới.”

“Láo toét,” bà cô của nó rít rú. “Làm gì có ruồi. Giờ là mùa đông. Chúng chết hết rồi.”

Đến đây, Charlie chẳng tìm được gì mà đối đáp.

Bà giám thị bước tới giường của Charlie và nhìn chằm chằm vào mặt nó. “Lúc nào cũng là mày sao? Dựng mọi người dậy, phá bình giấc ngủ của người ta. Tao không biết mày đang làm gì và tao cũng không quan tâm. Phạt cấm túc mày, Charlie Bone. Mày phải ở lại trường nửa ngày cuối tuần.

“Nhưng cháu không thể,” Charlie phản kháng. “Bà của cháu bị bệnh.”

“Bà mày còn khỏe re,” bà giám thị nói rồi bước đi khỏi.

“Không phải chị của bà đâu. Không phải nội Bone. Ý cháu nói tới ngoại Maisie, người bà khác của cháu.”

“Xời,” bà giám thị hờ hững. “Thế bà ta làm sao?”

“Bà ấy bị... bị cảm lạnh,” Charlie cà lăm.

“Cảm lạnh? Cảm lạnh thì có chết đâu. Đi ngủ!” Bà giám thị tắt đèn và đóng cửa lại.

Khi Charlie rúc xuống dưới chăn, nó nghe thấy một tiếng làm tim nó đập lộn lên. Một tiếng cú kêu, rồi thêm một tiếng nữa.

“Chúng đang trở lại đây,” nó nghĩ, và cuối cùng nó trôi vào giấc ngủ.

MỘT TRĂM VỊ HIỆU TRƯỞNG

Phải chi Charlie nhìn ra ngoài cửa sổ thì thế nào nó cũng mục kích được một cảnh tượng ngoạn mục. Bầu trời ợp bóng chim. Chúng yên lặng, nhưng thỉnh không ngăn vắng tiếng đập cánh. Từ từ, những nhóm chim nhỏ bắt đầu tách ra khỏi bầy chim lớn. Chúng sà xuống đậu trên những bức tường, trên cây cối, trên hàng rào và trên những toà nhà. Đậu xuống rồi, chúng rúc đầu vào dưới cánh ngủ thiếp đi. Chẳng bao lâu sau chỉ còn mỗi bọn cú là thức.

Bên dưới, trong thành phố, những người tỉnh ngủ bị hút về cửa sổ. Họ được tưởng thưởng bằng một quang cảnh mà họ sẽ không bao giờ quên. Hàng hàng lớp lớp những sinh vật im lặng và nghiêm trang di chuyển qua thành phố. Dẫn đường là ba con mèo có bộ lông sáng rực rỡ, đến nỗi không khí xung quanh chúng sáng loá lên những gam màu dữ dội. Trên mỗi đường phố điếu qua, những con thú lần lượt tìm thấy nhà mình. Chúng phóng qua cửa sổ, chúng bước vào vườn, vào cũi, vào chuồng, và những người chứng kiến đang sững sốt kia liền trút một tiếng thở phào nhẹ nhõm. Vậy là cuối cùng thành phố không chết.

Tin tức truyền đi thần tốc. Đến giờ nghỉ giải lao đầu tiên thì ngay cả bọn trẻ trong Học viện Bloor cũng đã nghe nói về cuộc trở về vĩ đại. Tiếng cười rộn rã vang lên trong các căn-tin và các lớp học; nụ cười mỉm đã xuất hiện trên gương mặt của những đứa trẻ trước đó từng tuyên bố rằng mình sẽ không bao giờ mỉm cười nữa. Charlie thấy nhẹ cả người, mặc dù vài đứa học chung lớp vẫn nhìn nó với con mắt nghi ngờ.

Vấn đề này vừa được giải quyết xong, Charlie đã lại phải đối mặt ngay với một vấn đề khác. Cầm tức. Nó tha thiết muốn biết xem ngoại Maisis đã tan chưa, và nó cũng cảm thấy mình nhất thiết phải về nhà để canh chừng mẹ.

Vào giờ ăn trưa, Charlie thấy Billy trong căn-tin, đang xơi một món đặc sản của bà bếp trưởng: thịt nhím nấu khoai tây.

“Đây không phải là thịt nhím thật,” Billy nghiêm trang. “Chẳng qua món này có những miếng giòn giòn rất ngon.”

Trong khi múc đồ ăn cho Charlie, bà bếp trưởng nhỏ nhẹ bảo, “Ta nghe nói những con thú đã trở về.”

Charlie gật đầu, “Những con mèo lửa đã đưa chúng về. Nhưng con bị cầm tức vào cuối tuần này, cho nên...”

“Cái gì?” Bà bếp trưởng hạ cái muôi xuống. “Sao lại thế được.” Trong bà ngạc nhiên ghê lắm.

Charlie toan hỏi tại sao, thì đằng sau nó, Gabiel kêu oang oác. “Tôi đói sắp chết rồi này. Đi thôi Charlie.”

Charlie cầm đĩa thịt nhím của nó lại bàn của Billy. Đôi ba phút sau có thêm Fidelio và Gabriel tới nhập bọn.

“Các anh có biết chuyện gì xảy ra vào cuối tuần này không?” Billy hỏi những đứa kia.

“Anh bị cấm túc,” Charlie đáp.

“Không, em không có ý nói điều đó”. Billy uốn khuynh vai ra và nói với vẻ rất chi là quan trọng,

“Đó là Tiệc Chiêu Đãi Một Trăm Vị Hiệu Trưởng vào tối thứ Sáu, và Đại Dạ Vũ vào thứ Bảy. Em nghe thấy tiến sĩ Bloor nhắc nhở bà giám thị như vậy đấy. Ông ấy sùng máu vì chuyện bà kia phạt cấm túc anh, Charlie à, vì ông ấy không muốn có bất kỳ đứa trẻ nào ở trong toàn nhà cả. Nhưng bà giám thị bảo rút lại lệnh phạt cấm túc là đi ngược với những nguyên tắc của bà ta. Tiến sĩ Bloor dùng dùng tức khí bỏ đi. Ông ấy bảo bà giám thị phải bắt anh tránh xa ra. Em nghĩ ông ta ám chỉ cả em nữa, bởi vì em sẽ ở đây nếu anh ở đây, phải không Charlie?”

Charlie cảm thấy hết hơi khi Billy cuối cùng đã ngừng nói.

Gabriel bảo, “Billy, tôi chưa bao giờ nghe em nói quá nhiều trong một hơi như vậy.”

Fidelio hỏi, “Thế Tiệc Chiêu Đãi Một Trăm Vị Hiệu Trưởng và Đại Dạ Vũ là gì?”

“À,” Billy lại bắt đầu. “Em đã tìm hiểu được đôi chút từ Manfred rồi.”

“Từ Manfred!” Bọn kia sùng sốt la lên.

Anh ta vốn rất thích được coi là quan trọng mà, vì vậy em mới nghĩ anh ta sẽ rất khoái được nói cho em biết. “Billy lại tiếp”, “Mà đúng như vậy thật. Anh ta bảo là cứ mười năm một lần lại diễn ra một cuộc tụ hội. Hiệu trưởng từ một trăm học viện khác đến đây để trao đổi thông tin về các học sinh của họ và về đủ mọi thứ.”

“Những học viện nào khác?” Charlie nói.

“Tất cả những học viện có trẻ con được ban phép thuật đến học,” Billy nói.

“Còn những học viện khác sao?” Charlie ngạc nhiên.

“Dĩ nhiên, có sao không!” Gabriel trầm ngâm. “Em cứ nghĩ đi, phải có đến hàng trăm những đứa trẻ như tụi mình ở khắp mọi nơi trên thế giới ấy chứ. Ý tôi là Vua Đỏ có mười người con,

và nếu như tất cả họ đều có con cái, mà đã cách đây chín trăm năm thì...”

“Chao!” Miệng Charlie rớt xệ xuống. “Sao à em khờ quá?! Tất cả bọn chúng không thể dồn hết vào Học viện Bloor, đúng không? Không thể nào như thế được nếu họ sống ở Trung Quốc, hay châu Phi.”

“Hay thậm chí ở Scốt-lên, hay Ai-len,” Fidelio nói.

“Phù! Thế mà em chả bao giờ nghĩ ra,” Charlie lắc đầu, thấy kỳ diệu quá chừng.

Chúng cắm đầu vào món thịt nhím, mỗi đứa đeo đuổi một ý nghĩ của riêng mình về những học viên khác, những đứa trẻ khác và những vị hiệu trưởng khác.

“Bằng mọi giá anh sẽ vào Tiệc Chiêu Đãi Một Trăm Vị Hiệu Trưởng đó” Charlie nói. “Có rất nhiều thứ anh muốn tìm hiểu.”

“Em cũng vậy,” Billy đồng tình.

Charlie nuốt nghiêng miếng thịt nhím cuối cùng của mình và mỉm cười. Rốt cuộc, cuối tuần này cũng không đến nỗi tệ. Có lẽ mẹ nó đã tìm thấy cỏ roi ngựa, và khi về đến nhà thì ngoại Maisie đã trở lại là bà rồi.

Đám học trò của Học viện Bloor ra về mà không mấy may nghi ngờ rằng sắp có một sự kiện trọng đại diễn ra trong trường mình. Đến thứ Sáu, trần đại tiền sảnh đã sáng trưng với hàng ngàn cây đèn lồng. Gươm, cung, nỏ, mã tấu, đại đao, thương và nhiều loại vũ khí trông ấn tượng khác được lôi ra khỏi tủ, rương, hòm; rồi được đánh bóng đến độ sáng loá cả lên, và đem treo trên những bức tường ốp gỗ sồi, khiến người ta trông thấy phải nín thở vì khiếp sợ và thần phục. Một đội quân lao công đã lau chùi từng viên đá lát sàn láng bóng lên, và bọn trẻ nhận lệnh là chỉ được bước đi ở những mép tường mà thôi.

Trong sảnh tối, ánh sáng có hơi lu hơn một chút, mặc dù có nhiều cái giá bằng đồng thau đã được gắn vào tường. Phải chăng chúng dùng để đỡ những cây đuốc thấp sáng? Và những vị khách quan trọng đó sẽ được phục vụ trong ánh lửa?

Thậm chí cả những cô phục vụ bữa tối tính vốn xởi lởi nhất cũng trở nên cáu bẳn. Khối công việc nặng nhọc phát sinh đang vắt kiệt sức họ. Suốt cả ngày, giờ nào cũng thấy họ tất tả ngược xuôi trong các hành lang, bưng những khay đồ bằng bạc mà bao năm ròng chưa hề thấy ánh sáng ban ngày.

Hết đĩa tiệc từng lớn bằng sứ, lại ly cốc bằng pha lê, rồi đến đĩa ăn bằng vàng..., tất cả đều được moi ra khỏi buồng chưa đồ, rồi mang tới khu nhà bếp để cọ rửa cho sáng.

Những bóng đèn thần tiên treo dọc suốt hành lang tối tăm thông từ tiền sảnh tới căn – tin và phòng ăn tối, và Charlie nhận thấy một số bức chân dung được trang hoàng bằng ruy – băng

vàng óng. Tuy nhiên, không phải bức nào cũng thế. Có lẽ chỉ những nhân vật có mối liên hệ trực tiếp với những vị khác danh dự mà thôi.

Charlie và Billy ngồi trong phòng ngủ chung nhìn bọn khác đóng gói ra về. Lòng Charlie dâng trào một cảm giác kiêu hãnh kỳ lạ. Tuy đã cố tỏ ra rầu rĩ cho hợp cảnh khi Bragger Braine và Rupe Small bước ra cửa, với túi xách của chúng lủng trên vai một cách trể nải, nhưng nó vẫn không ngăn được một nụ cười nhếch lên nơi khóe miệng.

“Mày cười cái gì?” Bragger gườm gườm.

“Giỏ của Rupe nặng đến nỗi trông nó như đang chìm kìa. Mày còn bao nhiêu hũ Cánh Hoa Thơm ở trong đó vậy, Rupe?”

Một vài đứa ré lên cười khúc khích, còn Rupe thì hét, “Câm ngay!”.

“Chúc một cuối tuần không ra gì, nha, Charlie Bone”, Bragger nói, lặc lè đi ra theo sau Rupe.

Gabriel và Fidelio là những đứa cuối cùng đi khỏi. Chúng chúc Charlie may mắn và hứa sẽ họp mặt vào Chủ nhật.

“Tôi sẽ mang thêm chuột”, Gabriel nói, vẫy tay một cái lần cuối.

Không lâu sau, khi đứa học trò cuối cùng rời khỏi trường, bà Lucretia Yewbeam ngó vào phòng ngủ chung và báo với Charlie và Billy rằng chúng sẽ ăn tối sớm. “Ta muốn cả hai bọn bay trở lại đây trước sáu giờ”, bà ta net. “Đèn tắt lúc bảy giờ và không đứa nào trong hai đứa được rời khỏi phòng nay cho tới bữa sáng mai.”

“Đèn tắt lúc *bảy* giờ!” Charlie phàn nàn. “Tại sao vậy?”

“Chứ mày nghĩ tại sao? Đó là trừng phạt. Nào, giờ thì đi rửa ráy đi. Bữa tối trong căn – tin lúc năm giờ rưỡi mà”. Với nụ cười rộng chành bành, bà giám thị lướt ra.

Lúc hai đứa đi tìm bà bếp trưởng, chúng thấy bà trong nhà bếp, đang bận túi bụi. Những người phụ việc bán loạn lộn mòng mòng xung quanh bà, trong khi bà chạy đôn chạy đáo từ dàn bếp lò khổng lồ tới phòng trữ đông rồi lại trở về, miệng lẩm ba lẩm bầm, “Một trăm món này, một trăm món kia, súp rùa, bánh pate bồ câu, thịt bò kiểu này, thịt bò kiểu kia. Không thịt cho ông đó, không kem cho bà nọ...” Không ngẩng mặt lên nhìn, bà nói luôn, “Chào các cậu. Chỉ có đậu nướng rải lên bánh mì cho các cậu thôi, ta e là vậy. Đây.”

Bà bếp trưởng chia một nồi đậu vào hai đĩa bánh mì nướng phết bơ, rồi đặt chúng lên một cái khay cùng hai tô sữa trứng.

“Khi nào thì bữa tối bắt đầu ạ?” Charlie hỏi.

“Bảy rưỡi, mà ta thì không bao giờ chuẩn bị kịp.”

Một đàn người phụ việc phát rồ chạy ập tới chỗ bà bếp trưởng, thế là bà vội xua bọn con trai đi, “Xin lỗi các con, ta phải tiếp tục đây.”

Charlie cầm cái khay đi vào căn – tin và đặt lên chiếc bàn xa quầy nhất. Tiếng ồn ào từ bếp vọng ra ầm ĩ đến độ bọn trẻ không thể nghe được suy nghĩ của chính mình. Chúng nuốt vội bữa tối và rút khỏi căn – tin càng nhanh càng tốt.

Trở lại phòng ngủ chung, chúng thay pyjama vào và rón rén đi ra chiếu nghỉ phía trên tiền sảnh. Nằm ép dẹp bụng xuống, chúng hé mắt dòm qua những con tiện chắn lan can nhìn xuống tiền sảnh rộng lớn. Chúng gần như không còn nhận ra tiền sảnh nữa.

Hàng ngàn ngọn đèn lồng thấp sáng trưng, một biển người di chuyển chầm chậm quanh tiền sảnh. Hầu hết khách khứa đều diện đồ dạ và đồ đại lễ, nhưng cũng có một số ông đội khăn xếp, số khác lại mặc áo chùng dát vàng, và những người khác nữa thì khoác áo gió đủ sắc cầu vồng. Có cả vài người mặc áo thụng trắng, và một người đàn ông ngấp từ đầu đến chân trong vạt lụa màu tía, cùng với một bao kiếm nam ngọc đeo ở thắt lưng. Đám phụ nữ xúng xính sari Ấn Độ truyền trò với các bà các cô bạn kimono Nhật Bản; người người trong các kiểu trang phục truyền thống sắc sỡ nhiệt tình nói chuyện mà chồm người tới trước, cố hiểu được ngôn ngữ của nhau.

Lão Ezekiel, thu lu trong bộ áo khác nhưng đen và nón ôm sát đầu màu đỏ, đẩy xe lăn xuyên thẳng qua đám đông; lão lăn tới đâu, từ phía sau ghế lão ngồi những viên pháo tép rít lên và nổ lạch tạch liên hồi tới đó, khiến cho một số vị khách phải nhảy bấn sang một bên, mút mát cánh tay và khớp ngón tay bị cháy của mình.

Các cô bồi bàn mặc váy ngắn màu đen, đội mũ lưới trai và đeo tạp dề trắng luồn lách qua đám đông, bưng bê những đĩa lớn đựng các món ăn vặt, với mỗi miếng vừa vận bỏ miệng ăn, trong khi những anh bồi mặc gi – lê đỏ và vàng kim cẩn thận giữ thăng bằng những khay sâm banh sủi bọt.

Ở ngay chân cầu thang, một nhạc công đàn hạc váy hồng xòe rủ lướt tay qua những sợi dây của đàn hạc khổng lồ màu vàng óng. Tiếng đàn du dương vút lên rồi rơi xuống giữa những tiếng truyền trò râm râm ran ran.

Billy ghé đầu sát vào đầu Charlie và thì thầm, “Ở đây toàn những người nguy hiểm.”

“Em đang nói về ai cơ?” Charlie thì thào lại.

“Về Vua Đỏ. Những người con tốt của ngài đã vĩnh viễn rời khỏi lâu đài của cha họ. Một số thậm chí còn rời đất nước. Nên những người dưới kia kìa, ừm, có lẽ là những người từ nước ngoài về ấy, là cháu chắt của những người con tốt.”

Charlie chưa nghĩ tới như thế, nhưng giờ nó quan sát những gương mặt bên dưới chăm chú hơn. Có phải vì nó tưởng tượng không, hay thực sự hầu hết những người mặc đồ dạ tiệc đều

mang về mặt canh chừng? Và rõ ràng những người đó trông dữ tợn và khắc khổ hơn những người kia. Trong khi đó, đa phần khách nước ngoài trông lại thân thiện và thư thái. Họ hay mỉm cười hơn và thậm chí có lúc còn cười phá lên.

Charlie bỗng sực nhớ, liền nhìn đồng hồ đeo tay. Bảy giờ kém năm phút. Nó hích tay Billy. “Năm phút nữa bà giám thị sẽ ở trong phòng ngủ chung. Bà ấy vừa đi khỏi là tụi mình tức tốc lên xuống sảnh ăn tối, coi xem có thể núp ở đâu được trước khi bữa tiệc bắt đầu nhé.”

Chúng bò ra khỏi chiếu nghỉ và chạy như bay về lại phòng ngủ chung. Đúng một phút sau khi chúng nhảy tọt lên giường, cánh cửa bật mở và bà giám thị ngó vào. Bà ta trông mới lổ lảng làm sao với váy dài dạ hội màu ngọc lục bảo, đôi bông tai xanh lá cây dài dễ phải chạm đến vai. Mái tóc xám trắng được búi thành cục to trên đỉnh đầu và điểm tô thêm bằng một cái nơ con bướm xanh lá cây to bành. “Tắt đèn,” bà ta nói lạnh lùng. “Trong trường hợp đưa nào cả gan dám nghĩ đến việc đi lảng quăng thì nhớ, hình phạt tiếp theo sẽ còn tệ hơn thế này nhiều”.

“Vâng, thưa bà giám thị”, Charlie đáp một cách hiền từ. Nó nghĩ vợ quàng của Billy vào hình phạt của nó là không công bằng, tuy nhiên nó quyết định không trả treo làm gì.

Bà giám thị tắt đèn, nhưng trước khi đóng cửa lại, bà ta nói, “Mày không khen bà cô mày đẹp lấy một tiếng sao, hả?”

“Không, thưa bà cô”, Charlie nói. “Ý cháu là...”

Bà ta đóng sầm cánh cửa.

Charlie lắng nghe tiếng bước chân bà ta xa dần. “Bà ấy sẽ không trở lại đâu”, nó nói. “Coi bộ không có vẻ gì là sẽ quay lại.”

“Em cá là bà ta đi chài một ông hiệu trưởng đẹp trai giàu có nào đó”, Billy cười khi khi.

Chúng chờ thêm năm phút nữa thì xỏ vội đôi dép lê, len lén đi tới cầu thang phía sau và xuống lầu trệt. Giờ hai đứa đã ở hành lang, ngang qua những căn – tin và xuống phòng dạ tiệc ở dưới lòng đất. Nép mình vào những mảng tối, chúng đi gần tới phòng dạ tiệc, bỗng một cô hầu bàn trở ra từ nhà bếp xanh lá cây. Cô ta kéo chiếc xe đẩy chất đầy nhóc những đĩa đồ ăn.

Bọn nhóc rụt vội vào tường nhưng cô hầu đã trông thấy chúng. “Chào các em”, cô nói, nghĩa bộ đồ ngủ của chúng. “Các em đang làm gì ở đây thế?”

“Tụi em xuống xin chút nước uống ạ”, Charlie mau miệng. “Tụi em khát đến nỗi định uống vòi nước trên lầu nhưng vì đường ống bị gỉ sét... hay làm sao đó”.

“Tội không. Vào đi và tự lấy nước mà uống”, cô hất đầu về phía cánh cửa căn – tin.

“Cảm ơn cô!” Charlie trao cho cô hầu một nụ cười tuyệt vời nhất. Nhưng không cách chi nó dám vào nhà bếp xanh lá cây, nơi bà Weedon đang trấn giữ. Bà ta là người nấu bếp bủn xỉn, bần tiện và vô cùng xấu tính, chắc chắn bà sẽ sai chồng ra lôi cổ bọn nhóc về lại phòng ngủ chung.

Cô hầu bàn đẩy chiếc xe đi qua chúng và tới căn – tin xanh da trời. “Lộn món rồi”, cô cầu nhàu. “Thế mới rầy rà”.

Ngay đúng lúc cái lưng của cô rẽ ngoặt vào, hai thằng bé phóng vù tới sảnh ăn tối. Chúng sắp lách qua cánh cửa đôi thì Billy hỏi, “Tụi mình trốn đâu bây giờ?”

“Dưới gầm bàn,” Charlie nói.

“Nhưng... họ có thể thấy tụi mình.”

Charlie không muốn nghĩ đến điều đó. Nó mở hí cửa ra chừng một phân và liếc vào trong. Thật may ơ là may. Mọi cái bàn đều phủ khăn trải bàn trắng khổng lồ, rủ xuống chạm mí sàn.

Một cô hầu bàn đang bận rộn sắp xếp ly tách lên cái bàn trên bục cao của tiến sĩ Bloor, nhưng ba dãy bàn kia đã được bày biện xong xuôi. Bên trên mỗi miếng vải lót đĩa bằng nhung đỏ đều đặt một tấm danh thiếp bạc, in một cái tên, và quanh mỗi miếng lót đĩa lại được vây quanh không biết bao nhiêu là dao, nĩa, thìa và ly, đến nỗi Charlie không kịp đếm.

Những giá đuốc rực rỡ bằng đồng thau hắt xuống một màu cam chói loá, đầy nguy hiểm, và từ cửa, Charlie đã có thể cảm thấy hơi nóng từ những ngọn lửa uốn éo toả ra.

Canh đúng khoảnh khắc cái lưng cô hầu bàn vừa khuất, Charlie thì thào, “Đi nào!”

Cúi rạp người xuống, hai đứa nửa bò nửa chạy về phía chiếc bàn chính giữa và chui tuột vào tấm khăn trải bàn. Một mùi khủng khiếp đập vào lỗ mũi Charlie và nó thấy, thật kinh hãi, May Phúc cũng đã chọn đúng cái bàn này để núp.

Đã quá trễ để đổi qua bàn khác. Một cánh cửa bên hông cái bục cao mở ra và hai người bồi bàn xông vào cùng với những chiếc xe đẩy chất đầy đồ ăn nóng nghi ngút.

Dưới gầm bàn May Phúc chạy xô tới Billy, rên ư ử nhè nhẹ.

“Bảo nó im ngay đi,” Charlie thì thào, “không nó làm tụi mình lộ bây giờ.”

Billy phọt ra vài tiếng gừ gừ nhẹ và May Phúc nằm nghiêng oặt qua một bên, vẩy vẩy cái đuôi trĩu lông.

“Gì đó?” Một người hầu bàn xón xác.

Billy thổi phù vào thẳng tai May Phúc, gần như không thành tiếng, lập tức tiếng quạt đuôi im bặt.

“Chắc là chuột,” người kia đáp.

Người đầu tiên cười hí hí, “Vái trời nó gặm mắt cá ai đó đi. Tôi chán ngấy cái công việc này rồi. Phải dậy từ sáu giờ sáng quần quật tới giờ mà công xá thì trả rẻ thôi.”

“Bọn chúng là một lũ bunn xinn,” người bạn anh ta tán thành ngay.

Hai người bồi bàn khua loảng xoảng khi chuyển đồ ăn từ xe đẩy lên bàn, đến nỗi Charlie và Billy không cần giữ kẽ nữa, có thể bò về phía cái bực. Charlie muốn ngồi ở chỗ tốt để nghe được những gì mọi người nói quanh cái bàn chớp bu này.

Thêm hai chiếc xe đẩy nữa được đẩy vào, và chẳng mấy chốc, bọn con trai đã nghe thấy tiếng người rì rì rào rào càng lúc càng gần hơn, cho đến khi tràn ngập cả phòng ăn. Một trăm đôi chân, nào lê lết, nào rầm rập, dậm thịch thịch, hay nhún nhảy khắp căn phòng, khi các vị khách tìm chỗ của mình.

Tùm hụp trong bóng tối, Charlie và Billy lắng nghe tiếng nhai thức ăn, tiếng nhóp nhép và nuốt ừng ực phía trên đầu. Charlie bị mắc kẹt giữa hai cặp cẳng dai thật dài mặc quần tây đen. Nó quyết định di chuyển và lúi trúng Billy, rủi thay, thằng này đặt luôn tay lên một bàn chân đi giày bạc.

“Xin ông làm ơn...” Giọng một phụ nữ.

“Xin cô nói chi?” Người đàn ông đối diện bà ta hỏi.

“Ông đá phải tôi”.

“Cô làm rồi. Ai đó đẩy chứ”.

Đẩy May Phúc ra đằng trước, bọn con trai lật đật bò hết sức xa khỏi chiếc giày bạc. Vừa kịp lúc. Tấm khăn trải bàn được nâng lên và người phụ nữ đi giày bạc ngó xuống gầm bàn. Bọn con trai nín thở cho tới khi, với một tiếng hự khó chịu, người phụ nữ thả rơi tấm khăn xuống chỗ cũ.

Bữa tối cứ thế trôi đi và trôi đi và trôi đi. May Phúc đã ngủ khò và Billy bắt đầu ngáp. Thế rồi thì một tiếng sụt rơi xuống căn phòng và tiến sỹ Bloor bắt đầu nói.

Sau lời chào mừng những vị khách, ông ta xướng to tên của tất cả các học viện: Loth, Oranga, Morhan, Derivere, Somphammer, Festyet, Ipakuk, Altabeeta... Danh sách còn dài nữa.

Mắt Charlie bắt đầu sụp lại, và đột nhiên, nó mở bừng mắt ra. Tiến sỹ Bloor vừa mới thốt ra cái tên Lyell Bone, và cái tên đó được gắn liền với một kẻ tội phạm. Charlie ngồi thẳng đơ dậy, mắt ngược lên, ngó chăm chăm mặt dưới của chiếc bàn.

“Trong số các vị, vị nào đã ở đây mười năm trước thì sẽ nhớ ông nội tôi, Ezekiel Bloor, như một người chín mười tuổi năng nổ và lanh lợi. Ngày nay, buồn thay, ông cụ bị chôn chặt trong chiếc xe lăn. Lyell Bone có họ hàng xa với chúng tôi, và vì vậy mà tội ác này càng gây sốc gấp bội”, tiến sỹ Bloor dừng lại và hắng giọng.

“Làm ơn”, một giọng gần Charlie cất lên, “nói cho chúng tôi biết tội ác này được thực hiện như thế nào đi.”

“Hắn ta xô tôi ngã”, lão Ezekiel hét om. “Rắp tâm giết tôi. Xô tôi. Đầu đập vào đá. Chính thế! Không thể đi lại được. Xong! ĐỒ VÔ LẠI!”

Một tiếng thở hốc rập rờn khắp phòng.

“Nhưng tại sao?” Một giọng khác hỏi, lần này là giọng phụ nữ. “Tại sao hắn ta lại làm cái điều kinh khủng như vậy?”

“Một số người trong các vị”, tiến sỹ Bloor tránh né câu hỏi ấy, “sẽ điều hành các thế lực của các vị theo cách thức khác với chúng tôi. Nhưng dù theo cách nào thì tất cả các vị cũng đều hành động vì những lợi ích của đại gia đình ngày càng đông đúc chúng ta. Cũng giống như các vị, chúng tôi cố kéo những đứa con của Vua Đỏ về phía mình. Chúng tôi tra cho chúng học bổng, nền giáo dục và những trang thiết bị hàng đầu. Chúng tôi bảo vệ chúng, nuôi dưỡng chúng, chuẩn bị cho chúng đương đầu với những khó khăn mà chúng có thể phải đối mặt khi trưởng thành... Đôi khi, do cần kíp vì lợi ích của chính đứa trẻ ấy, quý vị hiểu chứ, nên chúng tôi phải tách chúng khỏi cha mẹ chúng”.

“Ý ngài là ngài đánh cắp chúng ư?” Một giọng căm phẫn hỏi.

“Anh ta nói là “tách” mà”, lão Ezekiel rú lên. “Đánh cắp không dính vào đây. Vì điều tốt đẹp lớn lao hơn, chúng tôi phải kiểm soát những đứa trẻ này, và nếu cha mẹ chúng có ý chống đối, thì vâng, chúng tôi phải đưa chúng đi bằng mọi giá.”

Có tiếng xầm xì tán đồng chạy dọc theo cái bàn trên đầu nó, nhưng Charlie nhận thấy có vài giọng bất đồng.

“Tuy nhiên”, lão Ezekiel tiếp, “trong trường hợp cụ thể của đứa trẻ biết bay này thì, cha của nó, tiến sỹ Tolly, đã rất hạnh phúc trao nó cho chúng tôi. Chính Lyell Bone đã cố ngăn cản điều ấy bằng cách xô ta ngã xuống đất. Sự phản kháng của hắn không thành và hắn đã bị trừng phạt đích đáng.”

“Và sự trừng phạt đó có xứng với tội danh không?” Ai đó hỏi bằng giọng cộc cằn.

“Có, thưa tiến sỹ Loth. Nhờ ơn cháu trai của ta, Manfred Bloor. Manfred, đứng lên con!”

Tiếng xích ghế đằng xa dường như chỉ ra rằng Manfred đang ngồi ở cái bàn trên bục. Ai đó vỗ tay đẹt đẹt và những người khác hòa theo. Charlie không thể tưởng tượng được tại sao.

“Manfed có lẽ là một nhà thôi miên vĩ đại nhất từ trước đến nay”, lão Ezekiel tự hào loan báo. “Lúc mới chỉ có chín tuổi, cậu ấy đã xóa sạch được ký ức của Lyell Bone chỉ bằng một cú liếc mắt duy nhất. Người đàn ông đó giờ hoàn toàn vô dụng. Hẳn ta thậm chí còn không biết mình là ai.”

Một bầu thinh lặng ngọt ngào theo sau lời nhận xét của lão, và vì lý do nào đó, điều này khiến lão Ezekiel cười phá lên. Lão cười hăng đến nỗi mém bị nghẹt thở. Charlie không thể chịu đựng nổi cái âm thanh đó. Suýt nữa thì nó không kiềm chế được cơn tức giận, nó phải bấu tay thật chặt vào người để ngăn mình khỏi nhảy xổ ra.

Bằng giọng kích động, tiến sỹ Bloor tiếp, “Cũng chính Manfred đã đưa đứa trẻ đó ‘vào vòng’. Con bé lúc ấy hai tuổi. Con mê kéo dài cho đến khi con bé mười tuổi, và rồi thì, thẳng con trai lếu láo của Lyell Bone đã đánh thức nó dậy”.

Một tiếng sừng sốt buột ra. Có mấy câu lọt tới tai Charlie. “Ai vậy?” “nó đã làm cách nào?” “Ngài có...?” “Làm ơn...?”

“Thưa quý ông quý bà”, tiến sỹ Bloor nổ tung. “Xin đừng bận tâm. Đứa con gái đó còn học ở đây, và cả con trai của Lyell, thằng Charlie, cũng vậy. Những đứa trẻ được ban phép thuật dính với nhau như hồ dán. Charlie là kẻ du hành được vào tranh, vào hình – một tài phép quý giá, như các quý vị biết đấy. Nhưng nó tỏ ra rất ương bướng, chắc chắn bởi vì nó là con của cha nó, nhưng nó được canh chừng rất sát sao. Các quý bà quỵn rũ ngồi bên tay phải tôi đây, bà nội của nó, Grizelda Bone, và ba bà cô của nó, Lucretia, Eustacia, và Venetia Yewbeam, tất cả bọn họ đều để mắt trông coi Charlie Bone...”

“Và một ngày nào đó”, lão Ezekiel chen vào, “Charlie sẽ đưa ta vào quá khứ, ở đó ta sẽ sắp xếp lại lịch sử.” Rồi lão ta lại òa ra cười lần nữa.

Tiến sỹ Loth rống vang: “Hoan hô!” và những người khác hưởng ứng lời kêu gọi. Nhưng một số người vẫn im lặng.

Billy, đang gối đầu lên May Phúc ngủ nãy giờ, tỉnh linh tỉnh giấc kèm theo một tiếng hắt hơi nhỏ. Tức khắc tấm vải trải bàn được nhắc lên ngay trước mắt Charlie và một gương mặt lộn ngược xuất hiện. Gương mặt đó có râu quai nón và đội khăn xếp màu xanh da trời.

Charlie nhìn thẳng vào đôi mắt nâu đậm của người đàn ông. Nó không biết phải làm gì. Người đàn ông trở mắt nhìn lại nó. Charlie chờ xem chuyện gì xảy ra. Người đàn ông đội khăn xếp dường như cũng chờ đợi. Thế là Charlie là cái điều duy nhất mà nó nghĩ ra được: nó đặt một ngón tay lên môi.

Người đàn ông trao cho nó một nụ cười rộng ngoác và thả mẫu khăn trải bàn xuống trở lại.

Charlie chỉ vừa bắt đầu thở lại được thì một giọng mỏng quẹt, nóng nảy vang lên. “Tôi ngửi thấy mùi con trai!”

“Con trai!” Vài giọng lao nhao.

“Ngửi là phép của tôi mà”, cái giọng đàn ông mỏng quẹt đó tiếp, “tôi có thể ngửi thấy một thằng, có lẽ hai... hay ba”.

Charlie và Billy nhìn nhau rụng rời. Thế là hết. Chúng sẽ bị phát giác. Và rồi bỗng, Charlie nảy ra một ý. Nó chỉ May Phúc.

Billy khù khừ vào lỗ tai con chó già và May Phúc uể oải đứng lên. Với một cú đẩy nhẹ từ Billy, con chó lồm đồm bước đi dưới gầm bàn phủ khăn và ló ra sảnh ăn tối. Khi nó phẹt ra một mùi hôi gớm ghiếc chưa từng thấy. Cái mùi tẻ hại và xộc mạnh đến nỗi Charlie suýt nữa thì ngất đi. Billy đã xúi May Phúc đánh một phát rắm hoành tráng nhất đời nó.

Tiếng la hét hốt hoảng và kinh tởm vang dội khắp phòng. “Uuuuuuuuaa!” “Phufuuuu!” “Cái mùi gì vậy?” “Ra là một con chó!” “Một con chó già!” “Đồ quái vật!”

“Không phải mùi con trai, mà là mùi chó”, một giọng sùng tiết gầm lên.

“Cái mũi ông già nua rồi đấy, giáo sư Morvan”, giọng một phụ nữ đã ngà ngà say. “Chẳng phân biệt được con trai với con chó”.

Một tràng cười nối tiếp, và lão Ezekiel thét ồm ồm, “Đừng thô lỗ với con cún của ta thế. Nó không nhịn được mà”.

“Tôi nghĩ chúng ta nên đuổi cổ nó ra ngay đi, tiến sỹ Bloor”, ai đó đề nghị. “Tôi chắc chắn là nó muốn đi ngoài... à quên... muốn rời”.

“Ý hay đấy”, tiến sỹ Bloor tán thành. “Ai đó làm ơn...”

“Mà nhanh nhanh lên”, một giọng nữ khác chêm vào.

Một tiếng ghế cạ sàn. Có người chạy ù ra mở cửa. May Phúc thả một tiếng sủa cảm ơn rồi ồng ẹo bước ra. Thêm tràng cười nữa.

May thay, con chó già vẫn để cái mùi hôi ôi lại đằng sau, cái mũi của giáo sư Morvan đã hoàn toàn bị rối loạn, và ông ta chẳng phán gì thêm về mùi con trai nữa.

Khi tiếng cười đã lắng xuống, tiến sỹ Bloor ho khục khặc rồi nói, “Tôi xin lỗi vì sự xao nhãng vừa rồi, nhưng bây giờ tôi muốn trở lại sự phát triển vô cùng quan trọng mà chúng tôi đã ngụ ý trong lời chào mừng quý vị ở đây tối nay.”

“Tất cả chúng tôi đang lắng nghe đây”, tiến sỹ Loth nói.

“Cảm ơn”, tiến sỹ Bloor chờ cho đến lúc im lặng như tờ rồi mới tiếp tục với sự phát khích dồn nén. “Trước tiên tôi phải nahwcs qua cho quý vị về lịch sử của một nhân vật mà ngay cả tôi cũng chưa bao giờ nghe nói đến, cho tới tuần vừa qua. Bá tước Harken Badlock”.

Im lặng, Rõ ràng chẳng ai biết gì về cái ông bá tước Harken Badlock này. Charlie chăm chú lắng nghe, nhận thức rằng mình sắp sử nghe được điều gì đó cực kỳ vô cùng quan trọng.

“Bá tước Harken Badlock mười tám tuổi khi đến Tây Ban Nha. Ngài bắt đầu tán tỉnh nàng Berenice xinh đẹp, con gái của hiệp sỹ Toledo. Vị bá tước trẻ này vốn là một thầy bùa, và rất nhanh chóng, nàng Berenice đã ngấm bùa mê của ngài. Họ sắp sửa cưới nhau thì...”

“Chắc chắn nàng Berenice cưới Vua Đỏ”, một giọng cắt ngang.

“Thật vậy, đúng thế”, tiến sỹ Bloor đồng ý. “Nhưng đã có một cuộc tranh chấp tay đôi giữa hai người đàn ông ấy, và bá tước Harken Badlock đã thua. Bởi vì, so kè tất cả yêu thuật, tất cả bùa mê ngài có thì đều không sánh được với phép thuật của Vua Đỏ, và thế là ngài đành để mất nàng Berenice yêu kiều”.

Khán thính giả của tiến sỹ Bloor hồi hộp chờ đợi câu chuyện tiếp diễn, đúng như nó buộc phải vậy.

“Như quý vị đã biết đấy, hoàng hậu Berenice chết khi đưa con thứ mười của bà là Amoret ra đời. Vua Đỏ, theo phong tục của dân tộc ngài, đã vào rừng để than khóc vợ. Những người con của ngài được để lại dưới sự chăm sóc của những đầy tớ – cho đến khi bá tước Harken Badlock xuất hiện. Đúng vậy, các bạn của tôi, ngài đến để bảo vệ những người con của Berenice yêu dấu. Ngài đã dạy họ tất cả những gì ngài biết, đã bảo vệ họ khỏi sự cướp bóc của những kẻ lạ, và rồi cưới người con gái cả của nhà Vua, Lilith.”

“Làm thế nào mà đột nhiên tất cả những điều đó được đem ra ánh sáng vậy, tiến sỹ Bloor?” Có ai đó hỏi.

Một khoảng dừng nghệt thở. Da đầu của Charlie dựng tê rất rất và nó tưởng tượng tiến sỹ Bloor đã nhào người ra trước trong tư thế đặc thẳng. “Bởi vì tôi đã được nghe từ chính ngài bá tước”.

Một tiếng thở gấp vì không tin nổi đồng loạt vang lên trước khi tiến sỹ Bloor tiếp tục, “Tôi biết, thật khó mà tin rằng một người sống cách đây chín trăm năm lại sống cùng với chúng ta lần nữa. Nhưng đó là sự thật. Tôi hoàn toàn bị thuyết phục về điều đó.”

Át hết thấy dàn hợp xướng của những câu hỏi lẫn lời phản đối, lão Ezekiel già khú rít lên,

“Ngài chỉ là cái bóng trong bức chân dung của Vua Đỏ, nhưng ai đó đã giải phóng Ngài ra rồi”.

Charlie bấu cánh tay Billy chặt đến mức thẳng nhỏ khế thở hốc ra đau đớn. Trong ánh sáng mờ mờ bên dưới gầm bàn, Charlie có thể thấy cặp mắt Billy mở to không kém gì mắt mình. *Cái bóng*, thẳng nhỏ nói lớn. Charlie gật đầu.

Tiếng ồn đón nhật sự tiết lộ của lão Ezekiel rộ lên tới mức rung động.

“Ai đã giải phóng ngài?”

“Bây giờ ngài ở đâu?”

Đó là hai câu hỏi được nghe rõ nhất, vượt lên hẳn những câu hỏi khác. Tiến sỹ Bloor nài nỉ mọi người im lặng và khi sự rung động lắng xuống, ông ta đáp, “Ngài ở đâu ư? Ngài an toàn. Ngài đã thích nghi với thế kỷ này theo cách thần kỳ nhất. Ngài chỉ cần mười phút là học xong ngôn ngữ của chúng ta, và một khi đã học được rồi thì ngài có thể làm quen với những thể chế chính trị của chúng ta, hệ thống tài chính, một quần áo, những thói quen của chúng ta, tóm lại là...”.

“Nhưng rồi, ngài vẫn là một thầy bùa”, lão Ezekiel chen tọt vào.

“Quả đúng như vậy, vâng” tiến sỹ Bloor nói. “Không may, ngài cần phải một chút tàn nhẫn khi tìm cho mình một ngôi nhà, và một nguồn thu nhập, nhưng những điều như thế chẳng thể lúc nào cũng tránh được”. Ông ta buông một tiếng cười ghê rợn. “Về điểm này tôi đành yêu cầu quý vị, các vị khách kính mến của tôi, không được nhắc lại một lời nào trong những lời tôi vừa nói với quý vị ở bên ngoài tòa nhà này. Chúng ta đã quen với việc giữ bí mật, đúng không? Chúng ta phải vậy thôi, không thì thế giới này sẽ tẩy chay chúng ta”.

Có tiếng rì rầm nhất trí, rồi giọng nói của tiến sỹ Loth sang sảng nhấn chìm những giọng khác. “Đó là ai?” Ông ta hỏi. “Ai đã giải phóng cái bóng, và giải phóng ra làm sao?”

“À”, tiến sỹ Bloor ngừng lại. “Bá tước không rõ lắm. Ngài quả quyết việc đó được thực hiện bằng một cái gương – gọi là Gương Thần của Amoret. Chúng tôi đã tìm thấy ngài trong tiền sảnh, giữa trận bão tuyết. Người giải thoát ngài đã lĩnh đi khỏi”.

“Ở đây chúng tôi nghĩ là Venetia”, Lão Ezekiel eo éo. “Bà ấy là người tinh thông nhất trong chúng tôi. Một kẻ ma mãnh nhất”, lão cười khặc khặc.

“Hừm, không phải,” bà cô Venetia nói một cách sừng sĩa.

“Vậy, quý vị...” tiến sỹ Bloor bắt đầu.

“Đó là tôi”, một giọng cất lên. “Tôi đã làm đấy”.

“Cô?” Ngài hiệu trưởng nghe có vẻ kinh ngạc hết sức.

“Phải, chính tôi. Tôi đã tìm thấy Gương Thần của Amoret.”

Charlie đông cứng người. Mọi dây thần kinh trong cơ thể nó bắt đầu giật giật. Nó biết giọng nói đó. Đó là giọng nói của cái người mà nó không bao giờ ngờ tới.

SỰ THẬT CHOÁNG VÁNG

Âm thanh duy nhất trong phòng phát ra từ tiếng những bước chân bắt đầu từ gần cửa ra vào. Đanh và nhẹ, những âm thanh từ một phụ nữ mang giày cao gót chót vót.

Charlie sửng sốt, nó bắt đầu cảm thấy buồn nôn. Mặt Billy, trong bóng tối, trông xám ngoét lại sợ hãi. Đến điều này mà xảy ra được thì bất kỳ điều gì cũng có thể xảy ra.

Tiếng những bước chân tiến tới cái bục, và tiến sĩ Bloor mãi cuối cùng cũng mở miệng lại được, “Cô Chrystal, làm ơn bước lên đây và nói cho chúng tôi tất cả những gì đã xảy ra nào.”

“Cám ơn,” bốn tiếng bước chân nhẹ nhàng đi tới cái bàn trên cao.

“Ai đó cho cô ta ngồi với nào,” lão Ezekiel nói.

“Tôi thích đứng hơn,” cô Chrystal đáp.

“Cô sẽ kể cho chúng tôi nghe câu chuyện của... của cô chứ, cô thân mến,” tiến sĩ Bloor hỏi, “và cô đã giải phóng ngài bá tước như thế nào? Chúng tôi tất cả đều đang nôn nóng muốn biết chi tiết đây.”

Giật tỉnh khỏi cơn chết lạng, khán thính giả thét lên đồng ý.

“Đương nhiên rồi,” giọng cô Chrystal vẫn nhẹ nhàng và du dương, nhưng đã mất đi tất cả sự dịu ngọt. Giờ đây chỉ còn cái lạnh tanh đằng sau mỗi lời cô ta nói – một giọng nói vừa dễ vỡ vừa bạo liệt khiến Charlie rùng mình.

“Cách đây mười bốn năm, tôi là một cô gái hạnh phúc nhất trần đời. Tôi đang yêu và tôi nghĩ người đàn ông mình yêu cũng đáp lại những cảm xúc của mình. Nhưng anh ta đã chối bỏ tôi mà cưới một người khác. Trái tim tôi tan vỡ. Tôi tưởng mình sẽ chết chắc. Cuối cùng, tôi lấy một người tên là Matthew Tilpin. Chúng tôi có một đứa con trai, Joshua.”

Đến đây Charlie suýt bật kêu. Billy cẩn thận ụp một bàn tay vào cái miệng há ra của Charlie.

“Không lâu sau khi Joshua ra đời,” cô Chrystal tiếp, “chồng tôi đã bỏ rơi mẹ con tôi. Anh ta bảo anh ta sợ đứa con của chúng tôi. Mọi thứ đều dính hút vào Joshua, quý vị biết đấy. Đất, bụi, lông chim, côn trùng, mẫu giấy, và hể ta chạm vào đôi bàn tay nhỏ xíu của thằng bé thì chúng sẽ níu chặt lấy. Thật khó mà rút ra được. Matthew bảo rằng nếu anh ta mà ở lại thì một ngày nào đó đứa bé sẽ bắt anh ta phải làm điều gì đó rất khủng khiếp. Anh ta đã cảm thấy Joshua đang bẻ cong ý chí của mình.”

“Mẹ tôi vẫn luôn bảo rằng chúng tôi là hậu duệ của Vua Đỏ,” cô Chrystal tiếp tục, “và tôi cũng đã thực hiện thành công một số phép thuật ngay từ hồi còn nhỏ. Nhưng phép phiếc chẳng được tích sự gì trong những việc dính tới trái tim, vì vậy tôi thà vứt bỏ nó đi còn hơn. Và rồi, vào Giáng sinh năm ngoái, ông chú của tôi chết, để lại cho tôi một rương đầy ụ giấy tờ. Một số đã được cất giữ trong gia đình tôi suốt chín trăm năm. Rất nhiều cái không thể nào đọc được, nhưng rồi tôi đã khám phá rằng chúng tôi là con cháu của chính Lilith, con gái cả của Vua Đỏ, và chồng bà, bá tước Harken Badlock.

Tất cả một trăm vị hiệu trưởng nhất tề thốt lên kinh ngạc, nhưng cô Chrystal vẫn phăm phăm, hầu như không thở lấy hơi. “Trong số những giấy tờ đó có một tấm bản đồ, trong tình trạng còn nguyên vẹn, nhưng rất, rất nhỏ. Quý vị không thể tin nổi nó... à... nó nhỏ thế nào đâu. Chắc hẳn nó đã bị người ta bỏ qua, không được chú ý đến suốt nhiều thế hệ. Tôi chịu, không biết là ai đã vẽ nó – có lẽ chính bá tước cũng nên. Tôi phải hỏi ngài mới được, “cô ta bật cười nhẹ. “Bản đồ chỉ cho tôi biết nơi tôi có thể tìm thấy gương thần của Amoret. Đó là tấm gương có thể đưa ngài bá tước trở lại thế giới này. Tôi chỉ việc đem nó tới đứng trước bức chân dung Vua Đỏ, để cho ánh sáng phản chiếu xuống cái bóng đằng sau ngài và,” cô ta dừng lại, “và tôi đã làm đúng như thế – và nó đã linh nghiệm. Ngài bá tước đã trở lại!” Khi nói những lời cuối cùng đó, giọng cô Chrystal vỡ vụn ra bởi niềm phấn khích ngây ngất.

“Cho một ly nước,” tiến sĩ Bloor phán.

“Ghế đây,” ai đó đẩy một cái ghế qua sà n nhà.

Tiếng chuyện trò rôm rả chợt bùng lên trong đám khách khứa. Nếu Charlie và Billy muốn chuyển đổi vị trí của chúng thì hẳn lúc này đúng là thời điểm để xê dịch, nhưng Charlie điếng người đến nỗi chẳng cựa quậy gì được.

Cô Chrystal vẫn chưa xong bài nói với thánh giả của mình. “Tôi còn một điều nữa cần nói,” cô ta thông báo. “Con trai tôi, Joshua, rất hùng mạnh. Giống như Charlie Bone, nó mang dòng máu của hai thầy pháp chạy trong huyết quản. Nếu cần khổng chế Charlie thì chính Joshua sẽ có thể làm được điều đó. Còn về vấn đề cha của Charlie, ngài bá tước cam đoan rằng hẳn sẽ không bao giờ trở lại được nữa.” Cô ta buông ra một tiếng cười khô khốc, “Vâng, đúng vậy, bá tước đảm bảo Lyell Bone sẽ biệt tăm, biệt tích, mất dạng mãi mãi.”

Sau một quãng im lặng ngắn, một giọng phía trên đầu Charlie hỏi, “Thưa cô Chrystal, tôi muốn hỏi cô một câu.” Charlie có cảm giác như giọng nói này là của người đàn ông đội khăn xếp. “Làm ơn cho tôi biết tên của người đàn ông đã từ chối cô?”

“Ông nghĩ đó là ai chứ?” Cô ta lạnh lùng. “Đó là Lyell Bone.”

Charlie giật nảy mình đến nỗi Billy phải túm lấy cánh tay nó.

“Tội mình phải ra khỏi đây mau,” Charlie thì thào.

Giờ thì sảnh ăn tối huyền ảo như ong vỡ tổ, cú bò chối chết ra đến cuối bàn của hai thằng con trai không bị phát giác. Những chiếc ghế bắt đầu rít lên. Người ta đứng dậy và di chuyển. Những chiếc xe đẩy lại tiến vào và hai đứa nó có thể nghe thấy tiếng tách sứ kêu lạch cạch.

“Còn cà phê nữa, tất cả mọi người!” Tiến sĩ Bloor hét lớn. “Xin mời uống cà phê và bánh tráng miệng Thổ Nhĩ Kỳ. Làm ơn ngồi xuống ghế của quý vị thêm vài phút nữa.”

“Làm sao tội mình ra khỏi đây bây giờ?” Billy lầm thầm.

Charlie nhún vai vô vọng. Những cửa ra vào cách xa các dãy bàn ít nhất phải hai mét. Cho dù chúng có bò thì thể nào cũng có người sẽ tình cờ thấy chúng. Nó nảy ra một ý. Hy vọng những người phục vụ sẽ đẩy xe đến đằng cuối bàn; nó chờ, ngay ngoài tầm đuổi của cặp chân cuối cùng.

Hai chiếc xe đẩy lăn đến gần, mỗi chiếc kè một bên bàn. Vận hết sức có thể, Charlie “diễn kịch câm” điệu bộ bò lên tầng thấp nhất của xe đẩy. Billy hiểu ra và gật đầu.

Cuối cùng hai người phục vụ đã ra đến đầu mút cái bàn. Nhìn lần cuối vào gương mặt lo âu của Billy, Charlie cười động viên thẳng bẻ rồi bò xuống dưới tấm khăn màu đỏ phủ trùm một trong những chiếc xe đẩy. Kệ thấp lúc này trống trơn và anh bồi đang mải lo phục vụ cà phê. Nằm rúc còng queo trên kệ, Charlie nhận thấy tấm khăn trải đỏ không trùm kín được mình. Thầm khấn trong lòng, nó vẫn nằm im re trong khi chiếc xe đẩy lăn chậm rãi đến đầu đằng kia phòng dạ tiệc. Ngay khi họ an toàn đi qua cánh cửa xoay, người phục vụ dừng lại và bắt đầu cẩn thận, “Cái khỉ...?” Anh ta nhìn xuống tấm vải và thấy Charlie.

“Í ồ, một thằng nhóc!” Anh bồi ồ lên, đó là một thanh niên trẻ có gương mặt hơi nhọn. “Nhóc làm gì ở đây vậy?”

“Em bị cấm túc, và em chán quá,” Charlie nói, hy vọng anh này là người biết thông cảm.

Anh thanh niên cười to. “(Anh thấy nhóc không chán mới lạ). Nào, cảm phiền ra khỏi xe đẩy của anh đi? Lưng anh đây rệu rã vì bao thứ ác mộng rồi.”

“Anh làm ơn đưa em đi xa xa một chút đi,” Charlie năn nỉ, “chỉ qua khỏi khu nhà bếp thôi

mà.”

“Giỡn hủ nhóc. Anh mày đã làm việc suốt từ sáu giờ sáng đến giờ.”

“Thế thì qua khỏi nhà bếp xanh lá cây cũng được ạ,” Charlie nài thêm. “Em không muốn bị bà Weedon bắt.”

“A, hiểu rồi. Thôi được, bám chắc vào.”

Charlie nghiêng chặt rằng khi họ đi ngang qua lãnh địa của mẹ Weedon. Nó có thể thấy phần dưới thân hình to bạnh của mẹ, đi lạch phạch giữa một đám mây hơi nước bên những bồn rửa rộng mênh mông. Và rồi họ tới dãy tiếp theo của khu nhà bếp, đằng sau căn-tin khoa kịch. Người phục vụ lái Charlie qua căn-tin và vào hành lang.

“Nào, biến đi,” anh bồi đuổi, “kéo không anh cũng gập rầy rà chung với nhóc đấy.”

Charlie lăn ra khỏi chiếc xe đẩy, rồi rít cảm ơn anh bồi. “Em có một người bạn đang...” nó vừa mở miệng thì anh bồi đã đi mất rồi.

Hy vọng Billy cũng rơi vào tay một người biết cảm thông. Charlie vọt lên những bậc thang phía sau và đi dọc theo các hành lang tối mịt mù cho tới khi về đến phòng ngủ chung của mình. Billy không xuất hiện. Charlie chờ, chờ mãi. Chuông nhà thờ lớn điểm mười hồi. Đã nghe thấy tiếng những vị khách ra về từ mảnh sân gạch. Có gì bất trắc xảy ra với Billy chẳng? Charlie nhần nhần móng tay lo âu. Nếu Billy mà bị bắt thì liệu nó có khai với gia đình Bloor rằng Charlie cũng đã cùng đi với nó không?

Khi đồng hồ đánh mười một tiếng, Charlie vun quần áo của mình thành một đồng hình người và đẩy xuống dưới tấm vải trải giường của Billy. Vài phút sau, bà giám thị ngó vào. Charlie nhắm mắt lại và nằm im thít. Bà giám thị bỏ đi.

Charlie không sao ngủ được. Nó đi ra cửa sổ và nhìn xuống mảnh sân gạch. Không đèn đóm gì ở mấy khung cửa sổ chái phía tây. Toàn bộ toà nhà chìm trong bóng tối. Charlie vừa quyết định đi tìm Billy thì một thân hình nhỏ thó mò vô.

“Billy, này giờ em ở đâu vậy?” Charlie la lên.

“Em bị nhốt trong một buồng kho,” Billy mệt mỏi nói.

“Sao lại vậy?”

“Anh bồi đẩy chiếc xe của em vào một chỗ giống như cái tủ rồi khoá cửa lại.” Khi Billy đi qua căn phòng tối thui, mặt nó thình lình được chiếu sáng từ dưới lên bởi một đóm sáng run rẩy, nhỏ xíu. Charlie thấy thẳng bé đang cầm một cây nến mỏng manh, rõ ràng là tự phát sáng.

“Rồi sao nữa? Chuyện thế nào hả?” Charlie hỏi.

Lần tới giường mình rồi, Billy thổi phù ngọn nến và chui xuống chăn, đồng thời ném đụn quần áo ra ngoài. “Lừa khéo ghê,” nó chép miệng kèm theo một cái ngáp.

“Billy, anh đang tỉnh như sáo đây này,” Charlie bảo. “Trước khi em ngủ, làm ơn kể cho anh nghe coi em đã ra khỏi buồng chứa thế nào, mà làm sao cây nến đó tự sáng được thế?”

“Ừm,” Billy lại ngáp, “em chờ cho đến khi yên thật yên, sau đó tìm thấy một mẩu giấy, em liền đẩy nó xuống dưới cửa. Em thọc một cây viết chì vào lỗ khoá và bẩy cái cần khoá lên, sau đó em kéo nó về phía em. Trời tối thui, em sợ, sợ quá chừng. Em lúc nào cũng mang theo mấy cây nến này bên mình, chú Crowquill giám hộ của em cho em trước khi chú ấy chết. Mãi đến đêm nay em mới biết chúng có công dụng gì. Em lấy một cây ra và... và...” Cái ngáp tiếp theo của Billy nghe gần như một tiếng rên.

“Và sao,” Charlie giục.

“Em cố tìm diêm, nhưng trời tối quá tối, và em sợ quá sợ, và... và...”

“Và sao?” Charlie điên tiết thét lên, giờ thì nó chẳng thèm quan tâm bà giám thị có nghe thấy mình hay không.

“Và... và em khóc,” Billy thú nhận, “và em nói ‘Ôi ước gì mình có thể thấy đường’ và thế là cây nến tự nhiên... sáng lên.”

“Chao!” Charlie cuối cùng cũng nằm xuống trở lại. “Tuyệt thật. Em giữ mớ nến ấy biết bao nhiêu lâu rồi mà không hề biết chúng làm được gì. Tội nghiệp chú Christopher Crowquill.”

“Bây giờ em có tới năm cây nến, bởi vì Ông cậu của anh đã đưa lại cho em cây nến mà chú Crowquill có gởi ông ấy. Em ước gì người giám hộ của em còn sống,” Billy sụt sịt và sắp mặt xuống.

Charlie thấy mình cũng mệt đừ đừ, nhưng trước khi ngủ, nó hỏi Billy xem thằng bé có muốn về nhà với nó vào tối thứ Bảy không.

“Không, cảm ơn anh,” Billy lẩm bẩm. “Em nghĩ em sẽ ở lại đây. Em chưa bao giờ xem Đại Dạ Vũ cả.”

Charlie cũng chưa bao giờ xem Đại Dạ Vũ, nhưng không gì có thể níu kéo nó ở thêm một đêm nữa trong Học viện Bloor.

Sáng hôm sau, bữa sáng của hai thằng bé bị cắt ngang bởi một người đàn ông cao lớn, hói xoi, mang bộ ria mép màu vàng gừng. Thò đầu qua cánh cửa căn-tin xanh da trời, ông ta thốt lên, “Á. Không phải ở đây thì phải?”

“Thưa, ngài đang tìm gì vậy?” Charlie hỏi, miệng đầy cốm bắp.

“Miệng đầy thì đừng có nói,” bộ ria mép vàng gắt gỏng.

Bà bếp trưởng từ trong bếp hiện ra, người lạ liền nói, “Trông bà có vẻ là một người biết điều phải lẽ đấy. Phòng họp ở đâu?”

Bà bếp trừng trừng nhìn người đàn ông, ngực bà phập phồng căm phẫn. “Chắc hẳn tôi phải biết điều hơn ông nhiều. Lẽ ra ông nên quẹo phải, chứ không phải quẹo trái.”

Ria Gừng Vàng rút đầu lại và đóng cánh cửa một cái kịch bực bội.

“Hiệu trưởng đấy!” Bà bếp trưởng lầm bầm. “Chả có phong thái gì hết trơn. Tưởng mình là thượng đế chắc. Vài người trong đám đó còn không kìm chế được thói phô trương, khoe khoang. Ta đã gặp thôi thì đủ nhà biến hình, kể hô biến và bọn phỉnh lừa. Họ hô biến đồ ăn, cho nó bay lên trời, biến nó thành sô-cô-la hay bất cứ thứ gì họ khoái; rồi có người còn táy máy biến đồ sứ thành đồ vàng hay bạc nữa chứ, chỉ vì thích thể diện. Hừ, tối nay họ sẽ phải kiểm chế lại thôi. Chứ ngài thị trưởng không chịu nổi những thứ kiểu ấy đâu.”

Hai đứa đã không hề hay biết gì về những màn làm phép diễn ra trong khi chúng núp dưới gầm bàn, và tiếc hùi hụi vì đã bỏ lỡ mất. Nhưng không phải lỡ tất cả.

“Thưa bà bếp trưởng,” Charlie hạ thấp giọng. “Cô Chrystal là...”

“Ta biết, Charlie. Ta đã nghe nói rồi. Ta không thể nói chuyện đó vào lúc này! Một phút nữa thôi là tất cả họ sẽ tràn vào đây. Tất cả những hiệu trưởng. Họ sẽ bắt đầu trong nhà hát và rồi sau đó sẽ gặp nhau ở khắp mọi nơi; số thì gặp nhau trong các phòng học; số thì vô nhà thi đấu. Ta không biết hai cháu định sẽ đi đâu.”

Hai đứa ngay sau đó biết ngay mình sẽ đi đâu. Chúng đang trên đường trở về phòng ngủ chung của mình thì tông thẳng vào Manfred Bloor.

“Hai tụi bay làm gì ở đây?” Manfred sửa.

“Chúng em không biết đi đâu nữa,” Billy nói.

“Ra kia!” Manfred chỉ tay ra cầu thang chính.

“Kia?” Charlie hỏi lại. “Đến khi nào ạ?”

“Đến khi nào tao đến kiểm tụi bay,” Manfred phán.

Không có chuyện tranh cãi ở đây. Charlie và Billy lần chần lui lại cầu thang, ở đó chúng nhìn xuống đám đông lơ nhố các ông bà hiệu trưởng. Một số người vẫn đang khoe tài phép. Charlie trông thấy một con lừa và một con gấu, và chứng kiến một con đà điểu châu Phi biến thành một bà váy xoè màu vàng. Một ông bận áo khoác đen biến mất vào không khí, và rồi thì có một con thần lùn khổng lồ treo tòn teng trên xà nhà.

Charlie và Billy cẩn thận đi xuống tiền sảnh. Xuống đến nơi rồi, chúng phải luồn lách qua biển người tụ tập nói liên tu bất tận. Không luật nào bắt họ im lặng được, Charlie nhận thấy như vậy. Chả ai để ý tới hai thằng bé đang vất vả tìm đường đến những phòng để áo khoác, cho tới khi chúng chạm mặt người đàn ông đội khăn xếp xanh da trời.

“À hả, chúng ta lại gặp nhau,” ông Khăn Xanh mỉm cười phóng khoáng. Ông đặt một ngón tay lên môi và nháy mắt với Charlie, “Chúc may mắn!”

Một phụ nữ phốp pháp xô Charlie qua bên, và khi nó trấn tĩnh lại thì người đàn ông đội khăn xếp xanh da trời đã mất hút vào đám đông.

“Ai đó?” Billy hỏi khi chúng đã an toàn bên trong phòng để áo khoác xanh da trời.

“Ông ấy trông thấy anh ở dưới gầm bàn tối qua. Nhưng ông ấy không chỉ điểm anh,” Charlie mặc áo khoác và mang giày boots vào.

“Vậy không phải tất cả bọn họ đều xấu. Trông ông ấy không giống một vị hiệu trưởng nhỉ?” Billy ngồi xuống băng ghế để cởi giày ra.

“Ông ấy là người nước ngoài,” Charlie chỉ ra. “Có lẽ ở xứ ông ấy hiệu trưởng là như vậy.”

Vừa ra đến bên ngoài là Charlie hướng ngay tới khu đổ nát. Cỏ đầm sương rào rào dưới chân chúng và một màn sương giá giăng là là mặt đất. Mái cửa vòm đồ sộ màu đỏ của khu đổ nát hầu như không thấy đâu.

Billy lết bết đằng sau Charlie, hy vọng bên trong khu đổ nát sẽ ấm hơn. Nó không nhận ra Charlie có một mục đích khác hẳn.

“Vụ gì thế này?” Billy bước vào cái sân lam nham và ngó sững vào những viên đá phiến bị vỡ.

“Cô ta đã tìm kiếm cái gương thần và đây là nơi cô ta đã tìm ra nó,” Charlie chỉ khối đất đen xì hình vuông. “Cô Chrystal, cô giáo mà tất cả tụi mình đều nghĩ là tốt nhất và tử tế nhất trường.”

“Té ra cô ta là kẻ xấu nhất,” Billy nói.

“Một mù phù thủy,” Charlie thêm. “Anh phải cảnh báo cho những người khác biết ngay, nhưng chúng ta không được để cho cô ta biết bọn mình đã biết cô ta.”

“Thế thì ta phải cảnh giác,” Billy đồng tình.

Chúng quờ quang đi xuống một trong năm lối đi tối mù dẫn ra khỏi sân. Ở cuối lối đi mở ra một khoảnh cỏ rộng, cây cối và những bức tường dày đổ nát bao quanh. Bọn chúng ngồi lên một bức tường và Charlie chà sát hai bàn tay lạnh cứng vào nhau, nghĩ về ông Bartholomew Bloor. “Vua Đỏ vẫn còn trong lâu đài” – nhà thám hiểm đã nói như vậy – “nhưng ngài bị che khuất”.

“Vậy ngài ở đâu?” Charlie buột miệng, gần như tự nói với mình.

“Ai ở đâu?” Billy hỏi.

“Vua Đỏ. Chúng ta cần ngài, Billy à.”

Một cơn gió lạnh thốc vào mặt chúng và những cành cây trụi lá kêu lắc rắc trên đầu. Một cảnh khô gầy, rồi lại một cảnh khác. Charlie hoảng hốt quay phắt đầu lại, tưởng bắt gặp Asa trong bộ dạng thú của hắn xõ ra khỏi bụi rậm. Nhưng không phải Asa. Đứng im lìm, bên dưới một cây to, Charlie thấy một con ngựa trắng.

“Hoàng hậu đó,” Charlie khẽ khàng.

Hai thằng tuột khỏi bức tường và hoàng hậu đi nước kiệu về phía chúng.

“Đúng bà rồi, đúng thật bà rồi,” Charlie vừa nói vừa vuốt ve vòng cổ mềm như lụa.

Billy âm âm ừ ừ và hí lên, và thế là hoàng hậu hạ thấp đầu xuống để nghe cho rõ hơn những tiếng gầm nga và khụt khịt kỳ dị từ Billy phát ra như những cái hắt xì. Bà đáp lại theo cách của bà, bằng vài tràng hí dài.

Charlie, nóng lòng quá, đòi Billy cho biết hoàng hậu đang nói gì.

“Em hỏi bà nhà vua có ở đây không,” Billy nói, “và bà bảo ngài ở rất sâu, sâu bên trong lâu đài của ngài. Em hỏi bà làm sao chúng ta có thể đến chỗ ngài, bà bảo với em rằng khi thời điểm đến ắt sẽ tìm thấy ngài.”

“Thế thôi à?” Charlie thất vọng. “Nhưng khi nào thì thời điểm đến.”

Con ngựa trắng sục mõm vào tai Charlie, và Charlie quàng cánh tay lên cái bờm dài của ngựa. Ngựa âu yếm dụi đầu dụi mặt cả hai đứa, và rồi bất thình lình, ngựa ngó lên trời.

Có tiếng rung chuyển trong không trung, ghê rợn đến nỗi không thể là sấm. Âm thanh đó

kéo theo một bầu trời đen kịt; tựa như tấm màn nặng chịch che ụp xuống mặt đất.

Trong ánh sáng âm u, đôi mắt của hoàng hậu trợn trắng lên kinh hãi. Bà thét lên một tiếng, quay đầu và phóng nước đại đi khỏi, tiếng móng guốc nện lộp cộp của bà càng lúc càng xa thì tiếng gầm trên trời càng lúc càng buốt óc.

Charlie và Billy vắt giò chạy trốn chết ra khỏi khu đồ nát, bàn chân chúng lướt trượt, lú quíu hướng về nơi trú ẩn trong trường.

“Đó là tiếng gì vậy?” Billy thở hồng hộc. “Động đất hả?”

“Chắc ngày tận thế,” Charlie hét to.

Chúng nhào tới cánh cửa vào trường thì thấy nó đã bị khoá. Charlie động thành thành vào khối gỗ sồi vững chắc cho đến khi, mãi cuối cùng, cánh cửa xịch mở và Manfred ngó xuống bọn chúng.

“Tí sấm đó mà cũng sợ à?” Manfred châm chọc đầy khinh miệt.

“Không phải sấm,” Charlie hỗn hển. “Nó là... là... Làm ơn cho chúng em vào đi?”

“Mày phiền phức quá, Charlie Bone, nhưng, ờ, thôi được, về phòng ngủ chung của tụi bay mau,” Manfred nhích qua một bên và hai thằng bé xông vào tiền sảnh. Lúc này tiền sảnh vắng tanh vắng ngắt, các vị hiệu trưởng đã toả vào các lớp học khác nhau.

“Đó không phải là sấm, thưa ngài,” Billy nói.

“Ta tự hỏi thế thì nó là cái gì,” Manfred dường như đã biết câu trả lời nhưng không muốn tiết lộ cho bọn nhóc biết.

“Khi nào thì tới Dạ Vũ, thưa ngài?” Billy hỏi, cảm thấy can đảm hơn vì đã ở bên trong toà nhà.

“Khách khứa sẽ tới vào lúc bảy giờ rưỡi, và tốt hơn mày hãy tránh xa ra, Billy Raven. Sẽ có năm trăm người đi qua cánh cửa này của chúng ta đêm nay.”

“Năm trăm!” Charlie kêu lên.

“Dịp mười năm một lần mà,” Manfred khoe khoang, “Ông thị trưởng sẽ đến đây, và toàn thể hội đồng thành phố nữa. Có ba thẩm phán, một công tước và công nương, rồi chủ mọi doanh nghiệp lớn của thành phố, một giám mục, những vị chủ tịch, giám đốc, rồi tổng... không phải tổng thống Mỹ[1] đâu,” Manfred nói tới đâu miệng Charlie trề xệ xuống tới đó, “ý ta muốn nói

đến các tổng giám đốc công ty.”

“Phù!” Charlie đành kinh ngạc một cách bất đắc dĩ.

Manfred mỉm cười hài lòng, “Tụi bay có muốn xem phòng dạ vũ không?” Hắn đề nghị.

Hai thằng bé thắc mắc không biết có gì nảy ra trong đầu hắn vậy. Manfred vốn thường không thân thiện thế này. Có lẽ tại hắn không cưỡng nổi ý muốn phô trương.

Billy nói, “Dạ muốn” trước khi Manfred kịp đổi ý.

“Theo ta.” Manfred mở khoá cánh cửa nhỏ dẫn lên Tháp Nhạc. Khi cánh cửa vừa bung ra, Charlie choáng ngợp trước khung cảnh hành lang lù mù mà ngày thường đã biến đổi hoàn toàn nhờ lớp thảm dày trải dưới sàn và mái trần nhấp nháy những vì sao.

Hồi nào tới giờ nó đâu có để ý đến cánh cửa đôi dẫn vào phòng dạ vũ. Giờ đây, cánh cửa vòm bùng sáng lên lấp lánh, trở lại vẻ huy hoàng trước kia của mình. Manfred hẩy nhẹ cánh cửa một cái, mở ra một căn phòng lộng lẫy đến độ Charlie nín cả thở.

“Tụi bay nghĩ sao, hả?” Chính Manfred dường như cũng nghệt thở. Hắn bật công tắc điện và bốn chùm đèn pha lê đột ngột sáng dậy, bùng lên một quang sáng võ oà. Treo lơ lửng từ trần nhà xuống, chúng được tô điểm bằng những tạo vật bằng thạch cao. Không phải những tạo vật có thật trong đời thường, mà là những quái vật: yêu tinh, thần lùn, người khổng lồ, dơi nanh dài, quỷ đuôi chia ba, yêu quái và các loài rồng trông gớm ghiếc.

Charlie ráng tìm ra vài lời để nói, nhưng cuối cùng lại là Billy thốt lên, “Đỡ sợ quá!”

Sàn nhà sáng loáng dốc dần lên tới một sân khấu đặt cây đàn piano to đùng ở một góc và nhiều giá nhạc ở góc kia. Charlie tưởng tượng ra một phòng dạ vũ nghệt cứng những thân hình lay động, xiêm y xúng xính, loè xoè, bắt ánh sáng đèn chùm loá choá.

“Hay chứ nhỉ?” Manfred tắt đèn và xô mạnh bọn nhỏ ra ngoài.

“Dạ, hay!” Chúng đồng ý.

Trong khi cả bọn từ phòng dạ vũ bước đi khỏi, bỗng có tiếng bước chân nhẹ thật nhẹ làm tất cả quay đầu lại. Thầy giáo dạy piano, thầy Pilgrim, hiện ra ở đầu kia hành lang. Charlie sửng sốt khi thấy thầy. Nó tưởng thầy Pilgrim đã rời trường rồi chứ.

“Chào thầy Pilgrim à,” nó lên tiếng.

“Chào em, em là...” ông thầy giáo lộ vẻ bối rối.

“Tôi đề nghị ông về lại phòng nhạc, ông Pilgrim,” Manfred hống hách.

“Tôi nghĩ...”

“Bà bếp trưởng sẽ mang đồ ăn cho ông.”

“Tôi không đói,” thầy Pilgrim hoang mang, lập chập gạt một túm tóc đen ra khỏi gương mặt tái xanh của mình.

“Tùy ông. Đi đi, các trò,” Manfred xua hai thằng nhỏ xuống hành lang. Khi tất cả xuống tới tiền sảnh rồi, hắn khoá cánh cửa cổ xưa sau lưng lại.

“Thầy nhốt thầy Pilgrim ngoài đó rồi,” Charlie nói.

“Trong chứ,” Manfred chỉnh lại. “Khoá lão trong ấy là để tốt cho lão. Lão không thể chịu nổi đám đông mà.” Hắn hếch cái cổ gầy ngẳng ra và trừng trừng nhìn Charlie. “Cởi áo khoác ra rồi về phòng ngủ chung của mày ngay.”

Charlie không sợ đôi mắt thối miên đen thùi của Manfred. Nó táo tợn nhìn trở lại và chính Manfred là kẻ phải quay mặt đi. Hắn đã mất quyền phép, Charlie nghĩ. Nhưng bây giờ có cái gì đó khang khác... Đó là cái gì nhỉ?

Manfred thọc hai tay vào túi quần và hùng hục bước đi khỏi.

Trở về phòng ngủ chung, Charlie và Billy ngồi trên giường và chờ đợi. Bụng chúng bắt đầu sôi ục ục. Còn cả tiếng đồng hồ nữa mới tới giờ ăn trưa. Charlie không nghĩ mình có thể cầm cự được chút nào nữa nếu không có miếng gì ăn đỡ. Nó vừa quyết định tới chỗ bà bếp trưởng thì kẻ đưa tin của bà xuất hiện.

Mấy tiếng chó sủa bên ngoài cửa thông báo May Phúc tới.

“Đồ ăn!” Billy bay chúi khỏi giường. “May Phúc nói đã có thức ăn ở căn-tin.” Nó mở cửa và vỗ vỗ cái đầu nhăn nhúm của con chó già. “Cảm ơn nha, May Phúc.”

Trong căn-tin, hai đứa thấy một đồng bánh mì kẹp để sẵn trên bàn. Chúng nghe thấy tiếng bà bếp trưởng ra lệnh trong nhà bếp. Xem ra nơi này lại đang náo động rung chuyển lần nữa, với hơn một trăm suất ăn trưa đặc sản cần chuẩn bị để dọn vào phòng ăn. Khi Charlie và Billy ăn xong phần bánh của mình, chúng dòm vào nhà bếp, hy vọng ít nhất cũng sẽ được một cái bánh bích quy sô-cô-la.

“Trong trận kia kìa,” bà bếp trưởng chỉ tay nói. Mặt bà đỏ phừng phừng, chiếc tạp dề lem luốc những vết vàng và nâu. “À này, Charlie, con lấy giỏ xách rồi ra cửa chính vào lúc mười hai rưỡi nhé. Ông cậu của con sẽ đến đón con đấy.”

“Ông cậu Paton? Sao ông ấy đi được. Ông ấy không bao giờ...”

“Không được cũng phải được thôi,” bà bếp trưởng thở phào. “Chả ai rảnh mà đi cả. Ta nghe báo là tất cả đã thu xếp xong rồi. Nào, đi đi!”

Chộp vội mấy thanh sô-cô-la của mình xong, hai thằng bé lủi ra. Charlie nhìn đồng hồ đeo tay của mình. Mười hai giờ hai mươi. Nó còn mười phút để gói ghém đồ đạc và đi ra cổng chính.

“Em có chắc là em không muốn về với anh không?” Charlie hỏi khi chúng chạy lên tới phòng ngủ chung.

“Em muốn xem những quý bà diện đầm dạ hội,” Billy nói. “Để sau đó còn kể lại cho tất cả các anh chị nghe.” Thằng nhỏ không nói thêm rằng nó còn muốn tưởng tượng một trong những quý bà khiêu vũ xinh đẹp đó là mẹ nó.

Lão Weedon đang chờ ở tiền sảnh khi Charlie ôm giỏ xách chạy rầm rầm xuống cầu thang. Còn đúng một phút nữa để ra tới cổng.

“Suýt nữa thì không xong hả, Charlie Bone?” Lão Weedon có kiểu nói kháy khiến Charlie lúc nào cũng muốn đập lại câu gì đó vô lễ. Nhưng nó hơi chợn cái lão tạp vụ đầu trọc râu ria xồm xoàm này. Nếu bây giờ mà nói gì đó hớ hênh thì coi chừng lão Weedon nhốt nó vào phòng chứa đồ, hoặc tệ hơn nữa.

“Cảm ơn,” Charlie rặn ra nói khi lão tạp vụ to bè rút những cái chốt và mở khoá cửa ra.

“Cửa chưa mở hay sao ấy nhỉ?” Lão Weedon trêu chọc.

“Chưa, thưa ngài.”

Lão Weedon mở hi hí một cánh cửa. Charlie thót mình lách qua khoảng hở tí ti ấy và chạy băng qua mảnh sân gạch. Nó nhảy tung tung từ cầu thang xuống quảng trường rải sỏi, suýt nữa thì ngã chúi nhủi ở bậc thang cuối cùng. Nó quá sung sướng khi thấy chiếc xe hơi của Ông cậu Paton đậu ở đầu quảng trường.

Ông cậu Paton không nghe thấy tiếng gọi hồ hởi của Charlie. Ông đeo kính râm và đang mê mải thả hồn vào tờ báo đặt trên đùi.

“Ông cậu Paton!” Charlie giật mạnh cánh cửa xe và chui tọt vào ghế, “Con đây.”

Ông cậu Paton nhìn lên. “À, đây rồi,” ông mỉm với Charlie một nụ cười mờ nhạt.

“Mọi thứ đều ổn chứ ạ? Ý con là ngoại Maisie. Ngoại có còn... còn...?”

“Không có gì thay đổi, ta e là vậy,” Ông cậu Paton thở dài.

“Con xin lỗi làm ông phải đi ra ngoài vào ban ngày. Ông đã gây ra tai nạn nào chưa?”

“Đến giờ thì chưa,” Ông cậu Paton rờ máy. Ông dường như đang ở tận đầu tận đuôi.

“Ông có khỏe không, Ông cậu?” Charlie hỏi.

“Ta á? Ừ, khỏe. Chỉ là... ờ, ta lo lắng cho mẹ mày đó, Charlie.”

“Sao ạ?” Charlie hoảng hồn.

“Mẹ mày sẽ đi dự Đại Dạ Vũ.”

“Mẹ?” Charlie không thể tin nổi. “Làm sao mà được? Họ đòi nào cho mẹ con đi. Mà đi với ai? Mẹ con ấy hả? Không đòi nào?”

“Ờ, có thể chứ.” Ông cậu Paton dận bàn chân xuống và họ chồm lên con đường sỏi, phóng ra khỏi quảng trường.

NHẬT KÝ ÔNG BARTHOLOMEW

Ông cậu Paton kiên quyết đi theo tuyến đường có thể tránh mọi trạm đèn giao thông. Biết bao lần rồi, chỉ một cái liếc mắt vào đèn đỏ thì kết quả đã là một cơn mưa thủy tinh.

Charlie thấy khó mà kiên nhẫn được, cứ liên tục quăng những câu hỏi về phía ông cậu, người xem ra không có câu trả lời, mặc dù ông biết rõ thư mời cô Amy là từ cái cửa hàng Vương Quốc đã cung cấp những con tôm he chết người kia.

“Không chừng họ muốn bồi thường cho mẹ cháu về tai nạn của ngoại Maisie”, Charlie nói.

Ông cậu Paton lắc đầu, “Vụ rắc rối của ngoại Maisie không phải là tai nạn. Nó có chủ ý nhằm

loại ta ra khỏi vòng chiến. Và hành vi của mẹ mày những ngày gần đây khiến ta tin rằng lời mời đó với mẹ mày có ý nghĩa hơn nhiều một chuyện bồi thường đơn thuần. Cô ấy cứ gọi là tươi rói.”

“Tươi rói?” Charlie chưa bao giờ nghe từ này dùng cho mẹ mình.

“Một phút nữa thôi mày sẽ thấy ta muốn nói gì.” Ông cậu Paton dừng xe lại bên ngoài nhà số 9. “Hôm nay mẹ mày không đi làm.”

Charlie ra khỏi xe và lao lên bậc cấp trước khi Ông cậu nó rút chìa khóa xe. Vừa xông vào trong hành lang, Charlie đã gọi toáng lên hết cỡ “Mẹ! Mẹ ời!”

Nội Bone bật ra khỏi nhà bếp và quát ầm cả lên, “Im! Mày lớn tướng rồi không còn nhỏ nhít gì mà gọi mẹ cái kiểu ấy.”

“Cháu muốn cho mẹ biết cháu đã về,” Charlie nói, bay vọt lên lầu trước khi bà nội kịp ngăn nó lại.

Nó tìm thấy mẹ trong căn phòng nhỏ của mẹ ở tầng trên cùng ngôi nhà. Bộ đầm dạ hội là vật đầu tiên nó trông thấy khi mở cửa ra. Chiếc váy treo trên tủ đứng, màu xanh nước biển đậm, sáng bóng, có những sợi dây thanh mảnh, vòng eo thắt nhỏ và phần váy dài xòe rộng.

“Con thích nó không, Charlie?” Cô Amy Bone ngược lên khỏi bàn trang điểm. Tóc cô cũng khác. Bóng mượt và suôn thẳng với những dải tóc vàng cùng sáng màu hơn.

“Mẹ, tại sao mẹ đi dạ hội này?” Charlie hỏi.

“Charlie, đừng nghiêm trọng thế con.” Gương mặt mới mẻ tươi rói của cô Amy Bone mỉm cười với nó trong gương. “Mẹ muốn hưởng chút thú vui. Mẹ lại muốn đi chơi và lại bùng sáng.” Trông cô rực rỡ, lộng lẫy, không còn là chính cô chút nào.

Charlie nuốt nước miếng khó nhọc và hỏi, “Mẹ sẽ đi với ai?”

“Ngài Noble. Đó là người quản lý mới của Vương Quốc. Một người đàn ông dễ thương. Con sẽ thích ngài ấy cho mà xem, Charlie.”

“Thích ông ấy? Tại sao con phải thích?”

“Ngài ấy tốt với mẹ, Charlie. Chả nhẽ điều đó không có ý nghĩa gì với con sao? Ngài ấy làm mẹ cảm thấy mình rất đặc biệt,” giọng cô trôi mơ màng. “Ngài ấy nói toàn những lời tuyệt diệu.”

Charlie đi tới cái váy đầm xanh nước biển và sờ vào mình vải trơn bóng, có cảm giác như bị bỏ bùa. “Có phải bà cô Venetia may cái áo đầm này không, mẹ?”

“Ồ, Charlie, không phải đâu. Mẹ mua nó ở Vương Quốc đấy. Chính mắt mẹ nhìn cô gái gói hàng.”

“Chắc giá nó bằng một quả bom quá,” Charlie lầm bầm.

“Đó là một món quà,” mẹ nó nói, hơi hơi mắc cỡ.

Một cái bẫy thì giống hơn, Charlie nghĩ thầm. “Mẹ không thể để ngoại Maisie một mình,” nó vượt miệng. “Đang đông cứng như thế mà. Chính mẹ đã bảo là không thể mà.”

“Thôi đừng ngốc ạ, Charlie. Ông cậu Paton sẽ lên đây nếu ngoại Maisie... tan băng. Nếu con không thể nói được câu nào cho dễ nghe thì tốt hơn con nên đi đi.”

Bàn tay Charlie buông thong xuống. Nó cảm thấy mình đã bại trận. Nó không biết phải sử dụng vũ khí nào để chống lại gã đàn ông đang đánh cắp mẹ nó bằng những lời đường mật. Nó lủi thủi ra khỏi phòng mẹ và đóng cửa lại.

Trên đường xuống lầu, Charlie ghé vào thăm ngoại Maisie. Bà vẫn nằm trong bồn tắm. Ai đó đã đeo mặt nạ ngủ lên mắt bà, như thế khiến bà trông giống một tên trộm hơn là một bà ngoại bị đông cứng. Ngoại trừ cái áo lạnh màu hồng.

“Mày đói chứ gì,” nội Bone nói khi Charlie ló vào nhà bếp.

“Không cảm ơn, cháu ăn trưa rồi,” Charlie nói.

“Ta đâu có mời, ta chỉ hỏi thôi,” bà nội nó nói, không nhìn lên khỏi tờ báo.

Charlie thở dài. “Giỏ đồ ăn có tới không ạ?” Nó hỏi.

“Tới chứ. Ông cậu Paton không đựng tới thứ nào, đồ khờ. Ngon thế còn đòi,” nội Bone chẹp môi.

“VẬY là không còn gì ạ?”

“Một mẫu vụn cũng không”.

Charlie lại thở dài. Nó đi lên lầu và gõ cửa phòng Ông cậu.

“Vào đây, thằng cháu cưng, vào đây,” Ông cậu Paton gọi vọng ra.

Charlie đi vào và ngồi lên mép giường bừa bộn kinh hồn của Ông cậu, trong khi Ông cậu Paton cố ấn vài tờ báo vào trong một ngăn kéo bàn viết.

“Ông nói đúng, Ông cậu ạ,” Charlie âu sầu. “Mẹ con còn hơn cả tươi rói nữa. Mà con nghĩ hình như mẹ bị bỏ bừa rồi hay sao ấy.”

“Ta cũng nghĩ vậy!” Ông cậu Paton xoay chiếc ghế lại và nhìn chong chong vào Charlie. “Nhưng mà nhìn này, không phải tất cả đều thê thảm và u ám đâu. Chúng ta có tin mới cho con đây.”

“Tin tốt chứ ạ?” Charlie khấp khởi hy vọng.

“Thú vị, ít nhất là vậy,” Ông cậu bảo nó. “Trong khi các quý bà giỏi giang của chúng ta đi dự Đại Dạ Vũ, cô Ingledew sẽ đến đây dùng bữa tối với chúng ta. Còn Emma chắc sẽ ở gia đình Vertigo. Julia có một gói quà bộ hấp dẫn nhất cho con, và cả hai ta đều đang phát sốt lên muốn biết trong đó có gì.”

“Cho con á?” Charlie hoang mang. Ông cậu không thể nói gì thêm với nó, vì vậy nó đi về phòng mình và dỡ giỏ xách ra. Con bướm trắng từ rèm cửa sổ bay xuống đậu lên vai nó. Charlie cảm thấy đó là cách cây gậy phép đón mừng mình.

Thời gian lơ lửng trôi qua, Charlie nghĩ đến việc qua thăm Benllamin, nhưng nó cảm thấy ngại ngại nhà số 12, vì biết cô chú Brown là gián điệp. Chắc rồi Benjamin sẽ sang với nó thôi.

Vào lúc bảy giờ, cánh cửa phòng nội Bone bật mở và bà ta loạt soạt xuống cầu thang. Cửa trước đóng cái rầm và Charlie nhìn ra cửa sổ phòng nó. Bên dưới đường, bệ Bone và hai bà cô của Charlie, bà Venetia và bà Eustacia, đang đứng chum chum, thì thà thì thầm. Tất cả họ đều diện áo choàng da màu đen, dài thượt, nhưng bà cô Venetia trông đặc biệt trơn nhẵn hơn cả. Ông a óng ánh như vệt nhót ốc sên.

Ba bà cô chui vào xe hơi của cô Eustacia, và ngay phút sau chiếc xe đã gầm rú điên cuồng, chồm một phát tới tận cuối đường Filbert. Vài giây sau, có tiếng lùa sọt soạt bên ngoài phòng Charlie. Cánh cửa phòng nó mở ra và một một phụ nữ bước vào. Charlie gần như không nhận ra. Lẽ nào người phụ nữ xinh đẹp váy xanh da trời này là mẹ mình sao?

“Trông mẹ thế nào?” Cô hỏi.

Ánh mắt Charlie rà xuống cánh tay trần xanh xao của mẹ. Một cái lắc bạc rộng bao quanh cổ tay trái, nhưng chiếc nhẫn kim cương đã không còn. Charlie rùng mình. Nó chưa bao giờ thấy mẹ không đeo nhẫn cả. Không bao giờ.

“Nhẫn của mẹ đâu?” Charlie nhìn vào mặt cô Amy.

“Nhẫn của mẹ à? Ồ, mẹ tháo nó ra rồi. Mẹ không muốn tỏa sáng quá, phải không nào?” Rồi mẹ nó cười nhếch một cái góc ngắn.

“Nhưng mà mẹ...”

“Chúc ngủ ngon, Charlie,” mẹ nó bất ngờ cúi xuống hôn lên má nó, và Charlie bị phủ trùm trong một luồng hương lạ vô cùng. Mất vài phút, nó đứng đực ra, rồi mới chạy bổ xuống cầu thang đuổi theo mẹ. Có người đã nhấn chuông và cô Amy Bone rời căn nhà mà không ngoái lại lần nào. Một người đàn ông mặc đồng phục đen đóng cánh cửa sau lưng cô lại.

“Mẹ!” Charlie giật cửa mở ra, đúng lúc thấy mẹ nó chui vào ghế sau một chiếc limousine dài, vàng chóa. Cửa sổ xe mờ hơi sương nên nó không thể nhìn qua được. Người đàn ông mặc đồng phục đen, không nghi ngờ gì là tài xế riêng, liếc Charlie một cái rợn người, rồi ngồi vào ghế dành cho tài xế. Chiếc limousine lướt đi, nhẹ ru như một con rắn.

“Đừng đứng ngay trời lạnh nữa, cưng,” Ông cậu Paton đến đằng sau Charlie.

“Ông cậu Paton, ông có thấy mẹ con không?”

“Không. Rất tiếc. Ta bỏ lỡ rồi. Cô ấy đẹp lắm nhỉ?” Ông cậu Paton lôi Charlie qua bên và đóng cửa lại.

“Vâng,” Charlie thần thờ. “Nhưng mẹ đã tháo chiếc nhẫn ra rồi.”

“Hừm. Điều đó biểu thị cái gì, ta tự hỏi? Ồ mau lên, giúp ta dọn bàn đón cô Julia đi. Cô ấy đến đây không biết lúc nào đấy.”

Họ đi vào nhà bếp, ở đó Ông cậu Paton đã thấp nển lên tất cả chỗ nào có thể cắm nến được. Charlie sắp dao, nĩa, thìa trong khi Ông cậu lấy ly. Có mùi thơm phức phả ra từ lò nướng, và đến khi cô Ingledew tới thì Charlie đói bụng đến nỗi đã xơi tái ba chiếc bánh quy ưa thích của nội Bone.

Cái gói giấy màu nâu mà cô Ingledew đem tới trông quả là mời gọi. Nó được buộc dây kỹ lưỡng và đóng rất nhiều xi niêm phong. Charlie không biết phải bắt đầu tháo ra từ đâu. Tên của Charlie được ghi bằng nét chữ in to ở phía trên địa chỉ của cô Ingledew.

“Được gọi tới tận nơi nhé,” cô Ingledew bảo với Charlie,” do một phụ nữ lớn tuổi người Trung Hoa, trông rụt rè.”

“Bà Meng!” Charlie suýt đánh rơi cái gói.

“Meng?” Ông cậu nó hỏi. “Cháu biết người phụ nữ Trung Hoa này à?”

Charlie lưỡng lự. Khi buột miệng thốt ra tên của bà Meng, nó đã phá vỡ một nửa lời hứa với ông Bartholomew. Nhưng chắc chắn, trong tất cả những người có trên đời này, Ông cậu Paton và cô Ingledew là người đáng tin cậy nhất. Vì vậy nó ngồi xuống, đặt cái gói lên đùi và kể cho họ nghe tất cả về chuyến đi tới đồng hoang, và cần trọng thuật lại thêm những gì nó đã nghe được trong suốt Tiệc Chiêu Đãi Một Trăm Vị Hiệu Trưởng.

“Cô không thích vụ này tí nào,” cô Ingledew nói. “Cô sợ tất cả các cháu rồi sẽ rơi vào tay của những kẻ khủng khiếp.”

Ông cậu Paton dường như không lo đến mức ấy. “Vậy là cha của tiến sĩ Bloor đã trở lại,” ông bật ra. “Ừm, ta không bao giờ ngờ tới.”

“Cháu đã hứa với ông ấy là sẽ không nói gì hết,” Charlie tần ngần, xé mảnh giấy màu nâu. “Ông ấy không muốn bất cứ ai biết chuyện cả.”

“Ta không trách ông ấy. Ông ấy vốn vẫn xung khắc với lão Ezekiel, cha của ông ấy, và cũng chưa bao giờ thuận hòa được với con trai mình. Thế rồi Mary chết,” Ông cậu Paton lắc đầu, “Tôi nghiệp Barty.” *[Barty là tên thân mật của ông Bartholomew. (ND)]*

“Ông ấy biết cha con,” Charlie nói.

“Đúng vậy,” Ông cậu Paton đưa cho Charlie một con dao xắt thịt bò. “Họ thường đi leo núi với nhau, chỉ một năm trước khi Lyell... biến mất.”

Charlie dùng con dao cắt sợi dây cuối cùng và tờ giấy màu nâu bung rơi xuống sàn, cùng với vài quyển sách nhỏ. Charlie nhặt chúng lên. Quần queo và bạc màu sương gió, mỗi quyển được cột lại bằng một sợi dây da mỏng để giữ những trang giấy xộc xệch và quần mép lại với nhau.

“Nhật ký,” cô Ingledew thốt lên. “Coi này, tất cả đều có in năm ở ngoài bìa. Mỗi quyển là năm năm. Tuyệt quá đi mất.”

“Nhật ký à?” Charlie nói. “Tại sao ông ấy lại gởi nhật ký đến cho con?”

Ông cậu Paton khuyên hãy ăn bữa tối do ông đặc biệt chuẩn bị đã rồi hãy xem chồng nhật ký của ông Bartholomew. Vịt rô-ti, củ cải hầm, khoai tây, cà rốt và đậu nhanh chóng xuất hiện trên bàn, tiếp nữa là một ổ bánh pudding dừa tan chảy trong miệng. Ông cậu Paton rõ ràng là đã cố gắng hết sức để tạo ấn tượng với khách.

Ngay khi chén đĩa được dọn đi, Charlie đặt chồng nhật ký lên bàn và mở sợi dây da đầu tiên ra. Khi mở quyển sách ra, nó thấy một lá thư kẹp bên trong.

“Charlie thân mến,” nó đọc, “ta nghĩ cháu cần phải biết cháu đang phải chống lại thế lực nào. Cháu có nói đến “cái bóng” và cuối cùng ta đã nhớ ra tên của hắn. Trong những cuốn sổ nhật lý

này, ta đã đánh dấu các nơi mà hần được nhắc tới. Cháu đọc rồi sẽ thấy, ta đã đi chu du đó đây rất nhiều trước khi an cư lạc nghiệp ở Trung Hoa. Tại mỗi quốc gia ta tới, ta đều nghe được những câu chuyện về Vua Đỏ. Và ta đã ghi lại tất cả, và một ngày nào đó, cháu sẽ có thời gian để đọc lại tất cả. Nhưng bây giờ cháu cần phải tập trung vào những gì liên quan tới ‘cái bóng’ đáng sợ kia. Hần ta được biết đến dưới rất nhiều tên khác nhau, nhưng ở đây, ở châu Âu này, hần là bá tước Harken Badlock.

Khi cháu chấp nối những thông tin có thật về cái bóng đó, cháu sẽ biết hần ta là một kẻ săn người và giết người. hần ăn cắp linh hồn và làm tan vỡ những trái tim. Sinh vật nào rơi trúng hần đều phải hứng chịu điều đó. Đâu đó trong những quyển nhật ký này có một câu thần chú có thể đánh bại hần. Ta đã chép lại nguyên văn bằng ngôn ngữ của người đã tạo ra nó, và ta tin rằng nó sẽ dẫn cháu tới Vua Đỏ. Nhưng có lẽ cháu cần có sự giúp đỡ mới hiểu nó được.

“Hãy bảo trọng. bạn của ta, đừng sợ.
Bartholomew.”

Cô Ingledew chụp lấy lá thư khi nó vtuýt ra khỏi tay Charlie. “Lẽ ra ông ấy không nên viết những lời lẽ như thế,” cô gay gắt, “nó làm Charlie sợ chết khiếp mất.”

“Cháu cần phải biết,” Charlie nói.

Ông cậu Paton gãi đầu, “Để xem nào.” Ông cầm chồng nhật ký lên. Quyển nào cũng có vài tấm thẻ đánh dấu bằng da mỏng nhô ra. “Bắt đầu từ năm 1965 nào.”

Một cơn mưa tuyết đột ngột cuốn qua cửa sổ và cô Ingledew đóng rèm lại. Ông cậu Paton mang thêm một cây nến nữa lên bàn và họ kéo xích ghế lại gần nhau, để tất cả đều có thể đọc được nét chữ loảng ngoảng, phai màu phiêu du của ông Bartholomew Bloor.

Hầu như không ai thốt ra được lời nào. Họ chỉ nhắc nhau khi nào phải lật qua trang mới, hay bộc lộ cảm xúc trước một tội ác nào đó không tin nổi. Đêm trở lạnh hơn và nến lụi dần, cho đến khi chúng chỉ còn là những mẩu sáp nhập nhòe. Ông cậu Paton đứng lên và lấy những cây nến mới từ ngăn kéo ra.

Họ đọc mãi. Cả ba người giờ đã bị hút hồn vào những cuộc phiêu lưu từng dẫn ông Bartholomew tới việc khám phá ra những câu chuyện về “cái bóng”. Dường như ông đã đi qua hầu như mọi quốc gia châu Âu, châu Á, châu Phi. Nhưng chính từ cuộc hành trình tới nước Ý mà ông đã khám phá ra sự thật về nguồn gốc của bức chân dung Vua Đỏ.

Một người tên là Luigi Salutati được thừa kế tấm áo choàng màu đỏ của Vua Đỏ từ tổ tiên mình là công chúa Guanhamara. Luigi là một họa sĩ, và không rõ lúc nào, vào thế kỷ thứ 15, ông đã tới Venice để thọ giáo họa sĩ vĩ đại Jacopo Bellini. Một đêm nọ, một mình trong xưởng vẽ, Luigi quàn chiếc áo lên vai cho ấm. Ngay khi vừa choàng chiếc áo vào người, ông liền bị chế ngự bởi niềm khao khát phải vẽ chân dung một người đàn ông hay đến thăm mình trong những giấc mơ. Gương mặt đó giờ đây trở nên rõ ràng đối với ông như thể họ cùng ở trong một căn phòng. Nhận ra đây chắc hẳn là tổ tiên mình, vị Vua Đỏ huyền thoại, và Luigi bắt đầu vẽ ngài. Nhưng trong khi vẽ, Luigi nhận thấy có một thể lực thù địch hiện hữu trong phòng, một cái bóng cứ nhất mực đòi đi vào chân dung. Cho dù cố hết sức, Luigi vẫn không thể ngăn được

nét cọ của mình trạch ra, ngay chỗ một bóng đen bắt đầu hình thành đằng sau dáng hình của Vua Đỏ, Luigi thú thật là mình đã rơi vào quyền năng của một thầy bùa ác tâm nào đó, kẻ nhất quyết phải ám ảnh cho được ký ức về Vua Đỏ.

Bức tranh đã ở lại Venice suốt cho đến khi những hậu duệ của Luigi đem nó qua nước Anh vào thế kỷ 16. Đây cũng chính là thời gian mà họ đổi họ của mình thành Silk.

“Gabriel!” Charlie thốt lên. “Gia đình Gabriel là chủ nhân của bức chân dung Vua Đỏ.”

“Giờ thì không còn nữa,” Ông cậu Paton rà ngón tay xuống trang giấy. “Ở đây viết rõ là bức chân dung đã bị mua từ nhà Silk bằng những thủ đoạn lừa bịp và hiện đang treo ở Học viện Bloor.”

Charlie dụi mắt. Đọc sách dưới ánh nến thật chẳng dễ dàng gì, nhất là khi nó bắt đầu gà gật. “Dối trá,” Charlie nói. “Tất cả những gì con đã nghe về bá tước Harken Badlock khi con chui dưới gầm bàn đều là dối trá. Họ bảo hắn đã đến để bảo vệ những người con của nhà vua, nhưng thật ra hắn chỉ muốn gây rối loạn mà thôi. Hắn dạy họ cách giết chóc và tra tấn; sẵn thú đến tuyệt chủng, như ông Bartholomew đã nói đây.”

“Thế là quá nhiều cho sách của chúng ta, Julia à,” Ông cậu Paton nhận xét. “Anh chưa bao giờ tìm thấy một dòng tham khảo nào về con người này trong thư viện của anh.”

“Em cũng không có,” cô Julia nói, “Nhưng chắc rồi cũng đến lúc người ta không còn thiện cảm lắm cho những người như gã bá tước đây. Con cháu của năm người con đi theo hắn một cách mù quáng chắc hắn đã quyết định cắt đứt hắn khỏi tiểu sử của mình.”

“Trừ cô Chrystal,” Charlie lầm bầm trong một cái ngáp. “Cô ta đã chọn một cái họ khiến người ta liên tưởng về cái gì đó xinh đẹp và tốt bụng. Trong khi họ thật cô ta là Tilpin.” Nó lại ngáp một cái hoành tráng nữa. “Cháu tự hỏi trước khi lấy chồng thì cô ta họ gì.”

“Tới lúc ngủ rồi, Charlie Bone,” ông cậu nó bảo. “Chúng ta đã đọc hết những phần ông Bartholomew đánh dấu cho chúng ta rồi, giờ ngủ đi thôi. Đêm nay chúng ta chẳng thể làm thêm được gì nữa đâu.”

Charlie thở phào khi bị xua đi ngủ. Mắt nó đã díp ríp lại. Để chồng nhật ký đó cho ông cậu và cô Ingledew, nó lờ phờ chúc họ ngủ ngon và đi về giường mình.

Lúc đi ngang qua phòng tắm, nó thấy con bướm trắng bay phấp phới bên ngoài cánh cửa đóng. Sao mình vô tâm quá! Con bướm đó là cây gậy phép. Mà cây gậy phép có thể giúp mình. Mở cửa ra, nó bước vào trong. Phải chăng nó tưởng tượng, hay là ngoại Maisir đã lậm vào giai đoạn đông cứng sâu hơn? Charlie kéo chiếc mặt nạ lên trán bà và thấy mắt bà đã nhắm.

“Ở lại với tụi con đi, ngoại Maisie,” nó thì thầm. “Cố lên. Nín chắc nhé. Chúng con sẽ giúp ngoại.”

Con bướm trắng bay lượn quanh bóng đèn, và Charlie vội tắt đèn đi. Giờ chỉ còn ánh sáng tỏa ra từ đôi cánh bạc trắng lấp lánh của con bướm. Sinh vật nhỏ đậu lên bàn chân của ngoại Maisie và bò từ từ về phía mặt bà. Lên tới cằm bà, nó bay vụt lên không và lượn lơ lửng quanh đôi mắt nhắm nghiền của ngoại Maisie. Thỉnh lình, mắt ngoại mở ra.

“Ngoại Maisie!” Charlie reo to. “Ngoại Maisie, ngoại Maisie, trở lại đi. Con đây, Charlie nè!”

Dường như ngoại có trông thấy nó và môi bà hơi nhích một tí tí. Con bướm trắng bay xuống và đậu lên mái tóc xám quăn của bà. Một mảng ửng hồng hiện ngang má ngoại Maisie, nhưng rồi thình lình, mắt bà mờ đi và một nét kinh hoàng xuất hiện trên gương mặt. Mí mắt sụp xuống và trông ngoại Maisie bị đông cứng hơn bao giờ hết. Kẻ đã làm đông cứng ngoại Maisie có lẽ muốn chứng tỏ hẳn mạnh hơn cả Charlie và cây gậy phép của nó cộng lại.

Charlie thấy thiếu trở lại giường cùng với con bướm trắng đậu trên vai. Dẫu mệt đừ đừ nhưng nó biết mình sẽ không thể ngủ được.

Billy Raven đang quỳ gối nơi chiếu nghỉ ngay trên đại sảnh. May Phúc ngồi tùm hụp bên cạnh nó. Hai cánh cổng chính để mở toang và từng tròng mưa tuyết theo chân khách khứa thổi vào. Billy chưa bao giờ trông thấy trong cùng một lúc có nhiều người trang phục là lượt đẹp đến thế. Đặc biệt là những phụ nữ, trông như thể họ bước ra từ những câu chuyện cổ tích. Màu sắc những bộ đầm dạ hội sao mà hấp dẫn. Ngay cả các bà cô già khom của Charlie trông cũng rất ra dáng.

Đột nhiên tiếng chuyện trò lắng xuống. Các vị hiệu trưởng quay đầu về phía cửa và một đôi bước vào. Billy bầu chắt lấy con tiện cầu thang. Người phụ nữ đó là mẹ của Charlie, cô Bone. Cô Bone mà Billy chưa từng thấy bao giờ. Xiêm y xanh da trời bập bênh, nhìn cô như một nữ thần sáng chói.

Một tiếng gừ đặc nghệt trong cổ họng May Phúc. Con chó lùi sững lại, tru lên và run cầm cập.

“May Phúc, gì vậy?” Billy nhẹ nhàng ngâm nga.

“Xanh lá cây... người đàn ông... cái bóng,” May Phúc tru lên.

“Người đàn ông xanh lá cây?” Billy ngó xuống tiền sảnh. Mẹ của Charlie đang vịn cánh tay của người đàn ông mặc com-lê nhung xanh lá cây. Ông ta có mái tóc rậm dày nhuộm màu vàng kim và cái mũi điều hầu.

Billy dịch ra khỏi chỗ có ánh sáng đèn. “Cái bóng!” Nó nín thở. “Tao phải nói cho anh Charlie mới được.”

May Phúc gục gặc, “Đi mau đi.”

“Phải, phải đó, tao đi đây.”

Billy vừa lão đảo đứng lên thì một giọng quát, “Mày làm gì ở đây?” Và Manfred từ hành lang xồ ra.

“Em... em chỉ đang nhìn thôi, thưa ngài,” Billy lắp bắp.

“Trông mày giống gián điệp hơn,” Manfred nói lạnh băng.

“Không. Không phải gián điệp. Thật mà.”

“Tiếc là mày không làm do thám cho tao nữa,” đôi mắt đen tàn bạo của Manfred găm vào mắt Billy và nhìn trừng trừng vào đó.

Đôi mắt bạch tạng màu đỏ của Billy luôn luôn cưỡng lại được luồng thôi miên của Manfred, nhưng tối nay Billy cảm thấy Manfred có gì đó khang khác. Ánh mắt hắn đã mất đi sức mạnh từng có. Có điều gì đó đã thay đổi.

“Đừng có đứng đó mà trơ mắt ra nhìn,” Manfred nạt nộ. “Đi ngủ mau. Đem cả con chó ghê này xuống nhà bếp.”

Nhưng Billy vẫn đang ngó ra nhìn Manfred, cố đoán xem chuyện gì đã xảy ra với hắn.

“Tao bảo gì hả?” Manfred thộp lấy cổ tay Billy, và một ánh chớp xẹt ra khi những ngón tay ghềnh ngào của hắn ấn vào da thịt Billy. Thằng nhỏ cảm thấy như nguyên cánh tay mình bốc cháy.

“Ồi!” Billy rú lên.

Nhiều vị khách ngược nhìn lên, nhưng Manfred đã lôi Billy đi khỏi chiếu nghỉ vào hành lang. “Đi ngủ,” hắn rít lên.

Cánh tay Billy được buông ra, và con trai ông hiệu trưởng ngoắt đầu bỏ đi. Một lúc sau là tiếng những bước chân đi xuống cầu thang.

Khóc thút thít vì đau đớn, Billy chạy ù trở về phòng ngủ chung. Nó giơ cánh tay ra dưới vòi nước lạnh nhưng cơn đau vẫn cứ dai dẳng. Có bốn lần sâu đỏ tấy phía trên cổ tay nó, và một vết bên dưới, chỗ ngón cái cắm vào da thịt nó. Lực thôi miên của Manfred đã được thay thế bằng một cái gì đó còn ghê gớm hơn nữa.

Billy nằm trên giường, giữ cánh tay bị thương vắt qua người. May Phúc nhảy lên và định liếm tay nó, nhưng Billy đẩy con chó đi. “Vô ích,” nó lẩm bẩm. “Xin lỗi, May Phúc.”

“Xin lỗi, xin lỗi, xin lỗi,” con chó già tru lên.

Ánh sáng chói lói trong phòng ngủ chung bắt đầu làm Billy nhức đầu. Nó cần được vỗ về. Bò ra khỏi giường, nó tắt đèn đi và đặt cả năm ngón nển người người giám hộ cho mình lên bậu cửa sổ. Một đốm sáng nhỏ xíu xuất hiện trên đầu mỗi ngón nển và tất cả gộp thành một thứ ánh sáng thanh dịu.

Billy bắt đầu thở dễ hơn. Đầu nó nhẹ đi và cánh tay nó thôi không buốt thốn nữa. Một lát sau những mảng đỏ sưng tấy hoàn toàn lặn mất.

Charlie nghe thấy tiếng động cơ rồ nhẹ dưới đường. Nó lăn khỏi giường và chạy ra cửa sổ.

Chiếc limousine vàng chóc đậu bên ngoài căn nhà số 9. Một người đàn ông bận com-lê nhung xanh lá cây bước vòng ra sau xe và mở cánh cửa gần lề đường. Mẹ của Charlie bước ra: bộ đầm xanh da trời của mẹ lấp lánh trong ánh đèn đường. Họ bước về phía ngôi nhà, cánh tay của người đàn ông choàng qua vai cô Amy.

“Mẹ, đừng để hấn hôn mẹ.” Charlie khẩn cầu.

Khi cặp đôi gần đến bậc cấp, người đàn ông cúi đầu xuống và hôn vào môi Amy. Charlie cảm thấy như thể mọi hơi thở đã bị tổng ra khỏi người mình. Khi mẹ nó bước lên cửa trước, người đàn ông ngó lên và trông thấy Charlie ở cửa sổ. Hấn mỉm cười. Và ngay khoảnh khắc đó, Charlie biết rằng mẹ mình đã bị một thầy bùa hôn phải.

TẤM HÌNH BỊ THAY ĐỔI

Lời chào nồng nhiệt đến tất cả khách hàng của chúng tôi.

Đó là nội dung tấm biển treo ở cửa quán Cà Phê Thú Kiểng. Bên dưới tấm biển là danh sách tất cả những món ăn mới thêm vào thực đơn ngày Chủ nhật. Hiển nhiên bà Onymous dạo này hay chế biến những món vô cùng đặc biệt để đón mừng sự trở về của muông thú.

Khi Charlie bước vào, nó đụng ngay phải chú bảo vệ Norton, mặc áo thun hồng trang trí

những con voi nổi bật.

“Vào đi, Charlie. Bạn bè cậu đằng kia, có thêm một con chuột kiểng cho cậu đấy,” Norton chỉ Gabriel, đang vẩy vẩy và giơ lên một nhúm lông nhỏ màu đen pha trắng.

Quán cà phê được trang trí rợp những cò đuôi nheo và đèn lồng sắc sỡ, không khác gì Giáng sinh.

“Chúng tôi muốn nơi này như một lễ hội bởi vì bọn thú đã trở về,” Norton nói, “nhưng tôi không chắc chúng có hiểu được cử chỉ này hay không. Một số con vẫn chưa hết kinh hãi. Nhìn con mèo kia thì biết, cứ run như cây sậy. Chim chóc chẳng còn véo von. Tôi dám nói rằng cái thứ quỷ gì làm chúng bỏ đi có lẽ vẫn còn lẩn quất quanh đây.”

“Cháu cũng nghĩ vậy,” Charlie đáp, rồi len lỏi đi tới chỗ Gabriel đang ngồi cùng với Olivia, Emma và Fidelio.

Con thỏ của Olivia rúc đầu vào dưới cằm con bé, và vịt Nancy đang ngồi dưới gầm ghế Emma.

“Nancy vẫn cứ giật mình thon thót,” Emma phàn nàn. “Dù sao cũng mừng là nó đã quay về.”

“Mẹ tớ cho tớ mang chuồng Wilfred vào để hẩn trong hành lang,” Olivia nói. “Nhìn nó này, lấm la lấm lét.”

Con mèo điếc của Fidelio ngủ khì khì trong ổ mèo dưới bàn. Điếc lác và tuổi già dường như đã giúp nó miễn nhiễm bầu không khí đang gây kinh động lũ thú non.

Fidelio khuyên Charlie nên lấy một ít Thiên Đàng Xanh[2] kéo hết mất. “Ngon cực,” nó nói, “có phết kem màu xanh lá cây, với sô-cô-la và đủ thứ nữa.”

Charlie ra xếp hàng ở quầy. Lysander và Homer đứng cách nó hai chỗ, Charlie nhận thấy con vẹt xám trông rất u uẩn. Đầu rũ xuống và cứ luôn miệng lải nhải. “Rút lui! Rút lui! Coi chừng chó!”

Con vẹt muốn nói tới lũ chó săn giống Rottweilers của bọn nhà Loom chẳng? Charlie tự hỏi. Nó ngó quanh quán cà phê nhưng không thấy bóng dáng con chó săn nào. Cũng có thể Homer đang nhớ lại một biến cố đã xảy ra với nó hồi trong quân đội.

Đến lượt Charlie vào quầy thì món Thiên Đàng Xanh đã hết veo. “Xin lỗi, cậu bạn,” ông Onymous suýt xoa.

“Lysander lấy hai phần cuối cùng rồi. Có lẽ ta nên chia mỗi người một cái thôi? Mấy Que Hạt Béo Ngậy này ngon lắm. Ăn thử đi.”

“Chứ không phải cái này là dành cho thú sao?” Charlie hỏi.

“Thú, người dùng được tất,” ông Onimous nói kèm với tiếng cười hích hích. “Ăn không? Mỗi thứ một que nhé.”

“Người ăn được à? Ồ, dạ, vâng. Làm ơn một que thôi,” Charlie tần ngần, “vớ lại một cái bánh vòng mút rắc gừng.”

Charlie vừa mới ngồi xuống thì Tancred ào vào. Norton nặng nề lên với Tancred, “Không có thú, không được vào!”

“Nhìn kia kìa,” Tancred nói, chỉ vào Gabriel. “Cậu ấy mang vé vào cửa cho tôi rồi.”

“Thú không phải là vé, chàng trai ạ,” Norton càu nhàu.

Tancred dậm chân một cái, tức thì một luồng gió hung bạo thổi qua phòng. Dĩa, cốc vai, dao nĩa bay tốc lên, không kể Que Hạt Béo Ngậy, Thiên Đàng Xanh, bánh vòng gừng cùng nhiều thứ kẹo bánh khác. May làm sao, ông Onimous dùng toàn đồ nhựa thay vì đồ thủy tinh hay đồ sứ, cho nên không bị vỡ thứ gì. Nhưng sự náo động khiến một số con thú vốn đang hoảng sợ lại càng hồn phi phách tán. Tiếng rú rít, thét gào, la quát hỗn loạn rộ lên.

Gabriel vội chop lấy một con chuột bạch chạy ù ra chỗ Tancred. “Đây, đây, đây, ông Norton. Chuột kiểng của Tancred đây. Bình tĩnh, Tanc. Đâu sẽ vào đó cả mà.”

Hễ Tancred nổi sùng thì phải mất cả thế kỷ mới nguôi ngoai được. Charlie và bọn bạn đã hốt lượm lại đồ ăn, giữ chặt lấy dĩa của mình rồi, Tancred mới huỳnh huých tới nhập đám. Chú ngồi xuống chiếc ghế trống sát bên Lysander và sau đó nhận thấy không có gì cho mình ăn.

“Đây,” Lysander đẩy cái Thiên Đàng Xanh thứ hai của mình cho Tancred.

Charlie buồn bã nhìn anh bảo tố ngoạm răng vào chiếc bánh trông mê ly. Thấy rõ từng giọt kem và mật ong ứa ra. Nhưng thôi, ít ra món ấy cũng xoa dịu được cơn giận của Tancred. Gió lặng bớt chỉ còn nhè nhẹ, thì thoảng mới thổi lật một Que Hạt Béo Ngậy hay một chiếc bánh bích quy mỏng.

“Này,” Lysander nói khi mọi thứ đã yên ổn. “Anh nghe nói em bị cấm túc, Charlie. Em có thấy một trăm vị hiệu trưởng không?”

“Thấy á?” Charlie nhấn mạnh. “Em phải nói là thấy rõ luôn ấy chứ. Mọi người sẽ không bao giờ tin nổi em đã nghe được gì đâu.”

“NGHE GÌ HẢ?” Đám bạn nó đồng thanh hỏi.

Charlie nuốt chửng miếng bánh vòng gừng cuối cùng, chiêu xuống bằng nước đào rồi kể cho bọn bạn tất tật những thứ mà nó có thể nhớ được về cái đêm ngồi phục dưới gầm bàn. Đến đoạn tiết lộ của cô Chrystal, nó dựng lên bầu không khí căng thẳng bằng cách mô tả da đầu nó nhói rật lên ra sao, và khi nó kể xong, đứa nào cũng gãi gãi đầu.

Fidelio bị sốc hoàn toàn. “Phải làm gì bây giờ đây?” Giọng nó lào khào khiếp hãi. “Cô ấy là cô giáo dạy đàn của tớ.”

Sự im lặng lên tới cao trào. Không ai biết phải nói gì.

“Cô ta chẳng có gì chống lại em cả, Fidelio,” cuối cùng Lysander lên tiếng. “Nên em cứ tỏ ra bình thường đi.”

“Nhưng em làm sao làm được thế chứ?” Fidelio lăm lét nhìn khắp bàn. “Ý là, một khi đã biết cô ấy là ai thì... thì em làm sao quên điều đó được?”

“Thế còn gã bá tước mà cô ta đã thả ra thì sao?” Emma ôm chặt Nancy đến độ con vẹt phọt ra một tiếng quát kinh hoàng. “Hắn đang ở đâu? Hắn định sẽ làm gì?”

“Em có thể biết chắc hắn đang ở đâu,” Charlie nói nghiêm túc. “Hắn là người quản lý mới của Vương Quốc và hắn tự xưng là ngài Noble.”

“Sao em biết vậy?” Tancred hỏi.

“Bởi vì...” Charlie ngắc ngứ. Nó không muốn nhắc tới mẹ nó, nhưng giờ đã đi xa thế này thì không thể ngừng lại. “Bởi vì mẹ em đã đi Đại Dạ Vũ với hắn.”

“Ồi, Charlie!” Emma bùm tay lên miệng.

Những đứa khác sững sốt đến nỗi cà lăm.

“Em tính sẽ thế nào?” Fidelio nói.

“Em không biết. Em cần có người giúp đỡ, phải không ạ?” Charlie khổ sở.

Đám bạn lào thảo đồng ý và rồi lại rơi vào im lặng. Một bầu không khí ảm đạm không lời nguyền rủa trong cả nhóm, cho tới khi, không hề báo trước, Olivia quyết định ra tay thật bạo gan.

Mới phút trước, nguyên cái bàn trống trơn chỉ còn le hoe vài vụn bánh, chớp mắt sau trên đó đã thù lù một con sâu bướm vàng đen, mập ụ, to oành.

Tancred thét hãi và chạy bắn khỏi bàn. Một con chuột kiếng sợ quá phóng vọt lên không cả nửa mét, còn vệt Homer hấp tấp sà xuống, nhưng chỉ thấy bữa ăn của mình đã biến mất tiêu ngay trước mắt.

“Ai làm đó?” Tancred hạch hỏi.

“Ai làm đó?” Lysander trông giận dữ.

Những đứa biết rõ tài phép của Olivia nhấp nhảm khó chịu.

“Đây làm đó,” Olivia hớn hở. “Trông cả đám thiếu nảo thê thảm quá chừng, đây liền nghĩ các vị cần một cú hích cho xôm.”

“Em,” Lysander ngỡ ngàng. “Thế em biết làm trò khỉ đó từ khi nào vậy?”

Olivia liếc qua Charlie, “Từ học kỳ trước. Có Charlie ở đó, cả Fidelio và Emma. Ngoài ra không ai biết.”

“Tụi em muốn cứ để như vậy,” Charlie nói. “Ít ra có một người được ban phép thuật mà gia đình Bloor không biết.”

Lysander ngoái ra sau, nhìn quanh quất. “Em phải cẩn thận đấy,” anh nghiêm trang. “Nhỡ ai trong quán cà phê này thấy con quái vật vàng đó thì sao.”

“Ở đây thiếu gì quái vật. Không ai đoán ra đó là ảo ảnh đâu,” Olivia cười một cách tự mãn với Lysander.

“Họ sẽ đoán ra nếu thấy nó biến mất,” anh quật lại.

Charlie vẫn còn đói bụng. Mẹ nó vẫn ngủ vùi lúc nó rời khỏi nhà, và không có ngoại Maisie nấu cho bữa sáng Chủ nhật tú hụ, nó buộc phải cầm hơi bằng một cục phô mát và một cái bánh nhân nho thiêu. Nó định đứng lên đi lấy thêm một Que Hạt Béo Ngậy nữa thì đã thấy ông Onimous đang đi về phía bàn của chúng. Tay ông vịn vai một cô bé nhỏ xíu xiu có mái tóc quăn nâu nảy dập dềnh và đôi mắt to như quả phỉ. Bé gái bưng một cái đĩa đầy những viên bi hồng và xanh da trời.

“Ta muốn giới thiệu Una với các cháu,” ông Onimous nói khi tới bàn của tụi trẻ. “Con bé mang một món mới ra mời các cháu đây. Kẹo dẻo tròn.”

Bé gái cười tươi như hoa với tất cả.

“Chào Una!” Cả bọn đáp lại nụ cười sáng rỡ của cô bé.

Ông Onimous cúi sát xuống bàn hơn nữa và thủ thỉ. “Nó là con gái của em trai ta. Anh em sinh đôi ấy mà. Do Onoria và ta không có diễm phúc có con cái, nên Una đây cũng không khác gì con gái ruột của tụi ta.” Rồi ông hạ thấp giọng hơn nữa. “Nó cũng được ban phép thuật.”

Ông vừa dứt lời, cô bé đột nhiên biến mất, để lại một đĩa kẹo dẻo lơ lửng trên không.

“Không. Không phải lúc này, cưng,” ông Onimous kêu lên.

Una xuất hiện trở lại, vẫn bưng cái đĩa mà cô bé cẩn thận đặt lên bàn và nói, “Đánh chén đi!”

Mỗi đứa liền giạt lấy một viên kẹo dẻo. Una sung sướng hét lên, “Hay quá. Cứ tự nhiên.”

“Nó nghịch như ranh ấy,” ông Onimous nói với vẻ rầu rĩ. “Nó thế là lỗi tại mẹ nó. Bà ấy làm hư nó.” Trước khi lừa cô bé đi khỏi, ông thêm, “Una chỉ mới có năm tuổi thôi, nhưng như các cháu ấy, nó rất đặc biệt. Cho nên hãy nhớ tới nó khi thời cơ đến nhé.”

“Lúc nào ạ, thưa ông Onimous?” Charlie hỏi.

“Ai mà biết có gì đang rình rập chúng ta cơ chứ!” Ông Onimous mỉm cười, rồi tức khắc nghiêm vẻ mặt rầu rĩ lại. Ông chụp lấy bàn tay Una và cả hai kéo nhau trở vô nhà bếp.

“Tôi hy vọng gã bá tước chi chi đó không rình rập quanh đây,” Gabriel nói qua một miệng đầy nhóc kẹo dẻo.

“Hắn rình chứ sao không?” Emma nói. “Ý em là nếu hắn không rình ở góc này, thì cũng rình ở góc khác, cho tới khi...”

“Emma, đừng bi quan thế chứ,” Olivia chùi miệng rồi đứng lên. “Tụi mình sẽ tiếp lão. Tụi mình có quyền phép mà.”

“Anh nghĩ họ cần bàn của chúng ta kìa.” Lysander chỉ một cặp vợ chồng già tay bần bụng khay đồ ăn và bốn con mèo trắng, mỗi con đậu trên một vai.

Homer dàn xếp cuộc tranh giành xem ai xứng đáng hưởng viên kẹo dẻo cuối cùng bằng cách phập mỗ vớt gọn viên kẹo. Cả đoàn thu lượm thú cưng của mình và hướng ra cửa. Charlie là đứa ra đến ngoài đầu tiên, và ngạc nhiên hết sức, nó tông thẳng vào Benjamin và Hạt Đậu.

Con chó bự phóng thẳng lên người Charlie, hộc lên một tiếng mừng hóm, và Charlie lúc này mới nhận ra mình nhớ con chó này biết chừng nào.

“Bồ không cho mình biết mấy giờ bồ sẽ đến đây,” Benjamin nói như buộc tội. “Bồ chưa về

đấy chứ?”

Những đứa khác lục tục ra khỏi quán và Charlie đứng đợi qua bên cho chúng đi, “Xin lỗi, Ben,” nó nói.

“Thế bồ có đi dạo chút không?” Benjamin ướm lời.

“Ừm... mình sợ không được rồi,” Charlie nói một cách kém thoải mái. Nó đã hứa sẽ gặp Ông cậu tại tiệm sách, nhưng nó không muốn có Benjamin leo đèo theo sau.

Gabriel vẫy chào Charlie rồi đi theo hai anh lớn ra khỏi hẻm Con Éch. Cả ba anh sống ở trên đồi bên ngoài thành phố, và mẹ của Gabriel thường cho họ đi quá giang. Fidelio và bọn con gái đang chờ Charlie.

“Tại sao bồ lại như vậy hả?” Benjamin hỏi, với tiếng nắc nhen trong giọng nói.

Charlie cảm thấy buồn náo nê. “Mình không sao hết,” nó cố dụ giọng hết sức có thể. “Chỉ tại mình bận thôi.”

“Không còn ai làm bạn với mình cả,” Benjamin nhìn chằm chằm xuống hai bàn chân.

“Còn tụi mình chứ,” nhìn mắt với Charlie, Emma vòng tay ôm đôi vai khẳng khiu của Benjamin. “Tụi mình tới tiệm sách đây, cậu có thể đi nếu cậu muốn.”

“Tiệm sách!” Benjamin có vẻ thắc thỏm. “Không, mình không đi đâu, cảm ơn. Hạt Đậu cần đi dạo,” Nó thấy cho Charlie một cái nhìn trách móc. “Có lẽ để mình gặp bồ vào cuối tuần sau vậy.”

“Thỏa thuận nhé,” Charlie đồng ý. “Tối thứ Sáu. Ngay khi mình từ trường về.”

“Ừ,” Benjamin lê bước đi khỏi, trong khi Hạt Đậu nhắng nhít cổ sức làm vui lòng cậu chủ, tẩm thân tựa chó sói của nó hồng hộc nhảy vòng quanh, và sửa om lên khích lệ.

“Sao cậu lại tủn mủn với Benjamin vậy?” Emma hỏi.

Charlie nhún vai vẻ có lỗi, “Ba mẹ nó là gián điệp, Emma à. Có quá nhiều thứ để mất. Mạng sống của những người khác tùy thuộc vào bí mật của tụi mình.”

“Uuuuii!” Olivia móc mĩa quệt lông mày. “Bữa nay đám mình nghiêm trọng quá rồi. Charlie, đừng ấy làm ơn cầm thổ giùm tớ cái. Bây giờ cả đám đi quấy rầy dì của Emma thôi.”

Trao cái lồng xách thú cưng của mình cho Charlie, cô nàng vụt lên trước, mặc kệ tụi kia khệ

nệ bụng rổ vịt, rổ mèo với lồng thỏ. Charlie và Fidelio nhìn nhau. Chúng ước gì Olivia đừng chùng diện vênh vang như thế. Trong tấm áo khoác dài bằng lông con gù đỏ màu trắng, giày boots đỏ, nón đen gắn cụm đuôi sóc bạc xoè ra, con nhỏ thu hút sự chú ý quá mức. Bọn con trai thờ phào khi chúng rời Phố Chính quẹo vào ngõ hẻm yên tĩnh dẫn đến tiệm sách.

Đi chừng nửa con hẻm, Fidelio bỗng dừng khựng lại, “Charlie, anh quên nói với em. Mười Hai Tiếng Chuông của Tolly bị đánh cắp rồi.”

“Cái gì?” Charlie đặt lồng thỏ xuống.

Nhẹ nhàng hạ rổ vịt xuống mặt sỏi, Emma thốt lên. “Hiệp sĩ đã đánh thức mình ấy hả?”

“Nó đó,” Fidelio đáp. “Nhớ không, Charlie. Em đưa cái thùng đó để anh giữ cho an toàn. Có một hiệp sĩ bằng máy ở bên trong đứng lên trong khi chuông rung và có tiếng đọc kinh.”

Charlie nhớ rõ chứ. Làm sao nó có thể quên được Mười Hai Tiếng Chuông của Tolly. Cha của Emma, tiến sĩ Tolly đã chế ra hiệp sĩ đó trước khi mất. Chủ đích của ông là nhằm đánh thức Emma khỏi giấc thôi miên lậm sâu. Và nó đã công hiệu. Charlie hy vọng một ngày nào đó nó cũng có thể đánh thức ba mình. Nhưng giờ thì cơ hội đó mất rồi.

“Em không tin. Làm sao nó bị đánh cắp được?” Charlie căn vặn.

Fidelio nhún vai, “Xin lỗi, Charlie. Có rất nhiều người trong nhà anh – trẻ con đến học đàn học nhạc. Không ai để ý.”

Olivia đã tới tiệm sách và bắt đầu í ới gọi cả bọn. “Mau lên đi, các người. Mấy người đang làm gì vậy?”

Chúng nhặt thú của mình lên và lê bước về phía con nhỏ.

Tiệm của cô Ingledew đóng cửa vào Chủ nhật và Emma phải nhấn chuông. Ông cậu Paton ra mở cửa, kêu om lên, “Ngồi sao nhạc pop nào đấy?”

“Ông đừng ngạo cháu ạ, ông Yewbeam,” Olivia cười khoái chí.

“Ta mà ngạo?” Ông cậu Paton nhướn một bên lông mày.

Chúng theo ông vào trong tiệm và để rổ, lồng với áo khoác bên cạnh quầy. May là con vịt, con mèo và con thỏ tất cả đều đang ngủ.

Cô Ingledew gọi chúng vào phòng sau, và chúng thấy cô đang ngồi bên bàn viết với mớ nhật ký của ông Bartholomew ở trước mặt. Một quyển để mở và những quyển khác xếp thành chồng

ngay ngắn.

“Charlie, cô hy vọng cháu không buồn lòng,” cô nói. “Nhưng chúng ta không tài nào đọc hết chúng được.”

“Ừa. Cái gì đây?” Fidelio hỏi, nhìn vào quyển nhật ký để mở.

“Nhật ký thôi mà,” Charlie lóng ngóng. “À, nhưng không phải nhật ký bình thường. Chúng được chính người đã sưu tầm những câu chuyện về Vua Đỏ gởi đến cho em.”

“Quá hay!” Olivia vội lấy một quyển nhật ký ngay trên đầu chồng sách và ngồi phịch xuống ghế sofa. “Ồ mà chả hay lắm,” nó tuyên bố khi lật qua vài trang. “Một mớ lùng nhùng thực sự.”

Ông cậu Paton giật quyển nhật ký khỏi tay nó, “Olivia, cháu thân mến, cháu phải hiểu rằng những kho báu thật sự không bao giờ tự quảng cáo mình. Quyển sách này đã đi qua những nơi mà cháu không bao giờ hi vọng tới được; nội dung của nó là vô giá và không chừng một ngày nào đó chính nó sẽ cứu mạng cháu đấy.”

Olivia nhìn vẻ mặt nghiêm khắc của Ông cậu Paton liền đỏ bừng mặt. Con nhỏ có sự kính trọng sâu sắc đối với ông cậu của Charlie. Quả thật, ông là một trong số ít người khiến nó phải khắc đến tận tim mỗi lời phê bình. “Con xin lỗi,” nó lí nhí.

“Ta cũng nghĩ vậy,” Ông cậu Paton đặt lại quyển nhật ký vào chỗ cũ. “Ừm, ta bảo đảm Charlie đã kể cho các cháu về cái đêm dưới gầm bàn của nó rồi, vì vậy các cháu cũng cần biết cô Ingledew và ta đã khám phá được gì trong khi đọc qua những quyển sổ này.” Ông nóng nảy vỗ vỗ vào chồng sách. “Ngồi xuống đi, bọn kia. Coi bộ tội bay lóng ngóng nhí, cứ đứng lố nhố đó.”

Emma và Fidelio dời vài chồng sách ra khỏi ghế sofa và lèn mình chêm vào hai bên Olivia. Charlie ngồi bệt dưới sàn nhà và Ông cậu Paton thả mình vào một chiếc ghế bành.

“Trong này nói rất nhiều về một tấm gương,” Ông cậu Paton nhìn thính giả của mình, nhưng không đưa nào nói gì. “Charlie đã nghe nói cái gương đó được gọi là Gương Thần Amoret. Quả đúng vậy thật, nó là để dành cho người con mới sinh chín ngày trước khi hoàng hậu Berenice qua đời. Chính tay Vua Đỏ làm ra nó. Ngài trao nó cho người con trai thứ hai của mình, ngài Amdis, giữ đến chừng nào đứa bé đủ lớn để sử dụng. Tấm gương có nhiều phát thuật – trong đó quan trọng hơn hết là nó có thể ban cho chủ nhân của nó phép chu du...”

“Ý Ông cậu là...?” Charlie hỏi.

“Phải đó, Charlie. Giống kiểu chu du của cháu ấy. Nhìn vào gương thì người mà ta ước nhìn thấy sẽ xuất hiện. Nếu ta muốn tìm người đó, thì nhìn lại lần nữa, và gương sẽ đưa ta đến với họ, cho dù họ ở bất cứ nơi đâu.”

“Kính khủng. cháu ước gì được đi một chuyến như thế,” Fidelio trầm trồ. “Chà, cháu có thể gặp Mozart[3].”

“Cô e cháu thì không được đâu,” cô Ingledew bảo. “Cái gương đó chỉ linh nghiệm đối với những đứa con của Vua Đổ thôi.”

“Nhưng nó có tác dụng với tên bá tước mà,” Fidelio gân cổ cãi.

“Hắn là thầy bùa,” Ông cậu Paton thẳng thừng. “Chúng ta tin rằng hắn đã đánh cắp cái gương, một phần nhằm để ngăn người khác sử dụng gương. Mặc dù hắn đã chôn nó, đương nhiên rồi, nhưng hắn hy vọng một đứa trong đám con cháu của hắn sẽ tìm thấy nó, và sẽ sử dụng nó để giúp hắn chu du ra khỏi bức chân dung nhà vua.”

Cô Ingledew thở dốc lên một tiếng không kìm lại được. “Paton, bất giác em nghĩ nếu gã bá tước mà có chiếc gương thì hẳn ta có thể lại du hành lần nữa.” Cô bầu chặt vào tay ghế bành và chồm người ra trước.” Đi vào đi ra những bức tranh, những tấm hình và... ồ trời ơi. Em hy vọng hắn không làm thế.”

Cô Ingledew vừa gọi lên một viễn cảnh kinh khủng như vậy thì tiếng chuông cửa ré vang, khiến tất cả mọi người giật thót khỏi chỗ ngồi.

Ông cậu Paton ra mở cửa và loáng sau quay lại với một phụ nữ cực kỳ đẹp lộng lẫy và quyến rũ. Trang phục cô mặc đúng là phiên bản của Olivia, ngoại trừ nón của cô màu đỏ và giày boots cô màu bạc.

“Mẹ!” Olivia thét lên. “Mẹ đến sớm.”

“Trời tối quá đi mất,” cô Vertigo nói. “Tối một cách bất tự nhiên. Xin lỗi nếu tôi phá ngang cuộc họp hay việc gì đó mà nhóm người tinh thông các bạn đang bàn tính.”

“Cô rất tinh ý, cô Vertigo à,” Ông cậu Paton nói. “Tôi không thích trời thế này chút nào. Thời tiết thật khó chịu. Có lẽ cô sẽ cho cậu trai trẻ này quá giang chứ.”

Fidelio định phản đối, nhưng Olivia và mẹ đã cuốn nó ra khỏi phòng. Và ngay khi tóm gọn thú cưng lại xong, ba người họ rời tiệm sách. Fidelio bắn cho Charlie cái nhìn sừng sốt của kẻ đầu hàng trước khi cánh cửa đóng sập lại và cô Vertigo kéo nó đi.

“Cũng đến lúc chúng ta về thôi,” Ông cậu Paton nói, hơi chần chừ. “Đi, Charlie.”

Emma theo Charlie ra khỏi tiệm sách trong khi Ông cậu Paton và cô Ingledew nói lời tạm biệt riêng với nhau. Khi Ông cậu Paton ló ra, mặt ông đỏ nhừ và có một vết son hồng trên má. Emma nhướn cặp lông mày và cười với Charlie, thẳng này quyết định không dả động gì tới vết son.

“Bọn ta đã quyết định những quyển sổ nhật ký sẽ để đây cho an toàn,” Ông cậu Paton vừa nói vừa tròng áo khoác đen của mình vào, “hơn là để nhà số 9.”

Charlie tán đồng. Ngay khi mặc áo khoác vào xong, nó và Ông cậu lên đường. Khi sắp về tới nhà, Ông cậu Paton bỗng tiết lộ một thông tin không sao tin nổi cho Charlie: ông đã tìm thấy một tấm hình của cha Charlie.

“Trước kia ta không nhắc tới nó bởi vì ta không muốn nhen nhúm hy vọng cho con,” Ông cậu Paton giải thích. “Không tốt tí nào, con biết đấy. Ta đã nhớ ra nó khi con kể cho ta nghe về ông Bartholomew. Có vài tấm hình chụp vào kỷ nghỉ leo núi đó. Ta biết ta có một tấm. Ta cất trong một cái va li bằng da cũ mà ta luôn khoá kỹ ở dưới gầm giường. Tấm hình để tận dưới đáy vali.”

Charlie không thể nào bước tiếp được nữa. “Ông có mang nó theo không, Ông cậu Paton?”

“Ờ, không. Ta đã đưa nó cho mẹ con rồi. Bảo cô ấy đừng nói lời nào với nội Bone, ta biết bà ấy tiêu huỷ mọi tấm hình nào của Lyell còn tồn tại.”

Charlie dậm chân chạy.

“Đừng nhanh thế,” Ông cậu Paton gọi, sải bước theo sau Charlie. “Nó không biến mất đâu mà lo.”

“Con không chờ nổi, Ông cậu Paton. Con không chờ được đâu,” Charlie vừa la vừa bươn bả lao tới trước.

Khi họ bước vô, cô Amy Bone đang ở trong bếp một mình. Charlie chạy thẳng đến mẹ. “Mẹ cho con coi tấm hình đó đi mẹ? Ông cậu Paton bảo ông đã tìm thấy một tấm hình ba con.”

“Lay trời, Charlie, sao con vội gì mà vội thế,” mẹ nó tháo chiếc khăn quàng lụa ra khỏi cổ. “Mẹ vừa mới về đến.”

“Tấm hình ở đâu mẹ?” Charlie thúc giục.

Mẹ nó cầm cái sắc tay trên bàn lên. “Đâu đó trong này.” Cô lục tung và lấy ra một tấm hình nhỏ hình vuông. “Đây,” cô chìa nó ra.

Charlie cầm tấm hình. Một người đàn ông mặc đồ leo núi mỉm cười với nó. Người đó là ông Bartholomew Bloor. Còn một người khác nữa, đứng ở góc nhưng quay lưng lại với máy chụp hình. Chỉ thấy được đầu và vai.

“Mẹ, cái này không... không thể là nó được.” Giọng Charlie thất vọng vô bờ.

Ông cậu Paton đến đằng sau nó và cầm tấm hình. “Amy, chuyện gì xảy ra thế này?” Ông hỏi. “Đây không phải là tấm hình tôi đã đưa cho cô.”

“Là nó mà,” cô Amy ơ hờ. “Có gì không vậy?”

Cô Amy ngó vào tấm ảnh. “Không phải à? Ồ trời. Cậu biết đấy, con đã quên hẳn mặt của Lyell rồi. Con dường như không thể...” cô nhúu mày, “... không thể, à, hình dung lại được.”

“Mẹ!” Charlie kêu lên the thé. “Mẹ phải nhớ chứ. PHẢI nhớ!”

“Nhưng tại sao, Charlie? Mẹ đảm bảo là sẽ tốt cho tất cả mọi người nếu ba con bị quên lãng,” mẹ nó mỉm cười với nó.

“KHÔNG!” Charlie hét lên. “Chúng ta không được quên. Mẹ không hiểu sao? Nếu chúng ta để mất ký ức về ba thì ba sẽ không bao giờ trở lại được. KHÔNG BAO GIỜ.”

CÁI BÓNG TẤN CÔNG

“Bắt đầu rồi đấy” Ông cậu Paton nói.

“Bắt đầu cái gì ạ” Charlie hỏi.

Hai ông cháu đang ngồi bên bàn bếp. Một ngọn nến cháy ở giữa bàn và bên cạnh là tấm hình một người đàn ông đã bị ma thuật di dời để không ai có thể nhìn thấy mặt.

“Bá tước Harken Badlock đang giữ cái gương” Ông cậu Paton ảo não nhìn vào đốm lửa trên cây nến. “Ai mà biết trong đầu hắn đang rập tâm suy nghĩ cái quỷ gì để hại chúng ta cơ chứ”.

Với Charlie, xem ra cái tay bá tước này đã làm điều tệ hại nhất rồi. “Ông cậu Paton, ông có nghĩ là nếu bị quên lãng thì ta ... ta đã chết một ít rồi không?”

“Charlie!” Ông cậu có vẻ sốc, gần như là giận dữ. “Ba của con không bị quên lãng và sẽ không bao giờ bị quên lãng. Anh ấy là bạn thân của biết bao nhiêu người.”

“Nhưng mẹ...” Charlie nói. “Nếu mẹ quên...”

“Mẹ con không quên, Charlie. Không quên đâu.” Ông cậu Paton bắt đầu đi xà quần quanh bếp. “Cô ấy bị bỏ bùa, t a cam đoan với con điều đó, nhưng chỉ là tạm thời thôi. Thế nào rồi chúng ta cũng tìm ra cách giải những thứ bùa ếm, tuy vào lúc này, thú thật ta không có ý kiến gì

cả”.

“Con phải lấy lại Gương Thần của Amoret,” Charlie tuyên bố dứt khoát.

Ông cậu ngừng bước tới bước lui và nhìn nó “Một việc bất khả thi, Charlie, nhưng mà, đúng đấy, đó có thể là một sự khởi đầu.”

“Thôi để con đi và suy nghĩ về nó đây. Chúc ông cậu ngủ ngon,” Charlie chụp lấy tấm hình.

“Ngủ ngon nhé, Charlie. Và đừng để suy nghĩ làm con thức trắng đêm nghe chưa. Ngày mai còn đi học nữa. Ông cậu Paton thổi phụt ngọn nến và theo Charlie lên lầu.

Vừa vào phòng riêng là Charlie mở hết rèm ra và ngồi lên giường. Những đám mây băng giá cuộn cuộn che lấp mặt trăng, nhưng vẫn đủ sức chiếu một tia sáng xuống bức tường. Charlie không cần phải chờ lâu mới nhận được thông điệp của Naren. Chắc hẳn cô bé đang nghĩ về nó.

Những hình thù mỏng mảnh như những con nhện chui qua bậc cửa sổ, tựa hồ chúng tuôn ra từ một cái gì đó. Chúng đổ dồn cả lên giường của Charlie rồi nhảy vù, uốn éo, nhảy nhót như điên. Thông điệp bắt đầu hình thành.

“Charlie, khi bà Meng vào thành phố, bà nghĩ có người theo dõi bà. Nếu bà bị nhìn thấy ở tiệm sách... thì cô chủ tiệm có thể bị nguy hiểm. Những quyển sổ nhật kí nói sự thật. Cái bóng... sẽ... không... thích vậy.”

“Anh sẽ cố gắng cảnh báo cô ấy” Charlie thì thào. Nhưng lúc đó trong đầu Charlie lẫn lẫn nhiều chuyện quan trọng hơn. “Naren, mẹ anh đã bắt đầu quên ba anh. Mẹ muốn quên ba. Anh phải làm gì đây?

“*Tìm ông ấy,*” những con chữ nhỏ vạn vẹo.

“Cái bóng đã đi vào một tấm hình và quay mặt ba anh đi,” Charlie nói với bức tường chữ. “Anh không thấy được mặt ba.”

“*Tìm...*” những từ đó dường như bị cản trở trên đường tới đích đến của mình. Chúng nhào lộn như trong một ống kính vạn hoa khổng lồ, mãi mới bung được từng từ ra khỏi vòng tròn. “*... nhà vua.... em phải... đi... Cha nói nguy... hiểm... thông... điệp... bị bắt...*”

Mất một lúc, không có từ nào hiện ra nữa. Charlie thì thào với những mẫu tự đang phai mờ, hồi thúc chúng hợp thành từ, bất kể là từ gì khả dĩ cho nó biết Naren nghe được nó. Nhưng chỉ có một từ duy nhất hiện lên trước khi mặt trăng bị một đám mây đen bao phủ.

“*Đi...*” từ đó nói.

Charlie nằm vật ra giường, thoái chí và hoảng sợ. Phải chăng cái bóng đã thấy thông điệp

của Naren? Hay hẳn có thể cảm nhận được nó đang phóng qua không khí, kiểu như sóng radio? Vậy là hẳn ở khắp nơi, kể cả trong đầu người ta?

Charlie đặt tấm hình lên bàn ngủ và chui vào giường. Trước khi nhắm mắt lại, nó thấy con bướm trắng đậu lên tấm hình; đôi cánh bạc hắt ánh sáng dịu lên người đàn ông không có mặt, như thể cố giữ cho ông còn sống.

Khi ngủ thiếp đi, Charlie mơ hồ cảm nhận thấy mình cần phải làm một việc gì đó. Một việc rất quan trọng. Nhưng dù đó là việc gì thì nó cũng đã quá mệt để mà nhớ ra vào lúc này.

Cô Julia Ingledew đang làm việc khuya. Có quá nhiều sách phải tháo dỡ trước sáng thứ Hai. Lại thêm nhiều sổ sách kế toán phải hoàn tất và nhiều đầu sách phải đánh dấu. Vào lúc mười giờ cô mới xong việc và lên lầu đi ngủ. Cầu thang kêu cọt két và cửa sổ lạch cạch dữ dội hơn thường lệ, nhưng cô chẳng để tâm đến chúng. Ngôi nhà đã xưa cũ lắm rồi, đã đến lúc phải sửa lại thanh xà lâu đời và ốp lại nhưng khung cửa sổ.

Khi cô Julia vào giường, tiếng lạch cạch càng lớn hơn, mãi đến khi trở thành những tiếng đập sầm sầm liên tục. Cô nhận ra có ai đang rung lắc cánh cửa tiệm.

Choàng vội váy khoác vào, cô Julia chạy xuống cửa tiệm sách. Nhờ ánh đèn đường, cô có thể nhận ra hai bóng đen đứng bất động bên ngoài cửa sổ nhà mình. Bấu chặt lấy mép quầy, cô tê mụ người đi.

Và rồi một giọng vang lên. “Đưa ta những quyển sách.” Những lời đó không hơn tiếng thì thào, nhưng lại vươn đến tận linh hồn. Trầm đục, ám muội, khủng khiếp.

Cô lẩm bẩm, “sách nào?” nhưng dĩ nhiên, cô biết rõ những quyển hẳn muốn là gì. Chồng nhật kí của ông Bartholomew đang nằm trên quầy; cô đã định mang chúng lên lầu với mình, nhưng rồi bận bịu quá nên đã quên bẵng. Vội thu gom chúng lại, cô lùi xa khỏi chỗ có ánh sáng.

“*Những quyển sách đối trá.*” Lần này tiếng nói chĩa vào cô. “*Đưa những quyển sách đối trá đó cho ta.*”

Ôm chồng nhật kí vào người chặt hơn nữa, cô Julia chạy qua phòng khách và bắt đầu lên cầu thang. Cái giọng khiếp đảm đó đuổi theo cô. “*Đưa chúng cho ta. Đưa đây, đưa đây. Đối trá, đối trá, tất cả đều đối trá.*”

“Chúng nói sự thật,” cô lẩm bẩm. “Và người đừng hòng có được chúng.”

Một tiếng rắc đình tai, như thể cánh cửa đang bị giằng khỏi bản lề.

“Dì ơi, chuyện gì vậy?” Emma thất kinh hồn vía đứng ngoài cửa phòng nó.

“Chúng muốn lấy những quyển nhật ký,” cô Ingledew ấn bừa Emma trở vào phòng.

“Ở nguyên đó, con. Để dì kiểm cái di động của dì.” Cô đặt đồng hồ nhật ký vào cánh tay của Emma và chạy đi lấy điện thoại; rồi vừa chạy trở lại với Emma, cô ấn 999, nhưng giọng nói ở đầu dây bên kia không làm cô an tâm.

Trước đó cảnh sát đã bị gọi đến khắp nơi trong thành phố. Chưa bao giờ có một đêm hỗn loạn như thế. Một vụ cúp điện gây ra năm tai nạn giao thông, chín vụ cướp và mười một vụ ẩu đả tại nơi công cộng. Rồi có người nghe thấy tiếng bước chân những căn phòng vắng chủ. Một số tầng hầm bị ngập lụt và ngọn lửa bùng phát trong các văn phòng hội đồng. “Vì vậy tôi không biết khi nào chúng tôi có thể đến được chỗ quý vị,” vị cảnh sát trực tổng đài nói với cô Ingledew. “Tôi đề nghị quý vị...”

Cô Julia đã quay số khác. Cô ngồi bên Emma trên giường của con bé khi giọng quen thuộc cất lên, “Chào em, Julia.”

“Paton, nhà em đang bị đột nhập. Nó... ừm... em nghĩ nó là...”

“Tai họa!” Giọng Ông cậu Paton kêu lên. Cô nghe thấy tiếng ông chạy xuống cầu thang với cái di động vẫn áp vào tai. Cánh cửa nhà số 9 đóng sầm lại. Tiếng bước chân chạy trên đường. “Giữ máy. Giữ máy, em yêu! Anh tới đây”

“Ồi, Paton.” Cô thét lên. “Nhanh lên, làm ơn. Chúng... ối, Paton. Em ngửi thấy mùi cháy.”

Đôi chân của Ông cậu Paton Yewbeam chắc chắn là dài nhất thành phố, thế nhưng trong cái đêm ấy, chúng ắt hẳn đã được nối dài thêm tấc rưỡi nữa. Tất cả những ai trông thấy ông chạy rầm rập trên đường đều thề rằng ông cao đến hai mét một. Và ông có màng đến việc làm nổ bóng đèn không? Không một chút xíu nào. Lần lượt từng cái một, chúng nổ tung thành hàng ngàn mảnh vụn khi ông chạy bên dưới.

Một chiếc xe cảnh sát, vừa trở về sau khi giải quyết một vụ cướp khác, lái xe ngang qua Ông cậu Paton khi bóng đèn thứ mười bể nát.

“Ông có thấy không?” Cảnh sát Singh, lái xe, quát. “Gã kia chọi bể bóng đèn.”

“Thấy chứ,” cảnh sát Wood xác nhận. “Tốt hơn là quẹo trái, nhanh nhanh lên. Kéo tên điên đó phá hoại hết,”

Khi Ông cậu Paton lao vào quảng trường nhà thờ lớn, ông thấy lửa chồm lên cánh cửa tiệm sách Ingledew. Trước cửa tiệm có một cuộc vật lộn ác liệt đang diễn ra. Một trận đấu không cân sức thấy rõ. Ông cậu Paton chạy lại nhóm người đó và nhận ra Manfred Bloor. Đèn đường nổ phụt đúng lúc Manfred ngược mặt lên. Hắn rú lên một tiếng đau đớn và cút ra quảng trường, bung lấy mặt.

Đối tượng kia không phải là mục tiêu dễ như vậy. Hắn đang quỳ gối đè lên nạn nhân của hắn, hai tay siết quanh cổ họng người này. Tấm áo choàng dài, có mũ trùm của hắn phủ kín cả hắn lẫn người đàn ông nằm dưới đất. Vì bóng đèn đường đã vỡ, tất cả những gì có thể thấy được trong bóng tối chỉ là một lùm tóc bạc óng ánh.

Cúi xuống gã đội mũ trùm, Ông cậu Paton giật mạnh hai vai hắn. Nhưng mảng xương mà ông túm vào cứng tựa sắt, và cố hết sức ông cũng không thể nào xê dịch được cú siết của gã đàn ông. Nạn nhân tóc bạc ú ớ phát ra những tiếng rên nghệt thở khi nhưng ngón tay sắt tiếp tục chẹt sự sống ra khỏi ông này.

Ông cậu Paton quay ngoắt lại. “Xin lỗi, Julia.” Ông thì thầm, dòm trân trân vào những bóng đèn diu diu thấp bên trên những quyển sách trưng trong cửa sổ tiệm. Với một tiếng *phụp*, cửa kính chống vỡ tan thành từng mảnh và rớt xuống vỉa hè. “Tao cá là mày không làm được thế đâu, đồ thầy bùa kia,” ông thách thức khi đi vào và lấy quyển sách trưng bày nặng nhất của cô Ingledew.

Giơ quyển sách lên cao hết sức. Ông cậu Paton vận hết sức bình sinh và thả nó xuống đầu tên đội mũ trùm.

Một tiếng hự nghệt ứ điên cuồng phụt ra khi người đàn ông nói lỏng cú siết và ngã vật sang một bên. Hắn bắt đầu quay dưới lớp sỏi của quảng trường, tự quấn mình vào áo choàng cho đến khi chỉ còn thấy hai con mắt sắc lạnh chĩa ra từ hình hài đen thù lù.

Ông cậu Paton đang do dự xem có nên truy đuổi com mồi của mình hay không thì tiếng còi xe cảnh sát đã rú lên. Phút sau, một chiếc xe cảnh sát hú gầm tiến vào quảng trường, và khi Ông cậu Paton tìm kiếm cái đồng đội mũ trùm thì nó đã biến mất.

Hai cảnh sát ra khỏi xe, bay đến chỗ Ông cậu Paton, hét. “Đứng im! Ông đã bị bắt.”

Mở tung cánh cửa đang cháy âm ỉ, cô Julia Ingledew thét toáng lên. “Anh ấy đã cứu chúng tôi. Bọn vô lại tẩu thoát rồi.”

“Thế thì ai đây?” Cảnh sát Singh chỉ người đàn ông nằm dưới đất.

“Không biết,” Ông cậu Paton đáp.

“Theo những gì trông thấy thì ông định giết ông ta” cảnh sát Wood tóm lấy cánh tay Ông cậu Paton.

“Không phải,” cô Julia hét to. “Anh ấy đã cứu ông ấy.”

“Tôi thấy hình như cô lầm rồi, thưa cô,” cảnh sát Singh thở dài bực dọc. “Chúng tôi đã chứng kiến người đàn ông này,” anh ta chỉ Ông cậu Paton “làm bể một bóng đèn đường. Và còn ai đập bể cửa sổ đây, tôi muốn biết?”

“À. Tôi làm đấy,” Ông cậu Paton thú nhận.

“Ông?” Cảnh sát Singh nhú mày. “Chờ chút. Cánh cửa này chống vỡ, chống đạn, không thể phá hủy. Thế mà nó lại tan thành trăm mảnh.”

“Thì thế đấy,” Ông cậu Paton hờ hững. “Nhưng tôi đã làm bể nó.”

“Và cứu tất cả chúng tôi,” cô Julia tiếp lời. “Tôi đã thấy tất cả. Ôi,Paton!” Cô quàng tay quanh cổ ông.

Ông cậu Paton mỉm cười bẽn lễn, “À,ừ ừ.”

“Vậy những kẻ vô lại kia đâu rồi? Cảnh sát Singh ngờ vực.

“ Tôi đã bảo với ông là chúng chạy mất rồi,” cô Julia hét. “giờ thì các ông không thể bắt chúng được đâu. Nhưng các ông có thể ngăn cho cánh cửa đừng cháy rụi được chứ?”

“Xong rồi, dì ơi!” Emma hiện ra với xô nước và tạt mạnh vào cánh cửa.

“Giỏi lắm Emma. Cháu cứu ngày hôm nay đấy,” Ông cậu Paton khen.

Cảnh sát Singh định mở mồm thì một tiếng người từ dưới đất thốt lên, “Ồi quỷ thần ơi, Paton Yewbeam”.

Ông cậu Paton nhìn kỹ người đàn ông dưới đất. “Barthomew?” Ông nói mà không tin nổi.

“Việc chú thò cổ ra ngoài sao chẳng giống chú tí nào?” Ông Bartholomew rên rầm khi Ông cậu Paton giúp ông đứng lên.

“Tôi thay đổi rồi,” Ông cậu Paton cộc cằn.

Hai viên cảnh sát bắt đầu hí hoáy ghi chép. Họ lấy số điện thoại và hỏi địa chỉ, nhưng ông Bartholomew Bloor từ chối cung cấp cho họ bất kì thông tin nào. Các vị cảnh sát quyết định vụ việc này không nghiêm trọng như mấy vụ khác xảy ra trong thành phố trong đêm đó, cho nên lái xe đi tiếp. Cảnh sát Singh thậm chí còn vẫy tay một cái thân thiện.

Bốn kẻ sống sót rút lui vào tiệm sách. Thật mừng cho cô Julia, cánh cửa gỗ sồi nặng trĩu thoát khỏi ngọn lửa. Nó sứt sẹo,cháy sém và kêu cọt két hơn, nhưng những chốt khóa và bản lề vẫn còn tốt.

“Cháu đi pha trà đây,” Emma đề nghị. Mái tóc dài vàng óng ả và chiếc váy đỏ của nó ướt sũng vì cú tạt nước quá hăng, nhưng mặt nó bừng lên phấn khích.

Ông Bartholodew từ chối nán lại thêm bất kỳ phút nào. “Tôi không bao giờ có ý định vào thành phố. Nhưng tôi cứ thấp thỏm không yên,” ông giải thích. Vợ tôi đã bị theo dõi; gián điệp của cái bóng có khắp nơi. Tôi biết hẳn muốn chiếm những quyển nhật ký của tôi và tôi nhận ra mình đã đặt cô vào vòng nguy hiểm, thừa cô Ingledew.”

“Xin hãy nán lại chút thôi...” cô Julia ngỏ lời.

“Tôi phải đi đây,” ông Bartholodew khẳng định. Những quyển nhật ký đâu rồi?”

“Để tôi đi lấy chúng,” cô Ingledew chạy lên lầu và Emma đi đặt ấm nước.

Còn lại hai người đàn ông, ông Bartholodew hỏi. “Điều gì làm chú thay đổi vậy, Paton? Chú vốn luôn ngờ nghệch mà.”

Ông cậu Paton nhăn mặt, “Vì thằng bé,” ông nói ngắn gọn. “Tôi cần phải giúp nó.”

“À,Charlie,” ông Bartholomew cuối cùng cũng mỉm cười. “Tôi chưa thấy ai tốt và dũng cảm như cha nó. Chú là một người bạn tội nghiệp của anh ta, Paton à.”

“Chúng đây,” cô Ingeledew trở lại với chồng nhật ký. “Để tôi cho chúng vào một cái túi đựng sách nhé.”

“Tốt lắm,” ông Bartholomew nói. “Paton này, chú phải đưa chúng cho Charlie. Nói nó phải đưa chúng về quê.”

“Cái gì?” Ông cậu Paton cầm lấy túi sách từ tay cô Julia và ngậy người ra nhìn ông Bartholomew.

“Charlie là người duy nhất có thể đem chúng ra khỏi nguy cơ bị tiêu hủy,” giọng ông Bartholomew lạnh lùng và áp đặt. “Chú hiểu không? Nó có tài phép này. Bảo nó đem chúng đến nơi mà cái bóng không bao giờ tiếp cận được.”

“Nhưng ở đâu...?”

“Làm sao ta biết?” Ông Bartholodomew nói sảng. “Chính nó phải quyết định. Charlie là đứa thông minh. Nó biết những quyển sổ nhật ký của ta nắm giữ một bí mật mà có thể giải cứu cha nó. Thôi chúc ngủ ngon.” Ông quay ra cửa.

“Khoan đã,” Ông cậu Paton nài. “Chúng ta không thể nói chuyện được sao? Đã lâu lắm rồi kể

từ khi ông cứu đời tôi.”

“Thì chú vừa mới cứu ta đây thôi. Chẳng thay đổi được gì đâu, chúc cô ngủ ngon, cô Ingledew.” Ông Bartholomew gật đầu nhẹ và đi ra.

“Người gì mà lạ lùng,” cô Ingledew nhận xét. “Không thân thiện. Đi vào phòng sau đi, Paton, và uống chút trà rồi hẵng về.”

Ông cậu Paton lắc đầu. “Không, anh phải đi gấp. Tất cả là lỗi tại anh, Julia. Vào đêm thứ bảy, sau khi em về, anh đã để những quyển sổ nhật ký này trên bàn bếp. Chắc hẳn bà chị anh đã trông thấy chúng khi bà ta đi dạ tiệc về. Anh thật khờ hết sức.”

“Không phải. Anh làm sao biết chắc được.”

Ông cậu Paton mở cánh cửa nặng nề. “Chúc ngủ ngon, em yêu. Bảo trọng nhé.”

Trên quảng trường, chuông nhà thờ lớn bắt đầu điểm nửa đêm. Ông cậu Paton đóng cánh cửa tiệm sách lại và đứng im một thoáng nhìn trân vào quảng trường ngập ánh trăng – nơi này là nơi người bạn thân nhất của ông đã mất tích.

“Đúng rồi Lyell, anh bạn tội nghiệp của ta,” Ông cậu Paton lầm bầm. Ông sai bước trên những con hẻm trải sỏi, không hề hay biết hiểm họa chắc chắn sẽ đi theo những quyển sổ nhật ký mà ông đang cầm. Thậm chí ông còn không nhận ra cái lạnh thấu xương đang biến những giọt nước trong mắt ông thành pha lê.

Charlie tỉnh giấc thấy con bướm trắng đậu trên gối. Nó có cảm giác như con vật đó muốn cái gì đó. Ngái ngủ ngáp, Charlie ra khỏi giường và lết ra chiếu nghỉ. Căn nhà tối om nhưng nó có thể thấy một đốm sáng nhỏ hắt từ dưới khe cửa nhà bếp. Đó chỉ có thể là Ông cậu lộ vẻ lo lắng mà Charlie chưa bao giờ thấy. Điều này khiến Charlie bồn chồn.

Trong cái lạnh cắt da,Charlie quấn chặt áo khoác ngủ quanh mình trước khi xuống lầu. Nó thấy Ông cậu đang ngồi bên bàn với những quyển sổ nhật ký đặt trước mặt. Ngọn nến đơn độc đã cháy gần hết, nhưng Charlie vẫn thấy được gương mặt Ông Cậu lộ vẻ lo lắng mà Charlie chưa bao giờ thấy. Điều này khiến Charlie bồn chồn.

“Ông cậu Paton?”

Ông cậu nó ngược lên. “A, Charlie, ta vừa từ hiệu sách về. Một đêm thật là quái đản.”

“Con nghe xe cảnh sát hụ còi,” Charlie nói.

“Có kẻ đột nhập vào tiệm sách Ingledew. Chúng săn lùng những quyển nhật ký. Tụi ta nghĩ đó là cái bóng.”

“Ôi chết! Có ai bị thương không? Emma không sao chứ? Ông...?”

“Charlie,” Ông cậu Paton nghiêm giọng. “Ông Bartholomew đã tới đây. Ông ấy muốn con đem những quyển sổ nhật kí này vào quá khứ.”

“Quá khứ?” Charlie không hiểu.

“Xin lỗi ta phải yêu cầu con làm thế vào lúc này. Con đã mệt mà trời lại khuya lắm rồi. Nhưng ông Bartholomew rất nóng ruột, và ta nghĩ là ông ấy đúng. Con có thể chu du vào hình vẽ, hình chụp, tranh ảnh. Con có nghĩ ra nơi nào mà những quyển sổ nhật kí có thể an toàn không? Nơi nào mà cái bóng không thể tìm thấy chúng?”

Charlie gãi đầu. “Có,” nó chậm rãi nói. “Con có thể đem chúng đến Skarpo.”

“Thầy pháp đó ư? Một cuộc hành trình nguy hiểm, Charlie à. Nhưng nếu có thể thuyết phục lão già đó canh chừng giúp chúng thì chắc chắn những quyển nhật ký sẽ an toàn.”

OLIVIA ĐỂ LỘ MÌNH

Charlie ôm chồng nhặt kí theo Ông Cậu lên lầu. Cây nến Ông cậu Paton giờ lên cao lập lòe và tỏa khói trong khu vực cầu thang gió lùa, và Charlie phải đặt bàn chân cẩn thận để tránh bước hụt bậc thang.

Về tới phòng mình rồi, Charlie đặt chồng sách lên cái bàn cạnh giường và lôi một bức tranh nhỏ từ dưới giường ra.

“Ta nghĩ con sẽ cần ánh sáng cho tử tế, Charlie,” Ông cậu Paton thập thò nơi cửa.

Trong ánh sáng nhấp nhোang từ ngọn nến, Charlie gần như không thấy bức tranh. “Con bật đèn bên giường thì có lẽ tốt hơn,” nó đồng ý.

“Vậy ta đi đây,” Ông cậu Paton bảo. “Nhưng mà Charlie, làm sao con trở lại được? Con có cần ta giúp gì không?”

Charlie lắc đầu. “Con sẽ mang nó đi cùng.” Nó hất đầu về phía con bướm trắng đậu trên giường. “Nó sẽ giúp con trở lại. Trước đây nó đã từng làm thế rồi, Ông cậu biết đấy.”

“Ra vậy. Hừm... chúc con may mắn,” Ông cậu Paton ngo nguậy chân về bất an rồi rút lui.

Charlie bật đèn lên và đóng cửa lại. Nó đặt bức tranh lên gối và lên giường ngồi cạnh. Trong cánh tay nó ôm mười quyển sách bọc da của ông Bartholomew.

Bức tranh nhỏ xíu này xưa đến hàng nhiều thế kỷ. Những đường nét mờ nhỏ xỉn, nứt nẻ, cùng niên đại của nó khoác thêm vẻ đe dọa cho một khung cảnh vốn đã hiểm ác. Hàng chú thích ghi “thầy pháp” ngoằn ngoèo màu đen ở cuối bức tranh. Và đứng đó, ông thầy pháp áo thụng đen trong căn buồng tựa xà lim của mình, với những hiệu ứng ma thuật rải khắp mặt bàn đằng sau lưng. Mái tóc đen và bộ râu quay nón đen của thầy pháp xen kẽ những sợi bạc và đôi mắt vàng sáng quắc. Đó là con mắt mà Charlie tập trung nhìn vào.

Trước đây Charlie đã thăm Skarpo vài lần rồi. Có dạo nó rất sợ lão già ấy, nhưng giờ thì không sợ nữa. Nó đã quen với cặp mắt hung dữ và giọng nói như tụng kinh trầm đặc của ông ta.

“Charlie Bone?”

Dẫu Charlie đã chủ ý đón chờ điều này, nhưng cái giọng đó vẫn khiến nó dựng tóc gáy và một cơn rùng mình chạy dọc sống lưng. Con bướm trắng đậu trên vai nó sẵn sàng cho cuộc hành trình phía trước.

Khi những đồ vật quen thuộc trong phòng của Charlie bắt đầu mờ đi, nó liền thấy một luồng sáng từ căn buồng ảm thấp của ông thầy pháp, trộn lẫn với mùi hương thỏa mộc rang khét và sấp nến. Đầu nó bơi bơi và bàn chân nó bỗng nhẹ bẫng như không khí. Ôm thật chặt chồng

sách, nó nhìn găm vào đôi mắt vàng rực cháy của Skarpo. Giờ thì nó có thể nghe thấy tiếng những lớp áo thụng của Skarpo kêu sột soạt, tiếng sắt va chạm và tiếng lửa lách tách. Charlie cảm giác mình ngã lộn tùng phèo qua nhiều thế kỷ, thân hình bị vùi dập như tờ giấy trước gió.

Khi bàn chân đã chạm xuống nền đá lạnh ngắt, nó mở bừng mắt ra. Ông thầy pháp đứng ngay trước mặt.

“Gì thế này? Ta thấy Charlie Bone trợn vện luôn,” Skarpo xoa xoa cái cằm râu rậm rạp. “Lúc trước thấy mỗi cái đầu mi thôi. Công lực của mi bây giờ mạnh lên rồi đấy.”

“Vậy ạ?” Charlie nhìn xuống cánh tay quặp chặt những quyển nhật ký của mình. “Ồ.”

“Mi mang quà cho ta hả?” Ông thầy pháp tia những quyển sách bọc da.

“Không hẳn vậy,” Charlie đáp. “Cháu đến để hỏi xin ngài một ân huệ.”

“À hả!” Ông thầy pháp xoa hai bàn tay xương xẩu lại với nhau. “Ta thích ân huệ lắm. Ý ta là ta có thể cũng xin mi một ân huệ.”

“Cháu nghĩ là được,” Charlie hồi hộp nói.

“Chúng ta hãy ngồi xuống đã.” Vén tấm vải đỏ treo phía trên bàn lên, Skarpo rút ra hai chiếc ghế đầu thô thiển bằng gỗ. Một cái ông ta đẩy về phía Charlie, cái kia ông ta đẩy ra sau lưng mình, loay hoay tём mớ áo thụng nặng nề qua một bên và ngồi xuống. “Mi định nói với ta những quyển sách đó à?”

Charlie đặt mười quyển sách vào cánh tay duỗi ra của ông thầy pháp, “Chúng là những quyển sổ nhật ký, thưa ngài. Những quyển sổ nhật ký này rất đặc biệt. Chúng do một người bà con xa của cháu viết, tên là Bartholomew Bloor. Ông ấy đã đi khắp thế gian, và bất cứ nơi đâu nghe được chuyện về Vua Đỏ, ông ấy đều ghi lại. Những quyển nhật ký này vô cùng quý giá vì trong đó có rất nhiều bí mật – những điều về Vua Đỏ mà chúng ta chưa biết bao giờ.”

“Nếu chúng quý giá thì tại sao mi lại mang chúng đến cho ta?” Skarpo khẽ cười cái khục. “Mi có tin cây ta không, Charlie Bone?”

“Cháu buộc phải tin,” Charlie đáp. “Có một người... một vật... mà người ta gọi là cái bóng. Hắn ở trong bức chân dung của Vua Đỏ và hắn...”

“Cái bóng?” Skarpo đứng phắt lên, đóng áo thụng đen quất một làn gió băng giá qua đôi bàn chân mang dép lê của Charlie. “Khỏi nói thêm nữa. Ta biết cái bóng này. Giới thầy pháp cố tránh nói về hắn, bởi vì hắn làm ô danh giới pháp thuật bọn ta, mang tiếng lắm. Chỉ thì thầm lướt qua tên hắn thôi là anh em thầy pháp bọn ta đã xua tay phản đối rồi.”

“Ừm, cháu sẽ phải nói thêm chút xiu về hắn,” Charlie nói. “bởi vì hắn là lý do khiến cháu mang những quyển sổ nhật ký này đến cho ngài.”

“Ờ, thì vậy.” Skarpo quay lại và đặt những quyển sổ nhật ký thành hai chồng ngay ngắn lên bàn.

“Nói coi.” Với tiếng áo thụng kêu phụt một cái, ông ta ngồi xuống.

Căn phòng gỗ như cái hang của ông thầy pháp là một nơi thích hợp vô cùng cho câu chuyện của Charlie. Nó kể cho Skarpo nghe những gì đã xảy ra kể từ đêm mưa tuyết, khi chim thú rời khỏi thành phố. Nó kể về ngoại Maisie bị đông cứng và chiếc nhẫn của mẹ nó, về cô Chrystal và Gương Thần của Amoret. Và, trong khi nó kể, năm ngọn nến trong những giá cắm nến cao bằng sắt thấp dần thấp dần, và chẳng bao lâu sau, ánh sáng duy nhất trong phòng dường như chỉ còn toả ra từ cặp mắt vàng của ông thầy pháp.

Khi Charlie đã nói xong tất cả những điều cần phải nói, Skarpo lại đứng lên và đi tới bên bàn. Ông ta thắp một cây nến to ở giữa bàn lên, và trong ánh sáng nháy nhót của ngọn nến, ông ta bắt đầu lật lật từng quyển sách. Charlie nhìn Skarpo, trông chờ một lời nhận xét hay một lời khuyên gì đó, nhưng ông thầy pháp chẳng nói chẳng rằng, mãi cho đến khi mắt ông đã quét hết mọi trang sách. Khi đặt quyển sách cuối cùng lại chỗ cũ xong, Skarpo quay lại Charlie và nói, “Toàn chuyện hay đấy, cậu bé của ta. Những tiết lộ chấn động! Ta sẽ giữ chúng an toàn, nhưng câu thần chú, câu thần chú bằng tiếng xứ Gan ấy, mi phải mang nó trở về với mi. Để ta dịch ra cái đã, bởi vì ta biết tiếng xứ Gan, mi biết đấy, rồi mi sẽ cần tới nó.”

Charlie chờ, tự hỏi liệu đó có phải là câu thần chú mà ông Bartholomew đã nhắc tới không. Ông thầy pháp xé một mảnh giấy da dê từ một quyển sổ bằng da, và nhúng cây viết lông trông lạ mắt vào lọ mực, ông ta bắt đầu viết rột rột lên bề mặt tờ giấy da dê. Thỉnh thoảng ông ta lại liếc nhìn vào một trong những quyển sổ nhật để mở trên bàn, gãi đầu, nhìn xa xăm, mỉm cười và rồi lại viết tiếp.

Khi hàng chữ cuối cùng đã viết xong, Skapo đặt cây viết lông xuống và nhìn Charlie với một nụ cười đắc thắng. “Một câu thần chú tuyệt vời,” ông ta tuyên bố. “Không phải của ta. Ô không. Người bà con của người chắc hẳn đã sưu tầm nó từ một trong những hậu duệ của Mathonwy, bạn ông Vua Đỏ của mi, dĩ nhiên rồi.” Ông ta lại vọt ra một tiếng cười kinh khủng khục đặc trưng. “Chính từ lão ta mà ta đánh cắp cây gậy phép của người đấy, Charlie Bone. À, không phải đánh cắp, không... mà là lúc đó lão đã già khủ khủ rồi, và chắc hẳn cũng không có ý để lại nó cho ta trước khi chết. Làm sao mà họ thích truyền tên tuổi của mình cho con cháu thế không biết, cái đám dân xứ Gan ấy.” Ông ta ngừng nói và nghiêng đầu. “Nhân nói đến cây gậy phép, thế nó đâu rồi?”

“Thật tình thì bây giờ nó là con bướm trắng,” Charlie nói.

“À, con bướm trắng *kia*. Ta thấy rồi.” Skarpo thò tay ra bắt con bướm trắng đang bay chập chờn giữa hai người.

“ĐỪNG!” Charlie hét lên thất thanh. “Nó là của cháu!”

“Đùa thôi, Charlie Bone! Ta sẽ không làm đau con bướm xiu xiu của người đâu.” Ông thầy pháp thổi tấm da dê cho khô rồi chìa ra, “Cầm lấy câu thần chú của người rồi rời khỏi nơi đây. Nấn ná trong những thế giới xa xôi chẳng hay ho đâu.”

“Vâng, cháu đi đây.” Charlie hấp tấp, cầm lấy câu thần chú, “và xin cảm ơn ngài. Ngài sẽ giữ những quyển sổ nhật kí an toàn chứ ạ?”

“Người nghi ngờ sao?” Ông thầy pháp gác đầu qua bên và nở nụ cười vắn vẹo.

“Không. Không, dĩ nhiên là không ạ.” Charlie giơ bàn tay rảnh rỗi của nó và con bướm trắng đậu vào ngón tay nó. “Nó giúp cháu chu du,” Charlie giải thích.

Ông thầy pháp gạt đầu, “Ờ.”

Trước khi Charlie rời đi, nó liếc qua ô cửa sổ nhỏ ở cuối căn buồng tối. Có thể thấy một khu rừng đen ngòm, viền quanh là một biển nước gợn gợn ánh trắng. Có lần, Charlie đã tình cờ viếng thăm khu rừng đó, và việc đó mãi in sâu trong tâm trí Charlie, một kí ức vừa làm nó hoang mang vừa vỗ về, an ủi nó. “Thưa ngài, Vua Đỏ đã từng sống ở gần đây phải không ạ?” Nó hỏi.

“Ây, đúng thế,” Skapo trả lời, quay về phía cửa sổ. “Và khi nhà vua ra đi, Mathonwy thầy pháp đã đến sống ở đây. Ông thu nạp ta làm đệ tử khi ta còn rất nhỏ; một đứa trẻ mồ côi không nhà, dân tộc ta bị quân lính của nhà vua Anh tàn sát. Mathonwy là một thầy pháp vĩ đại và ông ấy đã dạy ta rất nhiều, nhưng ta không bao giờ giỏi được bằng ông ấy, ở bất cứ khía cạnh nào của cái từ ‘giỏi’ này.” Một bóng đen thoáng qua nét mặt của lão thầy pháp, một tí dấu hiệu hối hận vụt qua, nhưng rồi nụ cười ác độc lại quay về, và ông ta phẩy bàn tay xua Charlie, “Đi, đi đi nhóc. May mắn sẽ đi cùng với mi.”

“Tạm biệt ngài, và cảm ơn.” Charlie nhìn con bướm trắng và dịu dàng hỏi, “Chúng ta đi bây giờ chứ, Clearwen?”

Gương mặt của lão thầy pháp là cảnh cuối cùng Charlie thấy trước khi đám sương mù thời gian trôi đến giữa hai người và Charlie bắt đầu chu du trở về nhà. Đôi mắt vàng chói của Skapo tròn lớn kinh ngạc, bởi vì Charlie đã vừa nói tiếng xứ Gan. Những từ ngữ lạ hoắc đã tự nhiên mà đến với nó, tuy nhiên, nó biết rằng điều đó là do con bướm trắng. Claerwen – Tuyết Trắng.

Một lúc sau, Charlie đã ngồi trên giường, với con bướm trắng đậu trên tay. Charlie ngáp dài và hất văng đôi dép lê ra. Chưa bao giờ nó buồn ngủ đến thế. Vài tiếng nữa nó sẽ phải thức dậy và sắp xếp giỏ sách để chuẩn bị đến trường. Nhưng bây giờ thì chưa. Nó cất bực tranh xuống dưới giường, nằm ngửa ra gối và ngủ lịm đi.

Nó tỉnh dậy thì thấy Ông cậu đang lo âu nhìn nó từ khung cửa ra vào.

“Không đòi nào ta lại gọi con dậy đi học,” Ông cậu Paton nói, “nhưng ta nghĩ ít nhất cũng nên nhắc chừng con về thời gian. Xem ra chưa có ai thức giấc cả.”

Khi Charlie lăn khỏi giường, một mảnh giấy cứng quèo, vàng vàng bay xuống đất. Nhấn mào, Ông cậu Paton bước vào phòng và nhặt nó lên. “Cái này là cái gì?”

“Con không biết,” Charlie nói, dụi mắt.

“Một bài thơ?Ồ không, còn hơn thế nữa, một... một loại như bùa chú.” Ông cậu Paton lật tờ giấy lại và nghiên cứu nét chữ xiên xiên to tướng. “Ồi chu cha, ở đâu con có cái này đây, Charlie?”

“Ô, con quên mất. Skapo đưa con đấy ạ,” Charlie nói khi băng qua Ông cậu trên đường ra nhà tắm.

“Skapo đưa à?” Ông cậu gọi với theo kinh ngạc. “Charlie, ta sẽ cất nó trong phòng ta. Đáng chú ý đấy. Nó có thể thay đổi mọi thứ.”

Charlie không để ý Ông cậu nói gì. Một lần nữa nó lại phải đánh răng trong khi Maisie nằm đông cứng trong bồn tắm bên cạnh. Hừm, bà ngoại, người duy nhất trong cả nhà có khả năng giữ mẹ nó an toàn khỏi bá tước Harken thì lại nằm đấy.

Đến lúc Charlie rửa mặt xong thì Ông cậu Paton đã biến về phòng ông, và tất cả những gì Charlie có thể nghe được là tiếng lẩm bẩm trầm đục tựa như tiếng nước ngoài.

Charlie mặc đồ chỉnh tề, sắp giở sách xong rồi xuống nhà bếp. Lò lạnh tanh và cái bàn trống trụi. Không một dấu tích nào chứng tỏ có ai đã ăn sáng ở đó. Mẹ đâu rồi? Đi ra ngoài hay đang ngủ? Charlie sợ tìm ra câu trả lời. Ngôi nhà phủ ra mùi trống vắng lạnh lẽo, chìm trong giấc ngủ. Nó vội vã tự nướng cho mình một lát bánh mì rồi ra khỏi nhà.

Học viện Bloor vẫn chưa hồi phục sau kỳ cuối tuần hội họp đình đám. Có chăng là toàn thể ban thậm chí còn bản tính, hay cáu gắt hơn cả lúc trước khi một trăm vị hiệu trưởng đến chơi. Những nhánh lá thông, dây kim tuyến, đĩa nhựa rách và thức ăn thừa tràn ngập dưới tiền sảnh. Nhiều quần áo, mũ nón biến mất khỏi các phòng áo khoác và có phần nản cả cấm thì cũng chỉ tổ vô ích.

“Lẽ ra trò không nên để nó ở đó,” Manfred Bloor chắc chắn sẽ đáp như thế trước lời rụt rè nghi ngờ một vị hiệu trưởng ghé thăm có thể đã chôm một cái khăn quàng, một chiếc giày, hay một chiếc găng tay viền lông thú.

Trông Manfred mới gớm ghiếc thật sự – mặt lỗ rỗ những vết thương li ti chắc chắn chỉ có vô số vụn thủy tinh mới gây ra được. Emma Tolly không chút nghi ngờ gì rằng Manfred đã đi cùng với cái bóng tối đập rầm rầm cửa tiệm sách nhà nó đêm hôm trước.

Fidelio có tiết học violin sau buổi Tập hợp, nhưng nó không có ý muốn gặp cô Chrystal. “Anh không biết làm sao mà mình có thể giả bộ không biết cô ta là ai,” nó thì thầm với Charlie khi chúng rời phòng tập hợp. “Ý anh là, anh không phải là diễn viên như Liv.”

“Anh buộc phải vậy thôi,” Charlie nói. “Chỉ cần cô ta đoán ra tụi mình biết chuyện thôi là cô ta sẽ giương móng vuốt ra liền.”

“Anh có cảm tưởng như...”

“Fidelio Gunn,” tiến sĩ Saltweather nói, ông hiện ra từ phòng tập hợp, “hãy nhớ luật.”

“Vâng, thưa thầy,” Fidelio nói, mừng quá xá vì không phải Manfred đã bắt quả tang mình.

Charlie vot lẹ tới lớp học toán, để mặc Fidelio tự bình tâm tĩnh trí cho cuộc chạm trán kinh khủng với cô Chrystal.

Giờ nghỉ giải lao đầu tiên không thấy tăm hơi Fidelio đâu. Charlie phập phồng không biết có chuyện gì xảy ra với anh ấy. Sân trường lạnh buốt và sương giá. Bọn trẻ con túm tụm lại thành từng nhóm nhỏ, dậm dậm chân và lăm bằm một cách bất bình. Charlie phải dòm hẩn vào từng đám để tìm cái đầu tóc quăn quen thuộc của Fidelio. Nhưng hình như không đứa bạn nào của nó ở ngoài trời cả.

Khi đi lơ thơ vào lâu đài, Charlie linh cảm có một đoàn học trò theo mình theo mình. Không muốn bị mắc kẹt trong khu đồ nát, nó bèn quẹo vào rừng. Đám đông tiến gần nó hơn. Charlie co giò chạy. Và rồi thì, đột nhiên, nó bị bao vây. Mọi cây cối đều bị bao phủ trong màn sương mù, và nó không còn phân biệt nổi trong những hình thù trôi trôi ấy đâu là những thân cây ốm và đâu là lũ truy sát nó.

“Tụi bay muốn gì?” Charlie hét to. “Tại sao tụi bay đi theo tao?”

Một đứa trong bọn ló lên trước. Charlie có thể đoán đấy là Joshua Tilpin.

“Bạn bè mày vô dụng rồi, Charlie Bone,” Joshua cười khẩy. “Mày phải bỏ chúng nó thôi.”

“Mày nói gì? Vì sao tao phải bỏ bạn?” Charlie cắn phẫn quặc lại.

Joshua thấy cho nó một nụ cười thông thọt, lạnh toát. “Tụi tao đến để dạy cho mày một bài học, Charlie. Tụi tao sẽ dạy đi dạy lại cho mày nhớ, phải không các chiến hữu?”

“PHẢIII!” Đám đông rống vang.

Và bây giờ đến lượt Dorcas Loom lén ra từ sau một thân cây và chế nhạo Charlie. “Mày là đồ thảm bại, Bone. Mày đừng hòng thoát. Mày đã mất cha rồi, và giờ mày sẽ mất nốt mẹ. Mày không thể giữ được cái gì thì phải? Nếu mày gia nhập tụi tao thì tụi tao sẽ giúp mày, Tụi tao mạnh hơn nhiều lũ bạn khốn khổ của mày.”

Charlie vẫn từ từ lùi xa khỏi đám đông, và giờ, lưng nó đã tựa vào bức tường cổ xưa. Không suy nghĩ, nó quay đầu và tìm được một chỗ bấu chân. Nó liền leo lên, cao nữa cao nữa, hướng tới mấy lỗ hổng trên bức tường đá, trong khi bàn chân nó cuống quýt tìm chỗ mấu bám. Cuối cùng nó đứng ở trên tường, cao hơn đám đông cả hơn ba mét rưỡi.

Bọn chúng nhất loạt cười cợt nó.

Thế rồi chị em sinh đôi nhà Branko xuất hiện. Đứng sát vai nhau, chúng trừng mắt nhìn những phiến đá trên bức tường, cứ thế trừng mắt, trừng mắt... Một viên đá to bung ra và toàn bộ mảng tường sụp lở.

Chúng có thể làm điều đó sao? Charlie nghĩ. Chúng có thể làm sụp một bức tường đã chín trăm tuổi sao?

Chúng làm được chứ. Hai hòn đá khổng lồ trên đỉnh bức tường xục xịch. Rồi một trong hai đứa sinh đôi nói. Chúng hiếm khi nói, đến mức việc chúng nói đã gây sốc.

“Một tai nạn mới thương tâm làm sao!” Đứa con gái mặt trời như búp bê, tóc đen lấp lánh. “Charlie Bone leo lên bức tường cổ và thế là, chòng chành, rùng rùng, nó rớt ập xuống, với Charlie ở trên cùng...”

“Sau đó ở dưới cùng,” đứa sinh đôi khi tiếp lời bằng giọng độc địa, thâm hiểm hơn.

Rồi một tiếng *ịch* rung chuyển khi một viên đá khổng lồ khác đáp xuống mặt đất cứng, và lần này bức tường rung lắc dữ dội, Charlie ngã bập đầu gối. Ráng bấu chắc vào bề mặt rêu mốc trong khi bức tường rung và lắc, nó cố tưởng tượng ra việc bị chôn sống sẽ như thế nào.

Chợt có tiếng gì đó vang lên, thoát tiên Charlie nghĩ âm thanh đó là từ một mảng tường lở khác. Nhưng rồi cái tiếng đó càng lúc càng lớn – rù rù giận dữ, căng lên...

Bọn con nít dưới đất ngổng cổ ngó lên, liền cuống quít quay lưng ù té chạy. Vài đứa trong bọn thì bạt vía. Ngó theo ánh mắt của chúng, Charlie thấy một đám mây đen đang đổ sập xuống qua những ngọn cây. Tiếng rù rì dần trở thành tiếng gầm rú và nguyên cả đám ăn hiếp Charlie chạy toán loạn, tru tréo và kêu la rầm trời. Joshua Tilpin là đứa cuối cùng chạy đi. “Cho mày bị đốt chết tươi luôn, Charlie Bone,” nó vừa chạy vừa gào.

Ong? Bay vào mùa đông? Ai đã xua chúng đến đây? Cái bóng chẳng? Charlie nhắm mắt lại. Cái gì tệ hơn nhỉ, nó tự hỏi, bị chôn sống dưới một bức tường hay là bị ong đốt tới chết?

Tiếng rù rù ngưng bật. Charlie vẫn nhắm tịt mắt, chờ những cặp chân ngựa ngáy của bầy ong châm vào mặt và tay chân mình. Chờ đợi cú đốt đau đớn đầu tiên. Không có gì xảy ra, Charlie mở một mắt. Không có gì trên bức tường. Trong không khí cũng chẳng có gì.

“Charlie!”

Charlie mở nốt mắt kia ra. Nó trông thấy Emma và Olivia đang ngược lên nhìn nó từ dưới chân tường. Cả hai đứa đều cười toe toét.

“Cái gì...?” Charlie hỏi.

“Một ảo ảnh!” Olivia la văng trời, nhảy cẫng lên không. “Một ảo ảnh tuyệt đấy chứ nhỉ?”

“Còn phải nói,” Charlie chù chừ leo xuống khỏi bức tường.

Không ai trong số chúng nhận thấy một phụ nữ tiến tới qua màn sương. Cô dừng lại cách chúng vài mét và núp sau một thân cây.

“Tụi này thấy chúng đi theo bồ,” Emma líu lo. “Vì vậy tụi này đi theo chúng, nhưng tụi này không biết phải làm gì bây giờ. Chúng nó đông quá. Lực hút của Joshua rõ ràng là có tác dụng.”

“Và rồi tớ nghĩ ra bầy ong,” Olivia khoái chí nhảy lên cái nữa. “Tớ tự hào về mình quá đi mất.”

“Bồ đã cứu mình!” Charlie ôm chầm lấy con nhỏ. “Phù! Mình rất vui...”

Bất chợt có tiếng loạt soạt trong hàng cây đằng sau chúng, và cả bọn quay lại thấy một bóng người lúi đi, khá nhanh, vào làn sương mù. Không nghi ngờ gì về bộ com-lê xám chỉnh chu và mái tóc cắt ngắn cụt ngắn đó.

“Cô Brown,” Charlie thì thầm. “Chắc hẳn cô ấy đã nghe thấy bồ nói rồi, Liv.”

“Và bây giờ cô ấy đã biết tài phép của bồ. Ôi không!” Emma vịn vịn hai bàn tay vào nhau. “Tụi mình phải làm gì bây giờ?”

“Không thể làm gì cả,” Charlie nói. “Tụi mình chỉ còn nước đợi xem chuyện gì xảy ra thôi.”

Rõ ràng, cô Brown đang suy tính thời cơ. Olivia không bị triệu hồi lên thư phòng của ông hiệu trưởng và không ai lôi con nhỏ đi để tra hỏi hay nhốt nó vào phòng học. Việc thắc mắc khi nào gia đình Bloor sẽ ra tay chống lại Olivia gần như còn tệ hơn là biết họ sẽ làm gì con nhỏ. Vào giờ đi ngủ, Charlie lén mò lên phòng ngủ chung của nữ xem sao, thấy Olivia vẫn đi nghênh ngang trong bộ đồ ngủ vàng chóc tô đen, vẫn lách cách như thế.

“Tớ ỔN mà,” nó nói, xua Charlie đi. “Đừng để bị cấm túc vì tớ đấy.”

“Thế thì chúc may mắn, Liv.” Charlie trở xuống lầu. Nó định bụng sẽ đóng tai nghe ngóng bất kỳ tiếng động lạ nào nào trong đêm, nhưng để đề phòng mình ngủ thiếp đi mất, nó báo sự việc cho Billy, Fidelio và Gabriel.

“May Phúc sẽ cho tụi mình biết nếu có chuyện gì xảy ra,” Billy thì thầm trước khi nhắm mắt lại.

Charlie không tin tưởng lắm vào May Phúc. Con chó này đã điếc ngay từ đầu rồi. Nhưng nếu đó là con chó canh tốt nhất mà chúng có thể có được, thì chúng đành phải tin vào nó thôi chứ biết sao.

Ông cậu Paton Yewbeam đang ăn bữa tối nguội ngất của mình. Nến lập lòe trong từng góc nhà bếp, và có thêm bốn cây nữa ở trên bàn. Ông cậu Paton tự nhủ mình cần nhiều ánh sáng là để đọc chữ in nhỏ xíu trong một quyển sách hấp dẫn đặc biệt, nhưng thật ra, ông thấp thêm nến là để xua đuổi những ý nghĩ tăm tối cứ mạnh nha lần mò vào tâm trí ông. Liệu ông tưởng tượng chẳng, hay đúng là có một số người *thật sự lạ mặt* đang bước đi trên đường Filbert? Có những người đàn ông và đàn bà cứ lén nhìn vô các cửa sổ, rờ tay lên những cánh cổng và lan can, nheo mắt nhìn sổ nhà và vội vàng ghi chép vào những quyển sổ nhỏ màu đen.

Gián điệp, Ông cậu Paton nghĩ. Bị gã bá tước mua chuộc. Lôi kéo, thôi miên, ép buộc hay bất kỳ thủ đoạn nào. Họ bị hấn khống chế. Tất cả chúng ta rồi sẽ ra sao đây?

Ông cậu Paton rùng mình và vội vàng đặt ly rượu vang trắng xuống. Ông lại rùng mình lần nữa và cắn một miếng bánh mì cá hồi lạnh tanh.

Ông định không trả lời tiếng gõ bất thành linh cộc cộc nơi cửa trước. Một tên trong *bọn chúng*, ông nghĩ. Hừ, chúng sẽ không bắt mình theo kiểu thế này đâu.

Nhưng tiếng gõ cứ tiếp tục, căn cứ theo nhịp gõ thì nó có vẻ dò hỏi hơn là điên cuồng. Ông cậu Paton lần chần đi vô hành thang.

“Ai đó?” Ông hỏi qua cửa.

“Dạ, thưa ông Yeabeam, *làm ơn*, xin vui lòng, tôi phải nói chuyện với ông.”

Nhận ra giọng nói đó, Ông cậu Paton mở cửa trước ra và cô Brown đứng là ngã nhào vào hành lang.

“Tôi phải nói chuyện với ông, nhất định phải nói,” cô Brown gấp gáp. “Tôi không biết dựa vào ai nữa. Tôi không biết phải làm gì bây giờ.”

“Làm ơn bình tĩnh lại đi, cô Brown,” Ông cậu Paton nhỏ nhẹ. “Cô dùng chút bánh mì hồi cá nhé?”

“Không, không, trừ khi, à... ề, vâng, tôi quá đói. Chồng tôi không nói chuyện với tôi nữa rồi.”

“Lạy trời! Thất thố quá.” Ông cậu Paton lọ mọ đi vào nhà bếp thắp nến. “Xin thứ lỗi vì không có điện. Hẳn là cô đã nhận ra điểm yếu nhỏ nhỏ của tôi.”

“Ồ, tôi không gọi đó là yếu điểm, thưa ông Yewbeam,” cô Brown ngồi vào chiếc ghế mà Ông cậu Paton kéo ra cho cô.

“Paton,” ông bảo. “Cô cứ gọi tôi là Paton.”

“Cảm ơn,” cô Brown có vẻ hốt hoảng. “Tôi là Trish.”

“Trish à. Tên đẹp quá.” Ông cậu rót cho cô Brown một ly rượu vang lớn. “Nào, có gì thế?”

“Vâng, à, tôi không biết Charlie có nói với ông chưa, tôi nghĩ là rồi, rằng tôi đang làm việc cho ngài Ezekiel Bloor. Cả hai chúng tôi, anh Brown và tôi.” Cô Brown dừng lại để thở. “Ngài ấy đề nghị chúng tôi rất nhiều tiền để tìm hiểu về những đứa trẻ ở Học viện Bloor.”

“Để do thám chúng chứ, phải không cô Brown?” Nghe có vẻ buộc tội trong giọng nói của Ông cậu Paton.

“Ờm...vâng!” Cô Brown thành linh bật khóc nức nở.

Ông cậu Paton đưa cho cô một chiếc khăn tay rồi đi tới bệ bếp, ông kẹp một miếng cà hời hun khói vào giữa hai miếng bánh mì, cắt đôi, xếp lên một cái đĩa nhỏ và bưng ra bàn.

“Cảm...cảm ơn ông,” cô Brown thút thít, lau mũi bằng chiếc khăn bàn Ông cậu Paton đưa. “Đã quá đủ rồi.”

“Cứ nói đi,” Ông cậu Paton khích lệ.

“Gì cơ?” Cô Brown có vẻ bối rối. “À, thế này, tôi đã phát hiện ra điều bí mật của một trong những đứa trẻ, cụ thể là Olivia Vertigo, nhưng tôi không thể để mình... khai ra cô bé. Chồng tôi biết được tôi nắm được điều gì đó nhưng tôi từ chối không nói cho anh ấy biết. Bây giờ tôi không biết phải làm gì nữa.”

“Patricia!” (*Ông cậu Paton không thích dùng tên tắt* *).

Cô Brown ngược lên nhìn ông, sợ hãi. “Dạ?”

“Sao cô lại còn nghi ngờ gì nữa chứ?” Ông cậu Paton nghiêm giọng. “Cô tuyệt đối không được thò ra lời nào về điều cô khám phá được. Hãy suy nghĩ kỹ coi, sự phản bội của cô sẽ gây hại gì cho Benjamin. Charlie sẽ không bao giờ nói chuyện với nó nữa, không bao giờ đến nhà cô nữa, không bao giờ chăm sóc con chó nhà cô nữa. Trước nguy cơ ly dị, tôi tuyệt đối cấm cô nói gì cho chồng cô biết. Anh ta rõ ràng không như cô.”

“Tôi không nghĩ việc này sẽ dẫn đến ly dị,” cô Brown bẽn lẽn bảo. “Chỉ là chúng tôi cần tiền. Ông biết đấy, chúng tôi vừa mua một chiếc xe hơi mới, và tiền trang trải...”

“Nếu cô cần tiền thì có vô khối việc cho những thám tử giỏi giang như cô chú,” Ông cậu Paton nói. “Hàng loạt các vụ cướp giết đột ngột gia tăng trong thành phố kia kìa, đó là chưa kể đến những vụ hỏa hoạn đáng ngờ, những tai nạn ám muội và những vụ giết người chưa tìm ra

manh mối. Hãy đi và bảo chồng cô rằng làm việc cho Học viện Bloor khiến cô phát bệnh, rằng cô hoàn toàn không biết gì cả, và rằng cô sẽ gục ngã mất nếu không được nghỉ ngơi.”

Cô Brown mỉm cười, “Vâng,” cô thở phào. “Tôi sẽ làm như thế. Cảm ơn ông, thưa ông Yewbeam. Ông khiến tôi dễ chịu hơn rồi.”

GUƠNG THẦN CỦA AMORET

Thật là tốt khi chẳng ai cần nhờ cậy đến May Phúc đánh thức mình. Con chó già đã ngủ như chết trong căn phòng dưới lòng đất của bà bếp trưởng.

Nhưng Olivia không bị lôi đi giữa đêm khuya, và **Charlie** có một giấc ngủ dài yên bình một cách hiếm có. Ông cậu nó, trái lại, cứ trần trọc bất an.

Không lâu sau khi cô Brown ra về, bốn bà chị của Ông cậu Paton cũng về nhà. Ông đang ở trong phòng mình thì nghe tiếng cửa trước nên một cái rầm, rồi đến tiếng xí xa xí xố trong hành lang. Ông dẫn đo xem có nên đi xuống và đối mặt với họ hay không. Cuối cùng ông tự nhủ là mình cần phải xuống. Có thể họ sẽ phớt lờ không thèm nghe ông nói, nhưng ông cần phải cố bắt họ lắng nghe, vì lợi ích của **Charlie**.

Khi Ông cậu Paton bước vào nhà bếp, ông thấy các bà chị của mình ngồi bên bàn, đang húp một thứ súp trông kinh tởm – nhìn như là súp bạch tuộc. Tất cả đều đang tranh nhau nói và không ai nhìn lên khi ông em của họ xuất hiện. Ông đã lẹ làng tắt đèn đi.

“Ồi giời, là nó đấy.”

“Cút đi.”

“Bật đèn lên!” Các bà chị của Ông cậu Paton nhao nhao gầm gừ ông.

“Tôi mà bật đèn lên thì các bà sẽ có mảnh thủy tinh trong súp,” Ông cậu Paton nói.

“Thế thì cút đi,” nội **Bone** nạt.

“Không,” Ông cậu Paton băng tới trạn bát đĩa và thắp lên hai ngọn nến.

“Tao không sao thấy được tao đang ăn cái gì,” bà cô Venetia rít lên.

“Thế còn tốt hơn đấy,” Ông cậu Paton nói, đặt nến lên bàn. “Trông gớm quá.”

Đồng loạt bốn tiếng thở hốc lên diên giận.

“Tôi muốn nói chuyện với các chị,” Ông cậu Paton lôi một chiếc ghế ở đầu bàn ra.

“Nói gì?” Nội **Bone** lộ vẻ thiếu kiên nhẫn.

“Về con dâu của bà.”

“Hứ!” Bà tiếp tục sục mặt vào món súp.

“Lạy trời, Grizelda, bà phải nhận thấy chuyện gì đang xảy ra chứ. Sự xuất hiện của tay bá tước – tên thầy bùa – đáng lý ra phải làm các bà choáng váng chứ. Các bà chắc chắn khoong thể tán thành những gì hắn đang làm đâu - lật tung thành phố lên, bóp vụn tâm trí người ta, đánh cắp mẹ của **Charlie**.”

“Bá tước Harken ấy, ngài rất hùng mạnh,” bà cố Venetia miệng nói tay sờ bông hồng lụa màu xanh lá cây gắn trên mái tóc đen của mình.

“Rất hùng mạnh,” bà cô Eustacia đệm nhịp đồng ý, vỗ vào chiếc trâm cài màu xanh lá cây trên ve áo mình.

“Rất mạnh,” bà cô Lucritie rờ một bên bông tai thủy tinh màu xanh lá cây lủng lẳng đáp trên vai.

Sự chú ý của Ông cậu Paton bị hút về cái lắc tay bằng đá màu xanh lá cây trên cổ tay nội **Bone** khi bà ta đưa muống súp lên miệng. Ông đứng dậy khỏi bàn. “Các bà làm tôi tởm lợm, tất cả các bà,” ông nói.

“Cảm giác tội này cũng tương tự,” bà cô Venetia gầm gừ.

Ông cậu chộp lấy vai bà chị lớn nhất. “Grizelda, con trai bà đâu?”

“Chết rồi!” Bà nói, vẩy tay ông ra. “Nào, để chúng tao yên.”

“Không phải!” Ông cậu Paton gầm vang. “Tất cả chúng ta đều biết Lyell không chết. Nhưng mà nó ở đâu? Bộ bà không nhận thấy gã bá tước của bà, cái tên thầy bùa lợc lõi ấy, đang cố làm cho Amy quên chồng cô ấy hay sao?”

“Chùng nào Amy còn nhớ tới Lyell, cô ta còn giữ hân bám víu vào cái thế giới này,” Eustacia, kẻ tiên tri, nói với ông, “Nhưng nếu cô ta quên chồng đi thì một ngày, một tuần, sau đó một tháng, hân sẽ biến mất vĩnh viễn. Không bao giờ trở lại.”

“Cô nàng đã tháo nhẫn của cô nàng ra rồi,” bà cô Venetia hể hả.

“Đó là bước đầu tiên,” bà cô Eustacia đế thêm. “Bây giờ chỉ có thằng bé mới có thể giữ cho thằng bố nó thoi thóp thôi.”

“Mà nó thì đến mặt cha cũng chả nhớ,” bà cô Venetia mỉm cười độc địa.

“Sẽ tốt hơn cho tất cả mọi người nếu Lyell **Bone** bị quên lãng,” bà cô Lucretia nói, liếc nhìn bà chị lớn của mình.

Gương mặt nội **Bone** trơ như tảng đá.

Ông cậu Paton tròn mắt kinh hãi nhìn họ. “Tôi không thể tin là mình lại được nghe những điều này. Bá tước sẽ đưa cô Amy vào quá khứ, vào tương lai, Ai biết là đi đâu. Ô, phải rồi, tôi biết về Gương Thần của Amoret. Các bà thật sự muốn **Charlie** mất cả cha lẫn mẹ sao?”

“Tội này hết hy vọng vào thằng **Charlie** rồi,” nội **Bone** thẳng thừng. “Có thời bọn ta tưởng nó

sẽ theo bọn ta, sẽ đặt tài phép của nó vào việc hữu ích. Nhưng nó quá giống thằng cha nó. Giờ thì ta nhận ra rồi. Không ai trong cha con chúng nó muốn theo bọn ta, muốn là một phần trong kế hoạch vĩ đại, kiểm soát thế giới của Ezekiel. *Chúng không chịu phục tùng!*”

“Bộ các bà không thấy điều đó là đáng tự hào à?” Ông cậu Paton lẳng lặng nói.

“Đồ ngu!” Nội **Bone** cay cú. “Đừng hòng có tương lai nào cho kẻ bơi ngược dòng nước. Mi cần phải xuôi dòng nếu mi muốn có quyền lực.”

“Xuôi dòng? Huỷ hoại cuộc đời người ta? Đánh cắp con cái người ta? Đó là những gì các người gọi là quyền lực ư?” Ông cậu Paton quay gót và rời phòng, run lên vì kinh tởm.

Tất cả điều này rồi sẽ kết thúc ở đâu? Ông âu sầu tự hỏi khi leo lên những bậc thang tối thui. Những ngón tay ông nắm phải mảnh giấy da dê trong túi áo và ông sức nhớ rằng vẫn còn hy vọng – nếu tìm thấy nhà vua.

Tại học viện Bloor, nguyên một ngày trôi qua mà cả cô Brown lẫn chú Brown đều không thấy đâu. **Charlie** bắt đầu hy vọng cha mẹ Benjamin đã đổi ý. Có lẽ họ không đang tâm đi do thám bọn trẻ.

Trong Phòng Nhà Vua tối hôm đó chả ai hé răng lấy một lời. Tất cả đều cắm đầu vào làm bài tập, tuyệt nhiên không đứa nào nhìn vào mắt đứa nào. Cứ như thể một cuộc đình chiến ngầm vừa được tuyên bố, mặc dù **Charlie** biết là điều đó sẽ không kéo dài. Bọn Joshua, Drocas Loom, hai chị em sinh đôi chỉ đang rình chờ cơ hội tốt và đang vận dụng công lực thôi. Còn về Manfred, chắc chắn ai đó sẽ phải trả giá cho bộ mặt sọc khủng khiếp của hắn.

Asa không ngồi chỗ thường lệ của nó bên cạnh Manfred, mà hơi tách ra một chút. Kể từ khi cái bóng đến đây, Asa có vẻ căng thẳng, cứ thối tha thối thỏm... hết như một con thú trong đàn thú kia, **Charlie** nghĩ.

Sau giờ làm bài tập, **Charlie** đuổi theo kịp Tancred và Lysander trước khi hai anh lớn lên tới phòng ngủ chung của họ. “Ngày mai chúng ta gặp nhau ở đâu đó được không?” **Charlie** hỏi thầm. “Em cần lời khuyên... à, thật ra là cần sự giúp đỡ của các anh.”

“Trong phòng vẽ, trước bữa tối,” Lysander liếc xuôi hành lang. “Manfred tới kìa,” anh hạ thấp giọng.

Charlie bước lùi lại, “Chúc ngủ ngon, Sander! Chúc ngủ ngon, Tanc!” **Charlie** la to khi hai anh lớn rảo bước đi khỏi.

Charlie biết mình sẽ không thoát dễ dàng như mấy anh. Ngay tiếp theo, nó cảm thấy một bàn tay nặng trĩu đè lên vai mình, nóng bỏng. **Charlie** nhăn lại đau đớn. “Úi da!” Nó ngược lên nhìn thẳng vào cái mặt lỗ rỗ của Manfred.

“Này, này, chống mắt nhìn kỹ đi,” Manfred hằn học. “Đẹp đấy chứ? Ông cậu mày chịu trách nhiệm cho điều này đấy.” Manfred giơ ngón tay chọc vào hai cái sọc lớn hơn.

Bị rơi vào tình huống đòi hỏi phải khéo léo, **Charlie** đáng lý ra phải thông cảm với Manfred, nhưng thay vào đó, nó lấp bấp, “Đó là lỗi tại thầy.”

“Tại tao á?” Manfred đục nắm đấm vào vai **Charlie**.

“Charlie vận vai thoát ra. Con đau xé gan. Y như một que cời nóng rực đâm vào bả vai. “Úi da! Đó là gì vậy?”

“Tao đã bảo mày trước rồi mà, hãy gọi tao là ngài.” Manfred giơ hai bàn tay lên, chĩa lòng bàn tay ra ngoài. “*Cái đó* là sự đau đớn, **Charlie Bone**. Hai bàn tay này chứa đầy sự đau đớn. Đừng có trêu chọc tao kéo lại khiến tao sử dụng chúng nữa bây giờ.”

Charlie nhìn thò lỗ vào tấm lưng của Manfred khi gã thanh niên cao nhòng, xương xẩu bước đi khỏi. Vậy là Manfred có một tài phép mới. Hắn đang trở nên giống như Borlath, con trai lớn nhất của Vua Đỏ, kẻ giết chóc bằng lửa. Tốt hết là loan ngay cái tin tức, **Charlie** nghĩ.

Buổi tối hôm sau, Fidelio xung phong lãnh phần làm Billy mất tập trung trong khi những đứa khác gặp nhau tại xưởng vẽ. Không phải là chúng không tin Billy, mà bởi vì nhiều đứa có pháp thuật vắng mặt quá thì dễ khiến người ta sinh nghi. Thật ra dùng xưởng vẽ làm nơi tụ họp là khá phiêu lưu. Rất có thể Joshua và Dorcas sẽ đột ngột xông vào. Cả hai đứa chúng nó đều ở khoa Hội hoạ, mặc dầu không đứa nào tỏ ra ham thích vẽ.

Charlie là đứa cuối cùng đến họp. Mãi nó mới xoay sở lên ra khỏi phòng ngủ chung được, trong khi Billy và Fidelio cãi nhau với Bragger Braine về việc chuột cống ăn đứt chuột đồng.

Nó thấy bọn bạn ngồi bệt dưới đất bên cạnh dãy cửa sổ dài nhìn ra vườn. Một bức tranh của Emma vẽ một con chim lớn đã che khuất bọn nhỏ – đó một bức tranh hết sức đẹp, **Charlie** xem xét nó dưới ánh sáng từ chiếc đèn bão mới của Lysander.

“Olivia đã kể cho bọn anh nghe về vụ bức tường,” Lysander nói khi **Charlie** quỳ gối xuống bên cạnh anh.

“Và bây ong nữa,” Tancred thêm vào, cười tí.

“Em cho rằng bây ong đã cứu sống em,” **Charlie** nói.

“Kể từ bây giờ tụi anh sẽ phải để mắt đến em, **Charlie** à,” Gabriel đề nghị. “Cái thằng Tilpin nhãi ranh đó đã nhất định ăn thua đủ với em rồi.”

Lysander mang theo một quyển sổ tay. Anh đề nghị cả bọn hãy lập bảng phân công để **Charlie** không bao giờ phải đi một mình trong giờ nghỉ giải lao đầu tiên ngày mai, thứ Năm.” Anh mở quyển sổ ra, đặt xuống đất và viết chữ “thứ Năm” ở trên cùng trang đầu tiên.

“Sander,” **Charlie** ngập ngừng. “Không phải là em lo lắng cho chính em đâu.”

“Ồ, em phải lo chứ,” Tancred nói.

“Em biết, và dĩ nhiên em cũng hơi sợ, nhưng mẹ em mới thật sự là đáng lo. Bằng cách nào đó em phải lấy cho được Gương Thần của Amoret. Nếu không thì em... em...”

“Không thì bồ làm sao?” Emma nhẹ nhàng hỏi.

“Em nghĩ cái bóng sẽ bắt mẹ em ra khỏi thế giới này. Hắn có thể đi chu du bằng chiếc gương, giống kiểu như em vậy. Mẹ em đã bị hắn ếm bùa rồi; mẹ đã quên mặt ba em, mẹ không bao giờ ở nhà; lần cuối cùng em gặp mẹ, mẹ đã nhìn sượt qua em, như thể em không tồn tại vậy.”

Lũ bạn của **Charlie** lộ vẻ khiếp hãi đến nỗi nó ước chi mình thu lại được những lời vừa nói. Nổi kinh hoàng dường như đã cướp sạch lời nói của bọn trẻ con, mãi cho đến khi Olivia cất tiếng, “Để tớ làm cho!”

Cả bọn nhìn con nhỏ, và Lysander hỏi, “Làm gì?”

“Để em lấy chiếc gương cho,” Olivia nói, mặt rạng rỡ.

“Em thậm chí còn không biết nó ở đâu cơ mà,” Tancred bảo.

“Chỗ nào có *hắn* là có nó, đúng chưa nào?” Olivia nói với giọng thực tế. “Charlie bảo bá tước Harken Badlock giờ là quản lý mới của Vương Quốc. Ờm, em biết chắc chắn rằng người chủ cũ sống trong một căn hộ sa hoa ở trên tầng chót của cửa hàng.”

“Vậy em định làm gì? Nâng chiếc gương ngay trước mũi *hắn* ư?” Tancred nói. “Đó là chưa kể em có vào được căn hộ gác mái đặc biệt của *hắn* hay không đấy, khi mà nó được hai tên tay sai đắc lực canh gác nghiêm ngặt suốt đêm ngày.”

“Đừng có giấu đi, Tancred Torsson,” Olivia phản đối kịch liệt. “Chắc chắn em sẽ đợi đến chừng nào tên bá tước đi khỏi. Thế nào *hắn* cũng sẽ đưa mẹ của **Charlie** đi du hí cuối tuần trên chiếc limo bóng lộn đó mà.”

“Trông bồ sẽ chẳng ăn nhập gì với Vương Quốc, Liv à,” **Charlie** nhận xét. “Mình không nói là bồ không bánh, hay là gì gì, nhưng có điều...”

“Thế mới là chỗ cho mẹ tớ xông vào,” đôi mắt xám của Olivia long lanh phấn khích. “Mẹ tớ mê làm cái gì đó đại loại như thế này chết đi được. Vừa rồi mẹ tớ cũng mới vào một vai gấm ghiếc như thế đấy. Tụi mình sẽ có được coi một màn ngoạn mục. Tin tớ đi. Trông mẹ tớ sẽ cực kì rực rỡ. Đội ngũ nhân viên ở Vương Quốc sẽ lăng xăng xoắn xuýt để làm cho mẹ tớ hài lòng. Tớ sẽ lên vô trong khi họ còn đang cúi chào với lại quỳ gối.”

Một quãng im lặng trong khi cả bọn tiêu hoá kế hoạch của Olivia.

“Mình nghĩ ý này tuyệt vời đấy,” Cuối cùng Emma nói.

Tất cả tán đồng.

“Chỉ có một điều,” Lysander nói, “em sẽ để cái gương ở đâu khi mà, à nếu mà em lấy được nó?”

“Nhà em,” Olivia đáp gọn lỏn. “Charlie có thể gặp em ở đó.”

“Tớ nghĩ bọn mình cũng sẽ tới đó luôn,” Lysander nhìn Tancred và Garbiel.

“Tất nhiên,” Tancred nhất trí.

Garbiel gật đầu sốt sắng.

Nguyên đám đứng lên, duỗi cánh tay và ngo ngoe những cẳng chân bị chuột rút vì ngồi lâu. Nhưng Lysander không để cho cả bọn đi về mà chưa lập kế hoạch phân công bảo vệ **Charlie**. Mỗi phút của mọi giờ nghỉ giải lao đều phải được tính đến. Fidelio sẽ được thông báo về nhiệm vụ của mình trong kế hoạch, ngay khi tụi nó tìm gặp riêng được cậu chàng.

Charlie hơi ngại ngùng trước toàn bộ sự sắp xếp này. Thật xấu hổ khi nghĩ mình không thể tự bảo trọng được cái thân mình. Song, cũng dễ chịu lắm khi biết mỗi bước chân ra ngoài nó sẽ không phải chỉ có một mình.

Kế hoạch của Olivia đầy ắp những nguy hiểm. Có rất nhiều kẽ hở khiến vụ việc có thể chệch

choạc, nhưng mà, kỳ nghỉ cuối tuần đã cận kề, tinh thần **Charlie** đang phần chấn hơn bao giờ hết. Vụ việc phải thành công. Không thể nghĩ tới thất bại.

Chẳng đứa nào phải biết tính sao với Billy. Thằng nhỏ không muốn ở thêm một cuối tuần nữa trong Học viện Bloor, nhưng nhà của **Charlie** không phải là nơi tá túc dễ chịu, với một bà ngoại bị đông cứng trong bồn tắm và một bà mẹ bị bùa mê khuất phục. Ngoài ra, không ai nghĩ được tài phép của Billy có thể giúp ích gì cho chiến dịch quá bất trắc này. Thằng bé chỉ tổ vướng chân vướng cẳng mà thôi.

“Billy có thể ở nhà mình,” Emma đề nghị. “Mình không nghĩ mình hữu ích gì nhiều trong vụ này.”

Billy rất háo hức với viễn cảnh nghỉ cuối tuần tại tiệm sách cô Ingledew. Không có chó cãi nhau với Rembrandt, chỉ có con vịt hiền lành để trò chuyện. Và dì của Emma lại là một đầu bếp xuất sắc.

Vào lúc mười một giờ ba mươi sáng thứ Bảy, cô Amy **Bone** ra khỏi căn phòng tầng trên cùng của mình. **Charlie** chắc hẳn sẽ không thể nào nghe thấy tiếng bước chân nhẹ nhàng của mẹ nếu không cố ý chờ nghe. Khi cô tới chân dãy cầu thang đầu tiên, **Charlie** bước ra ngoài chiếu nghỉ. Diện mạo của cô Amy khiến **Charlie** không thốt được lời nào. Mẹ nó diện áo khoác lông thú hào nhoáng và tóc mượt như lụa vàng. Hai hạt ngọc trai lớn treo tòn teng hai bên tai, còn móng tay thì sơn màu xanh lá cây chói lọi. Tim **Charlie** hụt mất một nhịp khi nó thấy chiếc nhẫn cưới của mẹ không còn nữa. Mà thay vào vị trí đó là chiếc nhẫn ngọc lục bảo to tướng, sáng chói lói trên ngón tay mẹ.

“Mẹ đi đâu vậy?” Nó ghen ngào hỏi.

“Đi chơi.” Cô đi xuống trong dãy cầu thang thứ hai trong đôi giày gót cao chót vót khiến dáng cô nhấp nhô như làn sóng.

Charlie đi theo mẹ, nhưng mẹ nó rời nhà mà không ngoảnh lại lần nào. **Charlie** chạy bổ vào nhà bếp và ngó trần trời ra cửa sổ khi chiếc limousine vàng choá đỏ xích bên lề đường. Mất một lúc **Charlie** mất hết tinh thần đến tê liệt, nhưng rồi, sức nhớ đây là giây phút mình đang trông đợi, nó nhào vô hành lang và gọi điện thoại cho Olivia.

“Alô!” Giọng hớn hờ từ phía đầu giây bên kia vang lên.

“Mẹ mình đi rồi,” **Charlie** thông báo. “Mẹ mình đi với...” Nó ngừng sựng, miệng vẫn còn há ra, nội **Bone** từ phòng khách xộc vào. “Con không biết nội ở nhà, nội!”

“Không biết hả? Mà đang gọi cho ai đó?”

“Alô! Alô!” Giọng của Olivia nổ lực bực ra khỏi ống nghe. Tất cả những tiết học kịch đã luyện cho con nhỏ một giọng nói rất rành rọt, réo rắt. “Cô ấy đi với ai, tay bá...”

Charlie bịt tay vào ống nghe. “Là bạn con, Olivia ấy mà,” Nó bảo với nội **Bone**. “Con đang định rủ bạn ấy đi ăn trưa, bởi vì mẹ đi ra ngoài rồi, và con không nghĩ là còn nhiều đồ ăn ở nhà.”

“Mày nghĩ đúng đấy,” bà nội nó nói. “Đi đi, đi mà rủ nó.”

Charlie dí ống nghe sát vào miệng, “Ừm, thì mình đã nói đấy, mẹ mình đi rồi... trên một chiếc xe lộng lẫy.” Nó cười toác hoác với nội **Bone**, “Vậy thì mình đến ăn trưa nhé? Bà nội mình, bà đang đứng đây này, bảo thế cũng được.”

“Tất nhiên,” Olivia nói bằng giọng khoái chí được kìm lại. “Mẹ mình với mình đã sẵn sàng rồi. Hẹn gặp lại, **Charlie**.”

Ông cậu Paton đã được thông báo về kế hoạch này, và mặc dù rất lo sợ tội nhỏ gặp nguy hiểm nếu có gì trục trặc, nhưng ông cũng thừa nhận là kế hoạch đó rất đáng thử, bằng không thì **Charlie** sẽ mất luôn cả mẹ.

Charlie giật chiếc áo khoác ra khỏi phòng mình và thò đầu qua cửa phòng Ông cậu Paton. “Mẹ con đi rồi, đi với kẻ-mà-ai-cũng-biết đấy, vậy là tất cả hệ thống đã khởi động,” nó báo cho Ông cậu.

Ông cậu Paton ngược mắt khỏi bàn viết. “Chúc may mắn!” Ông bảo. “Ta sẽ đợi.”

Cô Vertigo quyết định mặc áo khoác da màu đỏ bó sát người và đi boots đen cao gót. Thêm chiếc mũ bê-rê nhung đỏ và túi xách to vàng óng ánh nữa cho hoàn tất lệ bộ. Trông cô đến là choáng. Tuy nhiên, Olivia không muốn nổi đình đám như mẹ. Hôm nay nó đóng vai một tiểu thư rụt rè, bẽn lẽn. Với quần jeans tuềnh toàng, áo khoác vải len thô kiểu lính thủy, và mái tóc đã trở về màu nâu nhạt tự nhiên, trông con nhỏ đúng là hiện thân của sự ngây thơ.

“Con có mang theo điện thoại di động của con chưa?” Cô Vertigo hỏi con gái khi họ đến Vương Quốc.

“Trong túi quần con đây rồi,” Olivia đáp.

“Phải hứa gọi cho mẹ khi con gặp rắc rối đấy nhé.”

“Đương nhiên.”

“Hào hứng quá đi mất,” mẹ của Olivia nở với hai gã gác cửa một nụ cười rạng rỡ và họ lập tức nhảy xổ tới mở cửa ra rộng hết cỡ.

Olivia và cô Vertigo bước vào cửa hàng hơi âm u dịu dàng, toả hương thơm ngọt ngào, và đông đến không ngờ.

“Bán giảm giá!” Cô Vertigo reo mừng. “Ôi, Liv, thú vị quá! Chúng ta hãy bắt đầu với khăn quàng cổ chứ nhỉ?”

Olivia theo mẹ sàng tới quầy trưng bày khăn quàng cổ muôn màu sắc sỡ. Cô Vertigo liền thưởng thức thú vui của mình. Cô đã có sẵn bốn cây son bóng từ màu hồng nhạt cho đến đỏ tươi. “Tôi muốn lựa một chiếc khăn tiếp màu với từng cây son này,” cô bảo với người bán hàng. “Chúng phải bằng lụa thiên nhiên, không quá vuông mà không quá dài, và hy vọng, giảm giá chỉ còn nửa giá,” cô chớp chớp hàng mi giả của mình.

Trong lúc một nhóm nhân viên cửa hàng ăn mặc lịch duyệt vây quanh mẹ Olivia, nồn nả, riu rít mời chào, Olivia lĩnh đi khỏi. Lách len qua đám đông đang sẵn hàng đang trả giá, con nhỏ chạy tới thang máy và nhảy vào, vừa lúc cửa đóng sập lại. Một cặp vợ chồng già mỉm cười với nó đầu kia thang máy. Cả hai đều mặc áo khoác ca rô màu nâu và đội mũ phớt vải nỉ mềm.

“Đôi?” người đàn ông hỏi lơ ngơ giọng nước ngoài.

“Đôi?” Olivia không hiểu.

“Ông ấy hỏi cháu lên tầng hai à,” người phụ nữ già giải thích, thúc vào người ông chồng “Ông ấy hay nói sai lầm. Tiếng Anh của bà khá hơn.”

“Cảm ơn ông bà, không ạ. Không phải tầng hai,” Olivia trả lời.

Người đàn ông lại hỏi. “Ba. bốn?” Ngón tay ông rà rà trên bảng bấm số.

“Đồ chơi,” Olivia đáp

“À, đồ chơi,” người đàn ông thở dài. “Ước gì ta biết nó ở tầng mấy.”

“Nhanh lên, Herman. Chúng tôi đi đây, bái bai.”

Cửa thang máy mở và họ lუმ cụm bước ra ngoài, người phụ nữ vẫy tay nhẹ và ông Herman vẫn khổ sở lắm bấm về đồ chơi.

Cuối cùng được ở lại một mình, Olivia nhấn một nút không đề số và thang máy vút lên tầng trên cùng của toà nhà. Khi cửa mở, Olivia hé nhìn ra. Cách đó vài mét có một gã đàn ông phương phi đang ngồi đọc báo, bàn chân gã dường như chìm hẳn vào một biển lông màu đen trải khắp, đến tận cùng dãy hành lang dài. Bên cạnh gã đàn ông đó là cánh cửa kính trắng có gắn chữ “Noble” bằng đồng.

Olivia nghĩ nhanh. Cửa thang máy đang bắt đầu đóng. Nó lại nhấn nút lần nữa. Khi cửa thang máy mở ra lại, bỗng nghe có tiếng chiêm chiếp lớn. Gã đàn ông cầu nhàu, đặt tờ báo xuống và lao vội tới cuối hành lang, nơi đó một con chim vỗ cánh phành phạch quanh hệ thống đèn chiếu sang.

Olivia vội chạy ra khỏi thang máy, hướng tới cánh cửa đề chữ “Noble”. Cửa không khoá. Olivia lén vào trong và nhẹ nhàng đóng cánh cửa lại sau lưng.

Thảm lông màu trắng ngập tới mắt cá chân, Olivia ngó quanh căn hộ quái dị. “Không có thời gian để dòm ngó, Liv,” nó tự nhủ, trong khi nhìn lướt qua chiếc ghế sofa bằng da ngựa lùn, mấy cái bàn bằng ngà voi và những con chim nhồi bông trông đến phát kinh.

Có hai cánh cửa dẫn ra khỏi phòng khách rải lông. Olivia thử đẩy cánh cửa gần nhất. Cánh cửa mở vào một tủ quần áo rộng thênh thang, có thể đi hẳn vào được. Bộ nào không bằng lông thú thì cũng màu xanh lá cây. Một tấm gương dài treo trên tường. Nhưng không có dấu hiệu gì của chiếc gương nhỏ cổ xưa. Olivia lùi trở ra.

Cánh cửa thứ hai dẫn vào một căn phòng hứa hẹn hơn nhiều. Một cái giường bốn cọc khổng lồ lù lù ngay giữa phòng, phủ kín những tấm tranh thêu trông có đến hàng trăm tuổi.

Làm thế quái nào mà chúng lên được tới đây? Olivia thắc mắc. Cái giường khổng lồ trông như ảo ảnh, một thừa mà chính Olivia cũng có thể làm ra. Ngay lập tức, nó đã có câu trả lời. Cái giường đúng là do phù phép mà thành. Cả cái tủ com-mốt đen thui dựa vào tường cũng vậy. Chúng không phải là ảo ảnh mà là những vật dụng cổ xưa được mang tới đây bằng ma thuật.

Một cái ghế gỗ to dềnh dàng dựng ở góc phòng. Trông nó xưa xửa xừa xưa với lưng ghế cao cong gồ lên và hai tay ghế dày bị mối ăn. Olivia đã từng thấy một chiếc ghế như vậy trong viện bảo tàng địa phương.

Lão bá tước cất cái gương ở đâu? Có lẽ hẳn không bao giờ để xa khỏi tầm mắt của hẳn. Bàn thì trống lốc, còn ghế thì thậm chí không có lấy một miếng lót đệm bên trên. Olivia tiến đến cái giường. Không có gì ở dưới gối hay ở giữa những tấm trải trắng toát, hồ bột cứng. Nó đi đến tủ com-mốt. Bắt đầu từ ngăn kéo trên cùng, nó mở ra, rồi mở tiếp từng cái một.

Rỗng không, rỗng không, rỗng không. Trái tim Olivia chìm lỉm. Nó phải quỳ gối xuống sàn nhà để lôi cái ngăn kéo cuối cùng ra. Cái này rít kìn kít và run lên bần bật khi Olivia giật tay nắm, nhưng nó chỉ hé ra được có vài phân. Olivia dứt hẳn cả cánh tay vào và khua khoắng lục lọi. Ngón tay nó chạm vào cái gì đó lảng lảng, đẹp đẹp, ở tuốt trong cùng. Từ từ, Olivia khều vật đó ra trước và lôi khỏi ngăn kéo.

Đáng lẽ ra chẳng có gì ngạc nhiên khi mà món đồ ta hy vọng tìm hóa ra lại nằm ở chỗ mà ta ít mong chờ nhất. Tuy nhiên Olivia sững sờ với khám phá của mình đến mức nó phải ngồi bệt xuống trên hai gót chân và hít thở thật sâu vài hơi liền mới hồi tỉnh để ngắm nghía cái vật đang nằm trên đùi mình.

Đó là một cái gương – rất cổ xưa, xét theo diện mạo của nó. Vòng tròn thủy tinh, nếu ta gọi đó là thủy tinh, được khéo léo gắn vào một khung vàng tinh tế. Những hoa văn kỹ xảo được khắc vào vàng: Hình những chiếc lá, những chú chim và hình những sinh vật nhỏ xíu có mắt cần đá quý đang nhảy múa. Cán gương hình ô-van dài bằng bạc và vàng xoắn vào nhau, và khi Olivia cầm cái cán, nó cảm thấy một luồng hơi ấm toả khắp người. Từ từ, nó đưa gương lên mặt soi. Không có hình phản chiếu. Mình là ma cà rồng chẳng? Olivia chột dạ, nheo mắt vào khoanh thủy tinh. Mình đang ở đâu đây?

Một màn sương mỏng cuồn cuộn trên bề mặt thủy tinh, nhưng dù cố căng mắt, Olivia vẫn không thể thấy gì đằng sau màn sương. Sự nhớ ra sự nguy hiểm của phi vụ, con nhỏ lật đật đóng ngăn kéo lại và nhét tấm gương vào trong túi chiếc áo khoác len thô của mình. Lúc vào nó đã quên không làm cho con chim ảo của mình biến đi, và tự hỏi liệu tên lính gác đã phát hiện ra đó chỉ là ảo ảnh hay chưa. Nó cần phải tạo ra thứ gì đó kịch tính hơn để đánh lạc hướng hẳn lần thứ hai. Nhắm mắt lại, nó hình dung khói bốc lên từ tấm thảm len. Nó không quên dặm thêm mùi lông cháy khét lẹt, mà nó phải tưởng tượng ra bởi vì nó chưa ngửi thấy cái mùi đó bao giờ.

Đi nhón gót qua căn hộ, nó áp tai vào cánh cửa chính. Có tiếng chửi rủa đâu đây xa và tiếng bước chân thỉnh thoảng vọng vào tại nó. Nín thở, Olivia mở cửa, lén ra và nhẹ nhàng đóng lại ngay. Khói giả đã tạo nên vỏ lừa. Ở đầu đằng kia hành lang, tên lính gác kinh hoàng đang nhảy bạch bạch cả hai chân trên tấm thảm cháy sém. Ngay khi mảng khói này biến mất thì một mảng khói khác lại xuất hiện.

Olivia chạy bay tới thang máy và nhấn nút. Thang máy đang bận. Nó lại nhấn nữa, nhấn nữa, nhấn nữa. Tên lính gác lấy hơi trong cuộc chiến với tấm thảm. Hẳn vò đầu và nhìn xuôi xuống hành lang. Olivia nép rúm vào cánh cửa thang máy. Một tiếng *bing* lớn, sắc gọn. cửa mở ra và nó lùm chum chồm vào, hồi hả vừa nhấn nút xuống tầng trệt vừa lão đảo dựa lưng vào bức tường phía sau.

“Ê!” Tên lính gác gọi to.

Nhưng Olivia đang trên đường đi xuống, mừng rơn vì thang máy không dừng lại lần nào cho tới khi xuống tới tầng trệt. Làm ra vẻ tỉnh bơ hết sức, Olivia chạy ù ra chỗ mẹ nó. Mặc dù người đông nghìn nghịt nhưng Olivia chẳng khó khăn gì mà không xác định được cái áo khoác đỏ chói lọi của cô Vertigo. Lúc này cô đang bận rộn ở quầy bán đồ trang điểm. Khi Olivia tới nơi, nó thấy trên quầy sắp lũng củng những kem, phấn, bút chải mascara, chổi và chai lọ.

“Mẹ, chúng ta đi thôi,” Olivia giục.

Cô Vertigo quay qua và thấy gương mặt hốt hải của con gái. “Ờ, ờ,” cô nở với người bán hàng một nụ cười thiếu não. “Xin lỗi, chúng không phải là những thứ tôi muốn. Chẳng có món nào được cả. Cám ơn cô rất nhiều.”

Người bán hàng trợn mắt nhìn đồng bừa bộn trên quầy khi Olivia lôi mẹ nó đi khỏi.

“Việc có thành không?” Cô Vertigo hỏi.

Olivia gật đầu.

Vừa ra đến ngoài đường, họ va thẳng vào cô Chrystal, cô này, thật không thể tin nổi, đang nắm tay Joshua Tilpin.

“Cô Chrystal đó à?” Cô Vertigo nói bằng giọng xởi lởi, phô trương quá sức. “Cuộc mua sắm này hay quá, cô nhỉ? Ô, ai đây?” Cô mỉm cười với Joshua.

“Một trong những học sinh của tôi,” cô Chrystal đáp nhẹ hều. “Tên cậu ta là Joshua. Nhà trường yêu cầu tôi đi mua cho nó một chiếc áo sơ-mi mới.”

“Một chiếc sơ-mi đắt tiền cho một thằng bé!” Cô Vertigo nhận xét, nháy mắt tới những cây cột cẩm thạch của Vương Quốc.

Cô Chrystal giả tảng ngó lơ lời nhận xét và hối hả lôi Joshua vào trong cửa hàng.

“Tội nghiệp thằng bé,” cô Vertigo xuýt xoa. “Trông nó lẻo khẻo thương tâm quá.”

“Mẹ đừng có tin như thế, mẹ,” Olivia cặp hằn cánh tay mình vào cánh tay mẹ. “*Làm ơn* nhanh lên.”

Charlie đang đứng trên những bậc tam cấp nhà cô Vertigo khi Olivia và mẹ về đến nhà. Nó biết sứ mệnh đã thành công ngay khi vừa trông thấy gương mặt cười cười nhưng lo âu của Olivia.

“Hai mẹ con tớ đã đâm sầm vào Joshua và cô Chrystal,” Olivia báo với **Charlie** khi tất cả đi vào tiền sảnh rộng thênh thang nhà Vertigo. “Chắc chắn họ sẽ nghi ngờ và tớ nghĩ tên lính gác đã trông thấy tớ.”

“Hãy cứ hy vọng là không nhìn thấy hấn đi.” **Charlie** nói. “Cho mình xem cái gương được không, Liv?”

“Đúng đấy, chúng ta cùng xem nào. Cô không chờ nổi nữa rồi,” Cô Vertigo quăng áo khoác lên mắc và đẩy bọn trẻ vào phòng khách.

Olivia rút cái gương ra thì bỗng có tiếng nổ lớn ở trước cửa. Ngay lập tức có hai hình hài xuất hiện bên ngoài cửa sổ kiểu Pháp.

Cô Vertigo thét lên.

“Không sao đâu mẹ,” Olivia nói. “Đó là Tancred và Lysander. Các anh ấy đến để trợ giúp đấy.”

“Và chúng ta sẽ cần các anh ấy,” **Charlie** nói khi một tiếng nổ nữa rung chuyển cả ngôi nhà. “Xem ra bồ có đuôi bám rồi, Liv.”

TÊN THẦY BÙA VÀ NHỮNG ĐỨA TRẺ ĐƯỢC BAN PHÉP THUẬT

Tancred và Lysander không thích gì bằng được thách thức. Không cần nhìn chúng cũng biết những vị khách không mời mà đến nhà cô Vertigo là ai. Tiếng sửa gắt gỏng đã tố cáo tất cả, “Lũ chó săn,” Lysander nói.

“Bọn nhà Loom!” Tancerd cười như đã biết chuyện. Ngược lên trời, chú giơ hai tay lên. Chớp mắt sau, một thác nước từ trên cao đổ xuống, hết như một cửa cống từ trong mây mở ra.

Olivia mở những cánh cửa sổ kiểu Pháp* cho Lysander chạy vào nhà. Mưa vẫn chút trên đầu Tancred như thác. Chỉ trong tích tắc, chú đã đứng trong xấp xỉ ba phân nước, với chớp rạch ngoằn ngoèo qua bãi cỏ phẳng lì nhà cô Vertigo thành những dải ánh sáng lóa mắt.

“Cậu ta bị sét đánh bây giờ,” cô Vertigo hốt hoảng. “Ai đó lôi cậu ta vào mau.”

“Cậu ấy không bị sét đánh đâu,” Lysander bảo cô. “Cậu ấy làm ra thời tiết mà.”

Olivia chạy vào nhà bếp, nơi có một cửa sổ nhỏ nhìn ra đường. Đứng chòm nhum trên bậc thềm, bọn anh em nhà Loom đang chơi với khổng chế lũ chó của chúng. Những sinh vật phát rồ đang lồng lộn căng dây xích, cố chạy thoát khỏi cơn bão.

Vừa nguyên rửa cái tình thế khó xơi này, bọn anh em nhà Loom vừa hậm hực cút khỏi ngôi nhà và loạng choạng chạy qua mưa, bị lũ chó điên lôi đi.

Olivia chạy trở vào phòng khách và thông báo, “Bọn chúng chuồn rồi!”

“Ồ hay quá,” cô Vertigo mừng rỡ, cô vốn là người hoàn hồn rất nhanh sau biến cố, như thể nó chưa bao giờ xảy ra vậy. “Các cháu gọi anh tóc vàng vào được rồi đấy, xong chúng ta sẽ xơi bánh bơ xốp.”

“Cháu e là chưa xong đâu, thưa cô Vertigo,” Lysander nói. “Bọn anh em nhà Loom là đồ vớ vẩn so với những gì sắp xảy ra.”

“Cháu định nói về cái tay thầy bùa đó chứ gì? Hẳn cũng không làm cô hoãn được bữa trà của mình đâu,” cô Vertigo nhận xét với vẻ bình tĩnh lạ kỳ. “Cứ nghĩ mà xem, chúng ta vẫn chưa ăn trưa cơ mà, đúng không?”

“Xin phép cô,” **Charlie** khê khàng nói, “cháu không thể ăn được gì vào lúc này cả. Cháu chỉ muốn xem cái gương thôi.”

Olivia lôi chiếc gương ra khỏi túi áo nó một cách bay bướm. “Đây!”

“Ồi trời ơi!” Người mẹ thốt lên. “Tuyệt, tuyệt, tuyệt đẹp.”

“Gê quá,” Lysander ngó vào khoảng thủy tinh. “Nhưng nó không phải là gương. Cháu chẳng trông thấy gì cả.”

“Thật nhẹ người,” Olivia nói. “Vây mà em cứ tưởng mình là ma cà rồng chứ.”

“Cho mình xem?” **Charlie** vươn tay ra.

Olivia đưa cho nó chiếc gương, “Đằng ấy định làm gì với nó vậy, **Charlie**?”

“Mình vẫn chưa nghĩ ra, mình chỉ muốn gạt nó ra khỏi tên bá tước thôi. Nhưng bây giờ...” **Charlie** nhìn màn sương phủ trên bề mặt gương. “Mình muốn ở lại một mình với nó một chút.”

“Dĩ nhiên, **Charlie**,” Olivia dẫn **Charlie** lên phòng của nó. Con bé để **Charlie** ngồi lên giường thì thào “chúc may mắn” rồi đóng cửa lại, để **Charlie** bên trong.

Trong vài giây **Charlie** sợ đến nỗi không dám nhìn cái gương lần nữa. Nó nhắm mắt lại và lời của Ông cậu Paton vang về với nó. “Hãy nhìn vào gương và người mà cháu ước ao được thấy sẽ hiện ra. Nếu cháu muốn tìm người đó, hãy nhìn thêm lần nữa, và cái gương sẽ đưa cháu đến chỗ họ, cho dù họ ở bất cứ nơi nào.”

“Nhưng mình không thể nhớ mặt ba,” **Charlie** thở dài. “Ai đó giúp tôi với.”

Nó cảm thấy có gì đó quét nhẹ nơi cổ mình, và con bướm bay đậu lên khung vàng của chiếc gương và nhẹ nhàng vỗ đôi cánh bạc. Màn sương mù phía trên mặt gương bắt đầu tan đi.

“Làm sao mình nhớ ra đây?” **Charlie** khẽ hỏi con bướm trắng.

“Hãy nhớ những gì người có thể nhớ,” một giọng vang tới.

Charlie nghĩ ngược về quãng thời gian trước khi nó sống trong căn nhà Filbert. Nó nhớ tới một nhà bếp sáng trưng; nó còn rất bé bởi vì gấu váy bông bênh của mẹ chạm gần sát mặt nó. Mẹ đang ngâm nga theo điệu nhạc từ một phòng khác vọng sang. **Charlie** rời nhà bếp và bước qua hành lang. Nó đẩy mở một cánh cửa và bước về phía những cái chân thanh nhả của cây đàn piano lớn. Những tấm rèm cửa trắng tinh bay phồng lên theo cơn gió lùa qua cửa sổ. Người đàn ông ngồi bên cây đàn piano quay lưng lại **Charlie**. Ông mặc áo khoác màu nâu và mái tóc đen dày chấm cổ áo. Ngón tay ông lướt trên phím đàn, nhưng **Charlie** bước vòng qua ghế đầu, người đàn ông ngừng chơi và nhìn xuống. “Chào **Charlie**!” Ông nói.

Sự choáng váng vì nhận ra suýt khiến **Charlie** mất ý thức. Nó từng thấy người đàn ông này rồi. Thấy nhiều lần nữa là khác. Mới cách đây một tuần thôi nó còn nói chuyện với ông, mà không biết ông là cha mình. Năm chắc gương hơn nữa, nó nhìn trân trân vào đôi mắt đen biết cười ấy cho đến khi cảm thấy mình trôi đến gần hơn. Khi gương mặt cha nó bắt đầu lùi xa, nó thét lên. “Đưa ta đi theo ông ấy,” và chiếc gương làm theo.

Giờ thì nó đã ở trong một căn phòng khác: đó là phòng nhạc trong Học viện Bloor. Nhưng ở đây cây đàn piano im lìm. Bởi vì người nghệ sĩ dương cầm đang chống gập hai cánh tay lên bàn phím và gục đầu xuống.

“Ba!” **Charlie** vỗ vào vai người đàn ông. “Là con đây, **Charlie** đây!”

Đôi mắt đen không còn cười nữa. Trông chúng vô hồn và u ám.

“Ba vẫn mê ngủ phải không? Ba phải nhớ ra con. Con không bao giờ thôi nghĩ về ba. Không bao giờ. Làm ơn cố nhớ đi. Xin ba nói gì đó đi. Đi mà ba...” **Charlie** lay vai ba nó, lần này thật mạnh.

Không hề nhúc nhích, người đàn ông phều phào. “Không còn lại gì. Đi đi.”

Một tiếng thét vượt ra khỏi **Charlie**. Tiếng thét không giống như bất kì âm thanh nào nó từng nghe. Và rồi **Charlie** bị lôi xềnh xệch đi. Gương mặt ba nó bắt đầu mờ dần và **Charlie** quay

mòng mòng qua không khí, lúc bị nhồi lên nhồi xuống, lúc lại trôi ngửa ra. Nó bắt đầu trông thấy chiếc gương trở lại, lấp lóa qua màn sương mù, nhưng mặt gương trống trơn. Gương mặt nhìn ra **Charlie** đã mất.

Với một cú xốc mạnh, **Charlie** đáp phịch xuống giường. Olivia đang đứng trước mặt nó, tay cầm chiếc gương.

“Charlie, đằng ấy rú khiếp quá,” Olivia nhìn vào mặt **Charlie**. “Tớ nghĩ chiếc gương làm đằng ấy sợ bạt vía. Vì vậy tớ lấy nó ra khỏi tay đằng ấy.”

Charlie chớp mắt, “Chính xác là mình không sợ.”

“Đằng ấy có thấy ba không?”

“Có, Liv à, mình nghĩ là ông sắp chết.”

Giọng **Charlie** yếu đến nỗi Olivia không chắc mình nghe có đúng không. “Chết?” Con bé hỏi lại. “Đằng ấy nói là chết?”

“Sắp chết.”

Vừa lúc đó một tiếng gầm đình tai làm rung chuyển toàn bộ ngôi nhà.

“Hắn tới!” Bất thần hoảng sợ, **Charlie** chạy ào ra cửa sổ.

Tancerd không ở một mình. Phía đầu kia khu vườn, một gã đàn ông lạ mặt cao lớn đang đứng, hằn mặc áo thun xanh lá cây sáng chói. Mớ tóc rậm rịt của hắn nhuộm vàng với cái mũi khoằm khoằm hệt như mỏ điều hâu.

“Lão ta không giống cái bóng,” Olivia nhận xét, “mà trông giống đúng là kẻ xài thuốc lú.”

Charlie chưa kịp đáp lại, Tancred đã vung cánh tay ra trước và một luồng chớp hình vòng cung từ tay cậu bắn về phía gã đàn ông xanh lá cây. Tên thầy bùa bị chớp gọn vô luồng chớp và trong nháy mắt, hắn bị hất ngược trở lại, cách xa cậu bé thời tiết tới vài mét. Nhưng Tancerd đã kịp phát ra một dải ánh sáng trắng toát nữa, bao lấy tên thầy bùa như một tấm vải liệm.

Olivia và **Charlie** sững hồn khi gã bá tước ra khỏi tấm vải liệm và phóng một tia lửa rồng rắn xẹt qua cỏ. Lửa bắt đầu bò quấn quanh thân hình Tancred và cậu quý gối xuống, không sao cựa quậy được bàn tay hay tự vệ.

Tên thầy bùa xông tới, mỉm cười.

Charlie quay đầu ra khỏi cửa sổ, gào to. “Không thể để việc này diễn ra được.”

Nhưng Olivia đã nín nó lại, “Coi! Coi kìa!” Con nhỏ ra lệnh.

Một thân hình đã chạy băng băng tới, chặn giữa Tancred khi tên thầy bùa hùng hổ đi về phía hai người.

“Đó là Gabriel,” **Charlie** thốt lên, không tin được.

“Anh ấy mặc gì thế?” Olivia dí sát đầu vào tấm kính cửa sổ. “Một chiếc áo choàng xưa.”

“Áo choàng của Vua Đỏ,” **Charlie** thở hì hụi. “Nó là của gia đình anh ấy, dòng họ Salutatis.”

“Gã thầy bùa không thể chạm được vào Gabriel. Nhìn lửa kia, **Charlie**.”

Mỗi vết chớp, mỗi dải lửa mà tên thầy bùa phóng vào Gabriel đều lướt sượt qua áo choàng của anh rồi lụi đi.

Tức giận điên cuồng, tên bá tước chạy xô vào Gabriel, nhưng chỉ tổ bị chặn bởi một bức tường vô hình; miệng há hốc ra thất kinh, hai bàn tay hấn nhoài về phía chiếc áo choàng, nhưng không thể nào chạm được vào nó.

“Hắn bại rồi,” Olivia reo hò, có phần quá sớm.

Tên thầy bùa ngược lên nhìn thấy con nhỏ, và bỏ dở cuộc tấn công Gabriel đấy, hắn chạy bổ về phái ngôi nhà. Tiếng kính vỡ lạn rạn kéo **Charlie** và Olivia chạy bay xuống cầu thang. Chúng xông vào phòng khách, nơi cô Vertigo đứng chết trân trước cửa sổ vỡ vụn. Ở ngoài cửa, tên thầy bùa nhìn cô chăm chăm bằng đôi mắt xanh lá cây hiếm độc.

“Xin lỗi, cô Vertigo,” Lysander nói, đẩy cô ra khỏi cửa sổ. Không để cho cô có thời gian phản kháng, anh nhắc bổng cô lên và khiêng cả thân người cô vào nhà bếp. “Tốt hơn là cô ở đây.” Anh hạ cô xuống đất với nụ cười bên lên. “Và khóa cửa lại nữa.”

“Tôi không có ý định khóa mình ở đây mà không hành động,” cô Vertigo phản đối không ra hơi. Giây kế tiếp đến là một tiếng đổ sầm lớn hơn từ phòng khách.

“Thế thì xin cô đóng cửa lại,” Lysander giật cổ tay Olivia và lẳng con nhỏ vào với mẹ nó.

“Này! Sao anh dám...?” Olivia cắn phần la lên.

“Bồ sẽ an toàn ở đây, Liv,” **Charlie** nói. “An toàn hơn nếu không có chiếc gương.” Nó giằng lấy chiếc gương khi những tiếng bước chân tiến tới, đập rầm rắc lên thủy tinh bể.

Charlie có thể cảm nhận được ánh mắt xanh lá cây của tên thầy bùa xoáy trên sau lưng mình, và bàn tay cầm gương của nó run dữ dội. “mình không sợ,” nó tự nhủ. “Mình sẽ không buông xuôi.”

“*Mày sợ. Mày sẽ thua.*” Dường như có giọng nói kinh khủng sâu tận trong đầu **Charlie**.

“Không đời nào,” **Charlie** quay qua để đối mặt với tên thầy bùa.

Một thân hình đen lù lù đứng ở đầu kia hành lang dài lát gạch bông. Charlie nheo mắt nhìn vào bóng tối. Phải đó là hắn? Phải chăng hắn đã biến lại thành cái bóng?

“Đưa nó cho tao thì sẽ không có thiệt hại gì xảy ra.” Đây là một giọng hoàn toàn khác, nhẹ ru và đầy sức thuyết phục. “Mày không cần nó làm gì cả, **Charlie**. Mày có thể chu du bất cứ khi nào mày muốn cơ mà.”

Charlie bước một bước về phía hình thù như cái bóng.

“Đừng!” Lysander rú lên. “Đó là trò lừa đấy.” Anh nhào vô giữa hành lang và bắt đầu quay, quay tít, càng lúc càng nhanh hơn, trong khi miệng ậm ừ thứ ngôn ngữ lạ lùng, du dương như khúc nhạc. Khi anh ngừng lại, **Charlie** có thể nghe thấy tiếng trống dồn từ xa, mỗi giây mỗi rõ rệt hơn.

“Những vong hồn tổ tiên anh,” Lysander nói.

Mình không cần trợ giúp, **Charlie** nghĩ. Mình mạnh mẽ. Mình có thể đuổi con ma quật quẹo đó cút đi.

Charlie tiến càng gần tới cái bóng thì tiếng trống càng dồn dập hơn, cho đến khi hành lang tràn ngập tiếng bập bùng.

“Cái gì thế?” Tên thầy bùa hỏi. “Giai điệu vui tươi để đệm cho ta nhảy múa à? Đồ ngu!”

Một ánh chớp chói lóa cho **Charlie** thấy không phải mình đang đối mặt với cái bóng ảo lả. Mọi chỉ tiết về tên thầy bùa hiện ra mồn một trước mắt **Charlie**: áo thụng xanh lá cây hoa văn vàng, thắt lưng da nạm hạt, thanh gươm trong bao khảm ngọc và áo choàng không tay màu xanh lá cây đậm viền ngọc trai.

“Đưa ta chiếc gương,” tên thầy bùa ra lệnh, “trước khi quá trễ.”

“Không bao giờ,” **Charlie** giấu chiếc gương ra sau lưng.

Tiếng trống thỉnh linh dừng lại, và giữa khoảng lặng đột ngột ấy, một đội quân da đen xuất hiện. Áo thụng trắng, mang vũ khí sáng loáng: gươm, dao và rìu.

“CHAAA!” Tên thầy bùa rút gươm của hắn ra và chém gươm veo veo xuống nền gạch lát, một rừng chông nhọn sắc trời lên. Lysander và **Charlie** cố bấu chặt vào bức tường một cách vô ích, mặt sàn giật mạnh đến độ tổng chúng khuỵu gối xuống. Charlie ôm chặt chiếc gương mặc dù nó muốn buông ra, dù chỉ một giây thôi, để có thể đứng lên.

“Giữ chắc lấy, **Charlie**,” Lysander gào khản cả giọng.

Những chiến binh áo thụng trắng giờ đang đung đưa vũ khí của họ ngang sàn nhà. Sàn nhà ngừng giật và những mũi chông nhọn khủng khiếp rũ gục cả xuống như những bông hoa héo. Charlie và Lysander đứng dậy được, liền dựa vào tường để giữ thăng bằng.

Tiếng thét thứ hai của tên thầy bùa thật buốt óc, **Charlie** phải bịt tai lại. Chiếc gương tuột khỏi tay nó nhưng Lysander kịp thời chụp lại kịp thời. Và rồi trận chiến bắt đầu màn gay cấn nhất.

Tên thầy bùa phun lửa và băng vào những linh hồn đang tiến tới. Hắn gọi ra một cơn bão bọ cạp, một tên khổng lồ man rợ, một con hổ răng kiếm và một con rồng hai đầu, nhưng những linh hồn đều quét sạch hết, như thể những thứ kia làm từ giấy.

Olivia và mẹ nó không cưỡng nổi ý muốn phải mở híp cửa bếp ra kêu đánh két. Quang cảnh trận địa quá sức tưởng tượng khiến cô Vertigo tự hỏi không biết hành lang nhà mình có bao giờ trở lại như cũ không.

Cuối cùng, thét lên một tiếng căm hờn, tên thầy bùa rút lui. Đến lúc biến mất, hắn rụi đi chỉ còn là một phiên bản rúm ró và eo uột của hắn trước đây.

“Đừng để bị lừa, **Charlie**,” Lysander cảnh báo. “Anh không nghĩ hắn đã chịu thua rồi đâu.”

Làm xong sứ mạng, những tổ tiên của Lysander bắt đầu mờ đi, chỉ còn chớp bạc thi thoảng nhá lên, là cái dấu hiệu duy nhất cho biết, mới đây thôi, hành lang này còn rùng rùng những hiệp đấu.

Khi Tancred và Gabriel vào nhà qua những cửa sổ vỡ, cô Vertigo quyết định tất cả phải ăn mì spaghetti; bánh nướng xốp không đủ xôm để ăn mừng sự kiện đặc biệt thế này.

Sau bữa ăn, bốn cậu bé phụ cô dọn sạch đồng kính vỡ. Cô Vertigo bảo cô sẽ gọi người tới sửa cửa sổ, mặc dù việc báo cảnh sát về kẻ đột nhập bạo lực có vẻ cũng là một ý hay.

“Vô ích thôi, mẹ,” Olivia nói. “Cảnh sát không biết cách đối phó với hắn đâu. Thầy bùa không nằm trong danh mục của họ.”

Charlie nôn nóng muốn mang chiếc gương về nhà, mặc dù nó không chắc mình sẽ làm gì với chiếc gương. Có lẽ nó sẽ đem đi gửi Skarpo. Miễn là tên bá tước không có gương thì mẹ nó sẽ không bị mang khỏi thế giới này.

Charlie nghĩ chiếc gương sẽ được an toàn, ít nhất là trong một thời gian. Cuộc chiến ác liệt đã thắng lợi và sự phấn chấn khiến nó bất cẩn. Khi rời nhà cô Vertigo, nó không hề ngờ gặp lại đúng Joshua Tilpin.

Mới đó **Charlie** còn cầm chiếc gương bằng cả hai tay, thì phút sau lực từ trường đã hút mất cái gương đi.

“KHÔNG!” **Charlie** thét lên, nắm tay tuột hăng.

Mấy tên con trai đi sau **Charlie** vội chạy tới, nhưng chiếc gương đã bay xuống đường. Một tiếng *rắc* thật lớn, và Joshua Tilpin cúi xuống nhặt lên. Charlie chồm tới vỗ thẳng oắt nhưng cô Chrystal, không biết từ đâu bước ra, chặn nó lại. Găm chặt **Charlie** vào đôi mắt xanh da trời lạnh lùng của mình, cô ta rít lên, “Gương Thần Amoret không bao giờ là của mày.”

Tancred và Lysander vọt đuổi theo Joshua Tilpin dọc con đường.

“Họ sẽ bắt được nó,” **Charlie** phẫn uất gào lên.

Cô Chrystal lắc đầu. “Ta không nghĩ thế,” cô ta gầm ghè. Rồi bước đi thẳng với nụ cười ra điều tất cả chỉ là trò chơi ngớ ngẩn.

“Đồ phù thủy!” **Charlie** gọi với theo cô ta. “Đồ phù thủy xấu xa nhất.”

Cô Chrystal đã queo khuất góc đường, và giờ **Charlie** đã mất dấu các anh bạn mình. “Mình ngu quá, ngu, ngu, ngu!” **Charlie** dậm chân bành bạch xuống bậc thềm.

“Ai mà ngờ được mà,” Olivia an ủi nó. “Ai mà nghĩ con thú ranh đó hiện ra cơ chứ?”

“Đáng ra mình phải cẩn thận hơn,” **Charlie** động nắm đấm vào trán. “Chúng đã trông thấy bồ ở Vương Quốc. Chắc hẳn chúng đã đi theo bồ. Mình phải làm gì bây giờ?”

“Tancred và Lysander đều đô con cả, cô Vertigo nói êm ru. “Chân dài thế kia, chúng nó bắt được cả ngựa lùn ấy chứ.”

Họ đợi. Cứ thế mà đợi, không hề xê dịch khỏi bậc thềm. Hai mươi phút sau **Charlie** thấy Lysander và Tancred thất thế về lại trên đường. Trông họ kiệt sức. Charlie hiểu ngay rằng họ đã để sống Joshua.

“Tội anh đâu có để mất nó,” Tancred thở hỗn hển. “Tội anh đuổi nó đến công viên, nhưng chưa kịp chop được nó thì một hình hài xanh là cây lướt ra khỏi rặng cây, chop lấy chiếc gương rồi biến mất.”

“Anh đã định dạy cho thằng oắt con đó một bài học,” Lysander làu bàu. “Nhưng thế có ích lợi

gì?”

“Giờ thì lão bá tước sẽ sử dụng gương ngay khi hắn có thể,” **Charlie** ảo não. “Không chừng mẹ em đang chờ hắn. Mẹ không biết mình đang làm gì đâu. Đến lúc em về nhà thì mẹ đã đi mất rồi.”

“Bình tĩnh, **Charlie**,” Gabriel vỗ về. “Chiếc gương đã bị nứt khi rơi xuống đường. Tôi nghe rõ mà. Có lẽ nó không còn tác dụng nữa.”

“Tớ cũng nghe thấy” Olivia nắm cánh tay **Charlie**. “Đừng bỏ cuộc, **Charlie**. Nếu gương vỡ thì cái bóng không thể du hành đâu được.”

“Có lẽ,” **Charlie** u uẩn.

Họ đồng ý hẹn gặp nhau tại quán Cà Phê Thú Kiểng. Đáng ra phải ôm thú tới đó, rồi các bậc “phụ huynh” liên lạc nhau, rồi lên một kế hoạch mới.

Khi bốn tên con trai bước trên đường, **Charlie** để ý tới cái giỏ nhựa to tướng mà Gabriel đang xách. Trong suốt những giờ gay cấn vừa qua, nó quên phết tấm áo choàng đỏ.

“Gabriel!” **Charlie** khựng lại giữa đường. “Chiếc áo choàng mà anh mặc lúc nãy... nó là...?” Những đứa khác cũng dừng bước, và Tancred bảo, “Gabriel, cậu chưa kịp nói cho **Charlie** biết...”

“Ba anh trao cái này cho anh,” Gabriel nói với nụ cười ngượng ngịu. “Ông bảo anh sẽ tìm ra ích lợi của nó. Đây là vật báu gia bảo từ nhiều đời rồi.”

“Nhưng mà, Gabe, tấm áo choàng đó có nói gì với anh không?” **Charlie** hỏi gặng.

“Ờ, thật ra thì,” Gabriel liếc nhìn đồng hồ đeo tay. “Mà này, tôi phải chạy thôi, mẹ tôi đang đợi tôi ở thư viện.”

“Cậu không được đi đâu hết nếu không có tụi này,” Tancred nói.

“Không được đi, nếu có tấm áo choàng đó,” Lysander thêm.

Charlie nhìn ba anh bạn băng qua đường, vừa đi vừa hăng hái nói. Khi qua đến bên kia đường, các anh gọi, “Hẹn gặp lại em nhé!”

Charlie giơ ngón tay cái lên và chạy về nhà.

Nhà số 9 vắng lặng đến ghê người. Charlie đi lên lầu và gõ cửa phòng Ông cậu.

“Vào đi, **Charlie**!”

Ông cậu Paton nhìn qua đôi mắt kính khi **Charlie** lao ập vào phòng. “Con có lấy được nó không?”

Charlie loạng choạng đến bên cái ghế bành lún võng của Ông cậu và rơi tõm xuống đó. “Tụi con đã lấy được,” nó nói, “sau đó tụi con làm mất.”

“Cái gì!” Ông cậu Paton giật phăng đôi kính ra và xoay ngoắt khỏi bàn viết của mình. “Làm ơn giải thích coi.”

Cổ rành mạch và điềm tĩnh hết sức, **Charlie** thuật lại chi tiết mọi biến cố lạ thường vừa qua,

nhưng khi kể đến tình tiết quan trọng nhất trong tất cả, nó không thể che giấu được nỗi sợ hãi và giọng nó run rẩy xúc động.

“Con đã thấy ba con à?” Ông cậu Paton đứng lên. “Và con bảo là suốt từ bấy đến nay ông ấy luôn ở trong Học viện Bloor? Một giáo viên piano được gọi là thầy Pilgrim à? Ý đồ đòi bại giam chú ấy ở ngay trước mũi chúng ta là ai thế?”

“Của Manfred, con nghĩ vậy,” **Charlie** buồn thảm. “Hoặc của lão Ezekiel. Hãy tưởng tượng coi, con đã nói chuyện với chính ba mình mà không biết ông là ai. Con dám cá là bọn chúng khoái chí lắm.”

“Đừng lo, **Charlie**. Bây giờ đã chấm dứt cả rồi,” Ông cậu Paton quả quyết. “Chúng ta sẽ đưa ba con ra khỏi đó ngay thôi.”

“Hình như ông không hiểu, Ông cậu Paton. Ba vẫn không biết mình là ai. Ba rất yếu, có lẽ gần chết. Nếu ba tỉnh ra rồi mới đi tìm mẹ thì phỏng có ích gì?” **Charlie** thở dài náo ruột. “Chính mẹ mới là người chúng ta phải cứu trước.”

Ông cậu Paton thọc một tay vào túi quần. “Câu thần chú!” Ông thốt lên. “Ta đãng trí quá. Ta quên mất.” Ông lôi một mảnh da dê nhàu nhĩ ra khỏi túi quần.

“Câu thần chú?” **Charlie** nghi hoặc hỏi.

“Đọc đi,” Ông cậu ấn mảnh giấy da dê vào tay nó.

Charlie nhìn vào nét chữ đen viết thấu của Skarpo. Nó đọc những dòng chữ một lần, hai lần, và rồi để hiểu rõ hơn, nó đọc to câu thần chú lên:

*“Hãy nhìn vào khu rừng nếu người tìm kiếm Nhà Vua,
bởi vì ngài ẩn mình ở đó.
Áo thụng của ngài bây giờ chỉ là mùa thu,
nước mắt ngài như trái chín rục.
Dòng máu đỏ chảy xuống và sẽ không bao giờ ngừng.
Cho đến khi nào con cháu ngài, mười đứa trong số họ,
dưới hai mươi tuổi
Gặp nhau trong hòa hợp
Và họ phải bước ba lần, những ngón tay đan vào nhau,
Xung quanh Nhà Vua, quanh vòng quanh,
vòng quanh, cho đến khi nước mắt ngài khô trở lại
Nước mắt sẽ đánh thức những linh hồn lưu lạc
Sẽ giữ cho họ an toàn và đưa họ về nhà.”*

Charlie vừa nhìn chăm chú vào câu thần chú vừa nói, “Nghe như nhà vua là một cái cây vậy.”

“Không nghi ngờ điều đó,” Ông cậu nó đồng ý.

“Skarpo đã tìm thấy cái này trong sổ nhật ký của ông Bartholomew, nhưng nó có xuất xứ từ đâu ạ?”

“Từ những hậu duệ của cái người đã giúp nhà vua trở thành những gì mà ngài trở thành bây giờ,” Ông cậu Paton đáp.

“Con nghĩ câu thần chú này là dành cho những người con đã buộc phải dời lâu dài, bởi vì những người con còn lại đều ác quỷ cả mà,” **Charlie** nhìn lên Ông cậu nó.

“Nó cũng dành cho con cháu của họ,” Ông cậu Paton tán đồng.

“Và ông có nghĩ câu thần chú này sẽ giúp được ba con không?”

“Đó là tất cả những gì chúng ta có. Hãy nhìn những dòng chữ này coi:

*Nước mắt sẽ đánh thức những linh hồn lưu lạc
Sẽ giữ cho họ an toàn và đưa họ về nhà.”*

“Tụi con chỉ có bảy người thôi. Mà ở đây nói là phải có mười người gặp nhau.”

“Ta đã nghĩ về điều này,” Ông cậu Paton bảo. “Đầu tiên nhé, chúng ta có cô bạn bé nhỏ người Trung Hoa của con.”

“Naren!” **Charlie** rep lên. “Bạn ấy chưa gửi thông điệp cho con lâu lắm rồi. Con cần phải tìm bạn ấy.”

“Con cũng phải tìm nhà vua nữa,” Ông cậu nhắc nhở **Charlie**.

() :loại cửa sổ không kính, rộng, có khi choán hết cả bức tường, thường ở các nhà hàng, tiệm bán đồ hoặc nhà sang trọng*

MỘT CON CÚ LÂM NGUY

Charlie muốn đi tìm Naren ngay lập tức, nhưng Ông cậu Paton cương quyết bảo họ phải thảo luận một cách bình tĩnh và thấu đáo đã.

Tên thầy bùa đình ninh mình đã thắng lợi; cô Chrystal đã lộ chân tướng mình là một mụ phù thủy, vì vậy trước mắt cô ta sẽ ẩn mình đi rồi mới quyết định bước tiếp theo.

"Ta tin là con sẽ được an toàn một thời gian," Ông cậu Paton nói. "Đối phương cho rằng con đã bị đánh bại. Chúng sẽ không nghi ngờ nếu con không hành động hấp tấp. Tất nhiên là phải đi tìm Naren, nhưng hãy từ từ. Con phải tỏ ra phần chí, thất vọng hết sức."

"Dễ thôi," Charlie nói.

"Và khi tìm thấy cô bé đó," Ông cậu tiếp tục, "hãy bảo cô bé đến quán Cà Phê Thú Kiểng vào lúc bốn giờ chiều mai."

"Sao không là hôm nay?" Charlie nôn nóng. "Chúng ta phải là gì đó ngay, càng nhanh càng tốt chứ?"

"Chưa có gì sẵn sàng cả," Ông cậu Paton phẩy tay một cách thô bạo. Ông nhắc nhở Charlie rằng trước tiên là phải tìm ra nhà vua đã. Khu đồ nát là địa điểm tìm kiếm, nhưng nơi đó rộng bạt ngàn, và cây cối um tùm.

"Áo thụng của ngài là lá mùa thu," Ông cậu Paton nói, "vì vậy chúng sẽ có màu đỏ và vàng. Thấy được nó sẽ không khó khi mọi cây khác đều trụi lá. Nhưng chúng ta cần tầm nhìn của một con chim."

"Emma!" Charlie kêu lên. "Bạn ấy sẽ tìm ra cái cây."

"Dĩ nhiên, Emma xinh xắn, con chim."

"Có nhiều cây to trong khu đồ nát," Ông cậu nó nói, "và rất ít cây rừng thực sự còn sót lại." Ông bắt đầu bước quanh qua cái giường hỗn độn của mình, rãnh nhả trên trán hằn xuống tập trung.

Ông cậu Paton thích điều binh khiển tướng, và Charlie nghĩ thật buồn là tài phép làm nổ bóng đèn đã ngăn cản ông nắm giữ những vai trò lớn lao hơn trong những công việc ngoài đời.

"Ta nghĩ ra rồi!" Ông cậu Paton quay ngoắt lại với vẻ rạng ngời chiến thắng. "Tất cả là ở trong đó." Ông vỗ trán. "Với kế hoạch này, ta e rằng ông Onimous sẽ phải tiết lộ cánh cửa bí mật của ông ấy với những đứa trẻ khác, bởi vì đó là con đường các con sẽ cần phải đi qua để tới khu đồ nát – vào lối đi bên dưới bức tường cổ."

"Ông Onimous sẽ không bao giờ để ai vào đó đâu," Charlie nói. "Ông ấy rất sợ để cho những người không thích hợp biết về nó. Lỡ may có bọn anh em nhà Loom ở trong quán cà phê thì sao?"

"Sẽ cần phải thuyết phục ông bạn nhanh nhẹn của chúng ta," Ông cậu Paton dứt khoát. "Ông ấy cũng sẽ phải nói lỏng quy tắc về thú cưng, chỉ trong một ngày thôi. Xin lỗi, nhưng ta không thể chịu nổi chuột cảnh cứ rúc rích trong túi quần của ta được."

"Ông cũng tới à, Ông cậu Paton?"

"Chắc chắn. Và ta hy vọng tất cả những phụ huynh khác cũng có mặt ở đó. Để bảo vệ, Charlie à. Càng đông càng tốt."

"Bọn thú ác cảm với ông Torsson," Charlie nói, mãi chìm đắm trong những ý nghĩ. "Chúng thấy ông ấy cứ như giông bão ấy."

"Thế thì không cần thú cho ông Torsson. Ta thắc mắc liệu thẩm phán Sage có chịu hưởng ứng hay không. Chắc chắn ông ấy lúc này là rất giá trị."

"Lysander bảo hôm nay ông thẩm phán ở nhà."

"Ta sẽ gọi điện cho ông ấy. Và nhà Silk nữa, ta chắc chắn họ sẽ tới. Nhà họ có rất nhiều thú," Ông cậu Paton xoa xoa hai tay vào nhau.

"Chúng ta có thể mời cả gia đình Gunn," Ông cậu Paton làm vài động tác nhảy.

"Còn cô Vertigo? Chú Vertigo đang ở Nam Phi để đạo diễn một bộ phim rất quan trọng."

"Hừm. Cô ấy coi hào nhoáng điệu dàng quá," Ông cậu Paton nói với vẻ lưỡng lự. "Dễ gây chú ý lắm."

"Nhưng cô ấy là diễn viên," Charlie cãi "Con biết cô ấy có thể đóng giả người nghèo xác xơ nếu Ông cậu muốn cô ấy phải như vậy." Nó hít một hơi, và rồi ngập ngừng thêm, "và cả ông Bartholomew Bloor nữa."

"Tuỳ con, Charlie à," Ông cậu Paton cộc lốc. "Ta không cách chi liên lạc được với ông ấy. Con nên đi ngay đi. Và hãy nhớ có mặt ở đây trước năm giờ nhé, không thì ta sẽ tới đón con, dù có nổ bóng đèn hay không. Đèn đường bị huỷ cũng mặc."

Khi Charlie rời nhà, nó cảm thấy lạc quan vô cùng, tí nữa thì quên phải tỏ vẻ đau khổ. Và đến lúc thẳng Benjamin cùng con Hạt Đậu chạy bay tới nó, bao nhiêu nỗ lực của Charlie cũng dẹp luôn. Charlie vui mừng gặp chúng đến mức hú lên sung sướng và nắm chặt lấy cánh tay Benjamin.

"Bồ đi đâu đó?" Benjamin hỏi. "Mình đi với được không? Làm ơn đừng nói không đấy. Mẹ và ba mình không còn làm việc cho Học viện Bloor nữa, bồ biết mà."

"Mình đoán vậy," Charlie nói. "Mình đang đi tìm một người đặc biệt đây."

Khi chúng băng qua thành phố, Charlie miệng nói như không ngừng nghỉ. Và mặc dù nhìn thấy Benjamin mắt tròn dẹt kinh ngạc, thỉnh thoảng nháy lên một bước vì sợ, người đi đường không ai tưởng tượng nổi những biến cố lạ thường mà Charlie đang mô tả với cu cậu.

Bầu trời buổi chiều đang sụp tối. Những đợt mưa tuyết thổi hắt vào mặt hai đứa và đến lúc chúng mới được cây cầu sắt thì sương giá đã giăng qua vực thẳm, che phủ hoàn toàn đồng hoang ở bờ bên kia. Trong lúc quày quả đi tìm Naren, Charlie quên mất cả nguy hiểm.

"Tốt hơn bồ nên ở đây," nó bảo Benjamin, "hay là đợi mình ở quán cà phê. Mình không muốn có bất kỳ chuyện gì xảy ra với bồ."

"Quá trễ rồi," Benjamin nói khi Hạt Đậu chạy sượt qua chúng. "Trông bộ nó biết phải đi đâu kìa."

"Nó biết chứ," Charlie cười toe. "Thế thì, đi nào."

Phải mất lâu hơn Charlie dự tính. Một lần nữa, cây cầu thật nguy hiểm với những đụn sương đóng băng. Chúng đi theo hàng một, Benjamin cẩn thận bước lên những dấu chân của Charlie và cả hai bầu chặt vào lan can gỉ sét. Khi chúng qua đến bờ bên kia, Hạt Đậu dẫn chúng đi thẳng tới ngôi nhà nhỏ trong mảng trống. Naren đang định đi vào nhà với một ôm cúi to tướng thì trông thấy chúng. Cô bé thấy đồng cúi xuống, chạy ra đón Charlie và ôm chầm lấy nó.

"Đây là Hoa Hướng Dương," Charlie bảo với Benjamin. "Và đây là bạn của anh, Benjamin, chủ nhân đích thực của Hạt Đậu," Nó bảo với Naren.

Naren mời hai đứa vào nhà, nhưng cánh cửa thành linh mở ra và ông Bartholomew Bloor đứng đó, trông cực kỳ giận dữ. "Ta nhớ ta đã bảo mi đừng tới đây nữa mà," ông mắng Charlie. "Và mi lại còn mang người khác đi cùng – thật là một điều không thể tha thứ được."

"Cháu xin lỗi ông," Charlie nhỏ nhẹ. "Cháu phải đến đây vì thông điệp của Naren..."

"Ta đã bảo Naren ngưng rồi," ông Bartholomew nóng nảy nói. "Cái bóng sẽ nhận ra những cuộc trò chuyện đêm khuya của bọn bay. Ta không muốn thông điệp của Naren sẽ tiết lộ nơi ở của bọn ta."

"Cháu cũng đã nghĩ như thế. Nhưng mà, thưa ông Bloor, cháu cần phải tới. Ông biết đấy, là do câu thần chú trong những quyển sổ nhật ký của ông."

"Thần chú nào?"

Charlie lôi mẩu giấy da dê từ trong túi quần ra và đưa cho nhà thám hiểm. Benjamin đến giờ cứ lò cò đổi chân và thổi phồng vào lòng bàn tay để giữ ấm, nhưng ông Bartholomew không mời chúng vào nhà. Ông đứng dừng lắng nghe câu chuyện của Charlie, nhìn vào câu thần chú, sau đó nói, "Ta sẽ đưa Naren đi, dĩ nhiên. Ta sẽ làm bất kỳ điều gì cho cha của cháu."

"Và ông sẽ ở lại chứ?" Charlie hỏi. "Ông cậu Paton nói nếu chúng ta có nhiều thật nhiều phụ huynh ở trong quán Cà Phê Thú Kiểng thì đó sẽ là một đội quân bảo vệ."

Ông Bartholomew dúm câu thần chú vào tay Charlie. "Ông cậu mi lúc nào cũng có nhiều ý kiến hay ho. Đáng lý ra ông ấy phải đưa chúng vào hành động từ nhiều năm trước kia rồi kìa, được vậy thì cha mi đâu đến nỗi phải rơi vào tình cảnh như bây giờ."

"Đừng nói thế về Ông cậu của cháu," Charlie giận phùng phùng. "Cháu tin ông ấy hơn bất kỳ ai trên đời này. Ông là người khó chịu, khó tha thứ, ông Bloor à, hết như những người còn lại trong gia đình ông vậy. Nếu ông không giúp chúng cháu thì tùy ông. Chúng cháu có thể tự lo liệu mà không có ông."

Một chuỗi biểu hiện lạ lùng vụt hiện trên gương mặt ông Bartholomew: không tin nổi, giận dữ và sốc. Và cuối cùng là kinh hoàng.

Nhà thám hiểm chưa kịp nói lời nào khác, Charlie đã chớp lấy cánh tay Benjamin và kéo thẳng bạn ra khỏi ngôi nhà que.

"Ồi, Charlie! Sao cậu dám nói những lời như thế?" Benjamin thì thào.

"Mình không biết," Charlie thú nhận. "Ông ta quá nhỏ nhen. Mình hy vọng mình không làm hỏng chuyện."

Khi chúng ra tới cổng, Charlie nhìn trở lại. Nhà thám hiểm đã vào nhà nhưng Naren còn đứng ngoài hiên. Cô bé vui vẻ vẫy Charlie và gọi. "Em sẽ đến đó, Charlie. Lúc bốn giờ."

Hai thằng bé vẫy tay lại và Hạt Đậu nồng nhiệt vọt ra một tiếng sữa tạm biệt.

Chúng bị vài phen hú hồn hú vía trong lần thứ hai băng qua cầu. Hai lần Benjamin trượt khụy đầu gối, và rồi, khi đã gần sang đến bờ, Charlie hụt cả hai chân. Nó bám chặt lấy thành cầu bằng một tay trong khi Hạt Đậu há mồm chụp lấy ống tay áo nó và lôi nó lên trở lại.

"Phù! May mà có Hạt Đậu đi cùng," Charlie nói khi bò lên được bãi cỏ ướt.

Chúng ngồi lên bờ độ vài phút, nhắc lại với nhau cú may mắn thoát chết vừa rồi. Nhưng Hạt Đậu cứ hăm hở đi tiếp. Một đĩa nhắc đến quán cà Phê Thú Kiểng và nói bà Onymous thế nào cũng dành cho mình một món ngon. Chắc chắn bà sẽ phủ đầy người chúng bằng những nụ hôn, nhưng cũng đáng trả cái giá đó để được vài Que Béo Hạt Ngậy.

Trời về tối khi Hạt Đậu chạy thi với hai đứa bé trên kềm Con Ếch. Norton người - bảo - vệ vừa mới đóng cửa quán Cà Phê Thú Kiểng, nhưng lại mở cửa ra ngay khi Charlie gọi.

"Bạn bè cậu về cả rồi," Norton nói, vỗ Hạt Đậu một cái, "đầy đủ cả bọn. Chúng không chờ nổi cậu nữa. Đến giờ đóng cửa rồi còn gì, cậu Charlie trẻ tuổi à."

"Cho tụi cháu vào một chút được không?" Charlie nài nỉ.

"Nhanh nhanh lên đây," Norton nhăn mặt nhìn qua đầu Charlie. "Ai vậy nhỉ, trông cứ như là sứ giả của diêm gở vậy."

Charlie quay lại thì thấy ông cậu Paton đang sải bước về phía chúng. Ông đeo kính đen và đội cái mũ nỉ đen to đùng, mắt ông dán tịt xuống đất khi đi trên con hẻm rải sỏi.

"Đó là Ông cậu của cháu," Charlie thở ra nhẹ nhõm.

"Kẻ tăng áp ấy hả? Ổi giờ, mau tắt đèn đi." Norton vớ tay đến công tắc điện và quán cà phê chìm lỉm trong bóng tối.

"À, ra là con, Charlie. Phải *con* không?" Ông cậu Paton nói, bước vào quán cà phê. "Ta chẳng thấy gì cả."

"Tôi cũng vậy," Norton đáp.

"Oái!" Ông cậu Paton giật thót mình. Ông đã không nhìn thấy người bảo vệ đứng đằng sau cánh cửa. "Tôi đến để gặp ông Onymous bàn việc vô cùng quan trọng," ông nói, khi đã lấy lại được vẻ nghiêm trang.

"Tốt hơn để tôi đi báo cho ông ấy đã," rồi tiếng Norton va vào những cái bàn khi bước đi trong quán cà phê tối hù. "Chà!" Ông ta gầm gừ khi bước vào quầy. "Ông Onymous, có khách hàng muốn gặp ông này. Ông Yewbeam, người mà ông biết rồi đấy."

Dải ánh sáng mỏng loa loa phía trên cửa bếp lập tức phụt tắt, và vài giây sau, ông Onymous hiện ra, mang theo một giá nến cắm cao cắm hai cây nến cháy oặt ẹo.

"Tôi có thể làm gì được cho ông nào, thưa ông Paton?" Ông Onymous hỏi. Gương mặt râu ria lộ ra khỏi quầy.

"Xin chào, Orliv," Ông cậu Paton nói, tháo đôi mắt kính đen ra. "Tôi... thì à, chúng tôi," ông liếc nhìn Charlie, "có điều cực kỳ quan trọng cần bàn với ông."

"Thế thì tốt hơn là ông đi vào bếp," ông Onymous giơ cao cây nến hết sức để có thể soi đường cho mọi người đi qua căn phòng.

"Cháu cũng vào được chứ ạ?" Benjamin rụt rè nói. Hạt Đậu để thêm một tiếng tru ai oán, trong đầu hiện lên những món ngon.

"À, Benjamin Brown. Ta quên mất," Ông cậu Paton nhìn thẳng nhỏ một cái lạnh lẽo.

"Đi mà, ba mẹ cháu không còn làm gián điệp cho ông Bloor nữa, Benjamin nói gấp gáp. "Ông Ezekiel Bloor không trả tiền cho họ, và ba cháu đã cãi nhau nảy lửa với ông ta, và mẹ cháu bảo sẽ không bao giờ nói chuyện với ông ta nữa, tức là với ông Ezekiel ấy ạ, chưa không phải là với ba."

"Nếu thế thì ta rất mừng," Ông cậu Paton nói. "Dĩ nhiên chú mày có thể tham gia với tụi ta."

Vài phút sau cả ba người đã ngồi quanh cái bàn bếp để đồ la liệt, uống trà và nhấm nháp bánh tạc chanh sữa đông. Hạt Đậu không phải thất vọng. Ba Onimous cho nó cả một tô thịt bò cục sô-cô-la để đền bù lại mười cái hôn mà nó phải chịu đựng. Tuy nhiên có bé Una ở đấy nên chú ta sẽ phải chán ngán nhận một cú chửi lông mạnh bạo.

Ông cậu Paton đi thẳng vào vấn đề. Ông không giấu giếm gì trong lời giải thích dài dòng tại sao những đứa trẻ được ban phép thuật lại phải dùng cánh cửa bí mật vào lâu đài. Charlie thậm chí còn đưa ra mảnh giấy da dê để có sức thuyết phục hơn.

Ông bà Onimous im lặng lắng nghe như bị ế bùa, và khi đã nghe xong xuôi, ông Onimous lắc lắc đầu, phân vân.

"Những đứa trẻ khác, bạn của cháu ấy, cũng hay nói về nhà vua," người đàn ông nhỏ thó bảo, "nhưng chúng tôi sao hiểu được toàn bộ câu chuyện. Mẩu giấy da dê này – câu thần chú, hay cái chi chi này – đã giải thích tất cả, đúng không nào? Từ trước tới nay tôi chưa bao giờ nói lỏng nguyên tắc, nhưng đây là một ngoại lệ. Về cánh cửa, ừm, tôi thấy mình không còn lựa chọn nào khác. Miễn là tất cả lũ trẻ phải kín miệng về nó."

"Các bạn ấy sẽ giữ kín miệng," Charlie sốt sắng.

"Tôi biết thế nào người ta cũng sắp phải cần tới Una bé nhỏ của chúng tôi mà," bà Onimous nói, nắm lấy bàn tay bé gái và bóp một cái.

"Thôi ngay," Una cười rúc rích, "Không thì con không ăn trưa đó."

"Chao ôi," ông Onimous nói, "Nó không nhìn được đâu." Ông nhắm mắt lại và đếm số bạn của Charlie trên ngón tay, lần lượt lẩm bẩm tên của từng đứa, đến Una thì ông mở mắt ra và nói, "Cho dù tính cả cô bé Trung Hoa thì mới có chín đứa. Làm sao tìm được đủ mười đứa, thưa ông Paton?"

"À," Ông cậu Paton nói. "Cái đó thì tôi không biết."

Một quãng thỉnh lặng rớt xuống căn phòng. Ngay cả Una cũng thôi nhí nhéo bởi vẻ nghiêm trọng trên gương mặt tất cả mọi người.

Bất thành lời, ông Onimous chồm về phía trước và nói "Nếu táo gan đến cùng thì tôi không phải chờ đến 20 tuổi, nhưng tôi lại nhỏ người kinh khủng. Các người nghĩ tôi có làm được không?"

Tất cả đều nhìn sững vào người đàn ông nhỏ thó lông lá, và rồi Ông cậu Paton nói, "Orvil, tôi nghĩ ông cũng nên thử. Bởi vì suốt cuộc đời, tôi cũng không thể tưởng tượng ra chúng ta có thể tìm được đứa trẻ nào của Vua Đỏ dưới hai mươi tuổi nữa." Ông đứng lên khỏi bàn, "Orvil, Onoria tôi cảm ơn lòng hiếu khách của ông bà. Các cậu bé, chúng ta nên về thôi."

"Lúc nào tụi tôi cũng vui sướng khi đón tiếp, thưa ông Paton," ông Onimous nói. "À, tôi suýt quên điều này. Cô bé người chim Emma nói tối nay cô bé ấy sẽ đi tìm con ngựa trắng."

"Con ngựa trắng?" Charlie nhú mào.

Ông Onimous nhún vai. "Cô bé nói con ngựa trắng sẽ biết nhà vua ở đâu."

Charlie bật lên một tiếng như đã hiểu ra. "Ngựa trắng đó là hoàng hậu. Chắc chắn bà ở gần nhà vua."

"Ta hy vọng cô bé thân yêu đó sẽ an toàn," Ông cậu Paton lo lắng nói.

"Lúc này chúng ta cũng không thể làm gì được," ông Onimous giơ cái giá cắm nển lên và dẫn những vị khách ra khỏi nhà bếp rồi đi qua quán cà phê tối mờ.

Norton người-bảo-vệ đã đi về nhà, và khi Ông cậu Paton, hai thằng bé và Hạt Đậu đi hết hẻm ConẾch, họ vẫn nghe thấy tiếng khoá cửa với chốt cửa của ông Onimous.

Có ánh đèn sáng trong phòng khách nhà số 9. Tin chắc là nội Bone đang xem tivi, Charlie và Ông cậu tránh căn phòng đó. Họ đi thẳng vào nhà bếp; ở đó, họ thấp ngay vài ngọn nển lên.

"Tốt hơn không bàn gì về việc ngày mai," Ông cậu Paton cảnh báo trong lúc chuẩn bị làm một đĩa bánh mì kẹp dăm bông.

Charlie gật đầu. Nó tự rót cho mình một ly sữa và ngồi vào bàn. Bóng người hiện ra ở ngưỡng cửa khiến nó ngạc nhiên và hét lên một tiếng, làm sổng một ít sữa ra ngoài.

"Cái quái...?" Ông cậu Paton quay ra cửa. "Cô Amy?" Ông hỏi. "Phải cô đấy không?"

Mẹ của Charlie bước vào phòng. Thậm chí trong ánh nển mà da cô cũng trắng như băng. Mái tóc không màu nhẹ như nùi bông cây kế và chỉ có một vết lờ mờ xanh da trời hiện lên trong đôi mắt to nhọt nhọt. Bộ dạng như ma của cô càng nổi bật với chiếc áo choàng trắng dài, một sợi dây bạc thò ra khỏi gấu váy.

"Mẹ," Charlie gọi, giọng nói ngen tắc. "Con tưởng mẹ đi rồi chứ."

"Hôm nay ngài Noble bận rộn suốt ngày." Mẹ nó nở một nụ cười mơ màng. "Nhưng ngày mai ông ấy sẽ đưa mẹ tới một nơi rất tuyệt vời."

"Cô ăn bánh mì nhé, Amy?" Ông cậu Paton sẵn giọng nói to.

"Không, cảm ơn," cô Amy xoay xoay chiếc nhẫn ngọc lục bảo khổng lồ quanh ngón tay. "Mấy ngày nay tôi không thấy đói."

"Xem ra như cô chưa ăn gì suốt cả tuần," Ông cậu Paton bảo, hy vọng giọng nói cộc cằn của mình sẽ đưa cô Amy trở về với thực tế.

Nhưng mẹ Charlie chỉ mỉm cười. "Dớ dẩn," cô cười khúc khích. "Tôi sắp sửa lấy chồng rồi. Thế thì sao nào?"

Charlie há hốc miệng, không nói được lời nào. Ngay cả Ông cậu Paton dường như cũng á khẩu. Họ nhìn cô Amy trôi đi, nghe tiếng cô lẩm bầm ở cầu thang và lắng nghe tiếng cánh cửa đóng sầm lại ở tầng trên cùng của ngôi nhà.

"Mẹ thậm chí không thềm vào dòm ngoại Maisie lấy một cái," Charlie đau khổ nói.

"Ráng chịu đựng con à," Ông cậu Paton nắn vai nó. "Ngày mai sẽ là ngày của Vua Đỏ.

Không xa đường Filbert, Emma và cô Ingledew đang đứng bên ngoài tiệm sách. Nhiệt độ đang tụt xuống rất nhanh; mặt đường sỏi đã bị phủ trum trong sương mù. Mặt trăng nhô lên khỏi nhà thờ lớn và một ngôi sao sớm chiếu lấp lánh trên bầu trời xanh thẫm.

"Dì ước chi con không phải làm việc này," cô Ingledew lùa một tay lên mớ tóc vàng của Emma. "Con phải cẩn thận đây."

"Vâng, thưa dì. Anh Gabriel bảo nhà vua là một cái cây. Anh ấy đã thấy ngài rồi khi anh ấy mặc tấm áo choàng vào. Giờ tất cả tuỷ thuộc vào con. Con cảm thấy thật là... con không biết nói làm sao... thật là phẫn khích, con nghĩ vậy. Con biết là mình sẽ tìm được ngài." Emma hôn lệ dì một cái. "Con đi đây. Đừng lo dì ạ." Rồi nó bắt đầu chạy trên lối hẻm hẹp dẫn ra khỏi quảng trường. Trong một góc tối, nơi có hai cái cây ốp sát vào bức tường của thư viện trên thành phố, Emma đứng im lìm và nghĩ về một con chim. Nó đã quyết định biến thành chim cú lợn, một loài chim mà nó cho là đẹp nhất trong tất cả bọn cú sống về đêm. Những ngón tay tê rần rất khi chúng từ từ biến thành lông chim và Emma không thể nào tìm được niềm vui vỡ oà khi đôi cánh mượt mịn nhấc nó lên không trung.

Bầu trời trông thật bình yên, nhưng trong khi Emma đang bay thì nó đụng phải một làn sóng chấn động. Ai đó đang phóng cơn thịnh nộ lên không. Lăn ngược theo đường đi ủa cơn giận để truy ra nguồn gốc của nó, Emma thấy mình ở bên ngoài một ô cửa sổ nằm tầng trên cùng của Vương Quốc.

Cô bé đậu xuống bậu cửa sổ và thận trọng ngó vào trong. Một người đàn ông mặc áo thụng màu xanh lá cây đang quần tới quần lui trong biển lông trắng. Emma rùng mình. Người đàn ông cầm một chiếc gương tuyệt đẹp; khung bằng vàng khảm châu báu, nhưng mặt gương bị rạn do một đường nứt chạy từ đỉnh tới đáy. Người đàn ông ngừng bước và quàu quau ngoái nhìn một bức tranh treo trên tường đằng sau ông ta. Bức tranh vẽ cảnh một dãy núi đen rất lạ với những ngọn tháp cao rủ bóng. Một nơi cho những cơn ác mộng khởi phát, Emma nghĩ. Ông ta tụng niệm bằng giọng rên rẹt trong cổ họng. Bất thành linh ông ta nguyện rửa chiếc gương, quay ngoắt lại và ném nó tẳng vào bức tường.

Con chim cú kinh hãi kêu lên một tiếng rồi bay đi.

Liệu hẳn ta có trông thấy mình không? Emma tự hỏi. Liệu hẳn ta có biết mình là ai không?

Emma tiếp tục bay liệng vòng một cách nguy hiểm qua bầu trời đêm hung hãn. Cần phải vận hết sức mạnh mới giúp nó khỏi tông vào những cây cao và những núi dây điện thoại, và cuối cùng, nó đã chao liệng bên trên khu vườn của Học Viện Bloor. Bên dưới, nó có thể thấy những bức tường của lâu đài đổ nát. rồi thì, bỗng nhiên, thét lên một tiếng thống thiết, nó thấy mình rơi xuống. Một hòn đá vừa sượt qua cái cổ bám tuyết của con cú và nó rơi phạch xuống đất, đôi cánh xoắn ra chống đất, đầu cổ ngổng lên trời.

Cách chỗ nó vài mét là Joshua Tilpin đang đứng với ai đó mặc áo choàng đen trùm đầu. Joshua đang cầm một cái giăng ná.

"Nhìn con cú đó kìa," Joshua nói. "Tổ tiên của chúng ta hẳn là hài lòng lắm, mẹ nhỉ?"

"Rất hài lòng," cái mũ trùm đầu của người phụ nữ lật ra.

Con mắt cú nhìn nghiêng của Emma chớp chớp khi nó nhận ra cô Chrystal.

"Nó chưa chết, nhưng nó sẽ chết ngay bây giờ," Joshua chồm tới và Emma nhắm nghiền mắt lại. Nhưng cú bắn mà nó nghĩ là sẽ tới đã không bao giờ tới. Thay vào đấy, nó nghe thấy một tiếng hú khản nghet, và một cú thịch nhẹ khi một sinh vật bốn chân đáp xuống đằng sau mình. Nó cảm thấy hơi thở nóng nóng của con vật sau lưng, và tiếng hú biến thành một tiếng gừ dầy đe dọa.

"Con thú ngoan," Cô Chrystal nói bằng giọng ra lệnh. "Đem con cú lại đây cho bọn ta."

Con thú tiếp tục gầm gừ, và khi Joshua thử nhúc nhích lần thứ hai, con vật liền chồm qua con cú, xông thẳng tới Joshua, khiến thằng này chạy toé khỏi hiện trường, la hét thất kinh.

Khi Emma mở mắt ra trở lại, thằng bé và mụ phù thủy đã chạy mất. Nhưng con thú tiến sát lại gần nó, bên dưới thân cây. Đó là một sinh vật trông đáng sợ, lưng u gù và đôi mắt vàng sáng loá.

"Asa?" Emma gọi khẽ. "Asa, anh đó phải không?"

Con thú tru nhẹ lên một tiếng và chạy tọt vào lòng đất.

Hệt như mọi sinh vật sợ hết vía, Emma nằm im thít dưới đất, cho đến khi nó chắc chắn con thú đã bỏ đi hẳn. Mãi cuối cùng khi cố cựa quậy, nó mới thấy rằng mình không hề bị thương gì cả. Chính cơn hoảng sợ đã khiến nó rơi xuống. Nó đứng lên, giang đôi cánh và bay vút lên trời. Giữ cho đôi mắt quét khắp mặt đất, nó lướt trên lâu đài đổ nát, cho đến khi một chuyển động đập vào mắt nó. Một con ngựa trắng đang thả nước kiệu trong một trắng trống tròn và rộng. Emma sà xuống và đậu trên một bức tường gần con ngựa. Trông thấy con cú, con ngựa liền dừng lại và lo âu ngó chăm chăm vào con chim.

"Thưa hoàng hậu," Emma cúi đầu. "Con cần bà giúp đỡ."

"Đứa trẻ chim!" Hoàng hậu bước tới bên Emma. "Thật mừng khi thấy con. Ta có thể giúp gì được?"

"Con đang tìm nhà vua," Emma đáp.

"Thế thì con tìm thấy ngài rồi," hoàng hậu bước qua một bên và Emma trông thấy cái cây to sừng sững ngay giữa trắng trống. Thoạt đầu, cái cây như một khối lừng lững đen thui không hình thù, nhưng ngay tức khắc, màu sắc nổi bật lên. và Emma ngấm không chớp mắt một cái cây đẹp mê hồn. Lá cây màu đỏ và vàng óng, và khi lay động trong bầu không khí của đêm khuya, dường như chúng cháy rực lên như quầng lửa. Từ cái chóp ngọn cây sáng rực, cành lá xoà ra thành những làn sóng rộng dần, rộng dần; cho đến tận sát mặt đất, nơi phần dưới của thân cây to bành – một thân cây bị xoi thành những rãnh chứa đầy chất lỏng sẫm màu như rượu.

"Ngài bị thương ạ?" Emma hỏi, rùng mình trước cảnh những rãnh chất lỏng óng ánh đỏ.

"Ngài đang than khóc cho những đứa con lưu lạc của mình," hoàng hậu nói. "Năm đứa ra đi không bao giờ quay về nữa."

Emma giữ bộ lông cú màu nhạ của mình, ước ao tìm được giải pháp chữa lành cho nỗi u sầu của nhà vua. "Ngày mai nhà vua có ở đây không ạ?" Nó hỏi. "Một người bạn của con cần sự giúp đỡ của ngài."

"Nhà vua sẽ ở đây," hoàng hậu đáp.

"Cảm ơn hoàng hậu," Emma vút lên không và lo lắng lượn bên trên hoàng hậu. "Con phải đi đây. Dì con đang mong."

"Đúng rồi," hoàng hậu bước lại gần cái cây hơn. "Con về đi, đứa trẻ người chim. An toàn nhé."

NƯỚC MẮT NHÀ VUA

Vào lúc hai giờ chiều Chủ nhật, mẹ Charlie rời nhà. Chiếc limousine vàng óng đang chờ cô.

Từ cửa sổ phòng mình, Charlie nhìn mẹ đi vào xe hơi. Nó tự hỏi liệu chiếc gương vỡ có tác dụng gì không. Có lẽ không còn thời gian để ngăn chặn tên bá tước đánh cắp mẹ nó.

“Charlie!” Ông cậu Paton gọi từ ngưỡng cửa. “Có ai gọi con này.” Ông chìa cái điện thoại di động của ông ra cho nó.

Giọng của Gabriel rỉ ra từ chiếc điện thoại khi Charlie dí tai vào, “Charlie, em muốn biết về tấm áo choàng, nhưng em lại không đến quán cà phê.”

“Em bị trễ, Gabe à. Nói cho em biết đi, anh đã thấy cái gì?”

“Anh không thấy nhà vua gì hết, anh thấy một cái cây. Lá của nó vàng rực như thể đang bốc cháy vậy.”

“Em biết rồi.”

“Em biết rồi hả?” Gabriel nghe có vẻ thất vọng.

“Em đã tìm thấy câu một thần chú. Em muốn kể cho tất cả mọi người nghe nhưng em đến trễ.”

Một tiếng rầm bất chợt vang lên và Charlie suýt nữa đánh rơi cái di động. “Xin lỗi,” một giọng nói nghệt nghệt, “lũ chuột sống ra. Anh phải đi. Gặp em lúc bốn giờ nhé.”

“Tạm biệt...” Charlie trao lại cái điện thoại cho ông cậu. “Gabriel thấy một cái cây.”

“Vậy là có chứng cứ thuyết phục,” Ông cậu Paton dứt chiếc điện thoại vào túi quần.

“Tại sao chúng ta không đi ngay lúc này đi?” Charlie nôn nóng. “Tại sao phải chờ cho đến tận bốn giờ?”

“Hoàng hôn,” Ông cậu Paton nói. “Ngoài ra, còn nhiều người khác liên quan. Tất cả mọi thứ

cần phải đầu vào đó. À mà, con phải cầm theo cái này,” ông giơ ra một cái lọ thủy tinh nhỏ.

“Để làm gì ạ?”

“Phòng trường hợp tất cả mọi thứ đều thất bại.”

“Ông cậu Paton, con ước gì ông đừng đánh đổ con nữa,” Charlie cầm cái lọ và đút vào túi quần.

“Nghe đây, Charlie câu thần chú này... những con số không được đúng ngay từ đầu. Ông Onimous đã hơn hai mươi tuổi rồi – có thể vì thế nó sẽ không linh nghiệm như chúng ta hy vọng,” Ông cậu Paton nhún vai. “Hãy giữ kĩ cái lọ. Để hứng nước mắt của nhà Vua.”

Charlie trải qua một tiếng đồng hồ tiếp theo trong nỗi hồi hộp cực độ. Cuối cùng nó không chịu nổi nữa, bèn đâm thình thình vào cánh cửa phòng Ông cậu và hét om, “Chúng ta đi được chưa, Ông cậu Paton?”

Nội Bone nhào người ra khỏi phòng tắm và hạch hỏi xem cái gì mà ồm tỏi vậy. Charlie hầu như đã quên phéng sự tồn tại của bà nội và hình thù hiện ra đột ngột của bà khiến nó bị sốc.

“Xin... xin lỗi, nội,” Charlie lắp bắp. “Ông cậu và con định đi dạo.”

“Vào giờ này trong ngày? Đừng có điên,” nội Bone nói.

Ông cậu Paton mở phòng mình ra, “Nó không điên đâu. Chúng tôi đi ra công viên đây.”

“Mi còn ngu hơn nó nữa,” bà chị sỉ vả, “Mi sẽ gây ra tai nạn cho coi, vả lại nhân tiện nói luôn,” bà tiếp, “ta đã thu xếp để dời bà Maisie đi rồi.”

“Dời đi!” Charlie thất kinh. “Đi đâu?”

“Ta không thể để mụ ấy làm tắc nghẽn nhà tắm lâu thêm được nữa,” nội Bone chỉ nói có thế.

“Grizelda!” Ông cậu Paton gầm lên. “Sao bà dám nói về bà Maisie như thế. Bà ấy là người đáng kính. Bà đã sắp xếp cái gì? Nói cho tôi biết ngay lập tức.”

“Úi chà chà! Chúng ta hôm nay ai nấy đều hăng tiết cả nhỉ,” nội Bone trịch thượng cười khẩy. “Nếu mi cần biết thì ông Weedon tốt bụng đã đồng ý đến đây vào ngày mai để hốt mụ Maisie kia đi. Ông ta sẽ mang túi đựng xác tới cho nó khỏi rò nước ra thảm, sau đó ông ta sẽ đem mụ Maisie biến...” bà ta dừng lại một cách kịch tính, “... đi đâu đó.”

“Lão ta đừng hòng làm thế nhé,” Ông cậu Paton tuyên bố. “Nếu lão Weedon mà dám động

đến bà Maisie thì tôi sẽ quăng lão xuống cầu thang.”

“Hy vọng hảo huyền,” nội Bone dè bủ. “Cơ bắp ông ta rắn như sắt.” Bà ta cười mỉa mai và lướt vào phòng mình.

Ông cậu đứng sừng đỏ, cứng họng, diên tiết, cánh tay thông đờ xuống hai bên hông và nắm tay gồng cứng lại.

“Đi đi, ông cậu,” Charlie giật giật ống tay áo ông. “Chúng ta đi thôi.”

Trước khi họ rời nhà, Charlie đem con bướm trắng vào phòng tắm và thả cho nó muốn bay đâu tùy ý. Nó đến đậu bên những lọn tóc đông cứng của ngoại Maisie.

“Canh chừng cho bà an toàn nhé,” Charlie bảo con bướm trắng.

Bước đi giữa thành phố vắng hoe ngày Chủ nhật, Charlie cảm thấy như toàn bộ thế giới của mình như sắp sụp đổ tới nơi. Nếu câu thần chú không linh nghiệm thì nó sẽ đi về đâu?

Không khí ở quán Cà Phê Thú Kiểng đã làm nó lên tinh thần đáng kể. Mọi bàn đều đã có người ngồi và quán cà phê náo nhiệt tiếng chuyện trò rôm rả, đúng như mong đợi. Gia đình Onimous tất bật cố phục vụ chu đáo cho tất cả mọi người; họ di chuyển thoăn thoắt phía sau quầy, múc thêm đồ ăn vào tô, dọn món cho bọn thú cưng cần chế độ ăn kiêng đặc biệt, châm trà...

Đại gia đình Gunn chiếm nguyên một cái bàn. Charlie nhận thấy họ thậm chí còn mang theo nhạc cụ. Fidelio vẫy nó lại và bảo, “Em biết đấy, tụi này nghĩ sẽ giải trí cho tất cả mọi người, trong khi các bạn cứ làm điều gì đó các bạn định làm.”

“Ý hay tuyệt!” Charlie nói, nhìn quanh quán cà phê, “Em không thấy đứa nào nhà Loom cả.”

“Anh nghe nói chúng gặp rầy rà với lũ chó của chúng,” Fidelio nói, rồi chạy qua cô em út, Mimi! Chúc Charlie may mắn đi!”

Khi nghe vậy, toàn thể thành viên của gia đình Gunn liền đồng ca, “Chúc may mắn, Charlie Bone!”

Nhiều vị khách quay hướng nhìn về hướng Charlie. Nó đỏ bừng mặt, rút lui khỏi cái bàn đông đúc của gia đình Gunn và ngồi xuống giữa Benjamin và cô Brown.

“Cả ba của Lysander cũng đến,” Benjamin bảo Charlie. “Nhìn kìa, Homer đang đậu trên đầu ấy.”

Charlie ấn tượng quá chừng, nhất là khi ông thẩm phán gật đầu một cái thân thiện với Ông cậu Paton khi Ông cậu nó đi ngang qua. Các vị khách khác của quán cố ngạc nhiên trước lượng người đông đúc thì không bộc ra, cho đến khi Tancerd cùng cha mẹ xuất hiện. Ngay khi nhà Torsson đặt chân vào quán cà phê, một luồng gió lạnh cắt da lừa vào khiến mọi con thú kiểng nhao nhác chạy đi tìm chỗ nấp.

“Xin lỗi!” Ông Torsson nói như sấm rền. “Chúng tôi không cố ý. Chỉ vì không kiểm chế được.” Ông ngồi xuống bên cạnh ông thẩm phán, người mà ông biết rất rõ, trong khi vợ ông len vào ngồi bên bác Sage gái, Tancred ngồi chung một ghế với Lysander.

Billy đã ngồi vào bàn cùng với gia đình Silk và Rembrandt, ở chính giữa bàn – con chuột này đang khoái trá gây sự chú ý với mấy cô chuột cảnh.

Cô Vertigo ăn mặc lôi thôi lệch thếch có phần quá trớn. Trong mái tóc giả màu xám, chiếc áo mưa màu nâu rách tươm và bộ mặt lem luốc, nhợt nhạt, hẳn là chẳng ai nhận ra cô nếu như không có Olivia đi cùng. Cô Ingledew giật mình đánh thót, ngỡ ngàng khi nhận ra người đang ngồi kế bên mình là ai.

“Em không biết anh đã nói gì với tất cả mọi người,” cô Ingledew thì thào với Ông cậu Paton khi ông kéo ghế ngồi cạnh cô, “nhưng chắc chắn là đã có tác dụng rồi đấy.”

Ông nháy mắt và bóp nhanh bàn tay cô một cái.

Charlie lia khắp phòng tìm Naren. Không có dấu hiệu nào cho thấy có cô bé. Nó đã ánh mắt tuyệt vọng qua Ông cậu và lắc đầu.

“Có chuyện gì vậy?” Cô Vertigo hỏi bằng giọng bà già gấp ba tuổi cô.

“Tôi nghĩ Charlie đang cố nói cho tôi biết người chúng tôi trông chờ sẽ tới lại chưa tới,” Ông cậu Paton đáp. “Tuy vậy, điều đó không hề làm tôi ngạc nhiên.” Ông vừa nhìn ra cửa sổ vừa nói câu này, và một vẻ nhẹ nhõm pha lẫn sự sốt nháng qua mặt ông lúc ông Bartholodew Bloor bước vào. Theo sau là Naren và mẹ cô bé.

Ông Bartholodew trông thấy Ông cậu Pton ngay tức thì. Ai mà có thể bỏ qua được người đàn ông đeo kính đen cao hơn hết thấy mọi người hẳn một cái đầu! Nhà thám hiểm bước thẳng đến Ông cậu Paton và dấm dẩn, “Paton, ta muốn giới thiệu anh với vợ ta, Meng, và con gái ta, Naren.”

Ông cậu Paotn đứng lên và tất cả cùng bắt tay nhau.

“Ta cũng muốn xin lỗi,” ông Barhtolomew tiếp, hơi lóng ngóng. “Charlie khiến ta phải nhìn lại và ta muốn chú biết rằng ta *không* giống như những người còn lại trong gia đình ta.”

“Dĩ nhiên là không,” Ông cậu Paton bắt tay ông Bartholodew bằng cả hai tay.

Ông Bartholodew hạ thấp giọng và nói, “Nào, giờ thì mọi người muốn chúng tôi làm gì đây trong khi những đứa trẻ khác... đều có việc?”

“Không làm gì cả, Barth à,” Ông cậu Paton đáp. “Chỉ cảnh giác thôi. Tôi nghĩ chúng ta sẽ bắt đầu ngay thôi.” Ông nhìn đồng hồ rồi nói với Naren. “Cháu thân mến, cháu hãy tới Charlie và bảo cậu ấy, bảo khế thôi, là đã đến giờ rồi, được không? Sau đó hãy đi cùng cậu ấy đến quầy. Cậu ấy sẽ biết phải làm gì tiếp theo.”

“Vâng, thưa ông Yewbeam.” Với nụ cười háo hức, Naren len ra chỗ Charlie và nói, “Tới giờ rồi.”

Charlie đứng lên và Benjamin nói, “Chúc may mắn, Charlie!”

Khi Charlie và Naren bước về phía quầy, Charlie vỗ vai Tancred và Lysander. Hai anh lớn không để lộ cảm xúc gì, nhưng chỉ một phút sau khi Charlie và Naren biến mất nơi vòng cua của quầy, Tancred đã khều lưng Billy và Gabriel khi anh bước đằng sau chúng.

Nhà bếp của gia đình Onimuos dần dà chật kín những đứa trẻ được ban phép thuật. Không nghe một tiếng nói nào. Mỗi đứa đều nhận thức rõ, rằng đây có lẽ là ngày trọng đại nhất cuộc đời mình.

Bà Onimuos đã cho Una uống một tách trà cúc an thần và cô bé đã nhu mì hơn thường ngày rất nhiều, mặc dù đôi mắt đen cứ lấp la lấp lánh đầy háo hức.

Charlie nhận thấy vài đứa liếc nhìn Naren một cách ái ngại, nó vội vàng giới thiệu cô bé là một người bạn giấu mặt bấy lâu nay. “Bạn ấy cũng có tài phép vô cùng kỳ diệu,” nó thêm.

Khi tất cả chín đứa trẻ đã tập hợp đủ, ông Onimous hắng giọng và làm một bài diễn văn nho nhỏ. “E hèm! Tất cả chúng ta đều biết tại sao chúng ta ở đây, nhưng trước khi đi xa hơn, tôi chỉ muốn nói rằng bây giờ tôi sẽ chỉ cho các bạn một nơi mà suốt bao thế kỷ nay vẫn còn là chốn bí mật. Đó là một đường hầm mà chỉ có gia đình tôi biết, với ngoại lệ là Charlie và Billy. Đường hầm đó sẽ dẫn vào lâu đài của Vua Đỏ. Tôi yêu cầu các bạn làm ơn giữ bí mật giùm. Các bạn có ý kiến gì không?”

Tất cả bọn trẻ đều long trọng thì thầm, “Vâng, thưa ngài.”

“Xin cảm ơn. Tôi sẽ dẫn đường cùng với Una. Tôi đề nghị tất cả các bạn hãy đi theo hàng một,” ông Onimous nhắc cái đèn lồng ở trên bàn và đi tới một cái cửa nhỏ ở đầu kia nhà bếp.

“Xin lỗi,” Tancred lên tiếng. “Nhưng có ai biết chúng ta sẽ đi đâu một khi đã đến khu đồ nát chưa?”

“Em biết,” Emma nhỏ nhẹ. “Có hai bức tường cổ, có lẽ chỉ rộng cỡ hai người đi lọt. Ta sẽ đi vô giữa hai bức tường đó. Chúng chạy thẳng thẳng tắp được chừng nửa dặm, rồi sau đó lượn vòng, lượn vòng, giống như ở trong vỏ ốc sên vậy; nhà vua ở trong một mảng trống cuối vòng

trên ốc ấy.”

Nghe nhắc tới nhà vua, tất cả bọn trẻ đều nghiêm trang đứng xếp vào hàng. Ông Onimuos mở cánh cửa ra và Charlie, bám ngay sau ông, thấy mình đã đứng trong cái nhà kho quen thuộc. Tới hang động có một bao khoai tây che giấu cánh cửa bí mật, ông Onimuos chờ cho đến khi tất cả đám trẻ đều quây quần trong căn phòng nhỏ đầy nấm mốc.

“Chúng ta sắp đi vào đường hầm,” ông Onimuos nói gần như thì thầm. “Hãy chú ý. Rất tối và ẩm ướt, và có rất ít không khí. Quãng đường đi khá dài đấy, Lysander, anh chàng thân mến, ta đề nghị anh đi cuối cùng, với Tancred. Những người khác có thể đi bất cứ vị trí nào ở giữa hàng. Lysander sẽ đóng cửa lại khi tất cả chúng ta đã đi qua. Tất cả đã sẵn sàng rồi chứ?”

Cả đám gật đầu. Vài đứa còn nói, “Rồi ạ, thưa ngài.”

Ông Onimuos vật cái bao khoai to tướng ra khỏi bức tường, để lộ một cánh cửa rất thấp, rất cổ. Người đàn ông bé nhỏ mò tìm trong áo khoác bằng len của mình, lôi ra một chiếc chìa khóa nhỏ xâu vào sợi dây bằng vàng. Tra chìa khóa vào ổ, ông vặn nó một vòng và cánh cửa mở bật vào trong, nghe một tiếng *kịch* rất lớn. Cánh cửa không cao hơn ông Onimuos là bao, và mấy đứa con trai lớn phải cúi đầu mới chui lọt.

Giờ chiếc đèn lồng lên cao hết cỡ, ông Onimuos nắm chặt tay Una và mở đường đi tới trước. Emma bước đằng sau họ, sẵn sàng chỉ đường một khi họ vào đến khu đổ nát. Naren đi theo sau Emma, Billy lùn cùn đằng sau Naren. Tiếp đến là Charlie, Olivia, Gabriel và Tancred. Lysander đi bọc hậu.

Tất cả mọi chi tiết ông Onimuos đã mô tả về đường hầm đều chứng tỏ là có thật – có điều không đứa nào ngờ là nó còn tối hơn, ẩm ướt hơn và ngột ngạt hơn. Gabriel bắt đầu ho. Charlie hít thở thật sâu và dựa người vào bức tường nhóp nhép để giữ bình tĩnh. Olivia hét khế một tiếng khi vấp phải một hòn đá, bổ nhào vào Charlie và ngã oạch xuống đất.

“Tớ không thấy gì cả,” con nhỏ rên rỉ.

“Đằng ấy không thể nào không mang ủng nhọn hoắt thì phải?” Charlie trách móc, kéo con nhỏ đứng lên.

Ánh đèn lồng lúc này đã ở rất xa và những đứa đi đằng sau bắt đầu va nhùng nhằng vào nhau. Charlie đang định đổi chỗ cho Olivia thì Billy quay lại và trao cho Charlie một cây đèn cây thấp sáng.

“Chuyển xuống đi,” Billy thì thào. “Em có tới năm cây.”

Charlie đưa cây nến cho Olivia và bảo, “Chuyển tiếp đi.”

Khi tất cả năm cây nến cháy sáng đã được giơ lên cao thì đường hầm như ngập trong ánh

trắng. Nhưng còn hơn cả chiếu sáng, những cây nến mang đến sự an ủi cho bọn trẻ đang lo sợ; không khí dường như trong lành hơn, bước chân chúng hình như nhẹ hơn, và thậm chí dù chúng đã phải đi thêm gần một dặm nữa thì thời gian vẫn trôi qua rất nhanh.

Cuối cùng, cả đám nhô ra một khu rừng đặc kín những cây bu-lô gầy guộc. Thẳng trước mặt chúng có hai bức tường.

“Không được chạy,” ông Onymous ra lệnh. “Bây giờ xin cẩn thận.”

Lối mòn giữa hai bức tường bắt đầu dẫn vào rừng, nhưng đi được vài bước họ đã ra khỏi rừng cây và bước đi dưới bầu trời xanh, nổi vân vài đám mây chiều.

“Hoàng hôn,” Charlie lẩm bẩm một mình.

Tất cả mọi người lại rơi vào im lặng. Âm thanh duy nhất là tiếng bước chân dội âm âm xuống đất, nện trên lối đi lát đá cổ xưa. Khi cả đám bắt đầu đi vòng vèo qua những góc ngách hình ốc sên, tim Charlie đập loạn đến nỗi nó phải đè tay lên ngực. Bên cạnh nó, Emma giục, “nhanh lên.”

Và rồi thì tất cả đã đến nơi.

Hoàng hậu đang đứng đợi bên cạnh cái cây. Bà hí lên khê khàng và bước nhẹ về phía đoàn người, ngẩng cao đầu lên chào đón. Sau đó bà bước đi khỏi và để mọi người lại với nhà vua.

Cả đám đứng trước một cái cây ngắt, sừng sững như ngọn tháp; những đôi mắt mở to và những gương mặt ngửa hẳn ra sau, nhưng không một tiếng nói. Chúng đã nhìn thấy những dòng chất sạm màu chảy xuống thân cây, và theo bản năng, tất cả tiến lại gần hơn.

Charlie đã thuộc lòng từng chữ trong câu thần chú. Nó nắm tay Naren và bắt đầu lẩm bẩm lời thần chú. Những người khác nổi vòng tay lại nhưng tất cả đều phải cúi rạp xuống bên dưới những tán cành đu đưa xào xạc mới có thể tập thành một vòng tròn không đứt.

“Ba lần,” Charlie thì thào. “Hãy chạy quanh nhà vua, chạy quanh, chạy quanh cho tới khi nước mắt ngài khô đi.”

Chúng vây quanh cái cây, với vẻ mặt rất nghiêm trang, tất cả đều nhìn đau đáu vào những giọt nước mắt đỏ như máu.

Một lần, hai lần, ba lần. Chạy quanh, chạy quanh cái cây. Khi đã hoàn thành cả ba vòng, Charlie kéo mạnh tay Billy và chạy nhanh hơn nữa.

“Chúng ta chạy ba lần rồi mà,” Billy nói.

“Cứ chạy nữa,” Charlie tuyệt vọng hồi.

Nước mắt nhà vua càng sâm lại hơn bao giờ hết, nhưng Charlie không bỏ cuộc. Cả đám quay tít quanh cái cây cho đến khi bắt đầu chóng mặt. Và rồi, với đôi mắt ngấn nước, ông Onimuos buông vòng tròn ra, hét lên, “Không xong rồi, bọn nhỏ. Đó là vì ta. Ta là kẻ phá bĩnh. Làm gì có ai tin ta chưa đến hai mươi tuổi cơ chứ? Bất cứ ai làm ra câu thần chú này đều ngụ ý rằng từng từ của nó phải được tuân thủ.”

Bọn trẻ nhìn trôn trời vào khoảng trống giữa Olivia và Emma, tuy rằng không đứa nào bỏ vòng. Chúng đứng bên dưới cái cây trong khi ông Onimuos vục đầu vào tay khóc nức nở, và bầu trời dần dần ken đặc những đám mây đen. Trời ập tối dưới bóng những tán cây xòe rộng, tối đến nỗi chúng gần như không trông thấy mặt nhau. Nhưng có gì đó cứ giữ chúng đứng chôn chân tại chỗ.

Đám cỏ cao ở rìa trắng trổng bỗng lay động và run rẩy, mặc dù không có gió. Có cái gì đó bò ra khỏi cỏ và đứng lên.

“Con thú,” ông Onimuos la lên, giọng ông hơi hốt hoảng.

“Asa,” Charlie nói trong hơi thở.

Hướng về phía vòng tròn, một sinh vật lò mò, lưng gù, góm guốc. Không đứa nào cục cựa. Con thú bước vào chỗ trống giữa hai đứa con gái, và Emma, với trái tim tốt lên tận cổ họng, đặt bàn tay lên đầu con thú. Olivia trở mắt nhìn Emma, á khẩu, cũng làm tương tự.

Những đứa khác nhìn chết trôn khi con thú cho phép hai đứa con gái luồn ngón tay vào mớ lông dài, cứng quèo của nó. Vòng tròn một lần nữa lại được khép kín.

Không nói một lời, vòng tròn những đứa trẻ bắt đầu chuyển động, và con thú cùng di chuyển với chúng. Vòng quanh, vòng quanh nhà vua, vòng quanh, vòng quanh.

Mắt Charlie gắn chặt vào thân cây sứt sẹo. Dòng nước mắt đỏ như máu chảy nhanh hơn; chúng tuôn chảy xuống đất ẩm ướt, và rồi trôi đi thành những dòng nước nhỏ, sáng lấp lánh.

Những đứa trẻ bắt đầu vòng thứ hai. Lớp vỏ cây xám ngập chìm trong những dòng nước sâm màu và một cái hồ bắt đầu được hình thành ở dưới gốc cây.

Vòng quanh, vòng quanh nhà vua, vòng quanh, vòng quanh.

Chúng bắt đầu đi vòng thứ ba. Và lần này Charlie cố dứt ánh mắt ra khỏi dòng nước mắt kinh khủng. Chúng không dừng lại đâu, chúng sẽ vĩnh viễn không dừng lại, Charlie nghĩ, ngay cả khi vòng tròn trẻ đã ngập đầu gối trong hồ nước màu đỏ bầm.

Nước mắt bây giờ chảy nhanh đến nỗi không khí rung động và những cành cây phải thở dài. Làn gió nhẹ bắt đầu trở nên hung bạo và quất vào mặt những đứa trẻ, rúc vào tóc chúng và thổi phồng áp quần mùa đông của chúng. Rồi một làn gió lạnh, thanh thoát, sung sướng mê ly nghe như khúc nhạc cổ xưa.

“Nhìn kìa, Charlie! Nhìn kìa!” Billy hét lên.

Charlie sợ quá không dám nhìn. Một hạt nước lạnh bắn vào mặt nó.

“Nhìn kìa! Nhìn kìa! Nhìn kìa!” Những giọng khác hòa cùng giọng Billy.

Charlie đưa mắt nhìn lại cái cây. Mưa đổ qua cành lá và chạy dọc xuống thân cây. Những vết sọc sâu hoắm, được nước mắt rửa thành trong trẻo, giờ là một lớp nước sạch đóng băng trắng toát.

Những bàn tay của bọn trẻ rớt thõng xuống hông. Chúng ngẩng đầu nhìn lên tàng cây và gió phủ đầy mặt nước một trận mưa lá vàng và đỏ. Vỏ cây được rửa sạch ánh lên màu xám của ngọc trai, trong khi gió mang bộ áo thụng mùa thu của nhà vua ra đi. Đám lá lướt bay trên không trung như những ngọn lửa nhảy múa, vượt khỏi những bức tường lâu đài, qua dòng sông, qua những ngôi nhà, khiến những đám mây đỏ và vàng che phủ toàn thành phố: những mái nhà, những vườn cây, những con hẻm và đường phố, ngay giữa mùa đông mà trải dày một lớp thảm lá mùa thu.

Trong một căn hộ sang trọng của cửa hàng Vương Quốc, cô Amy Bone kinh hãi nhìn vào ngón tay mình. Cô mở tung cửa sổ, tháo chiếc nhẫn ngọc lục bảo ra và quăng nó lên trời.

“Khôôông!” Tên thầy bùa rú lên. Nhưng một đám mây lá đỏ rực đã bay ủa vào phòng và quét hẳn ra khỏi cửa sổ – như một trái banh màu xanh lá cây bị những lưỡi lửa đỏ rực liếm rụi.

Cô Amy thở hỗn hển trước cảnh tượng đó, vội đóng ập cửa sổ lại và hấp tấp rời khỏi cửa hàng.

Tại nhà số 9 đường Filbert, bà Maisie Jones, với đầy đủ quần áo, ngồi bật dậy trong bồn tắm. Một con bướm có đôi cánh bạc đậu trên đầu gối bà.

“Trời ơi!” Ngoại Maise nói với con bướm trắng. “Ai để cửa sổ mở thế này?” Bởi vì người bà phủ đầy những lá.

Lá cũng tìm ra đường để vào Học viện Bloor. Nương theo những cơn gió hoang dại, chúng buộc cánh cửa đôi đồ sộ mở ra và tràn vào vào tiền sảnh. Chúng cuộn cuộn thốc lên những cầu thang cổ xưa, băng qua những hành lang, đập vào những bức tường, luồn qua những khe nứt và lướt xuống dưới những khe cửa.

“Ngăn chúng lại! Ngăn chúng lại!” Lão Ezekiel rú lên khi cố đẩy cái xe lăn đi ngược dòng thủy triều lá.

“Có chuyện gì xảy ra vậy?” Tiến sĩ Bloor hốt hải hởi, nhìn vào con trai mình.

“Làm sao tôi biết? Tốt hơn chúng ta ai ở đâu hãy ở yên đấy.” Manfred giật chiếc xe lăn của lão Ezekiel lại, đẩy lão vào thư phòng của tiến sĩ Bloor và khóa chốt cửa lại. “Giờ thì chúng đừng hòng bắt được chúng ta.” Rồi hắn xoa hai tay vào nhau cho đến khi những tia lửa tóe ra.

Trên đỉnh Tháp Nhạc, thầy Pilgrim nhìn lá múa may như những đốm lửa bay bên ngoài cửa sổ phòng thầy. Những cái tên bất giác bật ra trong đầu thầy. Thầy cố ghi nhớ lấy chúng. Thầy cảm thấy mình đang bơi qua một dòng nước đen, sâu thật sâu. Thầy trông thấy một gương mặt. Và gương mặt đó trôi đi.

Bên ngoài quán Cà Phê Thú Kiểng, những bậc phụ huynh và con cái họ đã tụ tập ngoài trời để ngắm dòng thác lá đỏ qua bầu trời.

Ông Bartholodew Bloor đang định cùng gia đình ra về thì Charlie níu tay ông. “xin cảm ơn, ông Bloor,” nó nói, “chính câu thần chú trong những quyển sổ nhật kí của ông đã làm nên điều đó đấy.”

“Điều gì, Charlie?” Nhà thám hiểm hỏi. “Tốt hơn cháu hãy đợi xem chuyện gì xảy ra đã rồi hãy cảm ơn ta.”

“Vâng ạ.Nhưng dù sao cũng chúc ông ngủ ngon.”

Lần này đến lượt ông Bartholodew mỉm cười, “Chúc ngủ ngon, Charlie.”

Khi ông sai bước đi khỏi, Naren quay đầu lại và vẫy tay với Charlie, “Ba không xấu đâu nhỉ,” cô bé nói. “Hẹn gặp lại anh, Charlie Bone!”

Những gia đình khác cũng vội vã cáo từ, con cái họ vẫn còn đang hưng phấn, cha mẹ chúng hài lòng, nhưng họ nóng lòng mong cho cuộc sống mau trở lại bình thường. Một sứ mạng vừa được hoàn thành, một ước muốn vừa được thực hiện, nhưng cho đến khi Charlie Bone về nhà, vẫn chưa ai biết kết cục thế nào.

Hứa hẹn sẽ gọi điện cho từng đứa bạn để báo tin lành hay tin dữ, Charlie và Ông cậu Paton lên đường về nhà số 9.

Ngay khi nhìn thấy những ngọn nến thấp sáng ở bậu cửa sổ nhà bếp, họ biết đã diễn ra một sự thay đổi. Nội Bone không đời nào lại chu đáo như thế. Charlie chạy ù lên những bậc cấp, Ông cậu nó sai bước ngay đằng sau.

Họ thấy cô Amy và ngoại Maise đang thưởng thức tách trà ngon.

“Con đi đâu vậy?” Mẹ Charlie ôm chặt lấy nó. “Con làm mẹ lo quá.”

Nó không hỏi mẹ nó đi đâu. Nó biết mẹ không bao giờ có thể trả lời được. “Gặp lại mẹ con mừng quá,” nó thì thào.

“Ta chả biết có gì xảy ra với thời tiết thế không biết.” ngoại Maisie chép miệng. “Nhưng ta cảm thấy khó chịu kinh khủng. Ở đây nóng quá đi.”

“NÓNG gì mà nóng!” Nội Bone quát ra từ hành lang. “Lạnh thấu xương thấu tủy. Chết tiệt. Ai đó nói cho bà kia biết rằng bà ta điên rồi đi.”

“Đừng có mơ, Grizelda,” Ông cậu Paton nói. “Tôi thì thấy trời như đang sôi lên đây này.”

Nhà bếp rộ lên tiếng cười vui vẻ, trong khi nội Bone lạch bạch về phòng khách và đóng sầm cửa lại.

Ngoại Maisie đã xoay sở làm xong một cái bánh xốp nhân mứt thật to – quả là một kì công đối với người mà mới một giờ trước thân nhiệt đã tụt xuống dưới điểm đông.

Bốn người ngồi xuống dùng bữa trà gia đình y như thường lệ, và sau đó khi Ông cậu Paton phán đoán đã đến thời điểm thích hợp, ông cầm lấy bàn tay cô Amy và nói rất khẽ, “Amy, chúng tôi đã tìm ra chồng cô rồi.”

“Lyell à?” Bàn tay cô Amy áp chặt vào tim. “Làm sao được?”

Với sự giúp đỡ của Charlie, Ông cậu Paton kể cho cô nghe tất cả mọi điều mà ông nghĩ là cô nên biết. Lyell đã bị Manfred Bloor thôi miên ra sao, vào lúc quyền phép của hắn đang ở đỉnh điểm, thời hắn còn là một đứa trẻ. Và Charlie đã tìm thấy cha mình nhờ sự giúp đỡ của Gương Thần của Amoret như thế nào. Tên thầy bùa không được Charlie và Ông cậu Paton nhắc tới, và hiện tại, họ nghĩ tốt nhất cũng không nên nhắc lại việc ngoại Maisie bị đông cứng.

“Anh ấy sẽ hồi tỉnh à?” Cô Amy hỏi. “Chúng ta sẽ làm gì?”

“Tôi nghĩ anh ấy sắp hồi tỉnh rồi,” Ông cậu Paton nghiêm nghị. “Nhưng cần phải làm một số việc. Dầu sao cũng mười năm rồi còn gì.”

Cô Amy đứng lên, “Tôi phải đi tìm anh ấy, ngay bây giờ.”

‘Không được,’ Ông cậu ngăn lại. “Chưa đâu. Lyell bị thôi miên vào lúc chuông điểm mười hai giờ. Chúng ta phải chờ cho đến gần nửa đêm. Đồng hồ nhà thờ lớn sẽ giúp chúng ta đánh thức anh ấy. Nhưng còn việc nữa,” ông quay sang Charlie và hỏi nhỏ, “Nước mắt nhà vua đâu?”

“Con có đây,” Charlie nói.

“Và cô Amy này,” Ông cậu Paton cầm bàn tay trái của cô. “Tôi yêu cầu cô đeo nhẫn của cô vào được không?”

Cô Amy tròn tròn mắt nhìn vào bàn tay trống trơn của mình. “Làm thế nào lại tuột mất vậy?” Cô đâm bổ lên lầu.

Vào lúc mười một giờ mười phút, nội Bone đang ngáy pho pho trước màn hình ti vi thì tiếng động trong hành lang đánh thức bà ta dậy. Bà thấy cô Amy và Charlie đi giày boots và khoác áo ấm vào. Trời lại bắt đầu đổ tuyết.

“Hai đứa bay đi đâu vào giờ này?” Nội Bone hỏi trịch thượng.

Ông cậu Paton đi ra khỏi bếp và nói, “Chúng tôi đã tìm thấy con trai bà, Grizelda à.”

Nội Bone thốt lên một tiếng kêu ghê tởm và nhìn chung hửng vào Ông cậu Paton, khiếp vía. Miệng bà ta há xệ ra và bà bầu chặt lấy khung cửa.

Ông cậu Paton đi lại gần nội Bone, “Bà giấu anh ấy khỏi chúng tôi rất khéo. Trò lừa quá ranh ma đã giữ anh ta ở ngay trước mũi chúng tôi. Hừ, bây giờ chúng tôi biết anh ấy ở đâu rồi, và cô Amy và Charlie sẽ đến để đưa anh ấy về nhà.”

Nội Bone lùi lại và ngã phịch vào một cái ghế. “Thế à,” bà ta lẩm bẩm.

NHỮNG CON BÁO MÈO!

Tuyết bắt đầu đổ gât hơn khi cô Amy và Charlie bước về phía Học viện Bloor.

"Tuyết thật đấy," Charlie nói, chìa tay ra bắt những bông tuyết. "Không phải thứ tài phép của Tancred đâu."

Cô Amy bật cười, "Đi nhanh lên, Charlie. Chúng ta phải chạy thôi trước khi bị tuyết vùi mất."

Họ định bụng quyết sẽ gõ cửa cho tới khi nhà Bloor để họ vào, nhưng khi băng qua mảnh sân, họ thấy cánh cửa đôi đã mở toang hoang. Lá bay cuồn cuộn trong tiền sảnh và tuyết đọng trên những phiến đá lát sàn. Ánh sáng từ những cửa sổ gần kính của nhà nguyện hắt xuống sân. Ai đó đang chơi đàn organ.

Cầm lấy bàn tay mẹ, Charlie dẫn cô Amy đi vòng tới lối vào nhà nguyện. Lá vàng lá đỏ xoáy qua khung cửa để mở; bên trong nhà nguyện chúng bay dập dờn trên không như những cánh bướm

màu sắc rực rỡ. Lyell Bone đang chơi đàn organ ở đầu bàn đằng kia.

Mẹ Charlie chạy vụt vào lối kia, vừa chạy vừa gọi tên chồng. Chú Lyell ngẩng nhìn lên nhưng không tỏ dấu hiệu gì nhận ra cô. Charlie chạy theo mẹ. Họ đứng bên nhau trong khi Lyell trở mắt nhìn họ, hoang mang. "Tôi biết hai người à?"

Chuông nhà thờ lớn bắt đầu điểm mười hai tiếng. Charlie rút cái lọ thủy tinh nhỏ ra. Nó mở nắp và đưa cái lọ cho cha mình.

"Cho tôi à?" Lyell nhăn mặt nhìn cái lọ. "Tôi nên làm gì với nó bây giờ?"

Charlie không biết. Nó định bảo ba hãy đổ nước trong lọ ra lòng bàn tay, thì một hình thù bước ra từ đằng sau chiếc đàn organ, và với một tiếng hét đặc thủng, nó hất đổ cái lọ ra khỏi bàn tay Charlie.

"Đó!" Manfred đá cái lọ qua sàn nhà. "Vậy là đặt dấu chấm hết cho trò chơi quèn của mày, Charlie Bone!"

Nụ cười tự nhiên tắt ngúm khỏi gương mặt Manfred và hắn tản hồn nhìn vào đám lá bay. Chúng, bằng cách nào đó, đã biến thành ba con báo mèo khổng lồ. Thoáng nhìn, bộ lông của chúng như được khảm chìm trong lớp lá trôi bồng bềnh, nhưng khi tiến lại gần hơn, thì rõ ràng rành rành đó là những mảng lông đốm của chúng chứ không phải những bóng lá. Chính là những con mèo lửa. ba sinh vật sáng rực rỡ chạy xuống lối đi, giương những cặp mắt vàng rực cắn chặt vào Manfred.

Ú ớ tản hồn, Manfred ù té chạy vòng qua những hàng ghế dài, bị những con báo đuổi dồn. Với tiếng gầm như sấm, chúng đuổi hắn ra khỏi nhà nguyện, và rồi, giữa tiếng chuông nửa đêm, một tiếng thét lạc lõng vang lên – theo sau là sự thinh lặng.

Lyell Bone đứng lên và lắc đầu, như thể không thể hiểu được mình đã trông thấy cái gì.

"Lyell!" cô Amy kêu lên tha thiết, "Ôi, Lyell, anh không bao giờ tỉnh dậy sao?"

Charlie nhìn vào cái lọ rỗng không. Nước mắt của nhà vua đã bị đổ hết rồi.

Lyell nhovn một nụ cười yếu ớt. Mắt chú chột vấp phải vệt thủy tinh loang loang ướt. Chú cúi xuống và nhặt cái lọ lên, nhưng lại chạm vào cạnh sắc và bị cửa đứt tay.

"Úi!" Lyell ngồi xuống, đưa ngón tay chảy máu lên miệng. Chú nếm được vị gì đó vô cùng lạ – âm ỉm và dễ chịu hết sức. Chú nhìn vào hai người đang đứng trước mặt mình. Một trong hai người chú biết rất rõ, rất rõ. Còn người kia hẳn phải là ..."

"Charlie?" chú nói. "Và Amy."

Charlie nhìn cha mẹ nó lao vào vòng tay nhau. Nó cảm thấy như mình có thể đứng đó mãi mãi, chỉ nhìn thôi. Và rồi, ba Lyell vẫy nó lại gần...

Hết tập 5.

Nguyên văn: "president" vừa là chủ tịch công ty, vừa là tổng thống. Manfred nhắc tới "president", liền nói lại cho rõ hơn là không phải tổng thống Mỹ. (ND)

[2] Quán Cà Phê Thú Kiểng đặt tên các món ăn rất mỹ miều. (ND)

[3] Nhà soạn nhạc thiên tài người Áo thế kỷ thứ 18 (ND)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>